



ĐỘC LÀ THUỐC

Giải nghĩa Kim Cương Thừa

Dzongsar Jamyang Khyentse

Độc là Thuốc

Giải nghĩa Kim Cương Thừa

Chuyển dịch từ phiên bản tiếng Anh:

POISON IS MEDICINE, by Dzongsar Jamyang Khyentse

[https://siddharthasintent.s3.ap-southeast-](https://siddharthasintent.s3.ap-southeast-2.amazonaws.com/Resources/Poison+is+Medicine+Dzongsar+Khyentse+Rinpoche.pdf)

[2.amazonaws.com/Resources/Poison+is+Medicine+Dzongsar+Khyentse+Rinpoche.pdf](https://siddharthasintent.s3.ap-southeast-2.amazonaws.com/Resources/Poison+is+Medicine+Dzongsar+Khyentse+Rinpoche.pdf)

Copyright © Siddhartha's Intent 2021

Quyền dịch thuật sang tiếng Việt dựa trên sự cho phép của
Rinpoche Dzongsar Jamyang Khyentse

Việt dịch: Như Nhiên

Hiệu đính: Lama Labsum

Cuốn sách này dành cho những ai, thay vì gạt bỏ Kim cương thừa như một thứ mê tín lạc hậu, có công đức để muốn tìm hiểu Kim cương thừa thực sự là gì và cho những ai đủ dũng cảm để khám phá và áp dụng con đường vinh quang, kiên định, thẳng thắn không bao giờ quy lụy những chuẩn mực và kỳ vọng của xã hội.

Mục Lục

Nói về cuốn sách này	vii
Lời nói đầu của Adam Pearcey	xv
Lời giới thiệu	xxv
1. Tôi và Đạo sư	1
2. Cuộc Chạm trán Đầu tiên của Tôi với Đệ tử phương Tây	13
3. Ngẫu nhiên hơn Dự định	21
4. Phật pháp đối mặt Văn hóa, Truyền thống và Phong tục	29
5. Phật pháp nên Canh tân không?	45
6. Sai lạc khi Phiên dịch	53
7. Cảm hứng và Lý lẽ	67
8. Tri kiến: Không Khoan nhượng	87
9. Phương pháp luận Kim cương thừa	107
10. “Giữ Bí mật! Giữ An toàn!”	123
11. Điều kiện tiên quyết của Con đường Kim cương thừa	137
12. Kim cương thừa Không dành cho Bạn	151
13. Kim cương thừa Dành cho Bạn	165
14. Đạo sư	173
15. Đệ tử	195
16. Động lực Đạo-sư-Đệ-tử	217
17. Giới luật và Lời hứa	251
18. Làm gì Bây giờ?	277
Chú thích	291

Nói về cuốn sách này

Cuốn ĐỘC LÀ THUỐC ra đời để đáp lại những hiểu lầm và hiểu sai về Kim cương thừa đã lộ rõ từ những vụ tai tiếng liên quan đến đạo sư Kim cương thừa vào những năm 2010. Nó không phải một giới thiệu về Kim cương thừa. Nếu các bạn không biết gì về Phật giáo và càng mù tịt hơn nữa về Kim cương thừa, thì cuốn sách này không dành cho các bạn. Những ai trong các bạn có một số kiến thức và kinh nghiệm về truyền thống sâu rộng của Mật điển, may ra còn có cơ hội trội hơn chút ít để hiểu cuốn sách này hơn những người không có, nhưng rất có thể rồi các bạn cũng sẽ bối rối. Cần biết trước vấn đề này để các bạn chuẩn bị đối mặt nó tốt hơn.

Một trong những lý do tôi viết cuốn sách này, đó là muốn tất cả chúng ta hãy ngẫm nghĩ và suy xét nhiều vấn đề khác nhau từ những tai tiếng của đạo sư Kim cương thừa được phơi bày trong thời gian gần đây, từ nhiều góc nhìn càng khác nhau càng tốt. Các vị Lạt-ma Tây Tạng hiểu rõ những đệ tử không phải người Tạng được bao nhiêu? Khía cạnh nào của Phật giáo Tây Tạng bắt nguồn từ văn hóa và sở thích của người Tạng và khía cạnh nào bắt nguồn từ Kim cương thừa? Vì sao các đạo sư Kim cương thừa thỉnh thoảng trông có vẻ và cư xử như thế những vị vua độc đoán hay những ngôi sao nhạc rock? Phải chăng những thực hành tri kiến thanh tịnh và việc giữ gìn mật nguyện chỉ là lý do bào chữa cho việc các vị Lạt-ma kiểm soát

đệ tử của mình và buộc họ phải vâng lời, cho dù chuyện gì xảy ra đi nữa? Phải chăng các bạn có thể nói ‘không’ với đạo sư Kim cương thừa của mình? Kim cương thừa có nên cải cách để phù hợp với thế giới hiện đại hay không?

Tôi biết nhiều bạn đang đọc cuốn sách này vì các bạn cảm thấy bất an bởi những điều các bạn đã đọc, đã nghe về các đạo sư Kim cương thừa trong vài năm qua. Thậm chí có những bạn đang thực hành theo Phật giáo Tây Tạng trong hàng thập kỷ cảm thấy hoang mang vì, bất chấp kết nối lâu thế nào, các bạn nhận ra mình vẫn chưa nhận được sự khai tâm đầy đủ và chân chính về Kim cương thừa. Bất luận lý do của các bạn là gì khi đọc cuốn sách này, tôi mong là, sau khi đã nghiên ngẫm nội dung của nó, các bạn sẽ thấy mình được trang bị tốt hơn để tiếp tục theo đuổi con đường Kim cương thừa vô song.

Tôi phải nhắc lại và nhấn mạnh là cuốn sách này không phải sự giới thiệu về Phật giáo. Nó không được viết ra cho những người không hiểu biết gì về Phật pháp và chắc chắn không dành cho những ai không biết gì về Kim cương thừa.

Dựa trên tất cả những gì đã được đưa ra ánh sáng trong giới Kim cương thừa vài năm qua, tôi muốn đưa ra một số lời khuyên từ các bản văn Mật thừa cho những đệ tử khát ngưỡng Kim cương thừa về cách lựa chọn đạo sư của họ. Khi làm thế, không phải lúc nào tôi cũng giải thích những thuật ngữ Kim cương thừa trong cuốn sách này và, thậm chí khi tôi làm điều đó, vì Kim cương thừa được cho phải giữ bí mật, những định nghĩa và ví dụ của tôi tất nhiên phải mơ hồ hoặc khó hiểu.

Ngày nay, cơ hội để bất kỳ ai trong chúng ta gặp được một Đại thành tựu giả giác ngộ, hướng hồ trở thành đệ tử của ông hay bà ấy, thật mong manh. Tuy nhiên, với nhiều bạn mong mỗi đi theo con đường mật thừa, việc chọn một vị đạo sư mật thừa có thể đáng sợ. Nó là trò may rủi như thế! Và mặc dù

nhều lần chúng ta được bảo ban việc xem xét đạo sư và con đường đạo hệ trọng như thế nào, nhưng hiếm khi chúng ta được hướng dẫn cần xem xét cái gì và xem xét nó như thế nào. Cuốn sách này sẽ, tôi hy vọng thế, chỉ cho các bạn hướng đi đúng bằng cách cung cấp cho các bạn những công cụ mà các bạn cần có để xem xét kỹ lưỡng một vị đạo sư trước khi tự mình cam kết cho mối quan hệ với vị đó. Tôi phải nói thêm rằng nếu, nhờ một phép màu nào đó, vị đạo sư mà các bạn đang quan tâm đến hóa ra là một Đại thành tựu giả, thì chẳng cần đến một từ nào của cuốn sách này nữa.

Dĩ nhiên, chỉ duy nhất một vị Phật hoặc một Đại thành tựu giả khác mới có thể cho biết một vị đạo sư có phải là một Đại thành tựu giả đích thực hay không, ngoài ra không ai trong chúng ta có thể làm được điều đó. Và từ quan điểm của thực hành, người đệ tử không cần đến loại thông tin đó. Điều quan trọng nhất ở đây, và luôn như vậy, đó là cảm xúc của các bạn như thế nào. Cách các bạn cảm nhận về vị đạo sư mà các bạn đang dự định là Kim cương Thượng sư của mình. Trục giác mách bảo các bạn điều gì? Mong muốn đi theo con đường Kim cương thừa của các bạn mãnh liệt thế nào? Cách các bạn trả lời những câu hỏi này thế nào sẽ phụ thuộc phần lớn vào điều mà Phật giáo gọi là *punya*, phỏng dịch là ‘công đức.’ Vì vậy, thay vì tốn thời gian cố tìm hiểu một vị đạo sư có phải là Đại thành tựu giả hay không, hãy để *punya* của các bạn, công đức của các bạn, dẫn các bạn đi đúng hướng.

Sự di thực của Phật pháp khá gần đây từ Tây Tạng và châu Á đến châu Mỹ, châu Âu và châu Úc vô hình trung dẫn đến rất nhiều sự nhầm lẫn về con đường Kim cương thừa. Những bất đồng ngôn ngữ và sự tập trung thiên vị vào văn hóa Tạng kết hợp với vài thời điểm rất tồi tệ, cùng hòa vào thêu dệt nên mọi loại hiểu lầm về Phật giáo nói chung và Kim cương thừa

nói riêng. Do đó, những vấn đề đã được nêu ra cần phải giải quyết. Điểm mắc mứu không ngờ ở đây là Kim cương thừa hiếm khi chấp nhận những định nghĩa, giải pháp, quy tắc hoặc mệnh lệnh trắng đen rõ ràng. Và vì tôi không có ý định cố gắng tác những định nghĩa, giải pháp hay quy tắc, nên tôi gợi ý là chúng ta hãy nghiên ngẫm về mọi vấn đề, sự thắc mắc, sự nghi ngờ và sự tranh cãi mà chúng ta hiện đã biết, và cố gắng xem xét chúng từ nhiều góc độ và quan điểm càng khác nhau càng tốt. Trong quá trình đó, chúng ta hãy cố gắng tận dụng mọi sự khéo léo và tinh vi của Kim cương thừa, và làm hết sức mình để đánh giá đầy đủ sự kiệt xuất vô song của nó.

Đúng là, Kim cương thừa có nói, những tư tưởng và hành động nhất định chắc chắn đưa chúng ta thẳng vào địa ngục kim cương và bỏ chúng ta ở đó. Nhưng ngay sau đó, cũng chính Kim cương thừa nhắc nhở chúng ta rằng bằng cách tụng niệm thần chú trăm âm Kim Cương Tát Đỏa chỉ một lần thôi với sự tập trung hoàn toàn, thì mọi ô nhiễm của quá khứ, hiện tại và thậm chí vị lai sẽ được tịnh hóa hoàn toàn. Nói khác đi, sự khác nhau giữa ‘đọa đày vĩnh viễn’ và ‘giải thoát hoàn toàn’ rất mong manh.



Cuốn sách này dựa trên bốn cuộc nói chuyện mà tôi đã thực hiện tại các trung tâm Rigpa ở Bá-ling (Berlin), Pa-ri (Paris), Lerab Ling và Luân-đôn (London) vào đầu năm 2018, ngay sau khi một bức thư vạch trần mà tám đệ tử của Rinpoche Sogyal đã viết về đạo sư của họ được công bố, và mười tám tháng trước khi ông ấy mất. Nhiều câu hỏi đã được đặt ra cho tôi lúc đó – bởi các đệ tử Rigpa cũng như nhiều đệ tử và hành giả Kim cương thừa khác – không chỉ đáng chú ý mà còn thông minh,

thấm thía và sâu sắc. Đến mức sau khi chuyển đi kết thúc, tôi cảm thấy sự thôi thúc phải kết hợp những trao đổi của chúng tôi lại với nhau dưới một hình thức súc tích hơn. Đây là một trong những lý do tôi viết cuốn sách này.

Tôi cũng muốn nhân cơ hội này để bày tỏ là tôi đã cảm thấy ấn tượng thế nào khi thấy, bất chấp những phanh phui gây sốc và những câu chuyện rắc rối gần đây tới tấp phủ vây tất cả chúng ta - nhất là về các đạo sư Kim cương thừa - rất nhiều người vẫn coi trọng và đi theo con đường Kim cương thừa.

Trước khi chúng ta đi sâu hơn, tôi phải giải thích rằng mặc dù nam giới giữ độc quyền nhiệm vụ của đạo sư Phật giáo Tây Tạng trong nhiều thế kỷ, tôi thường mô tả đạo sư giả định mà các bạn đang tìm kiếm là 'bà' hoặc 'bà ấy', một phần để cố gắng cân bằng 'ông' và 'ông ấy', và phần khác vì tôi không muốn làm những độc giả xem trọng cư xử đúng mực (politically correct) của tôi khó chịu.

Tôi không mong mọi người đọc cuốn sách này chấp nhận mọi điều tôi viết ra. Tôi biết rằng một số các bạn, nhất là những người để lại bình phẩm trên các trang mạng xã hội của tôi, nghĩ rằng tôi đưa ra quá nhiều những tuyên bố có ảnh hưởng sâu rộng - mà các bạn hiện xem nó là đặc trưng riêng của tôi. Tuy nhiên, tôi hy vọng thông tin mà các bạn tìm thấy trong các trang này sẽ giúp các bạn hiểu đạo sư của mình và những huynh đệ đồng môn theo một cách mới lạ.

Kim cương thừa là điều tốt đẹp nhất từng xảy ra trên trái đất này. Nó không chỉ đào luyện chúng ta cách suy nghĩ tự do thoát ly vòng luân hồi, mà còn chỉ cho chúng ta cách vừa ở trong vừa ở ngoài nó cùng lúc. Và, dù vô vàn ganh ghét, giận dữ, kiêu căng, nghi ngờ, tham lam và ảo tưởng đang tràn ngập và xáo trộn tâm trí có thể khiến chúng ta cảm thấy cực kỳ nản chí, nhưng Kim cương thừa bảo chúng ta không cần phải như

ĐỘC LÀ THUỐC

vậy. Thuốc giải cho mọi loại độc tố đó không ở ngoài mà ngay trong chúng ta. Chúng ta đã sẵn có đúng liều thuốc giải đó. Không thiếu giọt nào. Không cần phải cải tiến, nâng cấp, sửa đổi, hoặc điều chế theo yêu cầu riêng gì nữa cả. Trí tuệ bẩm sinh của chúng ta chính là thuốc giải chúng ta tìm kiếm. Nó còn nguyên vẹn hoàn toàn và sẵn sàng để sử dụng bất kỳ lúc nào – vì nó luôn hiện diện. Ý tưởng này có khó nghiền ngẫm quá không? Nếu không, sao chúng ta không thử theo dõi để tìm ra trí tuệ bẩm sinh của chính mình. Bằng cách nào? Bằng cách theo dấu chân của trí tuệ, là cảm xúc của các bạn.

Cốt lõi của thông điệp Kim cương thừa: *độc là thuốc*, đúng như vậy, không thêm không bớt. Tôi hy vọng và cầu nguyện không ai trong các bạn đánh mất sự nhiệt huyết và ham muốn hiểu biết của mình về con đường vinh quang, kiệt xuất và vô song này.



Xin gửi lời cảm ơn rất nhiều đến những vị đã giúp chuyển đi của tôi đến các trung tâm Rigpa Bá-linh, Lerab Ling, Rigpa Pa-ri và Rigpa Luân-đôn trở thành hiện thực; đến mọi người đã đặt câu hỏi; đến những nhà nghiên cứu xuất sắc của Rigpa, nhất là Catherine Paul và Gill Kainey; và đến Helen Cargill và nhóm tốc ký Rigpa đã ghi lại những lời giảng thật nhanh và hiệu quả. Cảm ơn các bạn Adam Pearcey, Alex Trisoglio, Anne Benson, Arijit Bose, Arne Schelling, Badri Narayan, David Haggerty, Deborah Dorjee, Ian Ives, Larry Mermelstein, Prashant Varma, Suresh Vyas và Tashi Colman vì đã trả lời một loạt những câu hỏi bất tận. Cảm ơn các bạn Dolma Gunther, Jakob Leschly, Karin Behrendt, Nikko Odiseos, Philip Philippou, Richard Dixey, Ron Stewart và Ban Tâm Nhìn của

Rigpa và các cố vấn – Fian Löhr, Mauro de March, Philippe Cornu, Seth Dye, Verena Pfeiffer, Vinciane Rycroft và Yara Vrolijkx – vì đã đọc và cho ý kiến phản hồi tỉ mỉ và bổ ích về các bản thảo khác nhau của cuốn sách này. Cảm ơn các bạn Ane Tsondru, Chris Jay, Pema Maya, Sarah K.C. Wilkinson và Toni Whittaker vì đã vận dụng kỹ năng xét duyệt bản bồng xuất sắc của mình cho cuốn sách này.

Và tôi cũng xin cảm ơn Andreas Shulz vì đã thiết kế nên cuốn sách này. Cuối cùng, tôi không thể không đề cập, một lần nữa, đến Janine Schulz đã kết hợp tất cả những trang chữ và những tin nhắn thoại rời rạc, điên rồ của tôi để tạo nên cuốn sách này, cũng như đã giúp tìm kiếm và xác định nhiều lập luận và quan điểm.

Dzongsar Jamyang Khyentse

Tháng 02 năm 2021

Lời nói đầu

Khi ông Isaac Newton viết về việc đứng trên đôi vai của những người khổng lồ, ông ấy đang thừa nhận mình mắc nợ những bậc tiền bối khoa học và đang truyền đạt khái niệm về sự tiến bộ mang tính kế thừa – hoặc ‘nhìn xa hơn,’ như ông ấy mô tả nó – dựa trên việc vượt qua những bậc tiền bối. Phật giáo Tây Tạng đưa ra một hình tượng khác về sự truyền thọ trí tuệ, trong đó những người khổng lồ của các thế hệ đi trước xuất hiện bên trên (thường ngồi trên tòa sen) và những người thừa kế kính cẩn ngồi bên dưới. Ở đây, sự thành tựu tâm linh nhấn mạnh việc sống theo những tiêu chuẩn quá khứ hơn là che lấp chúng. Kiến thức khoa học bắt đầu từ chỗ vô tri và đều đặn phát triển; kiến thức Pháp bắt đầu với sự toàn tri – theo định nghĩa là không thể làm cho hoàn thiện hơn nữa – và chỉ phát triển theo các cách trong đó truyền đạt những chân lý muôn thuở.

Việc công nhận nguồn gốc kiến thức và thành tựu của mình là một biểu hiện của sự khiêm tốn và chính trực, đặc biệt khi nó kết hợp với lòng biết ơn. Theo thời gian, lòng biết ơn có thể sâu sắc hơn thành một cái gì đó chân thành hơn, gần với sự tôn kính hơn. Hãy xem, ví dụ, sự tôn kính dạt dào tình cảm của Albert Camus dành cho người thầy Lous Germain của ông: “Nếu không có thầy, không có đôi tay triu mến thầy chìa ra với đứa trẻ hèn mọn tội nghiệp như con, không có lời dạy dỗ và

tấm gương của thầy, điều này sẽ không xảy ra... Con ôm chặt thầy bằng cả trái tim con.” Những lời này, được viết ra ngay sau khi ông giành giải thưởng Nobel về Văn học, như tiếng vọng lại thể thức của câu kệ sùng kính trong Phật giáo: ‘Đạo sư ân đức không thể đáp đền, con một lòng nhớ ngài.’

Dĩ nhiên, Phật giáo, nhất là hình thức Kim cương thừa của nó, đòi hỏi nguyên lý tri ân nhiều hơn hẳn bất kỳ hình thức giáo dục thế gian nào. Vì ở đây đạo sư không chỉ là người truyền dạy cách đối nhân xử thế mà còn nhắc nhở về thực tại căn bản của nó – phản chiếu bản tánh thật của chúng ta, như Rinpoche Dzongsar Khyentse mô tả trong những trang sách sau đây.

Tuy nhiên, ngay cả trong Phật giáo cũng có nhiều loại đạo sư, từ những vị trưởng lão giản dị hoặc giới luật sư của cỗ xe căn bản đến hàng thiện tri thức đáng kính, hoặc bậc thầy tâm linh của Đại thừa, và đạo sư quyền uy hoặc kim cương thượng sư của Mật điển thừa. Tại Tây Tạng, các vị Lạt-ma đã trở thành tầng lớp thống trị với một mức độ chưa từng có, với cùng một hệ thống đã tạo ra các dòng hóa thân tulku quyền lực và giàu có, nó cũng sản sinh ra những kỳ nhân phá chấp ‘điên rồ’ thích vạch trần thói đạo đức giả và những hành giả du già thoát tục rời bỏ những tu viện đông người tìm đến núi non hoang động và nơi hoang dã cô liêu để ẩn tu. Trong khi đó, văn học Tây Tạng đã phát triển các loại hình học phức tạp, xác định các loại đạo sư khác nhau, như đạo sư ban quán đánh mật thừa, đạo sư truyền khẩu các bản văn bí truyền, và đạo sư truyền dạy những hướng dẫn then chốt về những cách thức thành tựu, với sự kính trọng đặc biệt dành riêng cho những vị kết hợp cả ba vai trò trên và những vị được gọi là đạo sư gốc truyền trí tuệ vô thượng bằng cách tiết lộ bản tánh của tâm.

Đạo sư tối hậu không ai khác chính là giác tánh. Và, như tiền thân của Rinpoche Dzongsar Khyentse, Jamyang Khyentse

Chökyi Lodrö (1893–1959), nói rõ trong hướng dẫn phi thường về thực hành sùng kính của ngài, ‘Đèn Sáng Trí Tuệ’ (*Yeshe Saldrön*), vị đạo sư bên trong này, hay nguyên lý hướng đạo, luôn ở cùng chúng ta, giúp đỡ một cách trực tiếp và gián tiếp, dù chúng ta có nhận ra hay không. Việc chỉ dựa vào trí tuệ bên trong hoặc trực giác của mình có thể dường như hấp dẫn, nhưng việc truyền kiến thức và kỹ năng thường đòi hỏi một kết nối hữu hình hơn. Chúng ta cần một người khác, thông thái và kinh nghiệm hơn bản thân, để nhận diện và chỉ ra những khuyết điểm và điểm mù của chúng ta, đó là lý do đạo sư bên trong thể hiện ra bên ngoài thành đạo sư nhục thân, cùng với những đặc điểm và cá tính riêng của họ.

Các nguồn truyền thống đều nhấn mạnh sự cần thiết phải xem xét một đạo sư trước khi chính thức cam kết mối quan hệ đạo-sư-đệ-tử, và các hệ thống giáo dục Phật giáo thường kết hợp quá trình học tập nghiêm túc với các kỳ nhập thất thiền định dài để chuẩn bị cho các đạo sư đạt được những tiêu chuẩn cao nhất. Nhưng không hiểu sao, trong những năm gần đây, đâu đó có điều gì đó không được như mong đợi. Các đạo sư không đạt được những tiêu chuẩn và kỳ vọng, và đệ tử thường thấy mình không được chuẩn bị để đối phó với các hậu quả. Cả lời khuyên trong việc đi theo một đạo sư lẫn hệ thống đào tạo đạo sư tương lai hiện nay cần được đánh giá lại ngay.

Đây là thách thức mà Rinpoche Dzongsar Khyentse nêu lên trong cuốn sách này. Khi một đại diện của truyền thống được đào tạo tốt cũng biết rõ những đặc trưng của văn hóa hiện đại, thì ông ấy đã được trang bị rất tốt để làm phận sự của mình. Nhưng vai trò của ông ấy khó lòng là một công việc đáng ao ước. Với việc thế giới Phật giáo hiện nay chia thành nhiều tông phái dường như không thể dung hòa nhau, sự nhạy cảm lớn đến độ bất kỳ ai tìm cách đưa ra một sự phân biệt vi tế trong

cuộc tranh luận sẽ có nguy cơ bị công kích từ cả hai phía. Việc làm hài lòng mọi người, một cơ hội mong manh ngay cả trong điều kiện tốt nhất, có vẻ hoàn toàn không khả thi.

Một số người nói xấu đã đi quá xa khi tán thành việc loại bỏ hàng loạt khía cạnh có vẻ phiền phức của Phật giáo Tây Tạng, với sự sùng mộ đạo sư là mục tiêu chính. Việc tôn thờ một cá nhân rất nguy hiểm, họ lập luận, đến mức nó như mời mọc sự sùng bái thái quá và cư xử sai trái; nó không phải một đặc trưng của truyền thống Phật giáo ban đầu, và nó là một tàn dư của ảnh hưởng phong kiến, một tàn tích không có chỗ trong nền Phật giáo sáng suốt, tiến bộ đang nổi bật trong thế giới hiện đại. Với những người ủng hộ nó, các sự kiện gần đây ở Rigpa, Shambhala và các nơi khác chính là sự xác nhận cho tính đúng đắn của quan điểm này.

Tuy nhiên, vẫn còn những người với họ lòng sùng kính chính là cốt lõi của con đường. Nếu thiếu nó, họ lập luận, Phật giáo sẽ trở nên khô khan, vô hồn, không kết nối với trái tim. Không thể phủ nhận rằng vô số đệ tử qua nhiều thế kỷ đã lấy đạo sư du già làm thực hành nòng cốt của họ và bất kỳ sự tiến bộ nào trong thiền định, sự thấu hiểu về bản tánh của thực tại, hoặc lòng từ bi được nâng cao được tin là nhờ sự dìu dắt và ban phước của đạo sư họ. Nhiều tác phẩm nổi tiếng nhất trong nền văn học Phật giáo, từ đạo ca của ngài Saraha đến đạo ca của ngài Milarepa, khắc họa những biểu đạt đầy chất thơ, cảm động về lòng tôn kính, biết ơn và khát vọng, và toàn bộ sự tiết lộ gọi là Tâm Yếu của Không Gian Vô Tận (Heart Essence of the Vast Expanse, Longchen Nyingtik) được truyền cảm hứng rất nhiều bởi niềm tôn kính mà ngài Jigme Lingpa dành cho ngài Longchen Rabjam. Với những tâm thức như vậy và với những cảm nang hướng dẫn thực hành như vậy – mô tả lòng sùng kính như một phương thuốc chữa bách bệnh cho toàn thể

nhân loại và phương tiện chắc chắn đạt giác ngộ – không có gì ngạc nhiên khi những người ngưỡng mộ đạo sư của họ sẽ không chịu được bất kỳ sự lăng mạ nào.

Đây là hai thái cực trong cuộc tranh luận về tương lai Phật giáo Tây Tạng: những người cải cách đổi mới, với họ truyền thống bị sa sút một cách có hệ thống và dễ bị lạm dụng, đối lập với những người phớt lờ hoặc giảm bớt mức độ nghiêm trọng những bê bối gần đây và tiếp tục bất chấp. Trong khi đó, giữa hai thái cực – một môi trường sống quen thuộc đối với những người thừa kế tương lai của đức Phật Thích-ca Mâu-ni – là đội ngũ đang vơi dần của những người ủng hộ, thay vì bác bỏ, việc xem trọng những giáo lý và lý tưởng được tin tưởng lâu đời. Đối với những người kiên định lập trường giữa hai thái cực giả định này, lỗi lầm không nằm ở bản chất của hệ thống mà chỉ do không thỏa mãn được sự kỳ vọng.

Những câu chuyện truyền thống đã thiết lập một chuẩn mực cần thiết dành cho sự sùng kính và sự dâng hiến ở đỉnh cao uy nghiêm: những gian khổ ngài Naropa trải qua dưới sự thử thách của ngài Tilopa; những công việc nặng nhọc của ngài Milarepa theo mệnh lệnh của sư phụ Marpa; những thử thách ngài Sadāprarudita đối mặt để theo đuổi hướng dẫn Bát-nhã-ba-la-mật từ Bồ tát Dharmodgata; và việc phụng sự đạo sư Liên Hoa Sanh của hai thánh nữ Mandāravā và Yeshe Tsogyal. Những cuộc chạm trán huyền thoại như thế, những ví dụ điển hình thường được trích dẫn của mối quan hệ đạo-sư-đệ-tử, có thể đã truyền cảm hứng cho nhiều thế hệ hành giả trong quá khứ, nhưng với những độc giả đương đại rất có thể họ nghi ngờ cũng nhiều như kính sợ vậy. Việc sai đệ tử ăn trộm, xây một tòa tháp chín tầng chỉ bằng đôi tay trần hoặc đứng suốt bảy năm để chờ đạo sư xuất định của thời xưa, có thể dẫn đến sự trừng phạt của pháp luật, như việc giáng một đôi dép bẩn vào mặt của một đệ tử thời nay.

Ngoài ra, những màn thử thách giết gân này không chỉ có trong thời xa xưa; thậm chí nhiều sự kiện gần đây trong tiểu sử của các đạo sư nắm giữ truyền thừa có thể cho thấy thời nay khó lòng lặp lại: ví dụ, ngài Do Khyentse Yeshe Dorje (1800–1866) đối xử thô bạo khi đang say rượu với Rinpoche Patrul (1808–1887), hoặc ngài Jamyang Khyentse Wangpo (1820–1892) nhiều lần nhất quyết đuổi ngài Gatön Ngawang Lekpa (1867–1941) khỏi chánh điện của Tu viện Dzongsar, một yêu cầu mà ít nhất nhiều người sẽ thấy nó ác độc.

Thậm chí nhiều vấn đề hơn nữa là các trường hợp dường như cưỡng ép phụ nữ làm người phối ngẫu. Một lần nữa, trong lịch sử đã có tiền lệ như các vụ bê bối gần đây. Chỉ xin đơn cử một ví dụ, áp lực đã khiến Sera Khandro Kunzang Dekyong Wangmo (1892–1940) trở thành người phối ngẫu của nhiều lạt-ma khác nhau bao gồm Adzom Drukpa (1842–1924), một người lớn hơn bà năm mươi tuổi, đặt ra câu hỏi về quyền tự do của ngay cả những phụ nữ tài giỏi ở địa vị cao nhất trong xã hội Phật giáo Tây Tạng. Nền học thuật hiện đại cũng nói đến vai trò bảo mật trong mối quan hệ đạo-sư-phối-ngẫu và có bao nhiêu nhân vật quá khứ, kể cả nhân vật bán-huyền-thoại Yeshe Tsogyal, có thể xem là hình mẫu để mô phỏng. Tuy nhiên, trong một bước tiến được chờ đợi từ lâu và đáng kể hơn về bình đẳng giới, những phụ nữ Tây Tạng hiện nay có nhiều cơ hội hơn để thăng tiến, với các địa vị cao nhất *geshema* và *khenmo* cuối cùng cũng có thể đạt được như một phần của nỗ lực nâng cao trình độ học vấn cho ni chúng.

Dựa trên các nguồn sử liệu đánh giá sự ung thuận và sự phục tùng có một mức độ nguy hiểm tiềm tàng, một giải pháp khắc phục tiềm năng có thể thực hiện để đối trọng với những câu chuyện về sự phục tùng bằng những câu chuyện dựa trên nhận định có căn cứ, sự hợp lý và sự kiểm chứng. Hiển nhiên,

suốt chiều dài lịch sử đã có những triết gia Phật giáo bất đồng quan điểm với thầy họ. Trong các thời kỳ gần đây, chúng ta có thể chỉ ra Alak Damchö Özer với tuyên bố rằng bốn phận của ông là nêu bật những gì bị coi là sai sót trong các tác phẩm của thầy ông, Jamgön Mipham Namgyal Gyatso (1846–1912) hoặc Gendün Chöpel nổi tiếng là người đả phá mê tín dị đoan đã đốt nóng cuộc tranh luận với đạo sư trước kia của ông là Sherab Gyatso (1884–1968) về hình dạng trái đất. Một phần rất lớn của văn học tiểu sử Tây Tạng cung cấp nhiều ví dụ hơn về những đệ tử phản đối quan điểm của thầy họ hoặc tìm ra nhiều cách sáng tạo để thực hiện các chỉ dẫn. (Thậm chí có hẳn một công trình nghiên cứu học thuật hiện nay chuyên sưu tập những trường hợp thuộc loại phản kháng tinh tế như vậy). Tuy nhiên, đây là một vấn đề hết sức nhạy cảm, trở nên phức tạp bởi trên thực tế Kim cương thừa thường tự hào với việc vượt qua khuôn khổ của sự hợp lý và thích thú với việc cười nhạo thông lệ.

Việc nhấn mạnh phạm vi (hạn chế) của sự bất đồng nhã nhận và sự lập dị không nhất thiết làm suy yếu quyền lực của các đạo sư chân chính hoặc cho phép chia rẽ hoàn toàn. Thực vậy, những cam kết mật nguyện, được thông qua trong lễ quán đảnh mật thừa, chủ yếu tập trung vào sự cần thiết phải tránh gây rối hoặc làm trái ý đạo sư dưới bất kỳ hình thức nào. Samaya thường được diễn tả nhờ các danh sách, một chuỗi dài những điều nên làm và điều không nên làm tạo nên giới luật của Kim cương thừa. Những lời thề này có cả huấn lệnh công nhận đạo sư là Phật và tuân theo mọi huấn lệnh của ông hoặc bà ấy. Việc không làm như vậy sẽ có hậu quả nặng nề kể cả việc tái sinh trong địa ngục. Một số cách diễn đạt và hình tượng được thể hiện theo đó gợi nhớ đến một hiệp ước Faust – sự bội ước sẽ dẫn đến sự hủy hoại toàn diện (về mặt tâm linh). Với

những rủi ro rõ ràng như vậy, thật chính đáng khi thắc mắc tại sao bất kỳ người có đầu óc lạnh mạnh nào cũng đều đồng ý một hợp đồng như vậy, ngay cả khi đã có sẵn các biện pháp bảo hộ. Câu trả lời duy nhất đó là những lợi ích tiềm ẩn được biết to lớn hơn những nguy cơ tiềm ẩn. Thực vậy, chúng ta có thể nói về samaya với lời lẽ lạc quan: hãy giữ những mật nguyện này và các bạn sẽ thu về những phần thưởng tương xứng, hãy đi theo đạo sư bên ngoài một cách đúng đắn và các bạn sẽ nhận ra đạo sư bên trong của chính mình. Tuy nhiên, không cần phải nói, vì hiển nhiên là đạo sư cũng sẽ giữ gìn đến cùng thỏa thuận của họ và không lạm dụng vị thế của mình.

Thậm chí các đạo sư chân chính thỉnh thoảng có thể dường như mắc lỗi hoặc không hoàn hảo, các bản văn thừa nhận, cũng chỉ do công đức của con người – nhân vô thập toàn, có thể nói như vậy – nhưng điều này không có nghĩa họ đánh mất sự hoàn hảo tốt hậu của mình. Như Đạo sư Liên Hoa Sanh giải thích trong *Bạt trừ Chướng duyên (Tendrel Nyesel)*, một khám phá của vị Khai mật tạng Sogyal (1856–1926), mặc dù các hóa thân hữu hình của Phật dường như có khuyết điểm, nhưng đây là do nhận thức thất thường của con người bình thường, nó như đám mây tạm thời che khuất ánh sáng mặt trời. Trong khi đó, chân thân của Phật, vẫn là Pháp thân vô sắc, hoàn mỹ.

Sự hoàn hảo tuyệt đối của một đạo sư đôi khi được thể hiện bằng lời lẽ đơn giản. Dù một vị đạo sư là một bậc giác ngộ thực sự hay không, ngài Jigme Tenpai Nyima (1865–1926) dạy, việc thuyết Pháp chỉ xảy ra thông qua nguồn cảm hứng và ân phước của chư Phật, và vai trò của đạo sư là người trung gian, giống một đồng cốt hoặc nhà tiên tri. Đạo sư là một vị Phật nhờ trở thành một kênh truyền đạt thông điệp của chư Phật. Nội dung phát sáng quan trọng hơn thiết bị phát sáng. Một ví dụ nổi tiếng

khác, về bà lão và răng chó, cho thấy nhận thức của đệ tử là quan trọng nhất: Phật quả phụ thuộc quan điểm người nhận thức.

Dzogchen, hay Đại Viên Mãn, đi xa hơn bằng cách hướng dẫn môn đồ của nó nhìn đạo sư không phải vị Phật dưới dạng nhục thân mà là Pháp thân Phật không máu thịt (và không cả hàng ngàn sự đụng chạm tự nhiên mà xác thân phải chịu). Quan niệm này xác nhận mạnh mẽ một tình tiết quan trọng trong cuộc đời của Khenpo Ngawang Pelzang (1879–1941). Vào một lần nọ, khi ông đang dìu người thầy cao tuổi của mình là ngài Nyoshul Lungtok (1829–1901/2) vào nhà xí, ông nhắc lại một lời tự nhận xét khôì hài mà thầy ông đã nói về cạp váy da sói của mình giống cái đuôi. Một lời bông đùa nhẹ nhàng như vậy có thể không khiến chúng ta khó xử, nhưng ngài Nyoshul Lungtok đã khiển trách ông ấy bằng lời nhắc nhở rằng nếu xem hình thức của đạo sư (có vẻ bao gồm cả y phục của ông ấy) là bình thường thì nó có thể cản trở sự tiến bộ. Đến lượt điều này làm nhớ lại lời dạy thường được viện dẫn của đức Phật trong *Kinh Kim Cương (Vajracchedikā Sūtra)*: “Những ai xem thân ta là hình dáng bình thường và nghe giọng ta là âm thanh bình thường thì đã lạc đường; người như vậy thực sự không thấy ta.” [Nhược dĩ sắc kiến ngã, dĩ âm thanh cầu ngã, thị nhân hành tà đạo, bất năng kiến Như Lai].

Khi xem xét nhiều rủi ro và rắc rối liên quan, không có gì ngạc nhiên khi một số người có thể cảm thấy nản lòng với việc đi theo một đạo sư, ít nhất là về mặt hình thức. Tuy nhiên, người ta có thể cho rằng không thể tránh khỏi một số hình thức sùng bái trong đời sống. Như tác giả David Foster Wallace đã chỉ ra, tất cả chúng ta đều coi trọng một thứ gì đó, nó là quyền lực, tiền bạc, nguyên tắc đạo đức hoặc trí tuệ. Trong thuật ngữ Phật giáo, chúng ta có thể nói rằng mọi người đang đi trên con đường riêng của họ. Câu hỏi không chỉ là nó

dẫn đến đâu, mà còn ai là người chỉ đường. Nếu chúng ta học hỏi từ sai lầm của bản thân và người khác, chúng ta không thể cứ vô tình bước tiếp trên cùng một lộ trình mà không ít nhất một lần dừng lại để thắc mắc. Tuy nhiên, chúng ta không nhất thiết phải từ bỏ con đường trước đây của mình vì một con đường khác, có vẻ an toàn hơn, ở đó chúng ta sẽ lại chạm trán với một tập hợp những giả định, giá trị và thần tượng mới. Vẫn còn sự lựa chọn đi theo những sự dẫn dắt minh triết, từ bi - bên ngoài và bên trong, nhân và siêu nhân - như một phương tiện để 'nhìn xa hơn', vượt qua những hạn chế của tập khí cá nhân và phong tục văn hóa.

Khi Phật giáo Tây Tạng cố gắng chinh đốn lại ngôi nhà của nó, thì cam kết với sự thật đã mở rộng để bao hàm sự điều tra cẩn thận về những sai lầm trong quá khứ và làm sao để tránh những sai lầm như vậy trong tương lai. Trong lúc việc xem xét như vậy là cần thiết và quan trọng, sẽ đáng tiếc nếu việc tìm kiếm các giải pháp là nhằm thế chỗ của một hình thức tìm-kiếm-sự-thật siêu việt hơn hẳn. Cuốn sách này không định xem xét một kết quả như vậy. Nó tránh những câu trả lời dễ dàng và bất kỳ sự cảm dỗ nào để nói với người nghe chỉ những gì họ muốn nghe. Trong lúc cách tiếp cận như thế rất có thể sẽ mời gọi sự chỉ trích từ những người bảo vệ tính chính thống tự-phong của mạng xã hội, chí ít nó cũng sẽ gây bất lợi cho truyền thống chân chính.

Adam Pearcey

Tháng 10 năm 2020

Lời giới thiệu

CÁCH ĐÂY VÀI NĂM, một người phụ nữ Braxin có vẻ rất lo lắng tìm đến gặp tôi. Bà ấy lo lắng đến mức áp úng mãi mới thốt nên lời. Sau đôi lần ngập ngừng, bà mở lời xin phép tôi được gặp riêng. Vì thế, tôi mời bà ấy sang một góc yên tĩnh và ngồi chờ bà nói. Bà ấy rõ ràng đang rất phân vân điều gì đó và cần đưa ra một quyết định. Sau một hai phút, bà trấn tĩnh trở lại, lau đôi bàn tay ướt đẫm mồ hôi vào chiếc khăn choàng của mình, rồi trình trọng cất lời cầu xin cho bà được làm học trò của tôi. Thì ra thế! Bà ấy muốn tôi trở thành vị Kim cương Thượng sư của bà.

Qua nhiều năm, tôi đã đón nhận nhiều lời thỉnh cầu như thế, phần lớn từ những người không phải dân Tạng (những người sanh trưởng ngoài vùng Hy-mã-lạp-son) – mà tự điều đó rất đáng lưu tâm và sẽ được thảo luận sau trong cuốn sách này. Cũng như người phụ nữ Braxin, nhiều người cầu pháp hồi hộp quá đến nỗi họ khó thể chịu được ánh mắt nhìn chăm chú của tôi và, theo kinh nghiệm của riêng tôi, đàn ông thường cảm thấy căng thẳng thậm chí hơn cả phụ nữ. Đáng buồn là phần lớn những vị được gọi là lạt-ma hiếm khi chú ý đến điều này. Tôi ước gì những người như chúng tôi được giao phó phận sự của một đạo sư, hay guru, phải tế nhị hơn với những gì mà những người thời nay tự nguyện trải qua vì lợi lạc cho đời sống tâm linh của họ. Nó thật xúc động. Chúng tôi, những

lạt-ma nên biết trân trọng những rung động mà những người học trò tiềm năng cảm thấy. Vì sao? Vì đó là một dấu hiệu rõ ràng cho thấy họ đã biết rằng việc tự nguyện phó thác mình vô điều kiện vào vòng tay người khác, nhất là vòng tay của một vị Kim cương Thượng sư, là một việc vô cùng trọng đại, nhưng họ vẫn sẵn lòng chấp nhận mạo hiểm.

Không may, các đạo sư ngày nay rất mau chán nản và mệt mỏi. Họ không nhận ra những đệ tử thời nay khó khăn thế nào để thỉnh cầu một vị thầy trở thành Kim cương Thượng sư của họ, hoặc những gì mà những người đó sẵn sàng tự nguyện trải qua để làm việc đó. Nhưng phải chăng các lạt-ma không nên lo lắng như các đệ tử? Sau cùng, mối quan hệ giữa một Kim cương Thượng sư và đệ tử chẳng những phức tạp hơn nhiều mối quan hệ của một cặp vợ chồng mà kết quả của nó còn hệ trọng hơn rất nhiều. Nói đúng ra, một vị Kim cương Thượng sư nếu coi trọng Bồ tát giới của họ thì nên xem mỗi đệ tử là một công trình chính của họ, không chỉ về mặt giác ngộ của chính người đệ tử đó mà còn là một bước tiến đến giác ngộ của vô lượng chúng sanh hữu tình khác nữa. Riêng tôi, sẽ là khác thường nếu những vị lạt-ma như tôi *không* có lòng bàn tay ướt đẫm mồ hôi, hay run rẩy và lóng ngóng mỗi khi thu nhận một đệ tử mới. Tôi hy vọng và cầu nguyện rằng mọi vị đạo sư trong tương lai sẽ lo lắng và hồi hộp giống như người đệ tử của họ.

Chúng ta đọc trong kinh điển thấy rằng các vị Bồ tát trong quá khứ sẵn sàng hy sinh tất cả, kể cả mạng sống của chính mình, vì một bài kệ Giáo Pháp. Tôi phải nói là sự lo lắng và sợ sệt mà người thời nay trải qua khi họ cầu xin một người trở thành Kim cương Thượng sư của họ rất giống với sự tự nguyện hy sinh - sự xả thân - mà những vị Bồ tát đó thường cảm thấy.

Đến một lúc nào đó, mọi người theo truyền thống Kim cương thừa sẽ được nghe người khác khuyên rằng họ cần tìm một vị guru. “Đời sống ngắn ngủi! Thời gian đang cạn dần. Các bạn nên tìm cho mình một vị guru đi!” Sức ép cũng có thể được tạo ra bởi những đệ tử thâm niên tử tế, quan tâm, nhưng quá hăng hái. Họ sốt sắng kể về những phẩm chất vô song của vị đạo sư yêu quý của họ, thúc ép những đệ tử mới, rồi đổ dành, thậm chí khuyến khích họ chọn một Kim cương Thượng sư quá sớm.

Nếu bạn đủ chín chắn và điềm tĩnh để biết sự mạo hiểm mà mình sẽ phải đón nhận trong việc nhượng bộ để chọn một vị Kim cương Thượng sư, thì toàn bộ quá trình sẽ khiến các bạn lo lắng. “Mình có khả năng làm điều này không? Đạo sư của mình có thể làm tốt phận sự của bà ấy không? Bà ấy có đáng tin cậy không?” Nỗi lo lắng của các bạn sẽ nhanh chóng chuyển thành nỗi sợ hãi nếu các bạn nghe nói rằng khi mối quan hệ giữa Kim cương Thượng sư và học trò bị đổ vỡ, thì người học trò sẽ đi thẳng xuống địa ngục. Điều giả định phổ biến này hoàn toàn sai sự thật. Phần lớn những bản văn mật điển được quý trọng đều nói rằng nếu vị đạo sư và đệ tử hòa hợp, cả hai sẽ đạt giác ngộ, nhưng nếu mối quan hệ trở nên bất hòa dưới bất kỳ hình thức nào, thì *cả hai* đều sẽ xuống địa ngục kim cương. Vì thế, các vị đạo sư cũng có thể đọa địa ngục. Trừ khi, vị đó là Đại thành tựu giả, trong trường hợp đó ông hay bà ấy sẽ bảo đảm người đệ tử không tái sinh trong bất kỳ cõi ác đạo nào, bao gồm địa ngục kim cương. Vậy địa ngục kim cương là gì? Theo truyền thống, nó được xem là địa ngục dành cho những hành giả Kim cương thừa, những người phá vỡ mật nguyện của họ và hầu như không thể nào thoát khỏi nó – nhưng đây là một đề tài khác mà chúng ta sẽ thảo luận sau trong cuốn sách.

ĐỘC LÀ THUỐC

Rõ ràng là mối quan hệ đạo-sư-đệ-tử của Kim cương thừa phải *không bao giờ* được thiết lập một cách khinh suất, nhưng nó lại thường diễn ra như vậy. Và khi mọi thứ tồi tệ, căn nguyên của vấn đề – phát sinh sự hiểu lầm, sai lầm – thường có thể truy nguyên từ giây phút người đệ tử bước chân vào con đường Kim cương thừa và lần đầu tiên thiết lập mối quan hệ với một vị đạo sư.

LƯU Ý VỀ GHI CHÚ TRONG NỘI DUNG CUỐN SÁCH:

- Phiên bản tiếng Anh có một số ghi chú trong phần nội dung cuốn sách. Nó được giữ nguyên hoặc dịch sang tiếng Việt. Ngoài ra, do một số thuật ngữ hoặc khái niệm khó dịch ra tiếng Việt một cách hoàn hảo, nên người dịch đã trích từ hoặc cụm từ tiếng Anh của phiên bản tiếng Anh đặt bên cạnh từ hoặc cụm từ tiếng Việt tương ứng để quý độc giả dễ dàng đối chiếu. Tất cả được đặt trong dấu ngoặc đơn ().

- Trong phiên bản tiếng Việt này, những ghi chú của người dịch được đặt trong dấu ngoặc vuông [].

①

Tôi và Đạo Sư

TÔI ĐƯỢC SANH RA trong một gia đình Phật giáo thuần thành và được nuôi dưỡng trong một quốc gia có truyền thống Phật giáo. Tôi chưa bao giờ phải thỉnh cầu ngài Trưởng dòng Sakya Trizin trở thành đạo sư của mình. Tôi chưa bao giờ cảm thấy nỗi lo lắng mà người phụ nữ Braxin đã cảm thấy về việc các đạo sư có nhận tôi hay không. Tôi chưa bao giờ tự hỏi: “Mình sẽ là một học trò giỏi không?” – Có lẽ, trong tiềm thức, một niềm kiêu hãnh bẩm sinh đã ngăn dòng suy nghĩ đó hiện ra với tôi. Tôi chưa bao giờ phải phân tích đạo sư của mình hoặc băn khoăn liệu ông có đáng tin không. Tôi cũng không phải tìm kiếm đạo sư vì ở những đất nước thuộc dãy Hy-mã-lạp-sơn như Tây Tạng và Bhutan, chúng tôi thường thừa hưởng các đạo sư của mình. Ví dụ như người Bhutan chỉ đơn giản chọn bất kỳ đạo sư nào tình cờ là lạt-ma của làng họ hoặc đạo sư của gia đình trở thành Kim cương Thượng sư của họ. Không có bản văn Kim cương thừa nào công nhận một thông lệ như thế, nhưng đó là cách nó thường xảy ra.

Trong trường hợp của tôi, Trưởng dòng Sakya Trizin đã trở thành một trong những đạo sư của tôi một phần vì Tu viện Dzongsar là một tu viện của dòng Sakya và một phần nữa vì đó là người đã công nhận tôi là hóa thân của ngài Jamyang Khyentse Chökyi Lodrö. Trưởng dòng Rinpoche Dilgo Khyentse trở thành đạo sư của tôi vì, sau khi ngài Khyentse Chökyi Lodrö qua đời, ngài Trưởng dòng đảm nhận nhiều trách nhiệm của ngài Khyentse Chökyi Lodrö và dường như điều đó là lẽ đương nhiên. Rinpoche Dudjom trở thành đạo sư

của tôi vì trong làng nơi tôi sanh ra, mọi người xem ngài là Guru Rinpoche bằng xương bằng thịt. Nhiều đến nỗi, khi tôi còn rất nhỏ, các thầy giáo thọ của tôi đã rầy tôi khi tôi nói rằng Rinpoche là ông nội tôi. Nhưng không có lý do nào trong những lý do này xác nhận cho lời khuyên trong các bản văn Kim cương thừa, điều đó có nghĩa các đạo sư của tôi không được chọn ‘bởi kinh sách.’

Tôi đã nhận giáo lý Mật thừa từ vài chục đạo sư, phần lớn là đệ tử của ngài Khyentse Chökyi Lodrö. Tôi không tự chọn bất kỳ ai trong số họ. Thông thường, họ được ngài Trưởng dòng Rinpoche Dilgo Khyentse chọn cho tôi hoặc một trong những đạo sư khác của tôi, vì họ là Lạt-ma thích hợp nhất để ban cho tôi một giáo lý hoặc một quán đảnh cụ thể. Tôi chưa bao giờ nhận giáo lý mật thừa một cách tùy tiện! Chỉ vì một Lạt-ma mật thừa ngẫu nhiên có mặt trong thành phố và cũng là một đệ tử của ngài Khyentse Chökyi Lodrö không có nghĩa tôi sẽ tự động nhận giáo lý từ ông ấy. Mọi giáo lý mà tôi nhận được và mọi đạo sư mà tôi nhận những giáo lý đó từ họ đã được lựa chọn cẩn thận cho tôi bởi chính các đạo sư và các thầy giáo thọ của tôi. Sự giáo dục của tôi đã được hoạch định với sự cẩn trọng tỉ mỉ chi tiết. Khi còn niên thiếu, tôi nhớ đã nảy ra ý tưởng là tôi phải nhận một giáo lý đặc biệt từ một vị đạo sư cụ thể. Khi tôi thưa điều đó với Trưởng dòng Rinpoche Dilgo Khyentse, ngài bảo, “Hãy để ta xem lại.” Rồi ngày hôm sau ngài bảo, “Con ơi, giờ chưa phải lúc.” Với tôi, hướng dẫn của các đạo sư của tôi giống như ăn mỗi bữa cơm được nấu bởi một đầu bếp đẳng cấp 3 sao Michelin. Tôi có thể yên tâm về một kiến thức nhất định mà mỗi quyết định họ đưa ra về việc dạy dỗ tôi đều chính xác. Phải chăng tôi may mắn, hay chỉ đơn giản là được nuông chiều?

Theo tôi nhớ thì tôi chỉ phải xem xét kỹ ba vị đạo sư trước khi thỉnh pháp từ họ và thú vị thay, cả ba vị đều là phụ nữ: Sakya Jetsunma, bác gái Dechen-la và Lạt-ma Muntso. Từ đó tôi đã nhận giáo lý từ Sakya Jetsunma và bác gái Dechen-la, nhưng mãi cho đến nay, tôi không đủ công đức để nhận giáo lý hay quán đánh từ Lạt-ma Muntso – Tôi không ngừng hy vọng và cầu nguyện rằng ngày đó sẽ đến.

Tôi phải nói là, mặc dù có nhiều cơ hội để nhận các quán đánh Kim cương thừa từ cha tôi, Rinpoche Thinley Norbu, nhưng tôi chưa bao giờ muốn làm điều đó. Một vài lần ông yêu cầu tôi chuẩn bị các bản văn cho ông và sắp xếp bàn thờ trước khi ông ban một quán đánh, nhưng tôi chưa bao giờ túc trực để nhận nó. Vì sao? Bởi lẽ tôi không tin vào khả năng của mình trong việc duy trì một tri kiến thanh tịnh về ông như là đạo sư Kim cương thừa của tôi. Ông là cha tôi và thói quen nhận thức ông là cha trong tôi quá sức sâu đậm đến độ tôi không thể nào xem ông là đạo sư Kim cương thừa của mình được. Vì vậy, mặc dù ông đã nhiều lần ban quán đánh Krodikali, tôi đã cố ý không nhận nó, và để thay thế sau đó ông đã khẩn cầu chị ông truyền nó cho tôi. Bác gái Dechen-la sống ở Lhasa trong khoảng thời gian khi đó việc đi lại giữa Ấn Độ và Lhasa hầu như chưa có. Vì thế, chúng tôi chưa bao giờ gặp nhau trong những buổi họp mặt gia đình. Khi tôi vừa gặp bà, rất dễ để tôi xem bà là đạo sư của mình và thiết lập vững chắc mối quan hệ đạo-sư-đệ-tử.

Bất kể tôi nhận được sự quan tâm nhiều bao nhiêu, tôi thường thấy mình ngồi trong các buổi giảng pháp và truyền quán đánh mà tôi không thỉnh cầu và không muốn nhận bởi lẽ tôi quá nhút nhát để đứng dậy và bỏ ra ngoài. Mỗi lần điều đó xảy ra, tôi đều làm theo lời khuyên của Kim cương thừa và không tham gia dưới bất kỳ hình thức nào. Tuy tôi không

muốn dự sự kiện vì không muốn nhận quán đảnh, đối với tôi, người làm lễ không phải người ban quán đảnh. Thay vào đó, được thúc đẩy bởi ý muốn tránh tạo bầu không khí tiêu cực hay cay đắng, tôi chỉ ngồi suốt buổi lễ. Vì thế, tôi không nhận quán đảnh từ quan điểm của mình.

Tất cả các đạo sư của tôi đã và đang là những tâm hồn cao quý nhất – đặc biệt là Trưởng dòng Sakya Trizin, Trưởng dòng Rinpoche Dilgo Khyentse và Trưởng dòng Rinpoche Dudjom. Luôn sẵn lòng giúp đỡ và bảo bọc, họ đã dành cho tôi sự quan tâm thật lớn lao. Tôi không nhớ bất kỳ ai trong họ lớn tiếng với tôi, huống là hạ lệnh cho tôi thực hiện những nhiệm vụ bất khả thi kiểu như, “Hãy xây một tòa tháp chín tầng trước khi mặt trời lặn,” hay đánh tôi túi bụi bằng cây gậy lưng. Khi họ kể tôi nghe các câu chuyện về ngài Milarepa đã nhiều lần bị đánh đập bởi thầy ông là ngài Marpa, chưa bao giờ tôi nghĩ họ sẽ làm điều đó với mình. Tôi thấy các câu chuyện của họ về ngài Marpa và Milarepa gợi cảm hứng khôn tả. Nhưng ngược lại, tôi được sanh ra ở một nơi và vào một thời kỳ mà những câu chuyện như thế được kể lại để truyền cảm hứng cho chúng tôi thực hành Pháp, chứ không nhằm khuyến khích những vụ kiện đòi bồi thường tổn thương tâm lý hay bào chữa cho việc một người đệ tử từ bỏ con đường Kim cương thừa. Tôi chưa bao giờ băn khoăn liệu một người đàn ông đơn độc có thể xây một tòa tháp chín tầng được hay không, không chỉ một lần mà mười một lần cả thầy. Ý nghĩ, “Chuyện này có đáng tin không?” thậm chí còn không nảy ra trong đầu tôi. Tôi không nghĩ như thế. Phải chăng ngài Milarepa là một kiến trúc sư lành nghề? Phải chăng ngài Naropa thật sự vẫn sống sót sau cú nhảy từ nóc một tòa nhà cao? Tôi không biết hay không bận tâm. Chẳng ai trong chúng tôi để ý cả. Điều truyền cảm hứng cho chúng tôi là ngài Milarepa và ngài Naropa đều một lòng

một dạ cầu Giáo pháp. Đối với chúng tôi, niềm cảm hứng được ưu tiên hơn tính tin cậy của tình tiết câu chuyện và thành thật mà nói tôi thấy những câu chuyện này truyền cảm hứng cho ngày nay thậm chí còn mạnh mẽ hơn tôi đã cảm nhận cách đây hơn nửa thế kỷ. Phải chăng điều đó khiến tôi nhẹ dạ và ngây thơ? Chắc là có. Mặt khác, ai mà không có chúng chứ?

Người thời nay có xu hướng xếp chuyện đời của ngài Milarepa và ngài Naropa vào loại thần thoại và cổ tích. Trong bài viết của mình, *Vì sao tôi bỏ Đạo sư Du-già*¹, Stephen Batchelor ngụ ý ngài Tilopa và Naropa là những nhân vật truyền thuyết và chuyện đời của họ chỉ là truyện ngụ ngôn. Không thể nào hình dung họ trong một khung cảnh hiện đại, nên ông ấy chọn tin rằng họ không hề tồn tại. Tôi thì, trái lại, chọn tin không những ngài Milarepa và Naropa đã từng sống trên đời này mà những câu chuyện về họ còn là sự thật.

Có những người luôn sẵn sàng hy sinh để theo đuổi mục đích của đời mình. Vũ công, họa sĩ và nhạc sĩ chịu sự đau đớn và, trong một số trường hợp, sự đày đọa khủng khiếp vì nghệ thuật của họ. Tôi được nghe kể rằng theo truyền thống, bài luyện tập đầu tiên của một học viên học cách biểu diễn cặp trống nhỏ Ấn Độ là tập với đá, không phải với trống, và để dạy họ cách đặt bàn tay thế nào cho đúng, thỉnh thoảng các viên đá được cột vào cổ tay họ. Các nhà hoạt động xã hội liên tục phải chịu tù tội và thậm chí tra tấn để mưu cầu tự do và công bình. Biết bao nhiêu nỗi khổ mà chúng ta nguyện cam chịu vì mục đích giáo dục dường như đều phụ thuộc vào những điều chúng ta muốn đạt được trong cuộc sống. Nếu mục đích của các bạn là sống an toàn trong vùng sung túc cho đến chết, không chắc các bạn sẽ tự mình tìm kiếm thử thách hay chịu bất kỳ sự mạo hiểm nào. Nhưng nếu tham vọng lớn nhất của các bạn là trở thành một nữ diễn viên múa ba lê chuyên nghiệp, thì các bạn

sẽ không chùn bước vì đôi chân rỉ máu; và nếu các bạn muốn trở thành một vũ công kịch câm Kathakali, thì việc học cách nhét các hạt dưới mí mắt để chuyển tròng trắng thành tròng đỏ truyền thống sẽ khiến các bạn run lên.

Liệu ông Nelson Mandela có thách thức hệ thống phân biệt chủng tộc ngay từ đầu, nếu ưu tiên của ông là sự sung túc và hạnh phúc cho riêng mình không?

Ý Thức Văn Hóa: Khiêm Tốn

Dù nhìn thấy sự khiêm tốn và sự kính trọng chân thật của các đạo sư dành cho tôi như một con người đáng lo cần được chăm sóc, sự bất an của tôi luôn xen lẫn với ngưỡng mộ, thậm chí kính sợ. Các đạo sư của tôi luôn nhún nhường, không chỉ với tôi mà với hết thầy mọi người họ gặp. Bất cứ khi nào ban một giáo lý, họ sẽ kết thúc mọi lời khuyên của mình với câu, “Nhưng tôi là ai mà khuyên bảo quý vị nên làm gì? Nó không phải việc của tôi! Rủi thay, những bậc thầy thực sự có đủ tư cách để đưa ra lời khuyên này đã không còn trên thế gian này nữa và đây là lý do vì sao việc này lại rơi vào tay tôi.” (Quá nhiều các lạ-ma ngày nay nói ngược lại: “Hãy lắng nghe và nhập tâm mọi điều tôi nói vì tôi biết đích xác mình đang nói gì!”)

Nhiều năm về sau, trong một nỗ lực tập khiêm tốn với học trò của mình, tôi đã nói với họ những gì các đạo sư của tôi đã nói với tôi. Dĩ nhiên, giờ đây chúng ta đều biết bối cảnh văn hóa là một yếu tố vô cùng quan trọng khi thuyết Pháp, nhưng nhớ lại lúc ấy, tôi không biết điều đó. Vì tôi hoàn toàn không được chuẩn bị trước, nên một người phụ nữ đã trở nên cực kỳ thất vọng sau khi tôi nói với bà rằng lý do duy nhất tôi cho bà ấy lời khuyên là vì không có ai khác sẵn sàng làm việc đó.

Và tôi cũng bảo bà ấy tôi không phải thành tựu giả hay học giả gì cả. Bà ấy đã giận tôi nhiều tháng liền. Nếu tôi thật sự là một người tầm thường, bà ấy nói, thì vì lý do gì bà ấy là học trò của tôi? Khỏi cần nói, bà ấy không phải người Tạng cũng không phải người Bhutan. Trong nền văn hóa Hy-mã-lạp-son, người đệ tử được dạy dỗ để biết cảm phục sự khiêm tốn của một đạo sư. Không hiểu sao, công đức 'ngộ minh sư' của người phụ nữ này lại không đi kèm với công đức được truyền cảm hứng bởi sự khiêm tốn.

Điều gì sẽ xảy ra nếu tôi tự quảng cáo mình là một 'nhân vật quan trọng' về tâm linh, như quá nhiều đạo sư ngày nay đã làm? Chuyện gì sẽ xảy ra nếu mọi người bị lừa vì mọi lời nói cường điệu khoa trương và họ bị thuyết phục rằng tôi là một vị thánh? Trong thời gian dài, phải chăng điều đó sẽ không tạo ra một tình trạng nguy hiểm nào hơn việc phát hiện ra con người giảng dạy Phật giáo cho các bạn chỉ là một kẻ tầm thường? Tôi lấy làm bối rối là có quá nhiều người thời nay sẵn sàng và tự nguyện nhận giáo lý từ những vị đạo sư công khai tuyên bố mình đã giác ngộ, có sự toàn tri và toàn năng. Không hại gì nếu một đạo sư thật sự là bậc giác ngộ..., nhưng điều gì sẽ xảy ra nếu họ không phải thế? Điều gì sẽ xảy ra nếu đó là mưu đồ bất lương? Phải chăng các bạn không thích được dẫn dắt bởi một vị đạo sư nói toẹt với các bạn rằng mặc dù ông không đạt giác ngộ, nhưng có thể trao cho các bạn một số lời khuyên đúng đắn đã được chứng minh và thử nghiệm kỹ lưỡng, hơn sự rủi ro bị lừa đảo bởi một đạo sư tự-xưng? Điều gì sẽ xảy ra nếu các bạn quyết định đi theo một kẻ khoác lác, tức là các bạn bỏ lỡ cơ hội được thọ giáo với một vị đạo sư khiêm cung, tự hạ mình mà về sau mới biết ông hóa ra là một bậc giác ngộ? Phải chăng các bạn sẽ không bực mình vì đã bỏ lỡ một cơ hội như thế? Các đệ tử ngày nay dường như dễ bị

lừa phỉnh bởi những người ba hoa và khi thất vọng thì họ bèn đi kiện. Nhưng lẽ ra sự thất vọng có thể tránh được hoàn toàn nếu người đệ tử chịu khó hơn một chút để xem xét đạo sư trước khi lao đầu vào.

Khi tâm thức đã đủ chín chắn, tôi đi sâu vào nền văn hóa và văn học Tây phương, là những lĩnh vực khuyến khích óc tò mò và tư duy phê phán. Ở Tây phương, các bạn được dạy dỗ để nghĩ cho bản thân, để phân tích và để hoài nghi. Một khi tôi khám phá tinh thần hoài nghi này hoạt động như thế nào, nó bắt đầu ảnh hưởng đến cách tôi suy nghĩ. Tuy nhiên, những lời dạy của đức Phật vẫn không ngừng ảnh hưởng tôi mạnh mẽ hơn.

Đức Phật dạy rằng chúng ta nên khảo sát một vị thầy *trước khi* họ trở thành đạo sư của mình và chúng ta không bao giờ nên đi theo một người chỉ vì họ có uy tín, thú vị hoặc nổi tiếng. Trên hết, ngài dạy, chúng ta nên nương vào giáo lý không nương vào đạo sư [y Pháp bất y nhân]. Mới đây, tôi đã quyết định thẩm tra lời khuyên này, mặc dù nó đã khẳng định giá trị trong quá khứ. Tôi bắt đầu bằng cách áp dụng óc tò mò kiểu phương Tây với các đạo sư của tôi. Dĩ nhiên, hiện giờ tôi biết rõ các phẩm chất chân thật của các đạo sư của mình hơn khi còn bé. Tuy vậy, tôi vẫn nặn óc cố nhớ lại những sai sót của Trưởng dòng Rinpoche Dilgo Khyentse, Trưởng dòng Rinpoche Dudjom và Trưởng dòng Shakya Trizin, sau đó sàng lọc những ký ức đó qua những gì tôi biết về sự nhạy cảm của thế kỷ 21. Kết quả là tôi đã ân hận khôn xiết và ước gì mình đã nằm rạp xuống, úp mặt vào chân họ và cầu xin họ thu nhận tôi là đệ tử của họ với tất cả thân, khẩu và ý của mình. Nếu có thể ấn nút tua lại đời mình, thì đó là điều tôi sẽ làm. Nếu tôi có thể cầu xin họ thu nhận tôi theo cách đó, chắc chắn nó sẽ gột sạch vô số ám chướng và tích lũy vô vàn công đức.

Tulku: Phiếu Ăn của Gia đình?

Nó có thể khiến các bạn ngạc nhiên nếu biết rằng tôi không nộp đơn xin làm công việc giảng dạy mà trái lại tôi thừa hưởng nó. Trong thời gian tôi đang trưởng thành, những người Tạng đã trở thành dân lưu vong vào cuối những năm 1950 và đầu những năm 1960 cảm thấy một nhu cầu cấp bách và hoàn toàn dễ hiểu để bảo tồn văn hóa, phong tục và Giáo pháp của họ. Kết quả là, dựa trên gia thế của tôi, công việc tương lai của tôi là điều không phải bàn cãi. Việc trở thành Lạt-ma thường là một việc sinh lợi, nhưng tôi có thể tự tin nói rằng động cơ của gia đình tôi trong việc cho phép tôi được huấn luyện để trở thành một vị đạo sư không hề vị kỷ. Họ không bao giờ mong tôi trở thành trụ cột gia đình và tôi không nhớ họ đã từng hưởng lợi vật chất nào từ địa vị của tôi – ngược lại hoàn toàn.

Cha tôi, Rinpoche Thinley Norbu, đã phản đối kịch liệt bất kỳ ai kiếm sống từ Pháp và nổi tiếng về những lời quở trách với lý lẽ chặt chẽ, thâm thúy của ông. Khi tôi được tấn phong là hóa thân của ngài Jamyang Khyentse Chökyi Lodrö, thay vì nói với tôi ông tự hào thế nào, thì ông bảo thích tôi là một gomchen vô danh hơn – một hành giả bình thường. Vì sao? Vì ông lo với tư cách là Tulku Khyentse, tôi sẽ trở nên kiêu ngạo, tự phụ, nên sẽ làm ô danh ngài Khyentse Chökyi Lodrö. Ông cũng lo tôi sẽ gánh nghiệp nặng vì nhận tặng phẩm từ những người phải làm lụng nhọc nhằn để kiếm sống.

Mặc dù chúng tôi không thường gặp nhau, nhưng lời đầu tiên khi cha con gặp nhau của ông luôn là một lời khiển trách – và ông thường có một lý do cho việc đó. Lá thư duy nhất mà ông từng gửi cho tôi bắt đầu bằng một bài kệ kính lễ chư Phật, chư Bồ tát và chư Đạo sư rất hay, tiếp theo là mười trang với

những bài thơ có cấu tứ tinh tế, mỗi bài không khác gì một lời khiển trách thậm tệ. Không ai thích bị la rầy, nhưng cha tôi quả là một nhà thơ xuất sắc và tôi yêu chất thơ của ông. Tôi đã đọc nhiều lần những lời của ông, cho đến khi nhập tâm lá thư. Tôi vẫn còn nhớ phần lớn nó và các thầy giáo thọ của tôi đã dạy tôi cách thưởng thức sự quý báu của mỗi âm tiết.

Đối với cha tôi, việc có một người con trai trở thành một tulku chắc chắn không phải vận may trùng số đã thành hiện thực. Thái độ của ông trái ngược với chủ nghĩa duy vật tâm linh háms lợi ngày nay – Tôi thật lòng khâm phục ông về điều đó. Quá nhiều gia đình tranh nhau tiến cử con trai mình làm đạo sư vì mục đích bổng lộc và đặc quyền.

Trở thành Lạt-ma: một Con Dao Hai-Luởi

Tôi không thể nói mình không hưởng thụ một hoặc hai bổng lộc của việc trở thành một lạt-ma. Tôi luôn được dành chỗ ngồi tốt nhất, tôi không bao giờ phải xếp hàng, tôi không bao giờ thiếu người đồng hành và danh hiệu Rinpoche gần như chắc chắn khiến tôi thu hút người khác phái hơn. Nhưng mọi đặc quyền đều có mặt trái của nó. Cuộc sống của một lạt-ma thường căng thẳng bởi những giả định và kỳ vọng vô căn cứ, phi lý và bất công của người khác. Gó [bổng lộc và đặc quyền] có tên ‘trở thành lạt-ma’ đòi hỏi phải kết nối không chỉ với số đông đệ tử siêng năng, nghiêm túc, nhậy bén, mà còn với một nhóm nhỏ hơn bị suy nhược vì chứng căm ghét bản thân và đặt để vô số kỳ vọng và giả định vào vị lạt-ma của họ. Các lạt-ma thường cô độc và chán nản, nhưng cũng là trung tâm chú ý – điều đó không bao giờ thoải mái. Mọi mặt đời sống của một vị lạt-ma đều bị sấm soi và bàn luận chi tiết,

điều đó có thể tạo cảm giác như xúc phạm. Có một khoảng thời gian, tôi bị hoang tưởng về việc bảo đảm mọi thông điệp viết ra và mọi cuộc đàm luận trên WeChat, bất luận nó vô hại ra sao, đều phải xóa. Nhưng giờ tôi giữ lại mọi lời nói để phòng trường hợp cần đến nó như một bằng chứng. Thậm chí tươi cười với ai cũng có thể rủi ro – nó sẽ được hiểu như thế nào? Và giờ thì mọi người đều là nhiếp ảnh gia với đầy đủ trang bị, mỗi ánh mắt và mỗi cử chỉ của tôi đều bị chụp lại, rồi đăng tải tràn lan trên phương tiện truyền thông xã hội và kéo theo vô số lời bình phẩm suy diễn bất tận. Mọi lời lạt-ma thốt ra, nhất là trước mặt thánh giả, được diễn giải tùy ý đến mức đổi trắng thay đen. Không thể nào đùa cợt và trêu chọc mọi người hơn thế được nữa. Mọi lời tôi nói – ngay cả về Donald Trump – đều bị phán xét thái quá!

Trớ trêu thay, các lạt-ma lại thấy tuy họ phải sống dưới sự soi mói của thiên hạ gay gắt đến thế mà cũng làm người khác ghen tỵ, không chỉ trong những người gọi là đệ tử của họ mà cả các lạt-ma khác nữa. Vì thói đạo đức giả và sự giả tạo giờ đây đã len lỏi vào Phật giáo Tây Tạng và truyền xuống nguyên xi cho thế hệ kế thừa, nên sự đố kỵ của một lạt-ma này đối với một lạt-ma khác hiếm khi bộc lộ ra ngoài. Tôi tự hỏi, các vị Trưởng dòng làm sao đương đầu với điều đó? Đặc biệt với các vị thuộc thế hệ trẻ hơn.

Phải chăng tôi sẽ hạnh phúc hơn khi làm một nghệ sĩ vi-ô-lông-xen hay một luật sư? Có lẽ cha tôi đã đúng? Phải chăng tôi nên làm một hành giả Kim cương thừa vô danh thì tốt hơn? Ai biết?

②

Cuộc chạm trán Đầu tiên của tôi với Đệ tử phương Tây

LẦN ĐẦU TIÊN TÔI giảng dạy cho người phương Tây tại Kathmandu là năm 1978. Nhớ lại, mặc dù tôi hoàn toàn không chuẩn bị trước để dạy ‘injis,’ [thuật ngữ Tạng chỉ người phương Tây] tôi nhớ mình tò mò về phương Tây ghê gớm. Có một thời, phần lớn các vị Rinpoche đồng trang lứa không ai quan tâm đến thế giới hiện đại, còn tôi thì lại muốn biết tất tần tật. Dân hí-pi tóc dài từ đâu đến? Điều gì khiến họ cư xử như vậy? Tôi không biết. Tôi nên làm sao đây? Theo những gì tôi biết, bọn họ đều có điểm chung là mắt xanh, tóc nâu, đỏ hay vàng, và da trắng. Tôi không hay biết gì về phong trào phản đối chiến tranh Việt Nam, về thi sĩ người Mỹ Allen Ginsberg hay ban nhạc Beatles.

Tôi đã 17 tuổi và mê mọt nghệ thuật nhiếp ảnh. Tôi nhớ mình đã xúc động thế nào khi bàn luận nhiếp ảnh với Ni cô Lodro Palmo, một người đã học nghệ thuật tại Học viện Thiết kế Rhode Island. Và tôi đã mừng rỡ khôn xiết với chiếc máy ảnh 35mm đầu tiên của mình – một chiếc Minolta mà Jakob Leschly đã tặng cho tôi. Tôi háo hức tìm hiểu phương Tây như những injis tìm hiểu Giáo pháp. Nhưng chưa bao giờ tôi xem xét bối cảnh văn hóa, tâm linh hay chính trị của họ có thể ảnh hưởng thế nào đến khả năng tiếp thu những điều tôi giảng cho họ. Thật ra, tôi không biết chắc sự quan tâm Phật pháp của họ chân thành đến mức nào. Tôi biết nói sao đây? Họ có thể chỉ bị mê hoặc bởi văn hóa phương Đông kỳ lạ, cũng như tôi bị nghệ thuật nhiếp ảnh hớp hồn vậy – hoặc như nghiện ma túy.

Trong những năm cuối thập niên bảy mươi, người Tạng có cái nhìn lẫn lộn về người phương Tây. Các quỹ tài trợ và chính sách vô cùng hào phóng với người dân Tây Tạng. Bản thân người Tạng biết đến nhiều cá nhân đáng mến, nhiều người - nhiều đến kinh ngạc - trong số đó đã cúng dường chư tăng và Lạt-ma, xây dựng trường học và tu viện, và bỏ nhiều công sức ủng hộ những nỗ lực của cộng đồng Tây Tạng trong việc chấn hưng nền văn hóa đang phai nhạt của họ. Trong quá trình đó, người Tạng đã dần quen với ý nghĩ mọi người phương Tây đều là thí chủ. Người Tạng cho rằng những thí chủ người phương Tây hẳn phải giàu có chỉ vì tất cả họ đều rất hào phóng. Mãi nhiều năm sau này thì chúng tôi, những vị Lạt-ma, mới nhận ra là một số trong những vị đó thực ra còn nghèo hơn cả chúng tôi. Chúng tôi cũng cho rằng phần lớn người phương Tây là dân hí-pi, vì hầu hết những người chúng tôi gặp thường để tóc dài, sơn móng tay kỹ càng và mặc quần gin. Mặc dù rõ ràng người phương Tây thích tìm hiểu Phật pháp, nhưng hầu hết người Tạng đều hoài nghi liệu họ có nghiêm túc với việc học tập và thực hành không.

Không ai trong số những bằng hữu phương Tây đầu tiên của tôi là kẻ khờ khạo hay dốt nát. Một số đã tốt nghiệp trường Đại học Oxford, Cambridge và các trường Đại học danh tiếng nhất Hoa Kỳ như Havard, Princeton, Yale,... nên họ không thể nào là kẻ ngốc. Phần lớn họ đã từng đến Kathmandu để thọ giáo các bậc Đại đạo sư như ngài Trưởng Dòng Dilgo Khyentse và ngài Rinpoche Trưởng Dòng Dudjom. Vì thế, họ không cần phí thời giờ quý báu của mình để nghe tôi giảng. Trên thực tế, họ đã làm điều mà người Phật tử mô tả là sự vận hành của kết nối nghiệp, nghiệp báo và nhân duyên. Nhiều người phương Tây mà tôi gặp hồi đó đã trở thành những hành giả Pháp suốt đời. Tôi thường tự hỏi vì sao Ni cô Lodro Palmo,

Charles Hastings, Sandra Scales và những người khác lại chịu mất thời giờ để lắng nghe một tay thiếu niên gần như chưa biết nói tiếng Anh như tôi. Phải chăng có khả năng họ không hiểu được điều tôi đang nói?

Vì không vị thầy nào của tôi có chủ ý chuẩn bị để tôi giảng dạy cho những thánh giả không phải người Tạng, nên tôi không biết tí gì về cách thảo luận Phật pháp với những người không lớn lên cạnh những lá cờ cầu nguyện và bảo tháp hoặc ngân nga những bài Đạo ca. Những injis này không nghĩ các vị bốn tôn đầu-thứ là thiên thần, hướng hồ nghĩ đó là biểu tượng cho chính chân tánh của họ, và tất nhiên họ sẽ không biết chiêm nghiệm nghịch lý sắc-không bất nhị. Nhiều phương diện của Phật giáo Tây Tạng chắc chắn nghe có vẻ khó tin, nhất là dòng truyền thừa Đạo-sư-Đệ-tử (Guru Shishya Parampara) hầu như đã biến mất hoàn toàn trong những nền văn hóa hiện đại hơn. Vì thế, khi một người Âu châu hoặc Úc châu hoặc Mỹ châu thỉnh cầu một lạt-ma Tây Tạng làm thầy họ, thì tôi không biết họ đang thực sự tìm kiếm cái gì: hình bóng của một người cha, một người cùng chí hướng, một người yêu, một thiên thần hộ mệnh, một linh mục, hay chỉ một người bạn để mền để cùng nhau lang thang.

Cũng cần nói rằng, nói chung, các lạt-ma Tây Tạng xem injis là những người còn thô lậu và chưa tiến hóa về mặt tâm linh. Các lạt-ma không hề nhận ra người phương Tây là những người có học vấn cao, có đầu óc ưa phân tích và làm việc có hệ thống. Và họ hoàn toàn không nhận thức rằng nhiều nền văn hóa phương Tây coi trọng tư duy phản biện và tinh thần hiếu học đến nhường nào. Đúng vậy, những người phương Tây mà tôi đã gặp có đầu óc cởi mở theo lối mà dân Hy-mã-lạp-son hiếm khi có được. Trong thời gian tôi lớn lên, những hành giả Phật giáo Mật thừa ở Tây Tạng, Bhutan và Nepal hoàn toàn không quan

tâm đến bất kỳ cái gì ngoài tập quán thường nhật của họ. Người phương Tây cũng biết hướng về tâm linh mạnh mẽ mà điều này, một lần nữa, ít có lạ-ma Tây Tạng nào nhận thấy.

Đối với người Tạng, tất cả người phương Tây đều là những người trọng vật chất. Nhưng nếu họ chú ý hơn một chút về văn hóa phương Tây, thì hầu như họ sẽ thay đổi quan niệm của mình. Những tư tưởng gia và những nghệ sĩ khả kính và quan trọng nhất của thế giới hiện đại là một bí ẩn với người Tạng, chẳng hạn những bộ phim như *Bữa Com với Andre*, đặt ra câu hỏi là liệu chúng ta sẽ hạnh phúc hơn nếu thử sống tự nhiên trong chốc lát không? Và trong nhiều thế kỷ, các ngành âm nhạc, nghệ thuật và văn chương phương Tây – phần đông chúng vượt xa các lĩnh vực tương đương của người Tạng – chú trọng rất nhiều vào sự thờ phụng và tôn vinh Chúa Trời.

Thậm chí ngay cả bây giờ, trải qua sáu thập kỷ từ khi Phật giáo Tây Tạng bắt đầu chuyển di tản khỏi Xứ Tuyết, điều tiếp theo mà phần lớn các lạ-ma biết là con số không về thế giới bên ngoài xứ sở của họ. Nhiều người tin rằng đời sống ở phương Tây cũng khuôn sáo, nhạt nhẽo, sơ sài giống như một bộ phim Hollywood. Song các lạ-ma cần phải nhận ra rằng những đệ tử phương Tây của họ đã chịu ảnh hưởng sâu sắc thế nào – dù vô tình hay hữu ý – bởi lịch sử, tín ngưỡng, luân lý, đạo đức... mà những điều đó đã ngấm vào ngôn ngữ, văn chương, thi ca, nghệ thuật và ca kịch, và làm biến dạng những định nghĩa của đạo đức và luân lý.

Rất thường xuyên, bản thân tôi đã chứng kiến người phương Tây sẵn lòng rũ bỏ tôn giáo và văn hóa gốc của họ để học hỏi Giáo pháp. Chúng tôi những lạ-ma được cho là giúp đỡ họ, nhưng không phải vậy. Và nếu chúng ta thậm chí không hỏi han các triệu chứng của họ, thì làm sao chúng ta có thể bắt đầu chẩn đoán những vấn đề của họ, hướng hồ đưa ra giải pháp?

Rinpoche Trungpa

Rinpoche Chogyam Trungpa là vị lạt-ma đầu tiên quan tâm thực sự về người Phương Tây và nền văn hóa của họ, và tôi rất tiếc khi nói rằng ngài có thể cũng chính là người cuối cùng. Mãi cho đến khi tôi nhìn thấy Rinpoche Trungpa đã truyền bá Giáo pháp đến phương Tây như thế nào thì tôi mới nhận ra rằng người phương Tây có những quan điểm rất khác với người Tạng.

Các phương pháp của Rinpoche Trungpa được suy tính đến từng chi tiết nhỏ nhất. Tôi nhớ khi gặp những đệ tử Shambhala ở Karne Choling, Vermont, thì họ đang được huấn luyện như những người lính. Sau đó, tôi được biết là Rinpoche Trungpa đã yêu cầu họ chào hỏi theo kiểu Anh chứ không phải kiểu Mỹ. Rinpoche cũng bắt những đệ tử Mỹ của ngài phải tập diễn thuyết bằng cách nói ‘tóc Cathy màu đen’ nhiều lần theo giọng Anh. Thoạt nghe nó có vẻ lố bịch khi mất thời giờ như vậy. Ngài đang làm gì vậy? Mãi nhiều năm sau đó, tôi mới hiểu được phương pháp của ngài.

Suốt thời gian diễn ra nghi lễ Kim cương thừa trong những tu viện Tây Tạng, chư tăng ngồi thành hàng lối ngay ngắn, tụng niệm nhịp nhàng, đánh trống và thổi kèn theo những nghi thức được thiết kế, dàn dựng kỹ lưỡng theo cách giống hệt nhau suốt hàng trăm năm. Chư tăng của tu viện Mindrolling nổi tiếng về sự hoàn hảo trong những khóa lễ tập thể của họ. Một trăm vị tăng có thể cầm chày và chuông của họ lên rập ràng không một tiếng động. Nghi thức Kim cương thừa là một bộ phận của văn hóa Tây Tạng và cũng là cách hiệu quả để điều hòa thân và tâm. Mặt khác, nó là một loại thực hành chánh niệm. Làm thế nào để phương pháp rập Tây Tạng này có thể truyền bá cho người ngoại quốc? Rinpoche Trungpa gần

như là vị lat-ma duy nhất có can đảm và khả năng sáng tạo để thử nghiệm. Ngài đã dạy những đệ tử người Mỹ của ngài thực hành diễn tập, cho họ đi đều bước như người lính, và dạy họ những bài học diễn thuyết tiếng Anh để nâng cao sự chú tâm của họ. Tôi cho là ngài đã có những ý tưởng thông minh.

Cũng tương tự như trường hợp để chỉ mặt trăng các bạn cần một ngón tay, nên nhân loại mê muội sẽ cần một bình chứa, một nền văn hóa, để chứa đựng trí tuệ mà họ muốn giữ gìn. Văn hóa Tây Tạng có nên nhập khẩu khóa, kho tàng và thùng chứa vào nước Mỹ không? Không, Rinpoche Trungpa nói, không nên. Vì sao phải nhập khẩu một ngón tay Tây Tạng để chỉ một ngón tay phương Tây nếu điều các bạn thực sự muốn làm là chỉ mặt trăng? Nó thật vô ích. Có thể nào bỏ vừa vạn giáo lý bất nhị vào một bình chứa được rèn đúc theo giá trị và truyền thống của Do Thái giáo-Cơ Đốc giáo không? Có thể lắm chứ. Nhiều người trong chúng tôi đã khâm phục sự dũng cảm của Rinpoche Trungpa với những nỗ lực tiên phong của ngài. Tuy nhiên, tin tức những thử nghiệm của ngài truyền về đã làm chấn động quê hương Hy-mã-lạp-sơn của ngài, và cả trong số ít người phương Tây đã thấm nhuần hoàn toàn văn hóa Tạng.

Điều tôi đang cố nói ở đây là: sẽ mất thời gian để tìm ra cách truyền bá Giáo pháp cho những đệ tử thuộc những nền văn hóa khác nhau. Nó đòi hỏi thời gian, kế hoạch, tầm nhìn và sự cần mẫn. Và sự đề xuất thay đổi dù là nhỏ nhất chắc chắn sẽ thu hút sự chỉ trích gay gắt. Ai trong số chúng ta có đủ can đảm để yêu cầu người Mỹ phát âm giống người Anh? Hay trang điểm kiểu híp-pi trong bộ quân phục? Thậm chí sự bài trí phòng thờ của Rinpoche Trungpa là một kiệt tác, không làm choáng ngợp những đệ tử phương Tây với phong cách đậm chất Tây Tạng cũng không quá xa rời truyền thống của quê hương ngài.

Ngài chọn mặc bộ com-lê và cà-vạt thay cho bộ đồ gấm thêu kim tuyến và chiếc mũ nặng nề, tự gọi mình là ‘Mukpo,’ nghĩa là Brown. Ngài không bao giờ phủ đầu đệ tử của mình bằng những lễ khí Tây Tạng. Tuy nhiên, ngài vẫn không hề mất đi nguồn cội Tây Tạng của mình. Những truyền thống mà ngài lớn lên cùng với chúng đã được điều chỉnh để phù hợp với xứ sở, thời đại và con người mà ngài đang giảng dạy. Và ngài đã khéo kết hợp những khía cạnh thẩm mỹ của xứ Phù Tang mà ngài và những đệ tử của mình thấy nó thật quyến rũ.

Rinpoche Trungpa, với tầm nhìn xa trông rộng, đã ra đi khi còn rất trẻ. Cái chết của ngài không chỉ là mất mát lớn với Giáo pháp mà còn với toàn bộ tương lai của Phật giáo tại phương Tây. Tôi phải thừa nhận rằng, ngay từ đầu, tôi đã chỉ trích những phương pháp của ngài. Nhưng dần dà tôi bắt đầu hiểu ra rằng, vì chúng tôi hiện đang giảng dạy cho những con người khác biệt nhau như thế, nên chúng tôi không chỉ xem xét bối cảnh văn hóa của họ mà còn phải xét đến thế hệ mà họ đã sinh ra.

Điều làm tôi khó chịu hơn cả là người ta nói nhiều về những hành vi kỳ quặc của Rinpoche Trungpa hơn là về lối truyền giáo dũng cảm và sáng tạo của ngài cho người Mỹ. Giống như những bậc cha mẹ dành nhiều giờ đồng hồ nói kiểu bi bô con nít với những thiên thần mới ra đời của họ, Rinpoche Trungpa đã sẵn lòng tiếp thu càng nhiều càng tốt nền văn hóa Mỹ, rồi cố gắng truyền đạt với những đệ tử người Mỹ của ngài theo căn cơ của họ. Thử hỏi có bao nhiêu Lạt-ma khác đã nỗ lực làm như thế?

③

Ngẫu nhiên hơn Dự định

NGÀY NAY, CHÚNG TA biết rằng đức Phật đã hạ sanh bên rặng Hy-mã-lạp-sơn tại đất nước Nepal, rồi dành đời mình chu du khắp miền Bắc Ấn Độ nằm ở phía Nam Nepal. Tuy nhiên, cách đây ba trăm năm, sau bảy trăm năm bị Hồi giáo cai trị, Ấn Độ hầu như đã hoàn toàn lãng quên đức Phật. Cho đến khi một vài tay thực dân Anh và quản lý đồn điền trà lập dị bị xứ Ấn mê hoặc cũng như bị ngôn ngữ và văn hóa bản xứ² quyến rũ. Trong quá trình học tiếng Phạn, họ tình cờ khám phá giáo lý của đức Phật. Một sĩ quan quân đội Anh quốc tên là Alexander Cunningham, là người nổi tiếng đã phát hiện lại thánh địa Bồ Đề Đạo Tràng (Bodhgaya). Nhờ ông ấy mà giờ đây chúng ta có thể hành hương đến đúng nơi đức Phật thành đạo.

Suốt thế kỷ thứ mười chín, sự quan tâm của người châu Âu về đức Phật ngày càng tăng khi có nhiều báo cáo về những khám phá mới tại Ấn Độ. Mô tả đầu tiên về lịch sử Phật giáo Ấn Độ là cuốn *Giới thiệu lịch sử Phật giáo Ấn Độ*, được xuất bản vào năm 1844 của học giả Pháp ông Eugène Burnouf. Triết gia Đức ông Arthur Schopenhauer đã có mô tả nổi tiếng về Phật giáo là “tôn giáo tốt đẹp nhất trong tất cả những tôn giáo hiện hữu” và ngay cả Friedrich Nietzsche cũng chú ý đến Phật giáo, dù lầm lẫn hoàn toàn. Carl Jung, chuyên gia tâm thần học, đã viết:

Ngoài việc đọc sách báo Phật giáo, tôi cũng đã thăm viếng các thánh địa Phật giáo tại Ấn Độ và chúng đã gây ấn tượng sâu sắc với tôi. Nếu là người Ấn Độ thì hẳn

nhiên tôi sẽ là một Phật tử. Nhưng ở phương Tây thì chúng tôi có những tiên đoán khác đi³.

Làn sóng di cư cũng đóng vai trò quan trọng trong việc truyền bá Phật giáo suốt thế kỷ thứ mười chín. Vào những năm 1840, những Phật tử Trung Hoa bắt đầu di cư sang Mỹ; trong những năm 1870 họ là người đầu tiên đưa Phật giáo đến nước Úc. Trong thập niên 1950, những người tị nạn Việt Nam đã di tản đến Mỹ, ở đó họ đã thiết lập những học viện Phật giáo đầu tiên tại phương Tây. Khi người Tạng đang tản cư đến Ấn Độ vào những năm 1960, Phật giáo đã bắt đầu thu hút rất nhiều sự chú ý, nhờ một phần không nhỏ vào dân híp-pi, 'hành trình đường bộ của dân híp-pi,' cần sa, trào lưu văn hóa xã hội tại Mỹ mang tên 'Thế hệ Beat,' ban nhạc Beatles, thiền định siêu việt và chiến tranh Việt Nam.

Trong nhiều thế kỷ, những nhà truyền đạo Cơ Đốc giáo đã đến phương Đông để truyền bá kinh Phúc Âm và cải đạo dân bản xứ. Vì thế, người châu Á chưa bao giờ phải tìm kiếm giáo lý Cơ Đốc. Còn với người phương Tây thì ở vào hoàn cảnh ngược lại. Tôi đã nghe kể một số câu chuyện rất cảm động về hành trình vô cùng rắc rối để đưa Phật giáo du nhập vào nước Anh, Mỹ và châu Âu - nhất là về những người híp-pi theo ban nhạc Beatles vào Ấn Độ, tiếp xúc với Đạo Phật, đi vào thiền định siêu việt và tập luyện yoga đều hết sức tình cờ. Nhưng ít ai trong số những người quan tâm đến Phật giáo lúc đó đặc biệt tìm kiếm giác ngộ, nên họ hầu như không nghiên cứu hay kiểm chứng thực tế. Tất cả những điều đó khiến hành trình trải dài qua nhiều thế kỷ của Phật Pháp đến với phương Tây trở nên hỗn độn, nhưng như thế cũng may lắm rồi. Tuy vậy, bất kể khởi đầu lộn xộn, sự hiện diện của giáo lý Phật-đà tại châu Âu, nước Mỹ và nước Úc nói chung có kết quả tốt đẹp.

Điều hạn chế thực sự duy nhất là khá nhiều Phật tử mới vẫn còn một số quan niệm sai lầm khá kiên cố và các tập khí (hay phản ứng bản năng) sâu dày.

Phật pháp truyền sang phương Đông thế nào

Nhiều thế kỷ trước khi nó hiện diện ở phương Tây, hành trình Phật pháp đến với Trung Hoa, Nhật Bản và Tây Tạng khá ít sự tùy tiện. Tôi nghĩ công bằng mà nói, vì các đời vua Tây Tạng kế vị nhau đã khiến đất nước khánh kiệt trong nỗ lực để Lời Dạy của đức Phật chắc chắn bén rễ ở đó, nên giáo lý của đức Phật du nhập vào được Tây Tạng là nhờ sự bảo trợ của vương triều. Vì công cuộc truyền bá giáo pháp được nhà vua coi sóc và nhận được sự tài trợ toàn phần của vương triều, nên các đạo sư tự-phong phải cân nhắc hai lần trước khi tuyên bố mình là vị thầy Phật giáo chân chính. Tại Trung Hoa, sự tham gia cá nhân của Nữ Hoàng Võ Tắc Thiên với công trình phiên dịch kinh sách Phật giáo sang tiếng Hoa đã nâng mức chất lượng lên cấp lũy thừa; khi người đứng đầu vương triều ban chiếu chỉ phiên dịch, thì việc đó tất nhiên phải hoàn hảo. Phật giáo đã phát triển ở phương Đông theo cách này trong một số thời kỳ và, với mức độ nhiều hay ít, đã liên tục thịnh vượng trong nhiều thế kỷ. Nhưng không thể tránh khỏi cánh cửa của sự tham nhũng thế chế cũng được rộng mở.

Tây Tạng giữ một vị trí độc nhất vô nhị trên thế giới. Sau khi đã đóng đường biên giới với ngoại quốc, không mấy người Tạng có lý do để đi du lịch hay học ngoại ngữ. Rất ít người biết đến thế giới bên ngoài và không biết gì về những tôn giáo khác. Mãi rất gần đây, vẫn không có thứ gì kiểu như một tiệm sách tâm linh ở Tây Tạng (mạng amazon.com chưa được phát

minh cho đến thập niên 1990), nghĩa là dân Tạng chưa bao giờ có cơ hội để lựa chọn đọc cuốn *Tâm Thiên*, *Tâm thức Sơ đẳng* hoặc một cuốn sách giới thiệu về Phật giáo Nguyên Thủy; thậm chí họ còn không biết có những cuốn sách như vậy trên đời. Không một đại học giả nào ở Xứ Tuyết từng nghe nói về triết gia Plato hay tác phẩm *Symposium* của ông; ngay cả *Đạo Đức Kinh* của Lão Tử cũng không thể khiến nó vượt qua biên giới Trung Hoa vào đất Tây Tạng. Nếu bất kỳ cuốn nào trong những cuốn sách này xuất hiện ở Tây Tạng, thì phản ứng gần như chắc chắn là sự phản đối – dứt khoát nó đến từ các vị tu viện trưởng. Với thế giới bên ngoài, Tây Tạng là một cấm địa lãng mạn, bí ẩn, huyền ảo. Nhưng cũng như rất nhiều nền văn minh khép kín khác, dân Tây Tạng tin rằng, vì họ gìn giữ rất nhiều Giáo pháp bên trong lãnh thổ của mình, nên họ sống ở trung tâm của vũ trụ và hoang tưởng về việc sẽ bị ô nhiễm bởi những kẻ ngoại bang.

Tôi đã ở độ tuổi sáu mươi và thành thật mà nói tôi chưa bao giờ nghe một bài hát Tây Tạng hay bất kỳ thể loại âm nhạc Tây Tạng nào có thể chạm đến vẻ đẹp của bản giao hưởng *Đồng quê* của nhạc sĩ Bét-tô-ven. Tôi chưa từng đọc cuốn tiểu thuyết Tây Tạng nào hấp dẫn như cuốn *Truyện Genji* của Murasaki Shikibu hay một cuốn sách Tây Tạng về chiến lược quân sự xuất sắc như cuốn *Binh pháp Tôn Tử*. Trên thực tế, đối với tôi, không có tiểu thuyết hay giao hưởng Tây Tạng; giả như có thì tôi bảo đảm là, dựa trên sở thích của tôi về âm nhạc và văn chương, tôi sẽ tìm đọc hoặc thưởng thức chúng ngay lập tức. Dân Tạng sống trong một thế giới riêng của họ, đó là lý do họ có thể dùng một thuật ngữ Phật giáo như ‘tiểu thừa’ (hinayana) mà không xem xét nó có thật nghĩa là gì. Họ không có sự nhạy cảm khiến Phật tử thời nay co rúm người khi nghe những người theo Thanh văn thừa được mô tả là ‘người đi xe

hơi-tí hon' hay 'người tầm thường, trẻ con.' Và, không có gì đáng ngạc nhiên, khi dân Tạng luôn đánh giá thấp mọi thứ không phải Tạng.

Trong một ngàn năm, tất cả mọi người dân Tạng đều kết nối theo cách này hay cách khác với một số hình thức của Phật giáo Kim cương thừa. Từ những lá cờ cầu nguyện và kinh luân đến những biểu tượng Mật thừa xuất hiện trên những tấm tranh thangka truyền thống và các bức tượng bốn tôn như-yêu-quái, với đầu-heo và đội mào sọ người, trong thế hợp nhất với phối ngẫu của họ. Phật giáo Kim cương thừa đã được dệt vào chính tấm vải đời sống Tây Tạng. Biểu tượng mật thừa tiếp tục được giương cao, giống như dân Ái-nhĩ-lan đã phất lá cờ quốc gia *ba-màu (trídthathach)* của họ trong những cuộc diễu hành vào Ngày Thánh Patrick ở thủ đô Dublin và thành phố New York. Người và báo chí ngoại quốc khó mà vượt qua biên giới Tây Tạng, điều đó nghĩa là người Tạng chưa bao giờ phơi mình trước những sự chỉ trích về nền văn hóa của họ. Hãy tưởng tượng một phóng viên của tờ *Thời báo New York* khắt khe trong phê phán vào Thời kỳ Vàng son (Gilded Age, khoảng năm 1870-1900) có thể thích thú vạch trần nghệ thuật tâm linh có vẻ gọi dục lộ liễu của Tây Tạng và lên án người Tây Tạng thờ phụng ma quỷ. Nói đúng ra qua nhiều năm, một hoặc hai hội truyền giáo của Công giáo và Hồi giáo đã được thành lập ở Tây Tạng, nên nghệ thuật thiêng liêng có vẻ gọi dục của Tây Tạng có thể đã được họ biết đến, nhưng các linh mục và thầy tế đã khéo léo tránh bình phẩm về chúng. Tôi tin chắc họ đã tiết lộ những cảm nghĩ thực sự của mình về nghệ thuật được cho là gọi dục và không phù hợp của Tây Tạng sau khi trở về quê hương của mình, nhưng ở Tây Tạng thì họ là nhà ngoại giao và sống biệt lập. Bản thân người Tây Tạng đã quen với những biểu tượng Mật thừa đến độ họ không còn

thấy chúng trong hình thức chúng đang là và không nghĩ sâu xa về việc người ngoại quốc có thể hiểu chúng thế nào. Từ một quan điểm của Phật pháp và quan điểm riêng của Mật thừa, thì các hậu quả do sự mù quáng của họ sẽ trộn lẫn nhau. Phật pháp và trí tuệ Kim cương thừa là tối quan trọng đối với người Tây Tạng, điều đó tốt cho cả đất nước. Nhưng khi văn hóa Tây Tạng xâm chiếm Kim cương thừa – và tôi phải là Lạt-ma thứ một triệu đã nói về điều này – thì nó là một tai họa cho Phật pháp, nhất là Kim cương thừa. Một khi những biểu tượng Kim cương thừa xuất hiện trên những lá cờ cầu nguyện, tranh ảnh thangka..., đã được sáp nhập vào đời sống thường nhật của người Tạng, thì ý tưởng Mật điển phải được giữ kín đã không còn nữa. Trong khi đất nước Tây Tạng bị cô lập và mọi người dân đều có chung nhận thức, thì việc mất mát bí mật này không đáng kể lắm. Nhưng một khi Xứ Tuyết tan vỡ và những Lạt-ma bắt đầu di tản đến Ấn Độ và phương Tây, thì sự mất mát bí mật bắt đầu trở nên nghiêm trọng.

Trước khi lưu vong, phần lớn các Lạt-ma chưa hề nghe nói về những tôn giáo thế lực, lâu đời chi phối hơn hàng tỉ người trên hành tinh này. Họ không được chuẩn bị gì trong đời sống trước đây để gặp gỡ những con người của thế kỷ hai mươi sành sỏi và học vấn cao, những người am hiểu cơ học lượng tử và tham vọng của họ là bay đến Mặt trăng hay sao Hỏa, xây dựng cây cầu dài nhất thế giới và thiết kế tòa nhà cao nhất. Bất chợt các Lạt-ma thấy quanh mình là những người với quan điểm hoàn toàn khác về cuộc đời và những tham vọng hết sức đa dạng. Họ bất ngờ phải đối diện với thực tế là không phải tất cả mọi người trên thế giới đều hướng về Phật giáo. Nó phải là một cú sốc toàn diện. Tệ hơn nữa, các Lạt-ma còn phải đương đầu với sự tồn tại của các tôn giáo mà số tín đồ của họ lên đến hàng chục triệu, đã được dạy dỗ những triết lý tinh vi như

giáo lý nhà Phật và những nghi thức và văn hóa của họ, nếu có, cũng phức tạp hơn. Hãy lấy âm nhạc nhà thờ Cơ Đốc giáo làm ví dụ, nó đẹp đẽ, phong phú và tinh tế vượt xa lễ nhạc Tây Tạng. Những tổ chức tôn giáo rất lớn trên thế giới có quyền lực không thể tưởng và những đại học đường của nó đã giảng dạy thần học và nhiều bộ môn nghệ thuật cả ngàn năm nay. Tín đồ Cơ Đốc chưa bao giờ hài lòng với việc chỉ ngồi trong nhà thờ và cầu nguyện. Bốn phận của họ là chăm sóc người ốm đau và nghèo khổ và cứu rỗi linh hồn. Vì vậy, các nhà truyền giáo Cơ Đốc đã đi khắp thế giới để xây bệnh viện và trường học trong khi rao giảng Phúc Âm. Là dân tị nạn, các Lạt-ma cảm thấy mình sống trong những quốc gia ở đó mọi tiêu chuẩn xã hội, sự kỳ vọng, ý thức cá nhân và giáo dục không cái nào giống Tây Tạng cả. Nhưng thay vì nỗ lực để tiếp cận học hỏi cấu trúc văn hóa trong những nền văn hóa đã đón nhận họ hoặc xem xét làm thế nào để những hình ảnh Mật thừa có thể tiếp thu được tại đất nước Thụy Sĩ và Xcốt-len, thì các Lạt-ma hoặc bỏ qua những sự khác biệt hay đơn giản là không để ý chúng. Họ đều xây chùa chiền theo kiểu Tây Tạng, rồi phủ khắp các bức tường bằng hình ảnh những Bồ-tôn phụ mẫu mà không một lời giải thích hay một thoáng nghĩ về việc những hình ảnh đó được cảm nhận ra sao.

Tuy nhiên, các Lạt-ma vừa mất quê hương, nên có lẽ chúng ta hãy bỏ qua cho họ. Phật pháp chiếm phần rất lớn trong nền văn hóa và bản sắc của họ như vậy, nên không có gì đáng ngạc nhiên rằng trong hoàn cảnh lưu vong, họ lại chuyên tâm hết mức vào việc bảo tồn nó. Song, một trong những hậu quả của sự tận tụy hết lòng đối với nền văn hóa của họ là Phật giáo Tây Tạng hiện nay đang bị coi là một hình thức giả danh của sự sùng bái tính giao của Ấn Độ giáo bởi một số Phật tử Trung Hoa, Thái Lan và Miến Điện.

Đa phần Phật tử tự hào rằng chư vị tổ sư của họ hiếm khi cử các nhà truyền giáo ra nước ngoài để cố gắng hoán cải thế giới theo Phật giáo. Chư tổ có thể có lý do. Mặt khác, việc không có một truyền thống các nhà truyền giáo của Phật giáo có thể là nguyên nhân của việc truyền bá Phật pháp vào phương Tây đã dẫn đến một mớ bòng bong những sự hiểu lầm.

Những nhà truyền giáo Cơ Đốc đã nhiệt thành tận tụy để truyền bá Phúc Âm và cứu rỗi linh hồn. Họ chịu đựng những hành trình nguy hiểm, bất tiện đến những nơi như Pê-ru, ở đó họ nhanh chóng học ngôn ngữ và văn hóa bản địa càng nhiều càng tốt. Những nhà truyền giáo Công giáo truyền bá Phúc Âm vào Ấn Độ đã sử dụng những thực hành và niềm tin của Ấn Độ giáo. Tôi được nghe kể về các nhà truyền giáo dòng Tên đã tự giới thiệu họ là Bà-la-môn, vẫn khố, cạo đầu ngoài trừ để lại một búi tóc duy nhất, trở thành người ăn chay và mô phỏng nhiều biểu tượng và tập quán Ấn Độ giáo để đưa vào sự thờ phụng Thiên Chúa càng nhiều càng tốt. Nhà thờ của họ được gọi là đền (*kovil*), Bí tích Thánh thể được giới thiệu là cúng dường thức ăn (*prasadam*), Kinh Thánh là Kinh Vệ-đà (*vedam*) và lễ mi-xa của Công giáo là lễ cúng (*puja*). Ngay mới đây vào năm 2008, Tòa thánh Vatican đã xuất bản một cuốn Kinh Thánh bằng tiếng Ấn Độ gồm cả những đoạn trích dẫn từ kinh Vệ-đà, kinh Du-già và Áo-nghĩa-thư. Chúa Giê-xu được Ấn hóa không còn bị đóng đinh trên thánh giá mà hân hoan nhảy múa khi ngài thổi sáo, trông rất giống Thần Krishna.

Tôi không gọi ý Phật tử nên tiếp nhận lối truyền giáo nhiệt huyết giống như Cơ Đốc giáo, nhưng giá như các vị Lạt-ma nỗ lực hơn một chút để học hỏi văn hóa, sở thích, tập quán và ngôn ngữ của những đất nước mà họ giảng dạy ở đó, thì tôi tin là nhiều hiểu lầm hiện nay về Kim cương thừa sẽ không bao giờ còn đất để bén rễ nữa.

④

Phật pháp đối mặt Văn hóa, Truyền thống và Phong tục

“Đức Phật bảo ngài A-nan, “Ông và những người như ông vẫn còn nghe Pháp với tâm sanh diệt [hay tâm phan duyên], nên Pháp cũng thành sanh diệt, và ông sẽ không lĩnh hội được Pháp tánh bất biến. Điều này giống như một người đưa ngón tay chỉ trăng để người kia nhìn thấy. Được chỉ điểm bằng ngón tay, người kia sẽ nhìn thấy trăng. Nhưng nếu không nhìn trăng mà lại nhìn ngón tay và tưởng nó là trăng, thì người kia sẽ lạc mất không chỉ trăng mà cả ngón tay. Vì sao vậy? Vì người kia nhầm ngón tay chỉ trăng là trăng sáng.”⁴

Kinh Lăng-nghiêm

Năm 1973, bộ phim *Long tranh Hồ đấu* nổi tiếng đã sử dụng hình tượng ẩn dụ đó, qua lời nói của cố tài tử Lý Tiểu Long:

“Nó như ngón tay chỉ đường đến cung trăng: đừng tập trung vào ngón tay nếu bạn không muốn bỏ lỡ tất cả vẻ đẹp lộng lẫy tuyệt trần đó.”⁵

Những người mới vào Kim cương thừa thường nói với tôi là họ yêu thích giáo lý nhưng không tài nào hòa hợp với những khía cạnh khác của văn hóa châu Á - ý họ muốn nói đến sự tái sanh, bốn tôn và toàn bộ bốn phận của đạo sư. Đối với họ, văn hóa châu Á đồng nghĩa với Kim cương thừa, và quan

niệm sai lầm này cho tôi thấy họ không hiểu Kim cương thừa gì cả. Nếu chịu khó nghiên cứu nhiều hơn một chút, thì chính Kim cương thừa sẽ loại trừ mọi sự phản đối và thành kiến của họ - nếu họ tìm hiểu nó đúng đắn.

Nếu Kim cương Thượng sư của các bạn đòi hỏi bốn tôn các bạn quán tưởng phải trông giống người Tây Tạng, thì đó là sai lầm nghiêm trọng. Đúng là những Bốn tôn Kim cương thừa thường có đầu heo, đầu ngựa, sáu tay, bốn chân..., nhưng những hình thể này không phải sản phẩm của văn hóa Tây Tạng. Các bạn có biết người Tây Tạng nào có một đầu heo và sáu tay như vậy không? Không ai trên trái đất này trông giống như vậy cả! Và khi một bốn tôn sáu tay, đầu heo không thuộc thế giới này, thì cũng không phải người Tây Tạng. Thực tế thì nó không có đặc điểm chủng tộc của người Tây Tạng cũng như mọi đặc điểm còn lại trên thế giới này.

Phải chăng hệ thống biểu tượng Kim cương thừa và những thực hành theo nghi thức Kim cương thừa có trong Phật giáo Tây Tạng có thể mang lại hiệu quả cho những người không phải dân Tạng? Ví dụ, những yếu tố của Kim cương thừa có mặt trong phần lớn các giáo lý căn bản, như Ngondro. Phải chăng hệ thống biểu tượng Kim cương thừa chỉ là một sản phẩm của người Tạng?

Chúng ta hãy cùng nhau làm rõ hoàn toàn điều này: văn hóa, truyền thống và phong tục Tây Tạng hoàn toàn không phải Phật pháp giống như trường hợp cốc và nước trà là hai thực thể riêng biệt. Một cốc trà nhìn sẽ đẹp hơn nước trà chứa trong nó. Cái cốc có một tay cầm và được đặt trên một cái đĩa; các bạn có thể đụng chạm, sờ mó và cầm cốc. Chúng ta không thể uống trà mà không có cốc - hoặc chén hoặc một số loại bình. Giống như trà, chúng ta cần một cái bình để thưởng thức

Pháp, và đây là lý do vì sao văn hóa, truyền thống và phong tục lại rất cần thiết.

Nhân loại luôn sử dụng các biểu tượng. Từ kinh đô Sư tử của A-Dục vương đến những ngôi sao và kẻ sọc trên lá cờ Mỹ, những biểu tượng mà chúng ta sử dụng được qui định bởi nền văn hóa của mình. Chữ thập đỏ trên nền trắng là huy hiệu của Hội Chữ Thập Đỏ Quốc Tế. Nhưng chỉ sau hai mươi năm tổ chức này được thành lập, thì tín đồ Hồi giáo đã phản đối mạnh mẽ huy hiệu đó, vì theo họ chữ thập là một biểu tượng của đạo Cơ Đốc. Do đó, hiện nay hình trăng lưỡi liềm đỏ được sử dụng tại các quốc gia Hồi giáo.

Dù Kim cương thừa được giảng dạy ở đâu, nó luôn vận dụng văn hóa địa phương và hệ thống biểu tượng trong nỗ lực truyền đạt giáo lý cho những người đến từ nhiều nền văn hóa khác nhau. Các món cúng dường thông thường như hoa và hương, ví dụ, được nhập khẩu vào Tây Tạng từ Ấn Độ, cùng với cúng phẩm nước rửa-chân đặc trưng của người Ấn. Người Tạng hiếm khi tắm rửa thân mình hướng là chân, nhưng họ luôn cúng nước rửa-chân trên bàn thờ của họ. Vì sao người Ấn lo rửa chân và họ làm điều đó như thế nào là một bí ẩn đối với phần lớn người Tạng, nhưng họ chưa bao giờ điều chỉnh cúng phẩm để phù hợp với trải nghiệm và sở thích của riêng họ.

Thực hành dự bị của Kim cương thừa gọi là *Ngondro* gồm có các phương pháp cụ thể để lễ lạy và một nghi thức đòi hỏi đặt những tụ gạo nhỏ tượng trưng cho các hành tinh, mặt trời và mặt trăng. Đối với một số hành giả Phật tử thời nay không phải người Tạng, các thực hành này có vẻ kỳ quặc, và việc chúng đòi hỏi sự quán tưởng các mạn-đà-la và cây quy y dường như quá đổi lạ lùng. Vì vậy, hoàn toàn dễ hiểu khi một số người Mỹ cảm thấy một khóa thiền Minh-sát (*vipashyana*) chín ngày quen thuộc và thoải mái hơn, cũng như ít đe dọa và lạ lùng hơn

Ngondro. Vì vậy hiện nay, những quốc gia mới tiếp nhận Phật pháp – tại châu Âu, châu Mỹ... – đang bắt đầu phát triển nền văn hóa Phật giáo đơn giản hơn, giống Thiên tông hơn của riêng họ. Tông phái nào tốt. Tôi không muốn làm nản lòng họ. Một chiếc bình văn hóa có thể là sự trợ giúp quan trọng khi nó phục vụ giáo lý Phật-đà. Nhưng trong đầu người Mỹ phải tỏ tường là họ đang tạo ra một nền văn hóa mới. Họ cũng nên nhớ là nếu không phá vỡ sự phân biệt nhị nguyên [hai mặt] thông qua thực hành, bất kể mọi túc số Ngondro được lặp lại bao nhiêu lần – mười, thậm chí hai mươi lần – hay khóa nhập thất thiền Minh-sát chín-ngày định kỳ hằng năm của họ có kỷ luật, đơn giản, giống Thiên tông và không chịu ảnh hưởng văn hóa ra sao, thì thực hành của họ sẽ không đạt được là bao.

Người ta có thể phản đối rằng khái niệm dòng truyền thừa đạo sư và các thể chế ủng hộ cho dòng truyền thừa đó là sản phẩm của văn hóa Tây Tạng. Tuy nhiên, nếu các bạn nhìn kỹ lại lịch sử, sẽ thấy khái niệm dòng truyền thừa đạo sư bắt nguồn tại Ấn Độ. Truyền thống mà tôi sinh ra ở đó đánh giá cao dòng truyền thừa đạo sư, và tôi được dạy phải suy nghĩ chín chắn trước khi theo chân một vị thầy mà giáo lý của vị đó dường như mới ra đời đêm qua.

Một người phụ nữ phương Tây một hôm đã hỏi tôi có thích ông Osho không.

“Có.” Tôi đáp. “Tôi thích ông ấy nhiều lắm. Ông ấy là người dí dỏm, sâu sắc và, dù sự am hiểu của tôi về ông tất nhiên còn hạn chế, ông không có vẻ gì là một người đạo đức giả. Tôi chỉ có một vấn đề với ông ấy: ông ấy dường như chưa bao giờ nói về thầy mình hoặc thầy của thầy mình...”

Khi những lời đó vừa rời khỏi miệng tôi, bà ấy liền xụ mặt. Vì bà ấy sinh ra trong nền văn hóa coi trọng tính độc đáo và tính sáng tạo, nên việc thiếu vắng một vị đạo sư hoặc dòng

truyền thừa được công nhận của ông Osho sẽ không mấy may làm bà ấy phiền lòng.

Các bạn có thể nghĩ rằng là một người vô thần hoặc một người theo thuyết bất khả tri, hoặc thậm chí tốt hơn nữa là một người hiện đại, thì các bạn sẽ thoát khỏi nỗi ám ảnh bắt nguồn từ những nền tôn giáo cổ xưa trên đất nước các bạn. Nhưng điều đó có thực sự đúng như vậy không? Là ‘người hiện đại’ không có nghĩa các bạn sẽ tự động rũ sạch mọi dấu vết văn hóa và tập quán dân tộc của mình. Những người vô thần nói tiếng Anh bản xứ vẫn sẽ tiếp tục sử dụng thứ ngôn ngữ đang phát triển dưới sự ảnh hưởng của những giá trị Cơ Đốc giáo. Ngôn ngữ và văn chương có sức ảnh hưởng mạnh mẽ lên cách suy nghĩ của những người nói tiếng Anh bản xứ đến độ khó mà thoát khỏi sự ảnh hưởng đó. Hãy lấy ví dụ, từ ‘thế tục.’ Ngày nay, những vị gọi là thầy tâm linh đã rất cố gắng để đưa những khóa học giáo lý của họ vào phạm vi thế tục bằng cách nói rộng khoảng cách giữa giáo lý ‘mới’ của riêng mình với các truyền thống cũ, ‘lỗi thời’ càng xa càng tốt. Nhưng theo sử gia Tom Holland, không có gì là thuần túy thế tục cả. Anh ngữ đã bị biến đổi bởi những giáo hội Cơ Đốc và cắm rễ vào những giá trị Cơ Đốc giáo quá nhiều đến mức “Các yếu tố của Cơ Đốc giáo liên tục ngấm từng chút một vào đạo đức và óc phán đoán của mọi người đến độ phần lớn họ thậm chí không thể phát hiện ra sự hiện diện của chúng.”⁶

Con đường tâm linh là một khái niệm tương đối mới mẻ do phương Tây tạo ra. Ban đầu, những gì chúng ta hiện nay gọi là Phật giáo và Lão giáo chỉ là một cách sống. Tại Ấn Độ, ví dụ, một truyền thống Ấn Độ giáo gọi là *ashrama*^{7a} chia đời người thành bốn giai đoạn: độc thân, tuổi học trò (*brahmacharya*); chủ gia đình (*grihastha*); sống trong rừng (*vanaprashtha*); buông bỏ, sống khổ hạnh (*sannyasa*).

Người ta nói rằng ngay cả hoàng đế và hoàng tử cũng nóng lòng trở thành một *vanaprashtha* để họ có thể rút lui vào rừng nhằm tìm kiếm chân lý. Ngày nay, những tu sĩ khổ hạnh bôi tro được cho là những người sùng đạo hoặc thánh thiện. Cách đây ba ngàn năm, bất kỳ ai ngồi trong một cái hang hay giữa khu rừng hay bên bờ sông Hằng khi họ quán chiếu tâm mình với mong mỗi khám phá chân lý đều được kính trọng giống như chúng ta kính trọng những nhà nghiên cứu và khoa học gia đương thời. Toàn bộ lối sống của một tu sĩ khổ hạnh đều hướng về việc tìm kiếm chân lý và rất khác khi so với những môn đồ đi theo những con đường tâm linh của thế kỷ thứ 21. Những nhà tư tưởng vĩ đại đã đi đến kết luận rằng ‘mọi thứ giả hợp đều vô thường’ mà khi các bạn nghĩ về điều đó thì nó gây ấn tượng thật sâu sắc. Không dễ để hiểu được một khái niệm đơn giản, huống hồ khám phá nó. Giờ thì chúng ta quá quen thuộc với câu nói ‘mọi thứ giả hợp đều vô thường’ đến mức sức ảnh hưởng của chân lý này thường mất hút trong chúng ta. Cách đây hai ngàn năm, nó là cơn địa chấn.

Nếu người ta tin vào những gì báo chí lan truyền, thì có số lượng ngày càng tăng những nhà khoa học hiện đại cho rằng ngày nay tôn giáo không còn phù hợp. Họ hạ thấp lối sống tập trung hoàn toàn vào việc khám phá chân lý bằng thực nghiệm và quan sát tâm mình theo phạm trù đang bị nhiều xuyên tạc là phạm trù ‘tôn giáo.’ Điều này chưa hề xảy ra. Những nhà thiên văn lớn trên thế giới dành đời mình quan sát mặt trăng và các hành tinh và ghi nhận mọi thứ họ nhìn thấy. Những tu sĩ khổ hạnh lớn trên thế giới ngồi trong hang động quan sát tâm họ và ghi nhận mọi thứ họ khám phá. Cả hai ngành kiến thức đều được coi trọng ngang nhau.

Ngày nay, cái rổ dán nhãn ‘con đường tâm linh’ chứa quá nhiều trứng. Bói bài Tarot, thuật chiêm tinh, thuật xoa bóp,

liệu pháp hương thơm, quả cầu pha lê tiên tri..., hết thầy thường được cho là những hoạt động ‘tâm linh,’ và Phật giáo hiện nay bị ném chung vào cái rổ đó. Nhưng từ ‘tâm linh’ thực sự có nghĩa là gì?

Chúng ta hãy giả sử rằng chúng ta không có lựa chọn nào ngoài việc phải dùng thuật ngữ ‘con đường tâm linh.’ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đã định nghĩa mục đích của một ‘con đường tâm linh’ thế nào? Theo đức Phật, chúng ta đi theo một con đường tâm linh để tìm cách khám phá chân lý. Vậy ‘chân lý’ là gì? Lạ thật, thì ra chân lý không có gì kỳ lạ, cũng không huyền bí gì cả. ‘Chân lý’ đơn giản đến buồn cười: bao giờ còn nhị nguyên, thì không bao giờ có thể mãn nguyện hoàn toàn.

Đừng bao giờ hạ thấp sức mạnh của văn hóa và tập quán. Nó ngấm vào mọi thứ chúng ta làm và mọi thứ chúng ta không làm. Sự hiểu lầm nảy sinh giữa những đệ tử phương Tây và những vị thầy Tây Tạng thường có thể bắt nguồn từ sự thiếu hiểu biết về văn hóa của nhau. Xuyên suốt lịch sử, văn hóa được định hình bởi những khái niệm về phép xã giao và tương tác xã hội, mỗi nền văn hóa phát triển một khiêu hài hước, một tập hợp những giá trị và những điều cấm kỵ của riêng nó. Đây có thể là lý do vì sao phần lớn người Tạng không bao giờ hiểu phép xã giao của người Pháp hay sự hài hước của người Anh. Phần nào không công bằng, khi các Lạt-ma Tây Tạng đánh giá người phương Tây theo những tiêu chuẩn Tây Tạng. Khi những injis duỗi đôi chân mỗi nhừ trong một phòng thờ, họ được xem là mất lịch sự, thậm chí bất kính. Các Lạt-ma quên rằng việc ngồi xếp bằng trên sàn không phải thói quen của phương Tây và hiếm người phương Tây biết đến quy ước trong phòng thờ Tây Tạng. Nếu đổi vai, nó sẽ giống như một Lạt-ma Tây Tạng bước vào phòng ngai vàng của Cung điện Buckingham, lạy Nữ hoàng ba lần, rồi ngồi xếp bằng trên sàn.

Nhiều thứ đang thay đổi mau chóng. Phép lịch sự tuần trước là nổi sỉ nhục chết người tuần này; điều phù hợp với chuẩn mực ngày hôm qua không còn phù hợp vào ngày mai nữa. Tập tục xã hội đang thay đổi không ngừng. Ngay bây giờ, ‘xúc phạm phẩm giá’ là một hiện tượng phổ biến. Nhưng phẩm giá của ai đang bị xúc phạm? Tôn giáo nào đang bị bôi nhọ? Sự thay đổi không ngừng của những điều cấm kỵ (nhạy cảm) hoặc sẽ tăng cường sự nhạy cảm của chúng ta hoặc sẽ làm chúng ta tê liệt hoàn toàn, gây thêm khó khăn và đau đớn. Mới đây, sau khi vô tình xúc phạm người khác, tôi tự hỏi, phải chăng tôi chấp nhận việc quy tắc của phép xã giao luôn thay đổi? Phải chăng tôi nên lo lắng mãi về việc vô ý làm người khác buồn? Có chắc là nhiều thứ trong cuộc sống đáng làm hơn việc cứ mãi bảo vệ những điều cấm kỵ của mình và tránh tổn thương người khác không?

Vì mỗi quan hệ thầy-trò bao gồm hai cá thể, nên nó sẽ diễn ra suôn sẻ hơn nhiều nếu cả hai đều cố gắng để biết được điều gì có thể phiền lòng người kia, cũng như điều gì khiến họ hoan hỉ.

Thái độ của người Tạng đối với Nữ giới

Một trong những sai lầm chủ yếu trong văn hóa Tây Tạng là thái độ của nó đối với nữ giới. Thế giới chưa bao giờ công bằng với phụ nữ và, nhiều như tôi ghét phải thừa nhận điều đó, cách đối xử với phụ nữ trong khu vực Hy-mã-lạp-sơn, cụ thể là trong cộng đồng người Tạng, thật kinh khủng và vẫn đang tiếp diễn như vậy. Và theo tôi có vẻ như phần lớn sự đố kỵ phụ nữ của người Tạng bắt nguồn từ thuở các lạt-ma trở thành người cai trị đất nước Tây Tạng.

Con người chúng ta kính trọng những người nắm giữ quyền hành, tiền bạc và thế lực. Chúng ta khâm phục họ, xem họ là hình mẫu của mình và cố gắng bắt chước họ. Chúng ta có thể, cho ví dụ, chụp một tấm hình của mình theo kiểu mô phỏng một cảnh quay quảng cáo được ưa thích bởi thần tượng hiện nay của chúng ta. Giống như toàn thể nhân loại, người Tạng thích bắt chước hình mẫu của họ và thường chọn con đường sự nghiệp tương tự.

Để thảo luận vấn đề, hãy tưởng tượng Tây Tạng sẽ trở nên ra sao nếu người thường, không phải Lạt-ma và tu sĩ, cai quản đất nước? Phải chăng các tu viện vẫn được xem là các tổ chức có đặc quyền đặc lợi của quốc gia? Tôi nghi ngờ điều đó. Những người trẻ tham vọng sẽ có những lựa chọn khác, kể cả khả năng nghiêng về đời sống thế tục. Nếu vậy thì nó sẽ giống như mọi người khác trong thế giới hiện đại, nghĩa là người Tạng sẽ tán chuyện thời trang, xu hướng của kiểu dáng phong cách và các loại siêu thực phẩm mới, và họ cũng hát những bài hát ngợi ca các nhạc sĩ, binh sĩ, quan chức, nhà khoa học và nghệ sĩ mà họ ngưỡng mộ. Các tiểu thuyết thì viết về đời sống của giới bình dân và người nổi tiếng. Người Tạng cũng sẽ ăn mặc giống người hùng của họ, có cùng kiểu tóc, trang điểm giống nhau... Nhưng chuyện này không xảy ra vì, trong nhiều thế kỷ, các Lạt-ma cầm quyền ở Tây Tạng, nên các Lạt-ma, tu sĩ, tu viện và Giáo pháp chiếm ưu thế.

Tôi không nghĩ người Tạng cho rằng phụ nữ có bản chất xấu xa hay một hạng người thấp kém hay bất kỳ điều gì như vậy, nhưng khi Luật tạng dạy rằng người xuất gia phải tránh xa nữ giới, thì đó chính xác là điều họ đã cư xử. Ngày xưa khi giới tăng lữ cai trị Tây Tạng và trở thành hình mẫu của đất nước, thì việc tránh xa phụ nữ của họ bắt đầu được hiểu là một cách thể hiện sự khinh thường. Theo thời gian, sự coi

thường phụ nữ ngấm vào đầu óc của cộng đồng Tây Tạng và trở thành thói quen. Phần lớn Lạt-ma đều độc thân và những tu viện và học viện được tôn trọng nhất toàn là tu sĩ độc thân, nên không gì lạ khi những cộng đồng độc thân của Tây Tạng nhấn mạnh thực hành độc thân. Nhưng nó là một điều đáng tiếc, thậm chí đáng thất vọng, khi các Lạt-ma không nhớ rằng những người Tạng ngoài đời thường không sống độc thân.

Theo thường lệ, Phật giáo Đại thừa dạy rằng nam giới và nữ giới đều bình đẳng – không kể những giáo lý xem trọng nữ giới hơn nam giới. Rõ ràng bình đẳng giới tính đã được tuyên bố trong giáo lý, nhưng ở Tây Tạng nó chưa bao giờ được nêu bật hay nhấn mạnh. Bát-nhã Ba-la-mật-đa, một trong những giáo lý quan trọng bậc nhất, thường được mô tả là *yum* hay ‘mẫu.’ Một trong mười bốn giới căn bản được thọ nhận bởi hành giả Kim cương thừa là không bao giờ xem thường, chê bai hay nhục mạ người phụ nữ. Nếu các bạn phạm bất kỳ một giới nào trong mười bốn giới căn bản của Kim cương thừa và không ân hận việc phạm giới – nghĩa là sự ân hận của các bạn sẽ đưa các bạn đến sự thừa nhận và tịnh hóa nó – thì hành trình trên con đường Kim cương thừa của các bạn sẽ kết thúc. Nhưng tại Tây Tạng, bình đẳng giới luôn bị văn hóa kiểu thầy tu che lấp.

Xin đừng hiểu lầm tôi, vì tôi không có ý nói rằng mỗi khi một người Tạng nào tự nguyện giữ giới độc thân và đi theo con đường xuất gia, thì luôn xem thường hay miệt thị nữ giới. Tôi cũng không nói rằng các vị tu sĩ hiện nay nên lập gia đình hay được phép quan hệ tình dục. Điều tôi đang nói là theo Phật pháp, không ai được coi thường, lạm dụng hay làm tổn hại bất kỳ chúng sanh hữu tình nào khác, bất luận giới tính hay giống loài của họ là gì. Các tu sĩ Phật giáo được cho là phải tuân thủ giới luật. Cũng như những nam sinh sống trong ký

túc xá nam tại châu Á được dặn dò phải lánh xa ký túc xá nữ, kỹ thuật của Luật tạng trong việc chiến thắng ham muốn khoái lạc với người khác phái là cấm các vị tỳ-kheo gặp riêng một người nữ. Hướng dẫn này nói về sự tránh xa, không phải sự coi thường, nhục mạ, miệt thị... Và điều tương tự áp dụng cho nữ tu sĩ; muốn chừa vị tỳ-kheo-ni cũng tránh xa việc thân cận giao du với người nam. Đó là quy định giống nhau cho cả hai giới. Nếu một người nam và một người nữ chọn đời sống của một người xuất gia là một tỳ-kheo hay tỳ-kheo-ni, thì tất nhiên họ đã chọn buông bỏ mọi khía cạnh của đời sống thế tục. Nhưng việc chọn lựa như vậy hoàn toàn không liên quan đến sự coi thường hay ngược đãi nữ giới.

Một số hành giả giữ Biệt giải thoát giới (Vinaya) cũng thực hành Kim cương thừa và giữ Mật giới. Đối với họ, tránh xa người khác vì những người đó được cho là ô nhiễm hay bất toàn sẽ mâu thuẫn hoàn toàn với giới nguyện Kim cương thừa.

Tôi lớn lên với người hàng xóm như vậy là một tu sĩ gương mẫu tên là Lạt-ma Gelek. Ông là một vị tỳ-kheo thật thanh tịnh và đúng là hàng xuất gia mẫu mực mà bạn bè tôi và tôi thích trêu chọc – chúng tôi rất nghịch ngợm. Là một tu sĩ, ông biết mình không bao giờ được ở riêng một mình với một người nữ và hoảng sợ nếu có khả năng điều đó xảy ra dù mong manh nhất. Đồng thời, vị thị giả của Lạt-ma Gelek, người vẫn còn sống, đã kể với tôi là ông ấy cúng dường Tsok mỗi ngày và nó được âm thầm chia cho một vài phụ nữ. Bản thân tôi cũng để ý đến việc chia cúng phẩm tsok, nhưng đó là một khoảng thời gian dài trước khi tôi tìm được cách thuyết phục Lạt-ma Gelek giải thích việc làm của ông.

“Là một hành giả Phật giáo,” ông bảo, “Ta cố gắng thực hiện mọi sự rèn luyện – Thanh văn thừa, Bồ tát thừa và Kim cương thừa. Ta không giữ tà kiến về nữ giới nhưng, là một tu

sĩ, Biệt giải thoát giới dạy rằng ta phải không bao giờ ở một mình với một người nữ trong trường hợp cô ấy khiến ta nảy sinh cảm xúc ham muốn. Rắc rối là do hoang tưởng về giới luật xuất gia của mình nên thỉnh thoảng nó khiến ta cư xử không phù hợp mà điều đó thì không đúng! Nữ giới chính là dakini và sự hoang tưởng về việc ở một mình với họ khiến Mật giới của ta bị sút mẻ. Vì vậy mà ta phải tịnh hóa sự vi phạm Mật giới thông qua thực hành tsok.” Lạt-ma Gelek là một tấm gương tuyệt hảo.

Các bạn có thể ngạc nhiên vì mấy ai thực hành được cả ba thừa như Lạt-ma Gelek. Bên ngoài họ tuân theo Giới luật của Thanh văn thừa, bên trong họ phát tâm Bồ đề của Đại thừa và họ bí mật thực hành Kim cương thừa.

Tôn ty của Phật giáo Tây Tạng

Dù mọi hình thức tôn ty bị Kim cương thừa ghét cay ghét đắng, nhưng trải qua nhiều thế kỷ, Phật giáo Tây Tạng đã phát triển một hệ thống thứ bậc. Dù bối cảnh là gì, bất kỳ kiểu phân biệt nào, kể cả quan niệm một người sinh ra sẽ cao quý hay thấp kém hơn người khác, dù gì cũng không hề liên quan đến Phật giáo hay Kim cương thừa. Nhưng loài người lại thích trật tự xã hội, cùng với điều đó là tất cả hình thức trang trọng và ấn tượng của lễ nghi, và người Tạng cũng không ngoại lệ. Trên thực tế, nỗi ám ảnh của dân Tây Tạng về người có được ngôi vị cao nhất và cao khoảng bao nhiêu cũng như đặc quyền đặc lợi mà người nhà của một vị Lạt-ma mong mỏi – thậm chí đến cả hàng cháu gọi bằng bác, chú, cô, dì – đối với nhiều người như chúng tôi, thật xấu hổ không thể chịu nổi. Nhưng đối với Pháp, không hề có tôn ty. Nếu có tôn ty chẳng nữa, thì nó chỉ

dựa trên cơ sở người nào đã nghe thuyết Pháp nhiều nhất và thành tựu nhiều thực hành nhất. Ví dụ, Luật tạng chỉ khuyên chư tăng kính trọng những người đã thọ giới trước họ. ‘Cấp bậc’ duy nhất được công nhận bởi Kim cương thừa là ‘đạo sư.’ Và đạo sư là tất cả.

Đối với một người đệ tử, điều quan trọng của thực hành Kim cương thừa là học cách để thấy đạo sư mật thừa là một vị Phật, và bốn phận của đạo sư mật thừa là bảo đảm rằng mỗi đệ tử sẽ trở nên ngang bằng với Phật. Nói khác đi, bốn phận của đạo sư là bảo đảm rằng mọi đệ tử của ông được nâng lên mức của chính ông. Tuy nhiên, khi chúng ta đang đi trên đạo lộ, như một thực hành của sự khiêm nhường và cúng dường, chúng ta kính trọng các đạo sư mà chính chúng ta tôn ngài lên ngôi vị cao nhất. Trong một số quán tưởng, chúng ta quán đạo sư trên đầu mình vì luân xa đỉnh đầu được cho là ‘chỗ ngồi’ cao nhất trên thân chúng ta. Trong các quán tưởng khác, đạo sư xuất hiện trong tim ta, và thỉnh thoảng chúng ta đánh lễ dưới gót chân sen của đạo sư chúng ta. Đó là toàn bộ các phần của thực hành. Hệ thống cấp bậc và tôn ty mà chúng ta nghe nói về nó trong Phật giáo Tây Tạng – ngai cao hơn và thấp hơn... được tạo ra bởi đầu óc con người và được thể chế hóa bởi người Tây Tạng. Tương tự như trường hợp tổng thống Hoa Kỳ sẽ có cơ hội để giải cứu hành tinh tốt hơn một tay cao bồi vô danh tiểu tốt ở Montana, hệ thống tôn ty được tạo ra bởi hệ thống Phật giáo Tây Tạng có khả năng giúp các Lạt-ma làm được rất nhiều điều lợi ích. Nhưng ngay cả quyền lực của một tổng thống Hoa Kỳ cũng bị hạn chế bởi hiến pháp quốc gia, được trù tính để bảo đảm tổng thống không thể đơn phương làm bất kỳ điều gì ông hay bà ấy muốn.

Một trong những bất lợi lớn của việc trở thành tổng thống Hoa Kỳ là bị hạn chế bởi những kỳ vọng của xã hội đặt vào

chức vụ đó. Tương tự, các đạo sư Phật giáo Tây Tạng cao cấp được kỳ vọng hoàn thành hàng loạt chức trách không liên quan đến Phật giáo và điều đó thường đẩy họ vào những hoàn cảnh khó xử. Thời nay, ngày càng nhiều các vị Trưởng Dòng và những vị Lạt-ma cao cấp, nổi tiếng buộc phải phục tùng những giá trị và định nghĩa của thời đại đầy biến động. Nhưng nếu một vị đạo sư mật thừa lúc nào cũng phục tùng ý tưởng *cur xư đúng mực* (political correctness) thay đổi liên tục, thì đó là sự khai tử không chỉ của đạo sư mật thừa mà còn của dòng truyền mật thừa và hành giả mật thừa. Đây là lý do các Lạt-ma vĩ đại trong quá khứ cầu nguyện để không bao giờ tái sinh thành những Lạt-ma cao cấp hay nổi tiếng. Tôi khá chắc chắn rằng ít nhất 80% các vị đạo sư có tên tuổi trong dòng truyền thừa đạo sư mật thừa không giữ bất kỳ chức vụ tôn giáo hay địa vị thế gian nào. Chỉ rất gần đây - sau năm 1959 - mới có các chức danh như 'Trưởng Dòng' được xem là cần thiết.

Tiếng tăm và một địa vị cao không nằm trong danh sách những phẩm chất cần phải có của một Kim cương Thượng sư. Tuy nhiên, từ quan điểm thế gian, các đệ tử thường xem những vị thầy được tôn trọng, nổi tiếng là sự bảo đảm chắc chắn. Tất cả những người nổi tiếng đều biết mức độ quan tâm của người hâm mộ. Ngay cả các đạo sư Kim cương thừa có thể tránh việc cư xử khác thường vì họ muốn giữ gìn hình ảnh trong mắt công chúng và thanh danh của họ. Nhưng tiếng tăm và ấn tượng tốt không hề bảo đảm rằng một vị Lạt-ma sẽ là một đạo sư Kim cương thừa tốt. Những người nổi tiếng luôn bảo vệ hình ảnh của mình bằng cách nói điều họ cho là công chúng muốn nghe. Để duy trì một ấn tượng hoàn hảo, các đạo sư nổi tiếng, mà nhân cách của họ được cho là không thể chê trách, thường phải nói những điều họ thực sự không muốn nói.

Phần lớn tất cả đạo sư mật thừa trong quá khứ đã cố gắng hết mình để sống dưới sự dò xét. Cách này rất hữu hiệu ở Tây Tạng và Ấn Độ nhưng hầu như vô dụng trong thế giới hiện đại. Tuy vậy, quan trọng là tất cả chúng ta biết mật điển thường được dạy như thế nào.

Đây là điều đáng bận tâm nhất: đệ tử thời nay rất ít khi ‘lắng nghe và suy tư’. Ngay khi một đệ tử gặp một vị đạo sư mà họ thích, họ liền xem bà ấy là đạo sư của mình. Vì đã quyết định chọn vị đạo sư này rồi, người họ thích thú, nên họ không nghiên cứu kỹ, không tìm hiểu tiếng tăm và lai lịch của đạo sư, và họ không lắng nghe và suy tư Giáo pháp do vị đó giảng. Thay vào đó, họ vô tư đặt hết hy vọng của mình vào vị đó. Người đó có thể đúng là một lạt-ma rất tốt, nhưng một ngày nào đó những khuyết điểm con người của họ sẽ bộc lộ - điều đó không thể tránh được. Ngay cả một đạo sư hoàn hảo cũng có thể bị chỉ trích vì đạo sư cũng là con người. Đệ tử của họ cũng là con người. Và, vì tất cả chúng ta không ngừng đưa ra những giả định dựa trên những kỳ vọng của riêng mình, nên hầu như không thể tránh khỏi một đệ tử con người rất cuộc sẽ tìm thấy lỗi của một đạo sư con người.

⑤

Phật pháp nên Canh tân không?

THEO NHỮNG GÌ tôi thấy, những người thời nay chịu ảnh hưởng mạnh bởi văn hóa phương Tây hiện đại thường nghĩ rằng bất kỳ kiểu đời mới nào từ ứng dụng điện thoại cho đến trang đều là kiểu tốt nhất. Nhưng điều đó có thể chỉ là định kiến của riêng tôi. Nếu một hình thức cách tân của Phật pháp thực sự có lợi cho hữu tình chúng sanh, thì đương nhiên tôi sẽ rất hoan hỉ. Nhưng đừng bao giờ quên khi cái mới nhất được ứng dụng rộng rãi, thì chương trình gốc sẽ trở thành lỗi thời và thường bị hủy bỏ.

Trong lúc tôi là người đầu tiên ủng hộ việc sử dụng những cách thức hay phương pháp thuyết Pháp mới mẻ, khéo léo và dễ hiểu cho những đệ tử đương thời – xin lưu ý ‘những cách thức hay phương pháp’ được gạch dưới – thì những nguyên lý căn bản của Phật pháp không thể và phải không bị chỉnh sửa dưới bất kỳ hình thức nào. Chính đức Phật ngày xưa đã khuyên dạy rằng Pháp phải luôn được truyền dạy sử dụng những phương pháp phù hợp với thời đại và địa điểm. Ngài không hề dù chỉ một lần gợi ý là nếu thời thế thay đổi và con người bắt đầu suy nghĩ khác đi, thì những nguyên lý cốt lõi của Phật pháp có thể bị thay đổi vì bất kỳ lý do gì.

Một trong những giáo lý căn bản của đức Phật là ‘mọi thứ giả hợp đều vô thường.’ Giáo lý này không thể thay đổi, nhưng cách truyền đạt thì có thể thay đổi để phù hợp với khả năng của những đệ tử đương thời, với một điều kiện nếu những đệ tử đó có khả năng cắn, nhai, nuốt và tiêu hóa kiến thức đó. Vị thầy có thể, ví dụ, nói về sự thay đổi bốn mùa là một ví dụ về

vô thường. Một khi người đệ tử đã chấp nhận chân lý hiển nhiên này và sẵn sàng cho bước kế tiếp, thì vị thầy có thể nhẹ nhàng đề cập đến ý tưởng rằng khi người đệ tử qua đời, xác thân của họ, là một hiện tượng giả hợp, sẽ tan rã. Nhờ vậy, vị thầy sẽ tạo cơ hội cho một cuộc thảo luận về sự chết. Sau khi đã vượt trôi và tiêu hóa giáo lý về sự chết, người đệ tử có thể được dẫn dắt đến những hiện tượng giả hợp vi tế hơn trong tư tưởng của chúng ta mà chúng thì cũng vô thường nốt. Đây là một trong nhiều phương pháp để giới thiệu sự vô thường với đệ tử. Nhưng dù sử dụng cách nào đi nữa, kết quả cuối cùng phải là người đệ tử có một sự hiểu biết hoàn chỉnh và thấu đáo về ‘mọi thứ giả hợp đều vô thường.’ Và tôi xin nhắc lại, giáo lý căn bản *không thể và phải không* bị thay đổi.

Đức Kim Cương Trì – danh hiệu mà những đệ tử Kim cương thừa dùng để gọi đức Phật – đã nói rằng vạn vật đều là Bốn tôn. Từ bọt nước trên mặt ao đến một ngọn núi tuyết phủ, từ một con giòi đến những người hoàng tộc sống trong cung điện Buckingham, tất cả đều là Bốn tôn, kể cả các bạn, những hành giả. Để dẫn dắt các bạn đến ý tưởng này, trước hết thầy các bạn có thể yêu cầu các bạn hãy xem làn da mình không phải màu bình thường mà là màu xanh ngọc lục bảo. Một khi các bạn đã quen với màu da ngọc lục bảo của mình, bà ấy sẽ yêu cầu các bạn quán tưởng mình có bốn tay. Khi các bạn đã sẵn sàng để nghe, bà ấy sẽ yêu cầu các bạn hãy tự hình dung mình là một Bốn tôn có đầu heo cùng với một phối ngẫu và được vây quanh bởi một đoàn tùy tùng gồm nhiều Bốn tôn và xem tất cả những Bốn tôn này chính là mình. Cuối cùng, bà ấy sẽ bảo các bạn rằng mọi thứ mà các bạn đã quán tưởng và hình dung đều là ảo tưởng. Một đầu, hai ngàn đầu, da màu ngọc lục bảo hay một làn da nhiều màu sắc tất cả đều là sự hư cấu do tâm tạo, trong khi trạng thái không hư cấu mới là chân

Bổn tôn. Xuyên suốt sự tập luyện này, lời dạy căn bản về vạn vật đều là Bổn tôn *không thể* và *phải không* bị thay đổi.

Đức Kim Cương Trì đã nhắc đi nhắc lại rất nhiều rằng, sau khi đã thực hiện mọi sự chuẩn bị đúng đắn và đã thọ nhận những giáo lý mật thừa cao cấp nhất từ Kim cương Thượng sư của các bạn, thì các bạn phải thấy bà ấy không chỉ là đức Phật mà bà ấy còn quan trọng với các bạn thậm chí hơn cả đức Phật. Và vì bậc thầy của các bạn là đức Phật, nên các bạn phải làm mọi điều bà ấy dạy bảo.

Một cách tiếp cận nữa mà thầy các bạn có thể dùng là khuyên các bạn nên có quan hệ với bà ấy như thể với một người thầy tốt bụng, giàu kiến thức. Sau đó, khi các bạn đã sẵn sàng, bà ấy có thể nói rằng, nếu các bạn tiếp tục nghĩ về bà ấy là một con người bình thường, thì các bạn sẽ không tiến bộ về mặt tâm linh, nên các bạn phải bắt đầu tự rèn luyện để thấy bà ấy là một vị màu xanh ngọc lục bảo. Bà ấy cũng có thể yêu cầu các bạn thấy ‘bà ấy’ là ‘ông ấy’ – nếu thầy các bạn là nam giới, thì các bạn có thể phải nghĩ ‘ông ấy’ là ‘bà ấy.’ Cuối cùng, nếu thầy các bạn khéo léo, thì bà ấy sẽ đưa các bạn đi đến sự chứng ngộ rằng bà ấy không gì khác ngoài tâm các bạn, bản tánh của nó là Phật. *Giáo lý này không thể và phải không bị thay đổi.*

Đối với một vị thầy, trông chờ một đệ tử thấy ông ấy là vị Phật ngay lúc họ gặp nhau và thực hiện không nghi ngờ mọi việc mà ông ấy ra huấn lệnh, thì cũng giống như để một người đang học lái ngòi sau vô-lăng của một chiếc xe đua Thể Thúc Một trong bài học đầu tiên của họ. Bằng cách làm như vậy, vị thầy, người được tin cậy hơn bất kỳ ai trên thế giới bởi người đệ tử, đã liễu lĩnh vì có thể phải trả giá bằng sự hủy hoại và tiêu tan cho cả đôi bên. Tất cả các bản văn mật thừa đều dạy rằng chỉ khi người đệ tử đã đạt được Bồ tát Sơ địa thì họ mới thực sự có khả năng nhìn thấy bậc thầy là một vị Phật – và một Bồ

tát Sơ địa sẽ không chút đắn đo trước khi làm đúng những gì vị thầy yêu cầu. Nếu các bạn muốn chứng ngộ sự thật, các bạn phải tự rèn luyện tâm mình để thấy thầy là Phật, tương tự một người đang học lái khao khát trở thành nhà vô địch giải xe đua Thế Thức Một trước tiên phải học lái một chiếc Mini. Hãy luôn nhớ nguyện vọng là điều quan trọng nhất.

Như các bạn đã biết, gần đây nhiều tin đồn về tư cách của một vài Lạt-ma dẫn đến danh tiếng của họ bị hủy hoại, làm dấy lên những lời kêu gọi Kim cương thừa phải được cải cách để thích nghi với quan niệm và những kỳ vọng phổ biến của thế kỷ 21. Dù không có đồng nghiệp nào của tôi tỏ ra chấp nhận ý tưởng này một cách rõ ràng, nhưng nhiều vị không phải là không đồng ý. Nhưng dù một vị Lạt-ma có thể là một bậc thông thái, được ngưỡng mộ, nổi tiếng hay cao cấp thế nào chăng nữa, thì không ai trong chúng tôi có thể thay đổi một từ nào của giáo lý căn bản của đức Phật mà vẫn tiếp tục gọi nó là Phật giáo. Dù sự cải cách nhỏ nhất thế nào đi nữa, thì nó cũng không phải Phật giáo. Các vị thầy tự do giảng dạy bất cứ điều gì họ thích – ai có thể ngăn họ? Nhưng nếu họ không dạy đệ tử Kim cương thừa xem thầy mình là một bậc hoàn hảo, thì họ không thể tuyên bố mình đang dạy Mật điển. Trong hệ thống mật thừa không có chỗ nào ngụ ý một Lạt-ma có thể đề xuất rằng có khả năng đi theo con đường Kim cương thừa mà không cần cố gắng để xem Lạt-ma là Phật. Tương tự, không chỗ nào trong giáo lý Minh-sát (*vipashyana*) cho thấy một vị thầy có thể tuyên bố dạy vô thường (*aniccā*) nếu bà ấy cũng chấp nhận một trong những vấn đề của đệ tử là thường hằng. Bất kỳ sự thay đổi nào đối với Lời Dạy của đức Phật, vào bất kỳ lúc nào và vì bất kỳ lý do gì – cho dù tất cả đều nhất trí với ý kiến khẳng định rằng nó không phù hợp đạo đức hay luân lý

- sẽ dẫn đến một hệ thống mới và khác biệt có thể không còn là Phật giáo nữa.

Trở trêu thay - và điều này thực sự hấp dẫn tôi - người Tây Tạng từ lâu đã bị chỉ trích nặng nề về văn hóa phong kiến và việc duy trì sự sùng bái đạo sư. Nhưng chính những người chỉ trích từng phê phán kịch liệt quyền lực của những đạo sư suốt nhiều thập kỷ, giờ đây lại mong các vị Lạt-ma cao cấp và nổi tiếng, kể cả tôi, chấp nhận quan điểm rằng Kim cương thừa có thể cải cách để phù hợp với những điều nhạy cảm của thế kỷ 21. Một mặt, họ phản đối điều họ cho là 'sùng bái đạo sư,' và mặt khác, họ lại mong những vị đạo sư như tôi nhận trách nhiệm thay đổi giáo lý căn bản của đức Phật. Theo cách nói của Tây Tạng, nó như thế, dựa trên giả định sai lầm của riêng họ rằng tôi có quyền thay đổi Kim cương thừa, họ muốn suy tôn tôi làm vị vua phong kiến của họ. Tôi cảm thấy bối rối bởi điều này - thậm chí rất rối trí, như những người bạn Mỹ của tôi nói.

Câu chuyện Cô-ca

Con đường Phật giáo được tạo thành từ hai thành phần không thể thiếu và không tách rời nhau là: trí tuệ và những phương pháp xảo diệu.

Trong ví dụ này, sự thật (trí tuệ) thì Cô-ca (Phật giáo) toàn đường ngọt (mọi thứ trôi buộc chúng ta vào luân hồi). Hãy hình dung một thành phố sống dựa hoàn toàn vào Cô-ca trong mọi vấn đề. Kể sinh nhai, giá trị cộng đồng, tiêu chuẩn, văn hóa, thậm chí niềm hy vọng và giấc mơ của mọi người trong thành phố cũng gắn liền với sự sản xuất và phân phối của Cô-ca.

Mọi người trong thành phố uống rất nhiều Cô-ca, nhiều đến độ bệnh béo phì và tiểu đường đang hủy hoại sức khỏe của họ.

Là một chuyên gia về giáo dục sức khỏe, các bạn được giao công việc cắt nghĩa cho người dân thành phố vì lợi ích sức khỏe của họ, rằng họ phải từ bỏ hẳn đường. Vì thế, các bạn phải nói rõ sự thật về Cô-ca, đó là nó chứa rất nhiều đường. Nó là một thử thách lớn. Một ít người dân thành phố hưởng ứng tích cực và lập tức ngừng uống Cô-ca, nhưng phần lớn mọi người thì không. Vì vậy, các bạn dùng cách khéo léo gợi ý họ giảm lượng đường nạp vào bằng cách uống ít hơn một chai Cô-ca mỗi ngày. Cách này không công nhận giá trị của tất cả những chai Cô-ca khác mà họ uống và không có điều gì các bạn nói hay làm ngụ ý rằng bất kỳ lượng Cô-ca nào cũng có lợi cho sức khỏe mà nó chỉ giúp người dân tiến một bước đúng hướng.

Việc yêu cầu người dân thành phố giảm lượng tiêu thụ Cô-ca của họ chỉ là một phần của câu chuyện mà các bạn nói với họ với hy vọng rằng cuối cùng họ sẽ đoạn tuyệt nó hoàn toàn. Tương tự, thiên định với sống lưng thẳng chỉ là một phần của câu chuyện được kể bởi thầy các bạn mà cuối cùng sẽ đưa đến sự giác ngộ của các bạn. Chúng ta chỉ có thể nói về sự thật bằng những câu chuyện như chuyện Phật giáo và chuyện Cô-ca. Câu chuyện Phật giáo cuối cùng sẽ đưa người đệ tử đến sự tịnh hóa nhận thức của họ bằng cách quán tưởng một Bốn tôn sáu-tay. Rồi, theo sự phát triển của cốt chuyện, nó sẽ chỉ ra sự thật rằng ngay cả thực hành quán tưởng cũng là một sự hư cấu và chỉ là một phần khác của câu chuyện.

Tất cả các hệ thống tâm linh đều chấp nhận những quy tắc hay giới luật. Những đệ tử Pháp bắt đầu bằng cách ngồi với sống lưng thẳng khi họ thiên định. Một số tiếp tục kiêng ăn thịt hay uống rượu và số khác trở thành người xuất gia. Những người đó bước trên con đường Kim cương thừa để học

quán tưởng mình là một Bồ-tôn và đi đến chỗ hiểu rằng không ăn thịt cũng là một sai lầm lớn như ăn nó.

Các bạn, những chuyên gia về sức khỏe, áp dụng mọi quy tắc này trong nỗ lực giảm lượng đường tiêu thụ của người dân thành phố Cô-ca. Nhưng rốt cuộc thì chính Cô-ca đầy đường sẽ phải ra đi.

Phật giáo hoạt động bằng cách áp dụng cả trí tuệ lẫn phương pháp khéo léo; nếu điều đó được xem là đạo đức, luân lý,... thì hãy cho như vậy đi. Khi vận dụng trí tuệ và phương pháp khéo léo, nếu các bạn quên hoặc không trình bày sự thật – Cô-ca chỉ toàn đường ngọt – thì các bạn không còn giảng dạy Phật giáo nữa.

Thuật ngữ ‘trí tuệ’ và ‘phương pháp’ quan trọng với những ai chưa nhận ra sự thật và sự phân biệt được tạo ra giữa chúng trong suốt quá trình nghiên cứu Phật giáo của họ. Nhưng sự phân biệt này chỉ là công cụ, không phải ‘sự thật’. Một khi chúng ta đạt được mục đích giác ngộ của mình (niết bàn), thì sự phân biệt như vậy dường như phi lý. Vị đạo sư, cá nhân người dạy và dẫn dắt chúng ta, chỉ là một trong vô số phương pháp của Kim cương thừa, nhưng từ quan điểm Kim cương thừa thì đó là phương pháp quan trọng nhất. Thỉnh thoảng chúng ta được nghe dạy “tâm trí tuệ của con là đạo sư,” nhưng chúng ta cũng được khuyên là “y Pháp, bất y nhân.” Bất kể chúng ta thường cố gắng nhắc nhở mình nên nương vào Pháp không nương vào cá nhân vị giảng sư – chính đức Phật đã khuyên – bản tính con người là vậy khi có người cư xử sai trái thì chúng ta quên khuấy lời khuyên này, đổ lỗi cho giáo lý, và rốt cuộc vô tình vứt bỏ Pháp bảo trong đồng lộn xộn (do hành vi sai trái gây ra) mà chúng ta muốn dọn dẹp.

⑥

Sai lạc khi Phiên dịch

NHƯ CHÚNG TA đã biết thì Pháp, giáo lý của đức Phật, bắt nguồn tại Ấn Độ rồi lan tỏa khắp thế giới. Pháp chưa bao giờ bị đóng khung trong nền văn hóa của một quốc gia duy nhất, nhưng nó đã hấp thu một ít tập quán của các dân tộc đã du nhập nó vào quốc gia họ. Sau khi được đưa vào Tây Tạng, Phật pháp đã được đồng hóa trọn vẹn vào toàn bộ cơ cấu đời sống Tây Tạng đến độ người Tạng đã quên mất nó là ngoại nhập. Đây có thể là lý do vì sao họ chưa bao giờ nghĩ rằng sự am hiểu về văn hóa Tây Tạng là hoàn toàn không cần thiết đối với một Phật tử Nhật Bản, châu Mỹ, châu Âu hay nước Úc, những người muốn thực hành Pháp – trừ khi họ đang lấy bằng Tiến sĩ về Tạng học. Ý niệm người phương Tây theo chân các vị Lạt-ma để học Pháp, chứ không phải học văn hóa, gần như chưa bao giờ có trong đầu của phần lớn người Tạng.

Hơn sáu mươi năm qua, nhiều người bản xứ vùng Hy-mã-lạp-son đã được hấp thu nền giáo dục bên ngoài hệ thống giáo dục truyền thống của họ. Vì vậy, họ chưa hề học ngôn ngữ Tây Tạng truyền thống và không thể nào hiểu các bản văn tiếng Tạng. Đây là lý do nhiều bạn trẻ Tây Tạng thích học Pháp bằng tiếng Anh. Cho nên, các Lạt-ma phải bảo đảm họ giới thiệu với lớp trẻ người Tây Tạng, Nepal, Bhutan... này những giáo lý căn bản của Phật giáo, như Tứ Diệu Đế và các thực hành như chánh niệm. Nhưng họ lại không làm vậy. Thay vào đó, thế hệ trẻ được hướng dẫn để tin rằng tất cả những gì họ phải làm để trở thành một người Phật tử là đốt đèn bơ và đi nhiễu quanh các bảo tháp. Vì thế, các Lạt-ma chẳng những không tìm hiểu

nhu cầu của những đệ tử Pháp hiện đại không phải người Tạng mà họ còn bỏ sót cả một thế hệ trẻ người Tạng.

Gần đây, tôi mới bắt đầu nhận ra giáo lý Phật-đà đã bị sai lạc nhiều thế nào khi chuyển ngữ và có thể nghĩ ra một vài lý do vì sao điều này xảy ra. Việc cả Lạt-ma lẫn đệ tử của họ không có sự hiểu biết về những đặc điểm văn hóa của nhau và việc không ý thức được sức mạnh ngôn ngữ của các Lạt-ma là các lý do chính đưa đến thực trạng trên. Thêm vào đó là chủ nghĩa cơ hội Tây Tạng. Quá nhiều Lạt-ma Tây Tạng lừa dối đệ tử phương Tây của mình và dạy họ văn hóa Tây Tạng chứ không phải Pháp của đức Phật. Tôi có thể hiểu vì sao. Các Lạt-ma chỉ quan tâm đến mình và lo bảo tồn di sản Tây Tạng đến mức họ không chú ý đến những đệ tử phương Tây có tiềm năng rất lớn để trở thành những bình chứa Pháp. Theo quan điểm của tôi, rốt cuộc thì mặc dù các Lạt-ma đã làm khá tốt công việc bảo tồn văn hóa và truyền thống Tây Tạng, nhưng họ lại ít thành công hơn nhiều trong việc bảo tồn Phật pháp.

Đặc điểm Văn hóa

Một tối nọ tại thành phố New York, một cô gái không biết gì về Phật giáo bước vào một trung tâm Phật pháp. Cô ấy ngay lập tức bị hấp dẫn bởi quang cảnh một người đàn ông châu Á ngồi trên một ngai cao. Mặc dù cảm thấy bị thu hút về phía người đàn ông này và bị mê hoặc bởi thần thái thánh thiện, bí ẩn của ông ấy, nhưng cô ấy lại hoàn toàn bối rối bởi cái ngai. Vì sao ông ấy phải ngồi quá cao như vậy? Sở dĩ người đàn ông châu Á (Lạt-ma Tây Tạng) ngồi trên một ngai cao là vì ông ấy lớn lên trong niềm tin rằng một người ngồi càng cao bao nhiêu, thì lời nói của họ sẽ càng đáng quý và càng có giá trị

bấy nhiêu – trong trường hợp này là Pháp âm. Đương nhiên, đặc điểm văn hóa này rất dễ hiểu với người Tạng, nhưng nó hoàn toàn khó hiểu với cô gái Mỹ hiếu kỳ.

Một vị Lạt-ma châu Á đến một trường đại học Hà Lan để thuyết pháp. Ông ấy không đi một mình. Đoàn tùy tùng của ông gồm các phối ngẫu, thị giả, thư ký, bác sĩ riêng, đầu bếp và nữ chuyên gia xoa bóp lữ lượt đi sau ông ấy, sau cùng là một đám người ăn theo. Tomasz, Dick và Harriet có mặt trong đám đông khán giả. Họ tham dự buổi pháp thoại vì họ thực sự quan tâm đến Phật pháp, cụ thể là quan điểm bất nhị của Phật giáo Tây Tạng, và quang cảnh đoàn tùy tùng đã khiến họ bối rối. Harriet hoang mang bởi điều đó vì, may mắn, thì vị Lạt-ma sẽ trông giống một ngôi sao nhạc rap hơn là một triết gia, và tệ nhất, thì ông ấy sẽ trông giống một nhà lãnh đạo giáo phái sùng bái nhục dục. Không có vị giáo sư nào của Tomasz, Dick hay Harriet từng bước vào giảng đường với sự phô trương ầm ĩ, được hộ tống bởi hàng tá trợ giảng, thư ký và nhà trị liệu vật lý như thế.

Ở châu Á, mọi thứ hoàn toàn khác. Khá nhiều nền văn hóa châu Á mong đợi một vị Lạt-ma, nhất là một vị Rinpoche, đến cùng đoàn tùy tùng. Đối với họ, đoàn tùy tùng sẽ làm tăng thêm bầu không khí trang nghiêm và long trọng mà theo truyền thống thường bao quanh các bậc Đại đạo sư. Trong con mắt người phương Tây, tất cả sự rình rang đó khiến vị Lạt-ma có vẻ hơi phô trương, thậm chí khôi hài. Tuy nhiên, nói chung phần lớn người phương Tây không thể không quan tâm đến nghi thức đón tiếp. Nhưng người phương Tây coi trọng sự riêng tư và thích đón tiếp kín đáo đạo sư của mình, đó có thể là lý do họ thích đạo sư đến một mình hơn. Và tôi nghĩ đúng khi người ta nói rằng người phương Tây thường nghi ngờ người nào có vẻ không thể dành thời gian cho riêng mình.

Tại nước Pháp, một lạt-ma Tây Tạng đang thăm viếng đã được mời thuyết pháp cho một nhóm thực hành chánh niệm sơ cơ. Để xác thực bằng chứng dòng truyền thừa của mình, việc đầu tiên ông làm là đọc một tràng những danh hiệu bằng tiếng Tây Tạng khó hiểu. Không một ai trong các đệ tử mới hiểu ông đang làm gì, cũng không ai có thể đoán ra bất kỳ cái tên khó phát âm nào liệu có liên quan gì đến thực hành của họ không. Thói quen cầu khẩn những tiền thân của các lạt-ma Tây Tạng là một đặc điểm văn hóa Tây Tạng thường bị hiểu lầm khác; nó có tác dụng hoàn hảo trong tâm trí người Tây Tạng đã tạo ra nó, nhưng nó làm rối trí Tomasz, Dick, Harriet, cô gái Mỹ và nhóm chánh niệm người Pháp. Khi vị lạt-ma tiếp tục tuyên bố với niềm hãnh diện rất lớn rằng trong đời tiền thân của mình ông là một vị Bồ tôn Phật giáo danh hiệu là Văn Thù Bồ tát, tất cả những gì ông nhìn thấy là những khuôn mặt đờ đẫn. Nó giống một nữ y tá người phương Tây bảo dân làng ở một vùng hẻo lánh phía Đông Bhutan rằng cô ấy là hóa thân của Florence Nightingale [người sáng lập ngành y tá hiện đại].

Tại vùng Hy-mã-lạp-sơn, có phong tục những người đến cầu xin ân phước sẽ cúng dường cho các lạt-ma mà họ viếng thăm và các lạt-ma Tây Tạng trông đợi các đệ tử phương Tây của họ làm điều tương tự. Họ không biết điều gì khiến các đệ tử phương Tây đến gặp họ tay không vì họ không hiểu rằng cúng dường như thế không có trong văn hóa phương Tây. Họ cũng không biết rằng người phương Tây được kể rằng các lạt-ma dạy trí tuệ của Pháp vì lòng từ bi, không vì tiền bạc. Trên thực tế, nếu người phương Tây bị đòi tiền để đổi lấy giáo lý hay sự cầu nguyện hay bất kỳ điều gì ‘tâm linh,’ thì phần lớn cho rằng họ đang bị lừa dối. Các lạt-ma không hiểu rằng ở phương Tây, một khi tiền đã trao tay – ví dụ, sự cúng dường bắt buộc đi kèm với lời đề nghị cầu nguyện – sự giao dịch

chính thức đã được tiến hành thì sẽ lập tức thay đổi tính chất mối quan hệ giữa đạo sư và đệ tử. Từ quan điểm mật thừa, người đệ tử ‘thanh toán’ cho mọi đạo sư bằng cách tự cúng dường thân, khẩu và ý của họ. Nhưng trong bối cảnh phương Tây, một vị đạo sư yêu cầu thanh toán để cầu nguyện sẽ có nguy cơ bị coi như những công nghiệp dịch vụ khác. Đệ tử của ông có thể bắt đầu phàn nàn khi sự cầu nguyện của ông không hiệu quả, và một số thậm chí có thể đòi lại tiền của mình.

Những phản ứng thuộc cảm xúc và phản ứng thuộc lý trí của mỗi dân tộc sẽ khác nhau phụ thuộc vào tập quán văn hóa và tập quán tín ngưỡng của họ. Dân Tây Tạng, giống như hầu hết người châu Á, đến từ một nền văn hóa giữ thể diện, ngược lại dân phương Tây có xu hướng bị kiểm chế bởi các cảm giác bị văn hóa chi phối là cảm giác tội lỗi và cảm giác bất an về sinh tồn. Một lần nọ tôi nghe kể một đệ tử phương Tây bị trầm cảm cố nói chuyện với vị thầy Tây Tạng của cô ấy về tội lỗi mà cô ấy cảm thấy về việc có công ăn việc làm, đồ ăn trên bàn và một mái ấm dung thân trong lúc quá nhiều người không nhà và chết vì đói khát.

“Con thật tử tế khi nghĩ về người khác,” thầy cô bảo, người không biết cô ấy đang nói về điều gì. Đối với ông ấy, và phần lớn những Lạt-ma Tây Tạng, cảm giác tội lỗi là những gì khiến chúng ta được tịnh hóa và sám hối, khiến tội lỗi là một cảm xúc hoàn toàn hữu ích trên con đường tâm linh. Ý nghĩ rằng có ai đó có thể cảm thấy tội lỗi về việc sống sung túc trong lúc người khác không có gì là điều hoàn toàn xa lạ với ông ấy. “Nếu các bạn không có cảm giác tội lỗi, thì sẽ không có nền móng cho con đường tâm linh của mình.”

Không nhiều Lạt-ma biết rằng những người lắng nghe họ thuyết pháp xuất thân từ đủ loại hoàn cảnh gia đình và tầng lớp xã hội khác nhau. Họ không bao giờ hiểu rằng những hậu

quả dai dẳng của sự tổn thương tinh thần thời thơ ấu, hoặc sự lạm dụng thể xác hoặc tình dục có ảnh hưởng lớn về cách người đệ tử liên hệ với lạt-ma của họ. Vậy khi một nạn nhân bị lạm dụng tiếp cận một vị lạt-ma với hy vọng tìm được niềm bình an hoặc an ủi, phải chăng sẽ không giúp được gì nếu vị thầy đó có hiểu biết về vấn đề tổn thương tâm lý, định kiến chủng tộc và sự lạm dụng? Còn khuynh hướng giới tính thì sao? Các lạt-ma Tây Tạng cần phải biết rằng đôi khi một người sinh ra trong cơ thể nam giới lại cảm thấy mình là nữ giới về mặt cảm xúc và tâm lý, và ngược lại. Các lạt-ma cần phải biết rằng nó không phải một loại bệnh mà là sở thích – giống như thích uống trà hơn cà phê.

Sau chừng đó năm, bản thân tôi đã thất bại trong việc xác định căn nguyên một số nỗi khổ của đệ tử – tôi chỉ không biết nó từ đâu đến. Nhưng phải chăng tôi cần biết? Phải chăng tôi cần biết đích xác người đệ tử đó đau khổ thể nào và tại sao? Có lẽ vừa đủ khi biết rằng có điều gì đó đằng sau nỗi khổ của một người đệ tử. Nếu, ít nhất cũng phải như vậy, các vị lạt-ma đơn giản biết rằng mỗi người đệ tử và tất cả họ đều xuất thân từ một bối cảnh dân tộc, văn hóa, xã hội, tôn giáo và tri thức khác nhau, thì nó sẽ giúp ích rất nhiều trong việc tạo dựng sự hiểu biết lẫn nhau tốt hơn.

Việc tìm hiểu những đặc điểm văn hóa chung của mỗi quốc gia sẽ mất thời gian. Việc giải quyết những sự hiểu lầm và nhận thức lệch lạc cũng mất thời gian, chưa kể phải rất kiên nhẫn. Vì vậy, chúng ta phải nhớ rằng Pháp, Phật giáo, chỉ mới bắt đầu bén rễ ở phương Tây và vẫn còn rất nhiều việc phải làm để nó phát triển vững chắc.

Sức mạnh của ngôn ngữ

Cách đây khoảng một thập kỷ, tôi đã dạy ở một trong những ngôi trường thuộc Đại học Oxford, và chỉ sau đó tôi mới biết rằng việc nghiên cứu tôn giáo trong nhiều trường đại học lớn ở phương Tây có cả việc học những ngôn ngữ liên quan. Quý giáo sư của đại học Oxford dành rất nhiều tâm huyết vào những khóa giảng của họ, và sự nhấn mạnh của họ vào việc học tập các ngôn ngữ quan trọng nhất của một tôn giáo nghe có vẻ thiết thực. Nhưng trên thực tế phải nói là ngôn ngữ Phạn, Pali và Tạng đã lỗi thời, cũ kỹ và hầu như không được sử dụng bên ngoài môi trường đại học. Khả năng thành công trong công việc của một người nói tiếng Phạn trôi chảy gần như bằng không – từ quan điểm nhu cầu tuyển dụng, thì các bạn sẽ thuận lợi hơn nhiều nếu học tiếng Trung phổ thông.

Ngày nay, Phật giáo được giảng dạy bằng vài ngôn ngữ hiện đại. Đây là một thực tế của đời sống hiện đại mà mọi Phật tử cần phải biết, không riêng gì Phật tử Tây Tạng. Gần đây tôi có xem qua một cuốn kinh bằng tiếng Pali. Nó hơi giống đọc một cuốn thánh ca của đạo Cơ Đốc ở thế kỷ 19. Đó là lúc mà tôi nhận ra chúng ta cần phải xác định lại cách dịch sang tiếng Anh của nhiều thuật ngữ mà chúng ta sử dụng ngày nay. Nếu là Kim Jong-Il của Phật giáo, tôi sẽ cấm dùng những từ như ‘từ bi,’ ‘giác ngộ,’ ‘sùng mộ’... vào ngày làm việc đầu tiên sau khi nhậm chức.

Ngôn ngữ cũng là một vấn đề đối với người Tạng. Như tôi đã nêu trên, nhiều người thuộc thế hệ trẻ ngày nay không được dạy dỗ trong các trường học do người Tạng điều hành mà ở những nơi như Trung học Dr. Graham tại Kalimpong và Trường Thánh Joseph tại North Point, ở đó mọi bài giảng đều bằng tiếng Anh. Dù những thanh niên này là Phật tử, sự hiểu

biết về ‘tốt’ và ‘xấu’ của họ hoàn toàn khác với cha mẹ và ông bà của họ, là những người không thụ hưởng một nền giáo dục được người Anh đỡ đầu. Và tôi khá chắc rằng những người Tạng lớn lên ở Trung Hoa vào những năm 1970 và 1980 còn có sự hiểu biết khác nữa về những từ này.

Đây chính là lúc tất cả các vị Lạt-ma Tây Tạng phải học cách giao tiếp hiệu quả với cả người phương Tây lẫn người Tạng mà quá trình rèn luyện trong lĩnh vực giáo dục và văn hóa của những người đó quá khác biệt với bản thân họ. Tôi không biết liệu nhiều vị Lạt-ma giảng dạy ở phương Tây ngày nay đã từng cố gắng đọc các tác phẩm văn học nổi tiếng – cuốn Harry Potter của nhà văn J.K. Rowling, ví dụ, hoặc bất kỳ các tác phẩm văn học kinh điển như *Kiều hãnh* và *Định kiến* của Jane Austen hoặc *Gatsby Vĩ đại* của F. Scott Fitzgerald hay chưa. *Ngay cả một vị Lạt-ma với khả năng Anh ngữ khá lưu loát cũng không có hy vọng chuyển dịch cụm từ Ý thức và Khả năng Cảm thụ sang tiếng Tạng. Vấn đề không phải ngôn ngữ Tạng không có từ ngữ để mô tả cách một gia đình phải thu vén sau khi người cha mất đi mà là các vị Lạt-ma không có ý niệm nào về những lớp ý nghĩa độc đáo về văn hóa ẩn sau từng lời của nhà văn Jane Austen.*

Giá mà các Lạt-ma hiện đang thuyết Pháp bằng tiếng Anh hiểu biết đôi chút về những hiểu lầm và những giả định được tạo ra bởi những đầu óc đã trải qua nền giáo dục bằng tiếng Anh khi họ lắng nghe một bài giảng về Trung quán, hoặc bởi những người đối với họ tiếng Anh là ngôn ngữ thứ hai hoặc thứ ba sau tiếng mẹ đẻ. Phần lớn các vị Lạt-ma không biết rằng những từ như ‘từ bi,’ ‘bản ngã’ và những từ liên quan như ‘vô ngã,’ ‘yêu thương,’ ‘bất bạo động,’ ‘địa ngục,’ ‘giới,’ ‘phá giới,’ ‘cám dỗ’ và ‘giác ngộ’ có thể được hiểu khác nhau tùy theo bối cảnh giáo dục, dân tộc và văn hóa của người nghe.

Trong bối cảnh tôn giáo, gánh nặng văn hóa có thể tác động lên những từ như trên khiến chúng có thể trở nên khá nguy hiểm. Ví dụ, những từ như ‘vị kỷ’ và ‘vị tha.’ Đối với nhiều người nói tiếng Anh bản ngữ, ‘bản ngã’ có nghĩa là một ‘linh hồn,’ nên cách dùng với nghĩa hoàn toàn khác của Phật giáo về từ ‘bản ngã’ gây khó hiểu. Đối với Phật tử, ‘bản ngã’ là một nhãn hiệu, giống như ‘Coca-Cola’ là một nhãn hiệu, sự khác nhau là nhãn hiệu ‘Coca-Cola’ có thể được in lên một cái chai hay cái lon, trong khi đó nhãn hiệu ‘bản ngã’ không có chỗ để gắn nó vào. Nếu các bạn có một nhãn hiệu với từ ‘bản ngã’ được viết lên nó ngay lúc này, thì các bạn sẽ gắn vào đâu? Vào ngón chân mình? Vào ngón tay mình? Vào một cảm giác? Vị trí trọng tâm của ‘bản ngã’ thay đổi liên tục; nó thoáng qua, luôn chuyển động và luôn thay đổi. Cho nên, không có nơi nào để các bạn có thể dán nhãn ‘bản ngã’ vào đó một cách dứt khoát. Nó là một chỗ rất mơ hồ.

Giống Phật giáo, Cơ Đốc giáo cố tránh hành động ‘vị kỷ’ và nêu cao hành động ‘vị tha.’ Trong bối cảnh đó, ‘vị tha’ nghĩa là ‘không vị kỷ.’ Thế nên, khi một người nói tiếng Anh bản ngữ nghe một giáo lý Phật giáo có từ ‘sự vị tha’ (hay ‘sự vô ngã’) – một cách dịch phổ biến của thuật ngữ Pali *anattā* – thì họ sẽ nghe thành cái gì? Và nếu ‘bản ngã’ cũng hàm ý là ‘linh hồn’ của một con người, thì phải chăng ‘vị tha’ (hay vô ngã) sẽ dẫn đến thuyết hư vô? Điều tương tự đối với ‘tánh không,’ mà trong tiếng Anh có ngụ ý là dù cái bình hiện tại có thể trống rỗng, nhưng nó đã từng chứa đầy.

Trong chuyến viếng thăm các Trung tâm Rigpa tại châu Âu của tôi vào năm 2018, một người đàn ông đã bị tổn thương bởi cách dùng từ ‘nghiên nát’ của tôi khi đăng một bình luận trên mạng xã hội. Tôi đã dùng từ ‘nghiên nát’ trong bối cảnh của nó là bốn phận của vị đạo sư là nghiền nát bản ngã của người đệ

tử. Người đó bảo rằng thuật ngữ này không có trong giáo lý Phật giáo. Trên một phương diện, điều đó đúng: ‘nghiền nát’ không phải sự phiên dịch *đúng mực* (politically correct) của từ Phạn gốc. Ông ấy tiếp tục nói rằng khi người Phật tử tin không có một thứ là ‘bản ngã’ như thế, thì không có gì để nghiền nát. Và dĩ nhiên, ông ấy đã đúng. Tôi hoàn toàn đồng ý. Nhưng tôi muốn nói thêm rằng chính nhờ công nhận rằng không có ngã ngay từ đầu nên chúng ta mới nghiền nát nó. Nói khác đi, chúng ta nghiền nát ngã bằng cách biết rằng không có gì để nghiền nát. Với những ai lớn lên trong một nền văn hóa không có khái niệm ‘vô ngã’ (*anattā*), thì ‘nghiền nát bản ngã’ thường được hiểu là làm tiêu tan lòng tự tin hay lòng tự trọng của một con người. Nếu có một thứ là bản ngã thật sự, để nghiền nát nó thì chắc chắn phải là một hành động ngược đãi. Nhưng không có bản ngã để nghiền nát.

Việc tụng niệm bằng các ngôn ngữ hiện đại là một khía cạnh khác của ngôn ngữ vẫn phải giải quyết. Các Lạt-ma Tây Tạng đã dạy những đệ tử của họ tụng niệm các nghi thức thực hành bằng tiếng Tạng trong nhiều thập kỷ, với việc chuyển tự bằng chữ viết Roman để những đệ tử có thể tụng niệm như vệt các câu trong nghi thức. Theo cá nhân tôi sẽ tốt hơn nhiều cho người đệ tử nếu họ biết mình đang đọc cái gì khi thực hành và gần đây việc này được đẩy mạnh trong các nghi lễ Đại thành tựu (Drupchen) và Đại cúng dường (Drupcho) trì tụng bằng tiếng Anh. Nhưng bất cứ khi nào tôi dự lễ ở các Pháp sự phương Tây, thường thì chính người phương Tây – nhất là những người đã thấm đẫm chất Tây Tạng nhiều nhất – lại là những người cương quyết đòi hỏi các thực hành tập thể phải tụng bằng tiếng Tạng.

Một lần nọ, một số vị Lạt-ma đáng kính mà không ai trong họ thành thạo tiếng Anh được tôi đề nghị đọc lớn bản phiên

âm của một bài thơ thể loại xon-nê của Shakespeare. Rồi tôi hỏi phản ứng của họ. “Thật lố bịch!” họ bảo. “Sao ông bảo chúng tôi làm điều đó? Để làm gì vậy?” Đây chính là những lạt-ma thậm chí chưa hề nghĩ đến việc làm sao các đệ tử nước ngoài có thể tụng kinh bằng tiếng Tạng, hoặc khuyến khích sự phiên dịch những bản văn thực hành có vần điệu để các đệ tử có thể tụng hoặc hát chúng.

Sự yêu thích của phương Tây đối với vẻ huyền bí của Tây Tạng

Một phương diện nữa đã góp phần nhiều vào sự hiểu lầm giữa các lạt-ma Tây Tạng và đệ tử phương Tây của mình là sự yêu thích của phương Tây với vẻ huyền bí của Tây Tạng. Với một số người phương Tây thì pháp khí, y phục sắc sỡ, hương liệu, nghệ thuật,... của Tây Tạng còn quyến rũ hơn cả bản thân Giáo pháp. Ngoài ra, vì nền văn hóa Tây Tạng được cho là đang bị phai nhạt, nên nhiều người phương Tây quan tâm muốn giúp đỡ và hỗ trợ nó. Tất cả những yếu tố này đã đóng một vai trò. Ngỡ rằng văn hóa Tây Tạng là Pháp, nên nhiều người phương Tây thích hỗ trợ việc bảo tồn văn hóa Tây Tạng hơn là nghiên cứu và thực hành Pháp. Nhưng nếu vị thầy thực sự quan tâm đến sự giải thoát của đệ tử mình, thì họ nên biết là những khóa học về cách gấp một khăn quàng trắng truyền thống sẽ không đủ. Một vị thầy dạy Anh văn không bao giờ ngừng dạy các đệ tử người Tạng của ông các động từ bất quy tắc để giúp họ biết cách uống trà Anh bằng chén sứ - với ngón út gập vào gọng ghê. Và người thầy cũng không hề nhấn mạnh, từ đó trở đi, mỗi chén trà phải được uống đúng cách như vậy. Các thầy dạy Anh văn chỉ dạy tiếng Anh, không dạy tập quán Anh xưa cũ.

Một phần của vấn đề là không phải mọi vị thầy Tây Tạng ngày nay đều trải qua quá trình đào tạo Phật pháp đến nơi đến chốn và một số lượng đáng kinh ngạc không biết cách thuyết giảng. Đối với họ, việc nhắc đi nhắc lại những giáo lý căn bản của Phật-đà về tánh không, nhân duyên sinh khởi,... khó khăn và buồn tẻ làm sao, nên thay vào đó, họ dạy tập quán văn hóa Tây Tạng được ngụy trang dưới hình thức Phật pháp.

Việc giảng dạy không bao giờ dễ dàng cả. Thông thường, khía cạnh quan trọng nhất của một kỹ năng hay triết lý đều khó cảm nhận nhất và khó truyền đạt nhất. Ví dụ, trước khi cầm một cái máy ảnh thì các bạn cần phải biết cách ngắm đối tượng mà mình sẽ chụp hình. Nhưng các bạn làm sao dạy người khác cách nhìn? Chỉ cho người học biết cách điều chỉnh máy ảnh, chọn tốc độ màn trập và khẩu độ, rồi truyền đạt một số quy tắc thực tiễn của nhiếp ảnh sẽ dễ dàng hơn nhiều. Người học thích kiểu đó. Tương tự, dạy tánh không sẽ khó hơn dạy cách gấp một khăn quàng trắng hay làm một cái bánh tô-ma. Đây là lý do vì sao một số vị thầy Tây Tạng tập trung sự hướng dẫn của họ vào cách xếp đặt một bàn thờ kiểu Tây Tạng, và bằng cách đó, họ khiến đệ tử của mình tin rằng việc bố trí một bàn thờ là một khía cạnh quan trọng của Phật giáo Tây Tạng. Nó cũng giống như việc nói rằng các bạn sẽ chỉ trở thành một nhiếp ảnh gia giỏi nếu biết sự khác nhau giữa hai máy ảnh hiệu Fujii và Sony. Đệ tử thích được chỉ dạy những kỹ năng thực hành có thể áp dụng nhanh chóng và có hiệu quả thấy rõ. Họ thích học cách sắp xếp và rót đầy bảy chén nước cúng dường trên bàn thờ. Việc thành thạo kỹ thuật tụng niệm bằng tiếng Tạng cho họ sự tự tin – và sự ca ngợi. Họ thích cảm giác họ đã học tốt những bài học của mình và cảm giác họ biết mình đang làm gì. Nhưng hầu như không thể nào nhìn thấy

kết quả của các bài giảng về tánh không và duyên sinh, vì nó quá khó hiểu và hầu như luôn luôn không thể diễn tả.

Ban đầu, người đệ tử phương Tây hầu như tìm kiếm Giáo pháp vì lý do tâm linh. Nhưng sau một lúc thì sự bận tâm với truyền thống Tây Tạng của họ – màu sắc rực rỡ, vải vóc phong phú và pháp khí khác thường – đã khiến họ xao lãng mục đích chính của Phật pháp, tức sự giác ngộ. Nhận ra điều này, thay vì trao cho đệ tử một khóa dạy cấp tốc về cách chấp nhận tập quán Tây Tạng, một vị thầy tử tế và từ bi sẽ luôn dẫn dắt đệ tử đến với một khóa học nghiên cứu và thực hành để giải thoát.

May mắn thay, vì hiện nay người phương Tây đã hiểu biết Phật pháp hơn rất nhiều thời kỳ những năm 1960 và 70, nên ngày càng ít Lạt-ma Tây Tạng có thể qua mặt họ bằng những lớp học về văn hóa Tây Tạng. Trên thực tế, một con số đáng ngạc nhiên những người phương Tây có kiến thức Phật pháp còn nhiều hơn các vị khenpo và Lạt-ma Tây Tạng, nên họ không bị lừa dối nữa – mặc dù một vài Lạt-ma nhất định vẫn cố làm điều đó. Kết quả là, Phật giáo Tây Tạng không còn là cuộc phiêu lưu huyền bí, khó hiểu như ngày xưa nữa và sự mới lạ của nó đang bắt đầu mất dần – đó hầu như là một điều tốt.

Không vấn đề nào tôi nêu ra đây có thể dễ dàng giải quyết cả, nhưng tôi tin rằng việc nói thẳng thắn về tất cả là một khởi đầu tốt.

⑦

Cảm hứng và Lý lẽ

VÀO NĂM 2014, tôi bắt đầu nhận thấy có điều gì đó không ổn trong thế giới Kim cương thừa. Những lời đàm tiếu đáng ngại liên quan đến các đạo sư Kim cương thừa đang loan ra và tôi bắt đầu lo rằng Kim cương thừa đầy tính biểu tượng sẽ bị chôn vùi cùng với mớ lộn xộn do vụ bê bối gây ra.

Những lời tố cáo dẫn đến sự sụp đổ của Rinpoche Sogyal được công bố vào năm 2017. Đây không phải lần đầu tiên một đạo sư Kim cương thừa có tiếng tăm bị nêu đích danh trong một vụ bê bối công khai. Tại Tây Tạng, những tiết lộ gây sốc về các lạt-ma là điều bình thường trong cuộc sống, và sự phạm giới diễn ra với mức độ còn lớn hơn nhiều. Dù người Tạng không tiếp cận mạng xã hội (nó vẫn chưa được phát minh), nhưng sự đàm tiếu liên quan đến việc lạm dụng quyền lực, tiền bạc và tình dục kéo theo nhục nhã và ô danh, sẽ lập tức hủy hoại danh tiếng. Tôi không cần phải nói với bất kỳ ai trong các bạn về việc nó diễn ra như thế nào.

Vấn đề chính của chúng ta là chúng ta đều là con người. Là người, chúng ta đều mê muội và thường không có lựa chọn nào ngoài việc dựa vào những hệ thống được tạo ra cho chúng ta bởi những người mê muội khác. Hiện nay hầu như không thể tránh khỏi việc sử dụng những hệ thống, những phương pháp và con đường của người khác để đạt được mục đích đã định của mình. Nhưng như đức Phật Di Lạc đã khai thị, dù một hình thức của hệ thống tâm linh là tuyệt đối cần thiết với những ai cầu giác ngộ, thì chính con đường đó có thể vẫn còn khiếm khuyết.

Phật giáo có thể là hệ thống tâm linh duy nhất trên thế giới nói với tín đồ của nó rằng con đường của họ – Phật đạo – không hoàn hảo và cuối cùng phải bỏ lại phía sau. Trong bối cảnh của một cuộc tranh luận triết lý với những triết gia tế nhị, thích lý sự – nhất là những người nhâm nhi cà phê loại hạt nhân bên bờ Nam sông Seine – một lời tuyên bố như thế nghe có vẻ cực kỳ ấn tượng. Chỉ khi còn lại một mình với thực hành, thì mới bắt đầu nhận ra chúng ta đã gắn bó với con đường của mình và tất cả hệ thống của nó như thế nào. Và đây là điều nên như vậy. Là Phật tử, chúng ta nên tin vào và quan tâm con đường tâm linh của mình. Con thuyền chở chúng ta băng qua đại dương không phải đích đến cuối cùng của chúng ta, nhưng mọi hành khách phải có trách nhiệm với con thuyền của mình cho đến khi nó cập bờ bên kia. Chỉ kẻ ngốc mới tự làm đắm thuyền mình.

སྤང་ཕྱིར་བསྐྱུ་བའི་ཚེས་ཅན་ཕྱིར། །
མེད་ཕྱིར་འཇིགས་དང་བཅས་པའི་ཕྱིར། །
ཚེས་རྣམས་གཉིས་དང་འཕགས་པའི་ཚོགས། །
གཏན་གྱི་སྐྱབས་མཚོག་མ་ཡིན་ནོ། །

Vì nó [tức Pháp bảo] phải bị bỏ lại,
Vì nó vô thường về bản chất,
Vì họ [tức Tăng bảo] cũng vậy,
Vì họ bất an,
Pháp bảo với tính hai mặt của nó và Tăng bảo
Không phải chốn nương tối hậu.

Đức Di Lặc
Uttaratantrashastra^{7b}

Quyền lực, Tài lực và Tình dục

Bất kỳ lúc nào hai con người mê muội tạo nên một mối quan hệ, thì luôn có sự mất cân bằng về quyền lực cá nhân; một trong hai người chắc chắn sẽ mạnh mẽ hơn và tự tin hơn người kia. Nhưng cho dù đủ dũng cảm và có thể tự bênh vực mình thì các bạn có thể, thỉnh thoảng, sẽ chọn chiều lòng người khác. Tại sao phải giữ vững lập trường của mình trong khi hậu quả có thể là sự mất mát tai hại của riêng mình? Nhất là nếu việc buông bỏ quyền lực của chính mình ngay bây giờ hứa hẹn sẽ có nhiều phần thưởng trong tương lai. Đây là cách mọi mối quan hệ thầy-trò thường diễn ra, bất kể bối cảnh nào.

Những cá nhân thích sự ca ngợi và kính trọng công khai cũng thường rất có thể lực. Qua nhiều thế kỷ, một số nhỏ các Lạt-ma Tây Tạng được trao rất nhiều quyền lực, trong khi đa số cố hết sức để tránh hoàn toàn các lễ nghi long trọng về tâm linh và chính trị. Đối với hầu hết các Lạt-ma, điều hạn chế lớn nhất của việc nắm giữ một địa vị quyền lực là sự mất tự do cá nhân hầu như không thể tránh khỏi của họ. Nhiều câu chuyện được kể về các Lạt-ma đã rất nỗ lực để thoát khỏi lối sống đó. Ngài Jamyang Khyentse Wangpo, ví dụ, đã tránh lễ tấn phong ngôi vị Shabdrung của tu viện Ngor – một tu viện Sakya rất quyền lực – bằng cách bỏ trốn giữa đêm thanh vắng trước ngày làm lễ. Vào một dịp khác, có lời đồn truyền đến tai ngài Khyentse Wangpo rằng Vua Derge đang tìm một người viết chữ xuất sắc để làm thư ký cho ông. Sau khi quyết định không trở thành một trong những công bộc của nhà vua, ngài Khyentse Wangpo, một bậc thầy thư pháp, cố tình phá hủy mọi tác phẩm đẹp nhất của mình và bắt đầu viết một thứ chữ khó đọc khiến nó trông như một con nhện bò ngang trang giấy.

Có một thực tế trong đời sống rằng một số người là nhà lãnh đạo bẩm sinh và số khác là người thừa hành bẩm sinh. Phật giáo cho rằng điều này là do nghiệp. Khi một nhóm bạn quyết định đi chơi dã ngoại, người có khiếu lãnh đạo bẩm sinh sẽ hành động ngay và phân công những người bạn khác, người làm bánh xăng-uyt, người mang rau trộn khoai tây, người lo chăn mền... Nó hoàn toàn dễ hiểu; một nhà tổ chức giỏi có thể tiết kiệm cho mọi người rất nhiều thời gian và tiền bạc. Điều này cũng xảy ra giữa những người theo chủ nghĩa vô chính phủ; một người vô chính phủ chắc chắn sẽ mạnh mẽ và tự tin hơn những người khác. Nhưng cũng có mặt tiêu cực. Quyền lực đi cùng với khả năng tổ chức các nhóm sẽ dễ bị biến chất và rất hay trở nên ngang ngược. Nhiều người mơ mộng mong mỗi một thế giới không có phép tắc, luật lệ hay nhà cầm quyền. Thoạt nghe, nó có vẻ giống thiên đường, đúng không nào? Cho đến khi chúng ta nhớ rằng thường những kẻ mơ mộng sẽ trở thành nhà độc tài, vì họ bắt cả dân tộc phải tuân theo luật lệ của họ để họ có thể sống trong giấc mơ của mình.

Ở Tây Tạng, một số các Lạt-ma có quyền lực về tâm linh đã kết hợp vai trò tâm linh của họ với vai trò của người đứng đầu một mạng lưới rộng lớn các tu viện và, nhờ làm như vậy, nên họ thường có thể thi hành quyền lực đáng kể về hành chính và chính trị. Nhưng lịch sử nói với chúng ta rằng sự thực thi quyền lực chính trị bởi các nhà lãnh đạo tôn giáo là nguyên nhân của nỗi thống khổ lan tràn khắp đất nước. Có thể thú vị khi các bạn tìm hiểu thêm khía cạnh này của lịch sử Tây Tạng. Nhưng xin đừng tập trung toàn bộ sự chú ý của các bạn vào số tương đối nhỏ các Lạt-ma tha hóa. Nếu các bạn có thể tách riêng Pháp với hành giả, các bạn sẽ hiểu rằng đại đa số các Lạt-ma đã dành cả đời mình để giúp đỡ tha nhân và thực hành Pháp. Nhiều câu chuyện đầy cảm hứng kể về những hành giả

tâm linh đã dùng cảm đương đầu với những chính trị gia hủ hóa của Tây Tạng ra sao. Điều đó có thể giúp các bạn sáng tỏ về lịch sử Tây Tạng.

Những tu viện tại Tây Tạng chịu trách nhiệm chăm sóc, giữ gìn và truyền bá truyền thống và dòng truyền thừa giáo lý của riêng chúng. Vì vậy, bốn phận của họ là thành lập các học viện, trung tâm, thư viện, quỹ tài trợ và học bổng. Nhưng giống như khi quyền lực bị tha hóa, việc tiếp xúc với những khoản tiền lớn cũng vậy, và tiền bạc thì có khả năng lôi cuốn một đệ tử Phật hơn cả quyền lực. Không phải ai cũng muốn điều hành một tập đoàn đa quốc gia, nhưng tất cả chúng ta đều phải thanh toán hóa đơn của mình. Và bao nhiêu là ‘đủ’? Nó là một khái niệm mông lung, khó nắm bắt, không thể đo lường được. Ngay cả các tỷ phú cũng không bao giờ có vẻ đủ.

Phật giáo luôn dựa vào sự ủng hộ của thế lực chính trị và tài chính để giúp truyền bá Phật pháp. Không có nó, giáo lý của đức Phật có thể đã không được hoằng dương rộng khắp đến như thế. Ví dụ, thời hoàng kim của Phật pháp Ấn Độ nằm khoảng giữa thế kỷ thứ tư đến thế kỷ thứ mười hai, khi các triều đại Gupta và Pala – cả hai là những nhà bảo trợ hào phóng của Phật pháp – được coi là các vương triều của quyền lực chính trị. Các sử gia tin rằng một lý do (không phải lý do duy nhất) cả hai truyền thống Phật giáo và Kỳ-na giáo bị suy yếu ở Ấn Độ, so với các nền tôn giáo có ưu thế hơn, đơn giản là chúng không đủ tài chính. Trong thế giới này, tiền bạc là một thứ cực chẳng đã phải có mà không một ai trong chúng ta có thể thiếu chúng.

Giáo lý đức Phật về ‘chánh mạng’ là một phần của Bát chánh đạo. Giáo lý này trình bày rõ ràng những điều mọi Phật tử nên ghi nhớ khi làm ăn sinh sống. Các nhà sư và hành giả du già Phật giáo được cho là không được phép dành dụm tiền.

Luật tạng cũng quy định rằng tu sĩ phải xin ăn và chỉ ăn những gì họ được cho trong ngày đó. Các hành giả du già cũng được khuyên làm điều tương tự. Khi còn nhỏ, tôi luôn cảm thấy hoan hỉ khi thấy cảnh các tu sĩ và hành giả du già thường đến nhà tôi khát thực. Lúc đó, tôi chạy vội xuống bếp lấy đồ ăn đã được để dành sẵn rồi bỏ vào bình bát của họ. Chỉ nhớ lại những lúc đó thôi cũng làm tôi ấm lòng. Nó khác xa ngày nay. Hãy hình dung sự đón tiếp mà một tu sĩ Phật giáo sẽ có được nếu ông ấy cố ăn xin ở Phố Bond tại thành phố London. Truyền thống khát thực vẫn được thực hành tại một số quốc gia theo Phật giáo Nguyên thủy, ở đó các vị tu sĩ đi khát thực cho bữa ăn hằng ngày của mình là một trong những cảnh tượng đẹp nhất từng được nhìn thấy. Nhưng buồn thay, nó đang mất dần đi.

Phật giáo hầu như không thể phủ nhận vai trò của tài lực và quyền lực cùng ảnh hưởng chính trị để trợ giúp cho việc giảng dạy và thực hành nó, nhưng nó không bao giờ dựa vào tình dục. Tình dục không phải là một trong những ‘nhu cầu thiết yếu căn bản’ của Phật pháp. Chúng ta có thể thực hành Pháp mà không hề có tình dục, nhưng mọi tu viện sẽ không bao giờ được xây dựng và kinh sách sẽ không bao giờ được in ấn nếu không có sự giúp đỡ của những mạnh thường quân quyền lực và tiền bạc của họ.

Ngày nay, những câu chuyện về tình dục của một số vị hành giả trong Phật giáo Kim cương thừa, bị thổi phồng đến mức cả hành vi lẫn thái độ tình dục của các hành giả Kim cương thừa đã trở thành những vấn đề nan giải của Kim cương thừa được bàn luận nhiều nhất.

Dù trong hoàn cảnh nào, việc lạm dụng tình dục luôn sai trái. Kim cương thừa đã và sẽ không bao giờ bào chữa cho các vị thầy Kim cương thừa buộc đệ tử làm bất kỳ điều gì họ không muốn. Trong Phật giáo, lạm dụng tình dục thuộc phạm

trù ‘tổn hại’ và mọi hành giả Kim cương thừa được cho là không được làm hại người khác. Nhưng chỉ vì một vị lạt-ma là kẻ lạm dụng, không có nghĩa toàn bộ dòng truyền thừa đều là những kẻ lạm dụng. Sự tổn hại xảy ra do sự lạm dụng tình dục mang tính cá nhân. Nạn nhân bị tổn thương về mặt cảm xúc, tinh thần và thể xác và, nếu kẻ lạm dụng tình dục bị bắt quả tang, ông ta cũng sẽ bị kết tội, lên án và thỉnh thoảng bị tống giam. Cả danh tiếng lẫn di sản của ông ta đều bị hủy hoại công khai. Mặc dù những tố cáo về hành vi của ông ta có thể làm hoen ố hình ảnh của Phật pháp, nhưng nạn nhân và thủ phạm mới chính là những người đau khổ nhất.

Điều quan trọng nên nhớ là đại đa số lạt-ma không phải những người lạm dụng tình dục, và chỉ riêng sự buộc tội của dư luận thôi là quá đủ để hủy hoại danh tiếng. Nhưng, nói chung, về mặt quy mô thì sự tổn thương gây ra bởi sự lạm dụng tình dục sẽ ảnh hưởng ít người hơn sự phá hoại gây ra bởi sự tha hóa thể chế, sự lạm dụng quyền lực và sự gian lận tài chính.

Khi đang viết, tôi có thể cảm thấy những người chỉ trích tôi sẽ nổi giận lôi đình: “Còn nạn nhân thì sao nào!” Tôi kịch liệt phản đối sự lạm dụng tình dục dưới bất kỳ hình thức nào và dĩ nhiên, quan tâm sâu sắc nạn nhân. Một trong những lý do tôi viết cuốn sách này là nhằm trang bị cho những tân đệ tử Kim cương thừa các công cụ phân tích họ cần để bảo đảm rằng họ sẽ không bao giờ bị tổn thương bởi bất kỳ hình thức lạm dụng nào.

Sự ủng hộ thể chế đối với các lạt-ma gây tranh cãi

Các vụ tai tiếng gần đây đã nảy sinh một số câu hỏi về tính hợp pháp. Phật giáo Tây Tạng, thực ra, là một tổ chức tôn giáo

với thể chế và phân cấp có tính tổ chức chu đáo của nó. Vậy thì vì sao những đệ tử thời nay không được cảnh báo về các lạt-ma có tiếng cư xử bất chính, hay tư cách của họ đang đặc biệt bị nghi ngờ? Vì sao chính các lạt-ma cao cấp nhất vẫn tiếp tục công nhận các lạt-ma gây tranh cãi, hoặc bằng giấy mực, hoặc qua sự thân mật với họ trước công chúng? Những câu hỏi này nêu bật rõ ràng một số những thách thức mà Phật giáo Tây Tạng phải đối mặt. Nhưng việc tìm kiếm câu trả lời cho các câu hỏi như vậy hoặc thậm chí chỉ một câu trả lời thỏa đáng thôi cũng phức tạp.

Hãy nói về việc tôi tình cờ gặp một người đệ tử mới, người vừa mới được thu nhận bởi vị lạt-ma mà cô ấy đã chọn. Khi nhìn thấy nụ cười rạng rỡ của người đệ tử mới thì tôi có thể hiểu rằng cô ấy cực kỳ hạnh phúc và phấn khích về thầy mình. Tuy nhiên, dựa trên sự hiểu biết hạn hẹp của riêng tôi, ấn tượng của tôi về vị lạt-ma này là một số hoạt động truyền giáo của ông ấy hơi đáng ngờ. Tôi thậm chí có thể nghi ngờ vị lạt-ma không phải người mà người đệ tử nhiệt thành này nghĩ về ông. Nhưng tôi phải suy nghĩ thật kỹ lưỡng và thấu đáo trước khi chia sẻ sự đánh giá của mình với cô ấy. Vì sao? Để bắt đầu, việc đánh giá một vị lạt-ma khác của tôi, dĩ nhiên, sẽ dựa trên sự hiểu biết và thiên kiến mê muội của riêng tôi. Trong lúc đưa ra đánh giá của mình, phải chăng tôi bị chi phối bởi sự đổ kỵ cá nhân? Người đệ tử mới này sẽ hiểu điều tôi nói với cô ấy thế nào? Phải chăng cô ấy sẽ không thất vọng quá? Phải chăng cô ấy sẽ hiểu ra rằng tôi đang cố đưa ra lời khuyên tốt đẹp, chân thành? Phải chăng cô ấy sẽ tin mọi điều tôi nói đều phát xuất từ sự quan tâm và lo lắng? Hay cô ấy sẽ cho rằng tôi ghen tức với thầy cô ấy?

Vì tôi chưa đạt giác ngộ, nên tôi sẽ hết lòng giữ gìn thanh danh của mình và không thích bị coi là ghen ăn tức ở. Các Đại

thành tựu giả, mặt khác, có thể không quan tâm những gì người khác nghĩ về họ, đặc biệt nếu đó là điều họ cần phải nói, dù cho nhiều người không thích, có thể bảo vệ mối liên kết của người đệ tử với Pháp. Nhưng hiển nhiên, tôi không phải một Đại thành tựu giả.

Có lẽ vị lạt-ma của người đệ tử mới có vẻ tích cực đón nhận sự tranh cãi – Rinpoche Sogyal không phải lạt-ma duy nhất đối mặt sự chỉ trích lan rộng vì lối tiếp cận đầy tranh cãi để giảng dạy Kim cương thừa. Vị lạt-ma của người đệ tử mới cũng có thể được trời phú cho khả năng thu hút người mới đến với Pháp và các đệ tử của ông có thể cảm thấy họ rút ra được nhiều điều lợi ích từ sự dạy dỗ của ông. Nhưng liệu ông ấy có thực sự hiểu được điều mình đang nói không? Ông ấy có được rèn giũa đúng đắn không? Và ông ấy có hoàn thành quá trình rèn luyện đó không? Qua đó tôi muốn nói rằng, liệu ông ấy đã hoàn thành thời gian tập sự của mình với một vị đạo sư Kim cương thừa chân chính hay chưa?

Cách cư xử của các lạt-ma gây nhiều tranh cãi này, tính cách của họ là một mớ ngòn ngộn những trái khoáy, đã và đang tiếp tục cư xử vụng về dẫn đến sự sụp đổ, cho cả bản thân họ lẫn đệ tử của họ. Tệ hơn nữa, sự vụng về của họ giờ đây phương hại đến chính Phật pháp. Điều gì sẽ xảy ra nếu như Phật giáo mất hoàn toàn uy tín bởi hành vi của một số lạt-ma vụng về đến mức giáo lý của nó bị cấm đoán? Điều gì sẽ xảy ra nếu như Phật pháp trở nên lỗi thời và những thế hệ tương lai sẽ mất đi cơ hội để lắng nghe dù chỉ một lời dạy của đức Phật? Sự mất mát như vậy trong thế giới bất ổn này thì thâm biết bao.

Những lời buộc tội về hành vi của Rinpoche Sogyal đã được lan truyền trong hơn hai mươi lăm năm qua và vụ bê bối cuối cùng đã xảy ra thành hình cho ông ấy hầu như không ngoài dự

đoán. Phần còn lại chúng tôi, những Lạt-ma Tây Tạng, đã từng phải nghe ít nhất một điều gì đó về những gì đang diễn ra giữa Rinpoche Sogyal và đệ tử của ông. Vậy tại sao chúng tôi không nói ra? Tôi biết rằng một số Lạt-ma đã cố gắng nói chuyện riêng nói với ông ấy, nhưng Rinpoche Sogyal có vẻ chưa nghe những gì họ nói. Hay có lẽ ông ấy chỉ đơn giản không nghe theo.

Ngày nay, khi một hình tự chụp ngẫu nhiên của một Lạt-ma đáng kính đứng cạnh một Lạt-ma gây tranh cãi được đăng lên mạng xã hội, ngay lập tức nó được hiểu là một sự xác nhận – Tôi khá hoang tưởng vì tin vào điều đó. Những giả định rõ ràng như thế đặt các Lạt-ma như tôi vào các tình huống rất khó khăn. Tôi luôn hạnh phúc hơn khi bàn bạc tới nơi tới chốn với những Lạt-ma khác và đưa ra lời khuyên khi cần thiết. Nhưng chủ đề lạm dụng lại quá nhạy cảm đến mức đưa nó vào cuộc trò chuyện ngay cả với người pháp lữ thân thiết nhất cũng thật khó khăn và có thể dễ gây hiểu lầm. Vì vậy, cách tiếp cận của tôi là luôn cố hết sức để giữ mối quan hệ thân thiện của tôi với Rinpoche Sogyal.

Mối quan hệ với người Tây Tạng luôn phức tạp bởi tập quán của họ không bao giờ nói thẳng vào mặt của một người điều họ thực sự nghĩ về người đó. Người phương Tây thấy thói quen này kỳ cục, nhưng nó có thể rất hữu ích. Một sự bất đồng giữa các Lạt-ma không giống hai người hàng xóm tranh cãi nhau về chiều cao của hàng giậu. Nếu các Lạt-ma được biết đang bất hòa nhau, thì mối quan hệ thân thiện giữa mạng lưới rộng lớn của những tu viện và những dòng truyền thừa có thể dễ dàng bị hủy hoại và sự đối đầu sẽ xảy ra. Chúng tôi những Lạt-ma có xu hướng thích cách chậm rãi và thận trọng hơn, ngay cả khi những biện pháp khéo léo mà chúng tôi áp dụng có vẻ chậm chạp và không hiệu quả. Toàn bộ cách tiếp cận sẽ mất rất nhiều thời gian và kéo theo rất nhiều thử thách và sai lầm, nhưng

cuối cùng khi nó thành công, thì quả thực rất xứng đáng với nỗ lực đã bỏ ra.

Tôi cũng để ý rằng càng ngày càng khó để bất kỳ ai có thể phát biểu cảm nghĩ của họ trong thời đại ngày nay. Những nhà bình luận đương thời cứ khẳng khẳng rằng phương Tây vẫn coi trọng tự do ngôn luận và tranh luận cởi mở, nhưng kinh nghiệm của riêng tôi thì lại khác hoàn toàn. Ví dụ, tôi thấy mình phải cực kỳ thận trọng về cách tôi tiếp cận những chủ đề rất nhạy cảm với những đệ tử Pháp không phải người Tạng, nhất là khi chúng tôi nói về thầy họ.

Tôi được nuôi dạy trong một nền văn hóa tin tưởng rằng giữa mình và người càng hòa hợp bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu. Sự ưu tiên cho hòa hợp này không liên quan gì với Pháp, nó là một sách lược của con người. Nhưng vì con người phức tạp và mâu thuẫn, ngay cả khi chúng ta cố tránh đối đầu, cố thẳng thắn và thành thật, thì dù cư xử tốt bao nhiêu cũng không bảo đảm hoàn toàn nó sẽ mang lại kết quả tốt đẹp. Dù một người có thể rộng lượng và tử tế thế nào, dù ông ấy có ý tốt ra sao, nếu ông ấy cũng có tính ngang bướng không nhượng bộ, thì nhất định sẽ dễ nổi nóng trong quan hệ làm ăn lẫn gia đình. Sự xung đột sẽ được tiếp thêm sức mạnh bởi những tật xấu của con người. Điều này sẽ không thay đổi.

Khi một người mà chúng ta ngưỡng mộ cư xử sai trái, chúng ta thường tự kiểm duyệt hình ảnh thần tượng của mình bằng cách hoặc giả vờ không thấy khuyết điểm của họ hoặc phủ nhận nó. Mỗi người chúng ta sẽ có cách riêng của mình để sống chung với những người có quan điểm rất khác biệt. Có lẽ chồng, vợ hoặc bạn thân nhất của các bạn là một người hâm mộ hết mình ông chủ các bạn. Nhưng ông chủ các bạn không những lợi dụng cá nhân các bạn mà còn lợi dụng địa vị quyền lực của mình để làm giàu bản thân. Theo cách này, hầu như

các bạn sẽ tiếp tục im lặng về cách ông ấy đối xử các bạn. Như phần lớn chúng ta, các bạn cảm thấy bị thúc bách bởi các vấn đề tư lợi của mình – thăng chức, tăng lương,... – mà chúng có thể dễ dàng bị thất bại nếu các bạn quá chú trọng vào đó.

Trong khi cố gắng bảo vệ quyền lợi riêng, chúng ta hiếm khi tự do bày tỏ hay nói ra những điều chúng ta muốn nói hay tin tưởng. Thật ngây thơ khi ngỡ rằng nhân loại đủ phóng khoáng để trở thành người tự do đích thực. Những người duy nhất đích thực có tự do là những Đại thành tựu giả, những người luôn nói đúng điều họ muốn nói mà không vướng bận mảy may tư lợi. Còn lại tất cả chúng ta đều điều chỉnh hành vi của mình theo kế sách riêng và chỉ nói ra khi chúng ta đã đạt được thành công nhất định.

Tất cả chúng ta đều có tham vọng vị kỷ. Bởi vậy, sẽ không thành thật nếu cho rằng khả năng nhận định khách quan và vận dụng tư duy phản biện nhất định sẽ đưa đến sự trung thực rõ ràng, hoặc cho rằng chúng ta luôn hành động theo điều mình tin tưởng. Hầu hết chúng ta đều từ chối thừa nhận mình có một kế hoạch thâm lặng. Tài nghệ tự kiểm duyệt của chúng ta được trau dồi điều luyện đến mức chúng ta liên tục nhắm mắt làm ngơ trước căn nguyên của mọi vấn đề. Dù hành vi sai trái của người bạn thân nhất của chúng ta – hoặc ông chủ hay người bạn đời của chúng ta - đã phơi bày ra rành rành nhưng chúng ta lại không nói gì. Vì sao phải nói ra suy nghĩ của mình để rồi chịu rủi ro mất bạn bè, hôn nhân, hay công việc? Khi hành động, chúng ta thường làm điều sai trái không đúng lúc và cuối cùng thì mất tất cả như con trai của người tiều phu Tây Tạng.

Một ngày nọ, một lão tiều phu cảm thấy kiệt sức đến nỗi ngủ thiếp đi dưới một gốc cây. Khi người con trai triu mến nhìn mặt người cha yêu dấu, thì thấy một con ruồi đậu trên trán ông. Biết cha thèm ngủ thế nào, phản ứng của người con là đuổi ruồi

bay đi trước khi nó làm cha mình thức giấc. Dù có ý tốt, nhưng anh ấy đã mắc sai lầm vì dùng rìu thay vì dùng tay, rốt cuộc đuối trượt ruồi còn đầu cha anh bị lưỡi rìu chẻ đôi.

Tôi luôn có chút hoài nghi với phương pháp của Rinpoche Sogyal. Dù tôi chưa bao giờ cố giới thiệu ông ấy với bằng hữu và đệ tử, nhưng tôi cũng chưa hề cố làm nhụt chí những người mà ông ấy đã truyền cảm hứng. Suy cho cùng tôi là ai mà đánh giá? Tôi cũng không giới thiệu bất kỳ ai với Rinpoche Chatral vĩ đại, và ngài có lẽ là vị Lạt-ma kiên quyết nhất trên đời này. Trong trường hợp của Rinpoche Chatral, chính sự chính trực của ngài đôi khi khiến ngài hơi khó được chấp nhận. Tôi tránh giới thiệu ngài với các tân đệ tử Pháp vì ngài hoàn toàn có thể nói ngay với họ rằng, vì chúng ta có thể chết bất kỳ lúc nào, nên mọi dự tính đều vô nghĩa. “Và dù sao thì,” ngài sẽ nói, “luân hồi và đời sống thế tục này đều vô nghĩa.”

Tôi nhớ một phụ nữ người Mỹ mới tìm hiểu Pháp bảo tôi là bà thích Rinpoche Chatral ngay khi gặp ngài nhưng không trở thành đệ tử ngài vì bà cảm thấy không thể đáp ứng được điều kiện của ngài. Tôi nghi mình biết đó là điều kiện gì, nhưng vẫn hỏi. Rinpoche Chatral đã bảo bà ấy là bà chỉ có thể trở thành đệ tử của ngài nếu bà không bao giờ dự tính cái gì dài hơn ba tháng sắp đến. “Nếu bà không thể làm điều đó,” ngài nói, “thì đừng bao giờ quay lại đây.”

Cách đây vài năm, tôi gặp một ông người Trung Đông có hứng thú mãnh liệt đối với triết lý Phật giáo. Ý nghĩ đầu tiên của tôi là, vì rất hiếm gặp người như thế, tôi sẽ giới thiệu ông ấy với một trong những Lạt-ma bằng hữu của tôi. Nhưng tôi do dự. Bạn tôi là một người ủng hộ thẳng thắn thuyết ăn chay và chưa bao giờ bỏ qua cơ hội chê trách những người ông ấy gặp về thói quen ăn-thịt của họ. Dù thuyết ăn chay chắc chắn có nhiều lợi ích và ưu điểm, nhưng tôi lo sự sốt sắng của bạn tôi

có thể làm tiêu tan hoàn toàn sự hứng thú của ông Trung Đông đối với Phật pháp. Nhưng tôi thực sự muốn hai người họ gặp nhau. Vì vậy, tôi đã gọi điện cho bạn tôi và yêu cầu ông ấy hứa, chỉ lần này thôi, không đòi hỏi ông Trung Đông đó từ bỏ ăn thịt lúc họ gặp nhau. Tôi có thể làm gì khác nào?

Đức Phật: Thầy Các bạn

Trớ trêu thay, dù chúng ta được dạy, rất thường xuyên, là không dựa vào người truyền giáo mà chỉ dựa vào chính giáo lý, nhưng phần lớn chúng ta lại không bao giờ làm theo. Vì sao vậy? Một số chúng ta gặp một vị thầy và lập tức gắn chặt với họ. Thế là xong! Coi như việc tầm sư đã kết thúc và chúng ta cảm thấy không cần phải tìm kiếm thêm bất kỳ ai hay bất kỳ điều gì nữa. Những người khác bắt đầu bằng cách tự họ thử tìm hiểu giáo lý nhà Phật. Một vài giờ đồng hồ trôi qua, chúng ta nhận ra những cuốn sách Pháp dày cộp, nặng trĩu trên bàn mình đầy những thuật ngữ Phật giáo khó nuốt trôi, vì thế mà chúng quá khó hiểu. Vậy chúng ta nên tìm hiểu cái gì trước? Thế là chúng ta cố gắng tham dự những buổi Pháp thoại. Nhưng việc đó không hiệu quả vì việc lắng nghe những buổi thuyết giảng ngẫu nhiên chỉ gây bối rối, nhất là khi chúng ta thấy mình ngồi trong khán phòng nóng nảy, ngột ngạt, chật ních người, ở đó những khái niệm khó hiểu được bàn luận dài lê thê.

Một người thầy bằng xương bằng thịt sẽ khác hẳn. Chúng ta có thể nhìn ngắm, tiếp xúc và trò chuyện với ông. Đối với nhiều người trong chúng ta, chỉ riêng sự tồn tại của thầy mình không những truyền cảm hứng mà còn khích lệ chúng ta nữa. Một số vị thầy không cần nói một lời nào. Mata Amritanandamayi, “Thánh

ôm ấp,' truyền cảm hứng cho hàng triệu người trên toàn thế giới chỉ bằng cách ôm chầm họ. Nó là một phương pháp đầy quyến rũ. Và tôi là ai mà đánh giá nó hiệu quả hay không?

Việc tìm kiếm người thầy bằng xương bằng thịt có thể là vấn đề. Từ Sadhguru Jaggi Vasudev cho đến Eckhart Tolle, những ông thầy tuyên bố đã có những chứng ngộ trên bãi biển ngập nắng hay trong căn bếp ám khói cứ xuất hiện liên tục như nấm. Tất cả họ đều có sức thu hút riêng và nhiều điều họ nói nghe có vẻ đúng đắn và đáng tin cậy, nhưng hiếm khi mới mẻ hay độc đáo. Thông thường, giáo lý của họ giống như bình mới rượu cũ, tức lặp lại những điều đã có từ lâu chỉ khác cách trình bày mà thôi. Việc theo chân một vị thầy như vậy hay không sẽ tùy thuộc các bạn. Các bạn có quyền khảo sát vị thầy này và giáo lý của họ, rồi tự mình quyết định ai phù hợp và ai không. Các bạn cũng có quyền không khảo sát họ chút nào nếu không muốn. Nhưng, ở một thời điểm nào đó trong quá trình chọn lựa đạo sư, chính phản ứng nặng cảm tính của các bạn, dù thoáng qua, sẽ chi phối các bạn.

Một vị thầy có thể được chọn theo cách giống như chúng ta dùng để chọn trường đại học. Các bạn có rất nhiều tham vọng và quyết định nộp đơn vào Đại học Oxford tại Anh quốc vì đó là nơi năm mươi lăm vị giành giải Nobel đã tốt nghiệp. Nếu một tân đại học trông giống y hệt trường Oxford mới mọc lên đê qua trên bờ sông Isis, thì các bạn có xin vào đó không? Không, các bạn sẽ không làm như vậy. Vì tham vọng của các bạn là giành một giải thưởng Nobel, nên sẽ hợp lý hơn nhiều khi phó thác bản thân dưới sự dạy dỗ của một trường đại học đã có thành tích thực tiễn trong việc đào tạo thành công những người đoạt giải trước đây. Đây là lý do vì sao các đệ tử Pháp được khuyên nên tìm hiểu người thầy bất kể họ có sức thu hút hay không để tìm ra vị thầy của riêng mình, và tìm

hiểu thầy của vị thầy đó có theo chân một vị thầy không? Nói khác đi, vị thầy có thuộc một dòng truyền thừa đạo sư nào không? Và có bao nhiêu vị thầy trong dòng truyền thừa đó có khả năng tương đương những vị đã giành giải thưởng Nobel?

Một trong những lợi lạc của việc theo chân một đạo sư, người thuộc một dòng truyền thừa đạo sư được kính trọng, là họ hầu như đã trải qua một quá trình đào tạo trọn vẹn. Các bạn sẽ nhờ một thợ kim hoàn do Cartier đào tạo đính lại những viên kim cương của bà nội mình hay sẽ nhờ người thợ cơ khí sống bên cạnh và có sở thích làm việc đó? Nếu cần một luật sư, phải chăng các bạn sẽ không tìm hiểu bà ấy có phải là một luật sư giỏi hay không? Phải chăng tất cả chúng ta không thích chọn bác sĩ, thợ sơn và thợ sửa ống nước dựa trên lời giới thiệu từ người chúng ta tin tưởng? Hay các bạn sẽ thoải mái phó thác công việc pháp lý cho một người không có chuyên môn và không có văn phòng làm việc, mà tên tuổi của họ được các bạn tìm thấy trong mục rao vặt miễn phí của một tờ báo địa phương, chỉ vì ông ấy có lối nói chuyện dễ thương qua điện thoại?

Dĩ nhiên, với quyền tự do cá nhân của con người không ai có quyền cấm các bạn chọn người thợ cơ khí hay người có giọng nói đáng yêu. Các bạn có quyền làm bất cứ điều gì mình thích – và hãy cứ tự nhiên như vậy. Nhưng nên nhớ, nếu có rắc rối xảy ra thì các bạn sẽ lẻ loi một mình. Đây là lý do vì sao trong Kim cương thừa, dòng truyền thừa lại được nhấn mạnh như vậy.

Thế giới ngày nay nảy sinh nhiều vấn đề về sở hữu trí tuệ và bản quyền. Việc xuất hiện các nền kinh tế như Trung Hoa thường xuyên bị chỉ trích trên phương tiện truyền thông châu Âu và châu Mỹ về việc ăn cắp ý tưởng phương Tây. Tuy nhiên, phương Tây đã ăn cắp ý tưởng từ châu Á trong nhiều thế kỷ và

vẫn tiếp tục làm vậy trên cả hai bình diện tập thể và cá nhân. Nhiều kỹ thuật chánh niệm phổ biến hơn của thời đại này đã được truyền dạy đầu tiên tại Ấn Độ. Nghệ thuật trang trí hoa Nhật Bản (mà người Nhật du nhập vào nước họ từ Trung Hoa cùng với Phật giáo) và nghi lễ trà đạo Nhật Bản cả hai đã bị ăn cắp, được tân trang và giới thiệu trong thế giới phương Tây theo lối mới mà không một lời công nhận công lao những người sáng tạo ra nó. Tương tự, những bậc thầy tâm linh và nhà văn thời nay ít có người nào thừa nhận nguồn gốc của họ; ‘ca ngợi công lao dù chỉ là miễn cưỡng’ đã trở nên lỗi thời. Những vị thầy này ăn cắp những ý tưởng sâu sắc từ những nhà tư tưởng gia tâm linh vĩ đại nhất thế giới, thay đổi cách diễn đạt, rồi giả vờ nó là của họ.

Nếu, bất chấp lớp màn bí ẩn bao phủ quá trình đào tạo tâm linh của họ, các bạn quyết theo chân một trong những tân đạo sư này, thì nên nhớ là các bạn đang chấp nhận một sự rủi ro lớn. Việc từ chối tôn giáo có tổ chức và phó thác bản thân vào bàn tay của một vị thầy mới toanh như một cây nấm mới mọc đêm qua là sự liều lĩnh đại dột như việc phó thác những viên kim cương của bà nội các bạn vào tay một người thợ cơ khí. Hãy luôn nhớ là nếu vì một cảm giác mê mẩn nhất thời xúi giục mà các bạn gấn bó chặt chẽ với một đạo sư nấm, thì về mặt tâm linh, các bạn sẽ trợ trọi một mình.

Ngày nay, mọi hình thức tôn giáo được nhìn với ánh mắt nghi ngờ, đặc biệt là các tôn giáo chính thống, có tổ chức. Nhưng phải chăng các vị đạo sư đơn độc, tự xưng không bị nghi ngờ hơn? Các bạn có gì bảo đảm rằng một đạo sư tự xưng sẽ không lạm dụng hay trộm cắp của các bạn? Cuộc sống này cho chúng ta rất ít sự bảo đảm, nhưng thể chế và luật lệ đã kinh qua thực nghiệm và thử thách của các tổ chức tôn giáo sẽ hữu ích. Nếu vị đạo sư nấm mà các bạn được truyền cảm hứng

không có mối liên hệ với một nhóm hay truyền thống nào, thì ông hay bà ấy sẽ không phải chịu bất kỳ hình thức giám sát nào cả. Nó tùy thuộc hoàn toàn vào các bạn dù các bạn có chấp nhận rủi ro đó hay không, nhưng nếu làm vậy, thì các bạn sẽ không có bất kỳ sự nương tựa tâm linh nào.

Các bạn có thể thắc mắc, trên thực tế Rinpoche Sogyal thuộc một dòng truyền thừa đáng tin cậy, vậy ông đã giúp đỡ các đệ tử của mình thế nào? Khi một vị thầy thuộc một truyền thống và một dòng truyền thừa, thì các đệ tử sẽ có khả năng tiếp cận một nguồn đáng tin cậy về giáo lý để được tư vấn. Các đệ tử của các đạo sư nắm tự-phong sẽ không có được loại trợ giúp đó. Lý do duy nhất giờ đây chúng ta có thể xem xét kỹ những rắc rối nảy sinh giữa Rinpoche Sogyal và một số đệ tử của ông ấy chính là nhờ ông ấy thuộc về một dòng truyền thừa chính thống kiên định áp dụng mọi thể chế và luật lệ của Kim cương thừa. Trên thực tế, một vị thầy xuất thân từ một dòng truyền thừa có thể sẽ không bảo đảm có hành vi đúng đắn, nhưng ít nhất các đệ tử sẽ có được phần giáo lý chân chính để tham khảo.

Được dạy rằng, sự thị hiện của chư vị Bồ tát thì vô cùng vô tận, nên tôi là ai mà có quyền đánh giá một người có phải là một đạo sư đủ tư cách hay không? Nếu các bạn mong muốn theo đuổi Phật pháp và mù mờ về việc chọn lựa một đạo sư theo sự mách bảo của con tim, thì tôi mạnh dạn khuyên các bạn hãy chọn cách truyền thống là lắng nghe, suy tư và phân tích.

Pháp bảo: Lời Dạy của đức Phật

Một số người bị thu hút bởi lời dạy của đức Phật nhưng lại muốn xa lánh mọi đạo sư. “Tôi muốn trở thành một Phật tử, nhưng tôi không cần một đạo sư và thay vào đó tôi sẽ đọc thật nhiều kinh sách Phật giáo.” Điểm hạn chế lớn với lối tiếp cận

này là các bạn sẽ không thoát khỏi cách hiểu một chiều mọi thứ các bạn đọc – cách hiểu của riêng các bạn. Các bạn chỉ có thể hiểu giáo lý từ bên trong chiếc hộp nhận thức hạn hẹp của riêng các bạn. Nếu không có một vị thầy hay tăng đoàn, thì không có thiên kiến nào, sự bế tắc nào, quan niệm sai lầm nào... của các bạn sẽ bị thử thách, và những hiểu lầm sẽ không được sửa sai.

Tăng đoàn: Thể chế và Luật lệ của Phật pháp

Hệ thống ‘tăng đoàn’ có đủ mọi thể chế và luật lệ cần thiết gắn liền với nó. Đây là một trong nhiều lý do vì sao tăng đoàn lại quan trọng đến thế. Các ngôi trường đại học Phật giáo như Nalanda, Odantapuri và Vikramashila ban đầu được thành lập để hỗ trợ tăng đoàn. Tương tự, các học viện, tự viện và trung tâm nhập thất được thiết lập tại Tây Tạng cũng nhằm hỗ trợ tăng đoàn. Và mặc dù sự thể chế hóa cũng phát sinh những vấn đề của riêng nó, phải chăng sẽ bất thường khi ruột thừa của các bạn được cắt bỏ bởi một bác sĩ phẫu thuật lành nghề tại một bệnh viện uy tín thay vì ông thợ cắt tóc địa phương? Có phải một bác sĩ phẫu thuật lành nghề sẽ không đáng tin cậy hơn một kẻ thông minh khéo tiếp thị bản thân mà người đó có thể chỉ mới biết đọc, hướng gì được nhận vào một trường y khoa?

Đừng bao giờ quên, thầy các bạn là sự lựa chọn của các bạn. Với tư cách cá nhân, các bạn có toàn quyền quyết định. Nhưng các bạn sẽ tìm đến ai để cầu viện sự giúp đỡ và hướng dẫn nếu đạo sư nắm truyền cảm hứng cho các bạn là người đơn độc? Có thể làm theo lời dạy của Phật mà không gặp nguy cơ lạm dụng không? Đương nhiên vậy rồi. Và có lẽ cách bảo vệ hiệu quả nhất trong tất cả các cách là kiểm tra lai lịch của vị

đạo sư tiềm năng của các bạn *trước khi* các bạn thỉnh cầu ông hay bà ấy trở thành đạo sư Kim cương thừa của mình.

Hãy luôn nhớ rằng mọi tôn giáo có tổ chức và hội nhóm tâm linh được quản lý bởi những con người còn mê muội, và như vậy sẽ luôn có nhiều mảnh đất màu mỡ cho tham nhũng, quan liêu và quyền lực chính trị sinh sôi. Vì vậy, nếu sự chọn lựa đạo sư của các bạn dựa trên ý thích bất chợt hoặc không suy xét thấu đáo cẩn thận, và khi vị đạo sư đó bòn rút tiền bạc của các bạn hay lạm dụng các bạn về mặt tinh thần hay tình dục, thì sẽ không có ai lắng nghe lời than phiền của các bạn – điều đó muốn nói là không tổ chức tâm linh nào, không dòng truyền thừa nào và không hệ thống giáo dục nào lắng nghe các bạn.

⑧

Tri Kiến: Không Khoan Nhượng

Cho nên, Xá-lợi-tử, trong tánh không, không có sắc, thọ, tưởng, hành, thức;

không có nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý; không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp;

không có nhãn giới cho đến không có ý giới; không có pháp giới, không có ý thức giới;

không có vô minh cũng không có kết thúc vô minh cho đến không có lão tử, cũng không có kết thúc lão tử;

không có khổ, tập, diệt, đạo, không có trí huệ, không có sở đắc, cũng không có vô sở đắc.

Cho nên, Xá-lợi-tử, vì chư Bồ tát chứng vô sở đắc, nên các ngài an trụ trong Trí-huệ-bát-nhã.

Vì tâm không chướng ngại, nên không sợ hãi.

TRÍCH ĐOẠN NỔI TIẾNG NÀY từ bản dịch trú danh của Ban dịch thuật Nalanda về bản kinh *Prajñāpāramitāhṛdaya*, thường được biết đến rộng rãi với tên gọi *Tâm Kinh*, là sự bày tỏ tri kiến (nếu có thể gọi nó là ‘tri kiến’) [hay tầm nhìn, quan điểm] bất khả thuyết, căn bản của Phật giáo phát sinh từ lòng đại bi của đức Phật.

‘Tri kiến’ là gì? Trước khi vượt biển vòng quanh thế giới, vị thuyền trưởng phải hoàn toàn tin tưởng rằng trên thực tế trái đất tròn. Nếu không có ‘tri kiến’ hay ‘quan điểm’ đó, ông ấy thậm chí còn không nghĩ đến việc gióng thuyền từ thành phố

New York đến thành phố Auckland, hướng hồ là lập hải đồ của hành trình. Nếu ông ấy thực sự tin rằng thế giới phẳng và bị thuyết phục rằng con thuyền có thể vượt qua đường biên của thế giới và rơi xuống vực thẳm mất tích, thì ông ấy sẽ không bao giờ dám vượt biển. Dựa trên thực tế đó, quan điểm của thuyền trưởng là ông ấy có thể vượt biển từ thành phố New York đến thành phố Auckland mà không sợ rơi vào khoảng không. Ông ấy không cần củng cố quan điểm này bằng cách đọc “trái đất tròn” liên tục cả ngày lẫn đêm vì ông ấy đã tin chắc nó như vậy. Dù tấm bản đồ vị thuyền trưởng dùng để vạch hành trình không tròn – nó là một bản vẽ hai chiều trên một tấm giấy phẳng – sự bằng phẳng của bản đồ không làm thuyền trưởng lầm tưởng bản thân thế giới cũng bằng phẳng, hay con thuyền của ông có thể rơi khỏi đường biên của nó. Toàn bộ những điều này chứng tỏ rằng chánh kiến cần thiết thế nào.

Một trong những tri kiến được dạy trong Phật pháp là ‘mọi thứ giả hợp đều vô thường.’ Sự thật của lời tuyên bố này có thể thuyết phục chúng ta về mặt lý trí, nhưng khi cuộc đời xô đẩy chúng ta muốn ngã quy, trong nỗ lực tự đứng vững chúng ta sẽ cố bám víu vào vật đầu tiên mà bàn tay chúng ta có thể vớ được. Vì thiếu niềm tin mạnh mẽ không thể lay chuyển của người thuyền trưởng, nên chúng ta cứ trù tính như thể mình sẽ sống mãi.

‘Mọi hiện tượng đều không thực sự tự tồn tại’ là một tri kiến khác của Phật giáo, nhưng nó hoàn toàn không dễ hiểu như ‘mọi thứ giả hợp đều vô thường.’ Niềm tin của chúng ta vào tri kiến này phần nhiều giống như vị thuyền trưởng muốn tin rằng thế giới tròn nhưng vẫn cảm thấy hoang tưởng về việc rơi khỏi đường biên.

Từ thời đức Phật Thích-ca Mâu-ni cho đến nay, các bậc chân sư không ngừng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xác lập và giữ vững chánh kiến. Họ luôn cảnh báo về những sự nguy hiểm của việc nuôi dưỡng một tà kiến, một quan điểm thiếu sót, hay không có một loại quan điểm nào cả. Tuy nhiên, dù tri kiến quan trọng như thế, nhưng phần lớn chúng ta lại thích làm ngược lại. Chúng ta muốn tin rằng một số thứ thực sự tồn tại và còn mãi, và tin rằng cảm xúc của chúng ta là hạnh phúc.

Nếu để tâm vào những gì đã đọc trong kinh sách Phật giáo, thì các bạn sẽ biết tồi tệ nhất trong tất cả những quan điểm bất thiện là tà kiến. Mọi thứ sẽ thất bại khi các bạn giữ một tà kiến – mọi điều các bạn nghĩ, mọi việc các bạn làm, cách các bạn đối xử với mình, cách các bạn đối xử với người khác,... Cuộc sống có thể vẫn tiếp diễn bình thường trong một khoảng thời gian, nhưng cuối cùng sẽ sụp đổ hoàn toàn. Cũng như vị thuyền trưởng làm tường trái đất bằng phẳng khiến ông ấy hoang tưởng con thuyền sẽ rơi khỏi đường biên, khiến ông mâu thuẫn gay gắt với toàn bộ thủy thủ, những người biết rằng trái đất tròn, nên các bạn sẽ không bao giờ có thể an ổn và không mối quan hệ nào của các bạn diễn ra suôn sẻ.

Cơ hội để những người như chúng ta quan tâm đến chánh kiến rất mong manh, ngay cả khi chúng ta biết rằng tà kiến luôn dẫn chúng ta đi sai đường. Nó hơi giống thái độ của thế giới đối với chất nhựa: chúng ta biết rằng chất nhựa không tốt cho mọi người và môi trường, nhưng vì nó giữ cho sản phẩm tươi, lại rất nhẹ về khối lượng và chi phí sản xuất rẻ, nên chúng ta không thể nào ngừng sản xuất hay ngừng sử dụng nó. Chất nhựa là giải pháp dễ dàng, ngắn hạn. Ngày xưa, cả nước Ấn Độ thường uống trà bằng chén đất, nhưng ngày nay mọi người dùng chén nhựa vì nó thuận tiện hơn cho cả hai bên là nhà sản xuất trà và người uống trà.

Người Phật tử cực kỳ cảnh giác với mọi tà kiến và thường chẩn đoán việc ưa thích sự thuận tiện là do thiếu *punya* (công đức) hay, trong một số trường hợp, là do không có công đức nào cả. ‘Tà kiến’ Phật giáo là gì? Việc tin rằng mọi hiện tượng đều sinh khởi ngẫu nhiên là một tà kiến. Việc tin rằng một hiện tượng được tạo ra bởi một vị Thượng Đế toàn năng cũng là một tà kiến. Việc tin rằng cái bàn và núi non tồn tại mãi mãi là một tà kiến vì cả hai đều vô thường. Một cái bàn được tạo thành từ những bộ phận khác nhau, nên việc tin rằng nó chỉ gồm có một phần tử duy nhất là một tà kiến. Cái bàn và núi non là những đối tượng tạm thời, phức hợp, không ngừng biến đổi, nên việc tưởng rằng có một thứ gọi là ‘bàn’ hay ‘núi’ là một tà kiến. Việc tin rằng có một ‘bản ngã’ cũng là một tà kiến, vì không có cái gì như thế cả. Và nếu một hành giả mật thừa có bất kỳ sự phân biệt hay sự thiên vị nào, thì đó cũng là tà kiến.

Theo mật điển, mọi thứ mà chúng ta những con người mê muội nhìn thấy, hình dung, tưởng tượng, đo lường và quyết định đều hạn hẹp, bất toàn và một chiều, và chúng bị bó buộc bởi thời gian, không gian, số lượng, ngôn ngữ, văn hóa và tập quán. Đây là những gì mật điển mô tả là nhận thức ‘bất tịnh.’ Nó cũng giống như say rượu. Mọi thứ chúng ta nhận thức đều bị méo mó bởi tình trạng say rượu của mình, nên nó bất tịnh. Khi tỉnh rượu, các bạn sẽ trở về trạng thái ban đầu, trước khi uống rượu. Nhưng dù say hay tỉnh, thì các bạn vẫn luôn là ‘các bạn.’ Dưới sự ảnh hưởng của chất cồn những sự hình dung của các bạn bị xuyên tạc, ngoại trừ các bạn vẫn là các bạn. Trước khi uống rượu, trong khi say rượu và sau khi tỉnh rượu, thì các bạn vẫn vậy không khác. Không những các bạn vẫn vậy, mà mọi hiện tượng cũng không khác. Không có gì thay đổi cả. Đây là tri kiến của mật thừa. Và ý nghĩa của từ ‘mật điển’ là ‘sự liên tục’ hay ‘sự liên lạc.’

Những tín đồ của một số tín ngưỡng khác nhau, từ những người tham dự các hội nghị tôn giáo đến những nhà bình luận tôn giáo ở đài phát thanh BBC, thường xuyên gây ấn tượng rằng mọi tôn giáo đều giống nhau. Họ thích nói về những phương pháp và kỹ thuật tương tự mà mỗi tôn giáo áp dụng – không trộm cắp, không sát sanh, thực hành bất bạo động và bác ái... – nhưng họ không bao giờ thảo luận bất kỳ sự giống nhau nào về quan điểm. Trên một phương diện, điều đó có thể hiểu được. Thời nay, ít vị thầy nào biết nhiều về quan điểm, và các vị biết điều đó, lại không biết cách giảng dạy nó cho chính cộng đồng của họ, hướng hồ là cho những người có lai lịch và văn hóa khác hẳn nhau. Thành thật mà nói quan điểm là một chủ đề vô cùng khô khan và khá buồn tẻ. Nó khó hiểu cũng như chẳng có gì thú vị, và nó không tạo ra bầu không khí hứng khởi và truyền cảm ngay lập tức như khi chúng ta chìm đắm trong bầu không khí của một chánh điện đầy mùi hương cháy âm ỉ, hoa cúng thơm ngát và nhạc lễ thiêng liêng kỳ lạ. Giáo lý về quan điểm Phật giáo khiến nhiều người ngáp ngáp dài, còn các đệ tử thì thường tự trách mình không đủ nhạy bén để hiểu điều quan trọng nhất mà nó muốn nói là gì.

Một khi hành trình của con thuyền đã được vạch ra thì vị thuyền trưởng mới có thể thư thả. Vì biết rằng trái đất tròn, nên ông tự tin con thuyền của mình sẽ không vượt qua ranh giới. Tương tự, nếu giáo lý về quan điểm Phật giáo được thấu hiểu trọn vẹn, thì nhiều điều khó khăn mà chúng ta gặp phải trên con đường Đạo pháp sẽ tức khắc được giải quyết. Từ những câu hỏi như: “Tôi nên cúng dường cúc vạn thọ hay hoa hồng?” và “Lễ lạy kiểu Ấn Độ mới đúng nhất hay kiểu Thái Lan?” đến những câu “Chúng ta nên hiểu thế nào về câu chuyện của một chàng trai bị thầy mình bắt xây một tòa nhà

chín tầng?” và “Còn những người đệ tử kia bị thầy họ đánh bằng cây gãi lưng thì sao?”

Một số người tìm hiểu những pháp môn của Phật giáo kiểu cười ngửa xem hoa và coi chúng là thứ mê tín dị đoan cổ lỗ sĩ hay một loại nghi thức Shaman giáo [Đạo Mẫu của Việt Nam là một hình thức của Shaman giáo]. Số khác xem Phật pháp là thần thông. Nếu nổi mẩn ngứa trên cánh tay, tôi sẽ cảm thấy dễ chịu khi thầy tôi khuyên nên tụng một thần chú cụ thể. Các đệ tử xúc động khi vị thầy bảo họ thực hành chánh niệm bằng cách sổ tức, hay thọ nhận một quán đảnh, hay tu một nghi quỹ hằng ngày. Những người khác thích cúng hương và ngồi thiền. Một số thậm chí phấn chấn và hứng khởi bởi thử thách nhận thức một cụ già hom hem miệng nhỏ dãi và nói năng ngớ ngẩn là một con người hoàn hảo. Tất cả mọi loại người đều được truyền cảm hứng bởi những pháp môn Phật giáo và thiết tha thực hành chúng.

Nếu thực hành của các bạn đi kèm niềm tin kiên cố vào chánh kiến, thì đạo sư sẽ là người hướng đạo kỳ diệu, toàn năng, có thể chỉ các bạn cách xóa tan sự phân biệt nhị nguyên và đưa các bạn đến sự chứng ngộ bất nhị. Nhưng thiếu chánh kiến, thì các bạn có thể quên bằng việc thấy một đạo sư chảy dãi là một vị Phật hoàn hảo. Dù lưng bạn thẳng bằng khi ngồi thiền, nhưng thiếu chánh kiến, thì các bạn sẽ không gạt hái được bao nhiêu. Dù đi trọn con đường thì chứng ngộ của các bạn cũng sẽ không bao giờ bay bổng hay thăng hoa một cách nhanh chóng và hỉ lạc. Nếu thiếu chánh kiến, các bạn nghĩ mình có thể duy trì kỷ luật tọa thiền được bao lâu? Tọa thiền cũng như cử tạ, nếu các bạn bỏ tập trong một hai tuần, thì cơ bắp các bạn sẽ nhão. Nếu không có tri kiến, tọa thiền sẽ hơi giống việc nhổ cỏ: nếu các bạn bỏ quên một tuần, thì cỏ dại sẽ lại mọc, và các bạn phải bắt đầu trở lại từ vạch xuất phát. Tương tự với

chánh niệm; nếu không thực hành một tuần thì ngay cả người say mê chánh niệm nhiệt thành nhất cũng phải làm lại từ đầu. Vậy vấn đề là gì? Sao phải cố? Chỉ riêng chánh niệm sẽ không đưa bạn đi đến đâu. Tất cả những gì nó làm chỉ là nạp lại điện năng cho bình điện của các bạn – và bình điện thì phải sạc lại mãi. Hãy nghĩ ngợi một lúc về nó. Phải chăng viễn cảnh phải tu tập chánh niệm hằng ngày cho đến khi các bạn nhắm mắt xuôi tay sẽ không khó chịu, thậm chí không nhàm chán là bao? Thực hành chánh niệm mà không có tri kiến thì cũng chỉ là một công việc khác trong những công việc tẻ nhạt của luân hồi. Nó thật buồn tẻ như việc quan sát lớp sơn khô đi.

Nếu mục đích của Phật giáo không ngoài thiên định rờng rã năm này sang năm khác, thì nó sẽ không khác việc tự hành hạ mình là bao. Đối với một hành giả Phật giáo, dấu hiệu tiến bộ thực sự là tận dụng triệt để bản thân con đường, nhưng điều đó không thể thực hiện được nếu không có sự hiểu biết về tri kiến.

Con đường Phật giáo

Có lẽ sẽ dễ dàng hơn cho các bạn trong việc học cách nương theo con đường Phật giáo nếu các bạn nghĩ về nó như một hỗn hợp gồm bốn thành phần: Kiến [tri kiến, quan điểm, tầm nhìn], Thiên [tu tập, thực hành], Hành [hành vi, hạnh kiểm] và Quả [đạo quả, sự thành tựu].

Kiến Phật giáo

Tại thời điểm này, chúng ta hãy tóm tắt Kiến của Phật giáo là: mọi thứ giả hợp đều vô thường; mọi cảm xúc đều đau khổ; không có gì thực tồn tại; và cái gọi là niết bàn, giác ngộ, là

vượt qua mọi cực đoan và tạo tác. Giáo lý này được gọi là Tứ Pháp Ấn.

Thiền Phật giáo

Dù các bạn chọn pháp môn nào để tu tập - cúng hương, thiền định, hay tụng thần chú - nó phải chống lại, đối lập, đi ngược lại nhị nguyên. Nói khác đi, pháp môn phải mâu thuẫn với điều đối lập với tri kiến, cũng như nâng cao sự tin chắc và sự hiểu biết về tri kiến đó. Nếu được như vậy, thì đó là một thực hành Phật giáo. Nếu không như vậy, nhưng nếu các bạn khao khát và cầu nguyện, nguyện mọi điều tôi làm sẽ nâng cao sự hiểu biết tri kiến, thì nó vẫn được xem là một thực hành Phật giáo. Về cơ bản, mọi thực hành mâu thuẫn với nhị nguyên đều phù hợp với Kiến của Phật giáo.

Hành Phật giáo

Hành của Phật giáo là không rơi vào cực đoan. Dù nghề nghiệp hay sở thích ăn kiêng của các bạn là gì đi nữa - tu sĩ xuất gia, chủ gia đình, ăn sĩ trong hang, giám đốc nhà băng, người ăn chay - thì các bạn phải không bao giờ trở nên cực đoan. Tại sao không? Vì một thái cực xuất hiện là do so sánh với một thái cực khác nên nó là nhị nguyên, và nhị nguyên thì không phù hợp với kiến Phật giáo. Điều này không có nghĩa một Phật tử cũng là người ăn chay thỉnh thoảng phải buộc mình ăn một miếng thịt để phòng ngừa mình trở thành kẻ cực đoan. Ăn chay không phải mục đích mà chỉ là một phương pháp. Sự giải thoát mới là mục đích.

Quả Phật giáo

Kết quả của thực hành Phật giáo được xác định bởi sự rũ bỏ. Ví dụ như, giấc mơ các bạn có trong lúc ngủ tức khắc bị rũ

bỏ khi các bạn tỉnh dậy, và kết quả mà chúng ta mô tả là ‘tỉnh dậy’ hoàn toàn phù hợp với kiến Phật giáo. Nói cách khác, một khi các bạn đã được thức tỉnh bởi ý tưởng mọi thứ giả hợp đều vô thường, không chỉ về mặt lý trí mà còn về mặt cảm xúc, thì các bạn sẽ không còn bám víu vào chiếc xe Chevrolet Bel Air đời 1960 hay với mối quan hệ hạnh phúc mãi về sau của các bạn. Quả Phật giáo được xác định bởi sự rũ bỏ không phải sự thành tựu.

Kiến Thiết Yếu

Phải chăng các bạn thích nghe giáo lý của Nguyên Thủy (Theravada) về vô thường (*aniccā*), khổ (*dukkha*) và vô ngã (*anattā*)? Hay thích nghe giáo lý của Bồ tát thừa về Bát-nhã-ba-la-mật-đa (trí tuệ viên mãn), tánh không (*shunyata*) và đại bi (*mahakaruna*)? Có lẽ các bạn thích giáo lý Mật thừa dị thường hơn, chẳng hạn một trăm cảm xúc phiền não tương đương một trăm trí tuệ, và cũng như một đồng đá chứa quặng vàng hảo hạng thực chất là một đồng vàng, một đám mây giông dữ dội thực chất là một đám mây trí tuệ. Hay giáo lý mật thừa dạy rằng cơ thể các bạn, cục thịt thối này, không gì khác mà chính là Bốn tôn, là mạn-đà-la. Bất kỳ cỗ xe giáo lý Phật giáo nào mà các bạn chọn lắng nghe, chúng đều bàn về kiến. Và, như các bậc thầy quá khứ đã dạy và các bậc thầy tương lai sẽ tiếp tục nhắc lại rằng kiến khó hiểu. Nhưng không phải vì kiến tối nghĩa hay chán ngắt. Kiến khó vì chúng ta là những người thiếu công đức.

‘Kiến khó’ nghĩa là gì? Kiến khó vì ‘người quan sát’ từ chối xem xét nó. Nói khác đi, người quan sát phủ nhận nó và sự phủ nhận kiến là một triệu chứng rất điển hình của việc thiếu công

đức. Từ những sự phủ nhận hiển nhiên như “khói thuốc không có hại cho sức khỏe của tôi” đến những sự phủ nhận vi tế hơn như “sự lạm dụng mà tôi chịu đựng không có hại cho mối quan hệ của chúng tôi,” việc phủ nhận kiến là một trong những thói quen ăn sâu khó gột sạch nhất của chúng ta. Nó cũng nằm trong số những ô nhiễm mạnh mẽ và khó trị nhất mà chúng ta mắc phải. Người quan sát có khuynh hướng cưỡng lại việc xem xét kiến vì họ đã quen với tình trạng hiện hữu. Nếu hằng ngày trong suốt mười năm các bạn đi làm trên cùng một tuyến đường, thói quen trở nên mạnh đến mức khi một con đường mới toanh, nhanh hơn, an toàn hơn được mở ra, thì hầu như các bạn đều ngại thử đi con đường mới. Một lý do có sức thuyết phục hơn của việc tránh suy tư về kiến là nó trình bày một nghịch lý. Và con người chúng ta đơn giản là không biết cách sống với nghịch lý.

Chúng ta kính trọng và đánh lễ đức Phật vì tất cả trí tuệ và phương pháp xảo diệu mà ngài đã ban cho chúng ta. Nhưng với tôi, giáo lý quan trọng nhất của ngài là giáo lý dạy cách nhận thức đúng một nghịch lý và sống với nó.

Nghịch lý

“Tuyệt vời thay khi chúng ta gặp phải một nghịch lý.

Đây là lúc chúng ta có cơ hội để tiến bộ.”

Niels Bohr, người đoạt giải Nobel Vật lý năm 1922⁸

Một nghịch lý là gì? Trong tiếng Anh từ ‘nghịch lý’ (một sự kết hợp của những đặc điểm mâu thuẫn) ngầm hiểu bao hàm hai hay nhiều yếu tố. Trong bối cảnh Phật pháp, từ ‘nghịch lý’

có thể, theo một quan điểm, được tóm tắt là ‘sự thấu hiểu tính bất nhị của tánh không và sắc tướng.’ Nhưng, cũng như nhiều từ được phiên dịch khác, định nghĩa này không diễn tả chính xác nghĩa Phật giáo của nó.

‘Bất nhị’ là một cách dịch phổ biến sang Anh ngữ của từ Phạn *advaya*, có nghĩa là ‘không hai’ hay ‘không có cái gì thứ hai, không có cái gì đơn độc, độc nhất,’ nhưng Phật tử thường thích dùng từ ‘hợp nhất’⁹ hơn. Vấn đề với từ ‘hợp nhất’ đó là nó ám chỉ sự kết hợp của hai hay nhiều yếu tố - như Liên minh Châu Âu, hay sự kết hôn - vì vậy, nó sai lệch khá xa so với khái niệm *advaya* gốc của Phật giáo. Dù vậy, các Phật tử vẫn cứ nói ‘hợp nhất.’

Một từ quan trọng nữa trong sự thảo luận của chúng ta là từ Tạng *miche*, từ thuật ngữ mật thừa *michepa*¹⁰. *Miche* thường được tượng trưng bởi một chày kim cương, và nghĩa là ‘không thể phân ly,’ ‘không thể tách rời,’ ‘không thể biến đổi’ hay ‘không thể phá hủy.’ Giống như lửa và sức nóng, *michepa* có thể không bị chia đôi, cũng không phải một. Nếu lửa và sức nóng có thể tách rời nhau, thì ngay khi nhìn vào lửa các bạn sẽ bốc cháy.

Để hiểu con đường Phật giáo, chúng ta cần hiểu đúng những gì Phật tử muốn nói về ‘nghịch lý’ - bản chất, chức năng của nó và cách nó hoạt động. Nghịch lý có thể tìm thấy khắp mọi nơi trên con đường Phật giáo. Ví dụ, một đệ tử Thanh văn thừa luôn khẳng khái giữ lưng thẳng khi ông ấy ngồi thiền và cố gắng giữ giới Biệt giải thoát được nguyên vẹn. Đồng thời, ông ấy không bao giờ, dù trong chốc lát, từ bỏ quan niệm rằng, trên thực tế, không có ‘ngã’ nào ngồi thẳng lưng hay giữ giới - quan niệm vô ngã (*anattā*). Trong Đại thừa, Kinh Bát-nhã-ba-la-mật-đa nói rõ: ‘sắc tức thị không’ rồi ngay sau đó nói: ‘không tức thị sắc.’ Nhưng khi nói đến việc vận dụng nghịch lý như một

con đường, thì tôi nghĩ hợp lý khi nói rằng mật điển và Kim cương thừa ưu việt hơn mọi con đường khác.

Thoạt nhìn vào giáo lý đức Phật, nhiều giáo lý trong số đó vốn dĩ trái ngược, dường như mâu thuẫn nhau. Trong Kinh Bản Sinh, thường được biết với tên gọi là Những Chuyện Tiền Kiếp của Đức Phật, ngài kể với chúng ta rằng: “Thuở nọ khi ta là một con khỉ” rồi “Ngày xưa lúc ta là một vị vua,” và điều đó ngụ ý không những ngã tồn tại mà nó còn đầu thai (tái sinh) nữa. Tuy nhiên, bên cạnh giáo lý ám chỉ có sự đầu thai, đức Phật cũng dạy về *anattā* (nhận thức về một cái ‘ngã’ bất biến là một vọng tưởng).

Từ ‘đầu thai’ bị lạm dụng của tiếng Anh là một vấn đề vì nó đưa độc giả đương thời đến niềm tin sai lầm rằng một cái ngã, hay linh hồn, hay nhân cách thực sự tồn tại và đầu thai. Tôi không thích từ đó!

Trong kinh tạng, đức Phật mô tả cách hành động gặt hái hậu quả. Sát sinh là hành vi trái với thiện hạnh; hậu quả bao gồm sự khổ đau khôn tả trong các cõi địa ngục và mạng sống ngắn ngủi trong cõi người. Ngài cũng nói về tâm nguyện mạnh hơn hành động. Chúng ta có thể không xua tan được khổ đau của tha nhân qua hành động của mình, ngài dạy, nhưng tâm nguyện của chúng ta, ‘nguyện tất cả chúng sinh thoát khỏi khổ đau’ sẽ luôn làm được những điều kỳ diệu. Song, bên cạnh giáo lý của ngài về sự cầu nguyện và hành động, đức Phật cũng mô tả sức mạnh của vô hành/vô nguyện: “không nhìn về quá khứ, không kỳ vọng tương lai và an nhiên trong hiện tại.”

Đức Phật dạy chúng ta rằng không có cảm xúc nào nguy hiểm hơn giận dữ, và sự thù ghét sẽ phá hủy mọi thiện hạnh và lợi ích tốt đẹp của nó. Ngài cũng nói rằng giống như chỉ có thể tìm thấy một con voi lạc bằng cách theo dấu chân của nó, cách duy nhất để tìm thấy trí tuệ vốn có của các bạn là theo dấu vết của trí tuệ, đó là cảm xúc giận dữ, ham muốn,... của chính các bạn.

Mọi cảm xúc đều thuộc về năm gia đình Phật hay Phật bộ. Mật điển nói về mối quan hệ giữa các Phật bộ theo cách giống như các nhà động vật học chỉ ra rằng dù cá heo trông giống cá, nhưng trên thực tế chúng là động vật hữu nhũ. Tương tự, theo mật điển, bất kỳ một cảm xúc nào có thể trông như nó đang là, nhưng trên thực tế nó là thành viên của một Phật bộ. Mọi hành giả Mật thừa nên trau dồi quan niệm này đối với những cảm xúc của họ. Cũng như hoa sen chỉ thấy mọc ở bùn lầy, trí tuệ chỉ có thể tìm thấy ở những cảm xúc phiền não của chúng ta.

Điểm mấu chốt ở đây là mọi lời dạy của đức Phật đều chứa đựng nghịch lý. Phải chăng các Phật tử bị lúng túng bởi những mâu thuẫn rõ ràng, những nghịch lý hiển nhiên như thế được nhấn mạnh? Giờ đây chúng ta có nên xét lại và giải quyết ổn thỏa mọi mâu thuẫn không? Hoàn toàn không! Chẳng những không hề bối rối mà các Phật tử còn tán dương mọi nghịch lý như vậy vì chúng hàm chứa sự phong phú và sự dồi dào vô hạn của Phật pháp.

Thế nhưng vẫn còn đó thắc mắc, vì sao đức Phật đưa vào giáo lý của mình quá nhiều nghịch lý? Vì sao ngài giảng dạy theo lối mâu thuẫn như vậy?

Một nhà vật lý học hàng đầu của trường đại học công nghệ Massachusetts sống ở tầng 21 của một tòa chung cư mới tinh, một hôm về nhà bắt gặp cậu con trai hai tuổi của mình đang chồm người qua thành ban-công rất nguy hiểm. Nhà vật lý học phải làm sao? Phải chăng một người cha đang rất nóng ruột mà bình thường là một người có các tính cách như yêu nghề nhất, kiên quyết nhất, mải mê nghiên cứu nhất, sẽ bắt đầu giải thích định luật hấp dẫn với đứa con đang lâm nguy trong nỗ lực thuyết phục nó di chuyển đến nơi an toàn? Hay ông ấy sẽ gây sự chú ý của cậu bé và dụ nó ra khỏi chỗ nguy hiểm bằng cách lúc lắc con gấu trúc nhồi bông yêu thích của nó? Nhà vật

lý học biết gấu bông là giả, nhưng vì ưu tiên của ông ấy là cứu con, nên ông xem con gấu như thể là thật. Tương tự như vậy, đức Phật, người hướng đạo và người thầy từ bi của chúng ta, không bao giờ ngừng rung lắc, gõ lạch cạch, phô trương, thổi kèn đánh trống, chồm lên và nhảy múa với mục đích khuyến dụ chúng ta nhằm lôi kéo sự chú ý của chúng ta ra khỏi những thứ xao lãng nguy hiểm đến những tùy chọn an toàn hơn. Giống như nhà vật lý học không bao giờ xem con gấu trúc nhồi bông của con trai mình kém hữu ích hay kém quan trọng hơn dụng cụ đo giao thoa quý giá của trường đại học ông ấy, các Phật tử cũng không bao giờ coi thường hay khi dễ những lời dạy nghịch lý. Sau cùng, nếu không có gấu trúc, nhà vật lý học làm sao dẫn dụ con trai mình rời khỏi nơi nguy hiểm.

Hai chân lý [sự thật]

Một trong những phương pháp của đức Phật để tập sống với nghịch lý mà cũng là một phương pháp phổ biến trong việc xác lập tri kiến Phật giáo là giáo lý được gọi là ‘nhị đế’: chân lý ‘tương đối’ hay ‘thông thường’ [hoặc tục đế] và chân lý ‘tối hậu’ hay ‘tuyệt đối’ [hoặc chân đế]. Chân lý tương đối là gì? Ở mức đơn giản nhất, nó là mọi thứ mà tâm mê muội, tâm nhị nguyên, tâm đảo điên nhận biết. Chân lý tuyệt đối là gì? Hoàn toàn trái ngược với chân lý tương đối – đó là không có mê muội trong chân lý tối hậu. Tuy nhiên, việc nói về chân lý tối hậu là một hoạt động nhị nguyên, có nghĩa sự bàn luận luôn được xếp vào loại chân lý tương đối. Chân lý tối hậu là không bàn luận, gán ghép, phân biệt, nhị nguyên, phán xét và phân loại.

Thách thức mà nhiều đệ tử và hành giả phải đối phó là ban đầu, chân lý tương đối và chân lý tuyệt đối nghe như hai loại

chân lý riêng biệt thậm chí có thể đối đầu nhau. Nhưng dĩ nhiên, chúng không phải vậy. Nhị đế – chân lý tương đối và chân lý tuyệt đối – chỉ là một công cụ ngôn ngữ học mà chúng ta không có lựa chọn nào ngoài việc phải sử dụng để bàn luận về hai mặt của sự thật. Sự thật tương đối giống như thoạt nhìn vào một sợi dây có sọc và lầm tưởng nó là rắn, và sự thật tuyệt đối là rắn không tồn tại. Vấn đề của chúng ta không phải là làm sao tổng khứ con rắn, vì không có và chưa bao giờ có một con rắn. Vấn đề là, sau khi đã trải qua con rắn ảo giác, giờ đây làm sao chúng ta có thể tự mình thoát khỏi nỗi sợ khi đối mặt một con rắn thật?

Từ những gì tôi đã thấy, giáo lý vô cùng quan trọng này hoặc đã bị truyền dạy sai lệch cho người phương Tây hoặc không được giảng giải đủ cặn kẽ. Với những đầu óc phương Tây nhất, ‘tối hậu’ nghe có vẻ quan trọng hơn ‘tương đối.’ Điều này có thể là lý do vì sao quá nhiều người phương Tây dường như coi trọng chân lý tối hậu hơn nhiều chân lý tương đối. Người Phật tử không có sự phân biệt đó; nó không phải cách nghĩ của người Phật tử. Phật pháp không coi thường chân lý tương đối cũng không coi trọng chân lý tuyệt đối, không bởi vì, giống như gấu trúc và dụng cụ đo giao thoa, chúng đều quan trọng như nhau, ngoài ra cũng vì cả hai đều không tồn tại. Cả hai chân lý chỉ là những công cụ. Giống như trong mắt của nhà vật lý học coi trọng dụng cụ đo giao thoa ngang hàng với gấu trúc, trong mắt của một Phật tử cũng coi trọng chân lý tương đối ngang hàng với chân lý tuyệt đối. Sự tồn tại của Phật pháp không những phụ thuộc vào một sự hiểu biết trọn vẹn chân lý tương đối và chân lý tối hậu – có lẽ chân lý ‘tuyệt đối’ là một cách dịch tốt hơn – mà còn phụ thuộc vào việc công nhận điểm mấu chốt của việc phân biệt tương đối với tuyệt đối chỉ là một công cụ giảng dạy, chứ không phải khác nhau trên thực tế.

Phương Tây không có sự tương đương với những thuật ngữ Phật giáo như chân lý tương đối và chân lý tuyệt đối, minh và không, hay thậm chí luân hồi và niết bàn, tất cả những thuật ngữ này đã được chấp nhận để phục vụ cho việc truyền bá giáo lý và vì thế, nó thuộc chân lý tương đối. Và nên nhớ chân lý tương đối thực chất không tồn tại. Tương tự, ‘nền tảng, con đường và kết quả’ là một sự phân loại của Phật giáo được dùng trong một số giáo lý trực chỉ nhất trong toàn bộ giáo lý Phật giáo, song đó cũng là một chân lý tương đối – hay như Donald Trump nói, tin giả.

Dù các khái niệm ‘tương đối’ và ‘tuyệt đối’ thường xuyên được thảo luận tách riêng với nhau ở phương Tây, tôi thường tự hỏi liệu chúng có bao giờ được kết hợp thành một phương pháp hay không. Bản thân tôi chưa bao giờ thấy nó được làm như vậy cả. Nếu nhìn suốt con đường Phật giáo, thì sẽ thấy rất rõ rằng sự phân chia tương đối và tuyệt đối chỉ thực hiện ở phạm vi tương đối. Nói khác đi, chân lý tuyệt đối chỉ có thể được diễn tả như một chân lý tương đối. Ngoài ra, đây là điều mà tư duy phương Tây dường như không chấp nhận.

Tương đối (giáo lý thiết thực) và tuyệt đối (giáo lý trực chỉ hay tối hậu) là các khái niệm Ấn Độ. Phải chăng Cơ Đốc giáo, Do Thái giáo hay Hồi giáo đã từng sử dụng các phương pháp có vẻ mâu thuẫn với mục đích cuối cùng của họ theo cách các giáo lý thiết thực và trực chỉ của Phật giáo đã làm? Đối với một đầu óc phương Tây, chân lý tương đối có thể nghe như một truyện ngụ ngôn được hư cấu để minh họa một quan điểm, trong khi đó chân lý tuyệt đối thường nghe như ‘chuyện thật.’ Nhưng như chính đức Phật đã giảng, cả hai chân lý tương đối và tối hậu chỉ là truyện hư cấu.

Khái niệm chân lý tương đối và tuyệt đối – thiết thực và trực chỉ – không chỉ dùng trong giáo lý của tôn giáo. Hãy tưởng

tượng các bạn là một chuyên gia bệnh dịch tả được phái đến một vùng xa xôi của Ấn Độ. Nhiệm vụ của các bạn là giúp dạy một nhóm tình nguyện viên các phương pháp nhanh nhất và hiệu quả nhất để ngăn chặn một đợt bùng phát dịch tả nghiêm trọng. Các bạn muốn làm tốt công việc và muốn làm vẻ vang tổ chức của mình, nhưng động lực chính của các bạn là lòng từ bi các bạn dành cho những nạn nhân của căn bệnh khủng khiếp này. Các bạn bắt đầu bằng cách giải thích với những tình nguyện viên rằng bệnh dịch tả lây lan qua thức ăn và nước bị ô nhiễm, và cách tốt nhất để kiểm chế bệnh dịch là xác định nguồn ô nhiễm. Phương pháp đơn giản, phổ biến này luôn hiệu quả nhưng thường mất một ít thời gian.

Những tình nguyện viên mà nhiệm vụ của họ là chăm sóc người bệnh và người hấp hối, lắng nghe bài thuyết trình của các bạn, nhìn vào những tấm ảnh vi khuẩn của các bạn và rút ra kết luận rằng việc kiểm tra nguồn nước địa phương sẽ khiến họ rời xa bệnh nhân của mình trong thời gian quá dài. Chỉ nghĩ đến việc bỏ lại người bệnh trợ trợ trong một tiếng đồng hồ đã khiến họ kinh hãi, và nếu các bạn yêu cầu họ dành cả ngày kiểm tra các giếng nước địa phương, thì các bạn sẽ có nguy cơ mất trắng thiện cảm họ dành cho các bạn. Cho nên, thay vào đó, các bạn dạy họ các phương pháp đun sôi nước và cải thiện tối đa khâu vệ sinh tuy hiệu quả kém hơn nhưng quen thuộc hơn – các phương pháp mà những tình nguyện viên của các bạn sẵn sàng áp dụng. Dần dần, khi mọi thứ được cải thiện và, sau khi đã chiếm được lòng tin của họ, thì các bạn có thể bắt đầu nhẹ nhàng khuyến dụ họ hướng đến phương pháp kiểm tra nước giếng tuy không quen thuộc, nhưng hiệu quả hơn.

Một pháp môn chỉ hữu ích nếu hành giả sẵn lòng tu tập nó. Đây là lý do vì sao Phật pháp đưa ra rất nhiều phương pháp khác nhau và cũng là lý do vì sao một số phương pháp có vẻ

trái ngược những phương pháp khác. (Không nói đến những mâu thuẫn chúng ta tìm thấy giữa các thừa với nhau và thỉnh thoảng thậm chí chỉ trong một bộ kinh).

Phật giáo hiện đang được giảng dạy cho những người không quen việc dẫn dụ hướng đến chân lý tuyệt đối bằng những lời mà tiếng Anh có thể gọi là một chuỗi ‘những lời nói dối vô hại.’ Các vị thầy Phật giáo nên biết điều này. Các đệ tử thích tu các phương pháp Phật giáo mà ban đầu điều chỉnh thói quen của họ nhưng cuối cùng thì các phương pháp như thế phải bị gác lại. Hãy tưởng tượng các bạn có một vấn đề và hỏi thầy mình cách hóa giải nó. Vị thầy xác định bản chất vấn đề của các bạn và xác nhận các bạn cần phải loại bỏ nguyên nhân của nó. Nhưng một khi thầy các bạn hiểu rằng phương pháp hữu hiệu hơn để giải quyết vấn đề đó quá sức các bạn ngay lúc đó, thì bà ấy sẽ dạy các bạn một phương pháp dễ chịu, không đối đầu mà bà ấy biết rằng các bạn có khả năng thực hiện. Phương pháp dễ chịu khác hoàn toàn phương pháp hiệu quả hơn, nhưng các bạn vẫn muốn tu tập nó cho đến khi các bạn sẵn sàng cho việc tu tập phương pháp có hiệu quả thực sự.

Vì phương pháp vị thầy đưa ra phụ thuộc hoàn toàn vào khả năng và nhu cầu của đệ tử, nên đầu tiên các bạn có thể được hướng dẫn một thực hành chánh niệm thư giãn. Người đạo hữu giỏi nhất của các bạn, người gặp thầy các bạn cùng một lúc, có thể được trao một hướng dẫn trực chỉ. Một người thầy giỏi sẽ vạch ra con đường hoàn hảo cho từng đệ tử. Tính linh hoạt này, một khía cạnh nội tại của giáo lý đức Phật, là điều làm cho Phật giáo trở nên thật hiệu quả.

Tính linh hoạt nội tại của Phật pháp là một trong những ưu điểm quan trọng nhất của nó. Sẽ là điều đáng tiếc nếu Phật pháp được cụ thể hóa đến mức nó trở thành một dạng nhượng quyền thương mại khác. Khi đó mọi con đường được thiết lập

riêng, phù hợp từng cá nhân phải chấm dứt để đổi lấy những kế hoạch định sẵn, một loạt danh sách những quy tắc và một chương trình giảng dạy cứng nhắc với những pháp môn xảo diệu được bố trí chặt chẽ. Với nội dung bất biến của con đường, Phật giáo sẽ trở thành một loại cà phê Starbuck tâm linh. Dù mua cà phê Starbuck ở đâu trên thế giới, các bạn đều biết chính xác mình sẽ nhận được gì – hương vị không bao giờ thay đổi. Nếu các bạn đặt mua một ly cà phê hỗn hợp ca-cao đường ca-ra-men loại Frappuccino® ở thành phố Gangtok Ấn Độ, thì nó sẽ có hương vị giống hệt như mua ở thành phố Guadalajara Mê-hi-cô.

Cà phê Starbuck là an toàn nhất trong những sự đặt cược an toàn – đây chính là cách tôi mô tả tâm lý nhượng quyền thương mại. Nhưng làm sao sự đặt cược an toàn có thể giúp ích chúng ta trên con đường tâm linh? Và ai trong chúng ta có thể an toàn thực sự và an toàn đến mức nào? Phật giáo phải trung thành với cách tiếp cận linh hoạt độc đáo của nó, và điều đó có nghĩa là các đạo sư Phật giáo phải có quyền tự điều chỉnh con đường của từng đệ tử để phù hợp với nhu cầu của họ.

⑨

Phương pháp luận Kim cương thừa

NHỮNG TRUYỀN THỐNG TRÍ TUỆ của Ấn Độ vĩ đại, bao gồm Phật giáo và nhất là Phật giáo Kim cương thừa, giảng dạy và sử dụng sự phong-phú-siêu-đẳng của những phương pháp gọi là ‘phương tiện xảo diệu’ hay ‘phương pháp xảo diệu.’ Các vị lạt-ma dùng những phương pháp xảo diệu này khi họ giảng dạy và thực hành. Trên thực tế, các lạt-ma vận dụng những phương pháp xảo diệu vào mọi giao tiếp giữa người và người của họ, và nhất là khi họ đang cố gắng khơi dậy sự quan tâm của những người mới về Pháp và, cuối cùng, đưa họ đến giải thoát. Ít có đạo sư và hành giả Phật giáo nào biết hết mọi phương pháp xảo diệu hiện có, nhưng chỉ cần biết chúng có rất nhiều cũng đáng khích lệ rồi. Không người nào cần phải vận dụng hết mọi phương pháp. Chỉ những nhà phê bình thực phẩm mới cần ném thử hết mọi món ăn trong bữa tiệc đứng, còn chúng ta chỉ ăn những gì thấy bắt mắt và bỏ qua những món còn lại. Nhưng có nhiều sự lựa chọn thì bao giờ cũng tốt hơn.

Tất cả những phương pháp xảo diệu của đức Phật được giảng dạy trong bối cảnh những giáo lý ‘thiết thực’¹¹ và ‘trực chỉ’¹². Kỹ thuật theo dõi hơi thở đơn giản hiện nay được chấp nhận rộng rãi đến mức các chuyên gia sức khỏe tâm thần xem nó là một phương pháp để kiểm soát mức độ căng thẳng. Đối với Phật tử, theo dõi hơi thở là một phương tiện không phải mục đích. Chúng ta không thực hành Phật giáo để học cách thở. Mục đích của Phật pháp là giải thoát. Chúng ta cải thiện tâm mình bằng những phương pháp xảo diệu và học cách sử dụng chúng để, trên con đường giải thoát, có thể đối phó với bất kỳ

điều gì của sự sống hay cái chết nhắm vào chúng ta. Khi biết rằng chúng ta có một kho tàng rất lớn cất giữ những phương pháp để vận dụng sẽ giúp chúng ta bớt lo lắng. Và khi chúng ta đi sâu vào thực hành, thì hiệu quả của mỗi phương pháp sẽ dồi dào hơn và mạnh mẽ hơn.

Ví dụ như, Đại thừa trình bày một phương pháp xảo diệu gọi là ‘Cho-nhận’: khi thở ra, các bạn cho đi mọi sức khỏe và hạnh phúc của mình cho người khác, và khi hít vào, các bạn nhận lãnh mọi bệnh tật và đau khổ của họ. Các phương pháp xảo diệu khác của Đại thừa bao gồm bố thí ba-la-mật, trì giới ba-la-mật..., và mục đích của chúng là thức tỉnh chúng ta. Phương pháp xảo diệu Mật thừa gồm có những kỹ thuật quán tưởng, trì tụng thần chú và sùng kính đạo sư. Mục đích của toàn bộ những phương pháp này không phải để thực hành chúng cho đến khi hoàn hảo mà chính là để giải thoát.

Chúng ta theo đuổi con đường Phật giáo để khám phá và chứng ngộ sự thật. Một khi chúng ta đã chứng ngộ sự thật, thì con đường đưa chúng ta đến kết quả đó sẽ trở nên vô dụng, vì nó đã hoàn thành vai trò của mình. Nếu không có điểm kết thúc con đường, thì người Phật tử, cũng như mọi chúng sinh khác trong luân hồi, sẽ trầm luân mãi không dứt. Điều gì bảo đảm con đường Phật giáo sẽ kết thúc? Đó là trí tuệ và phương pháp.

Tuy nhiên, như các đại đạo sư trong quá khứ đã nhắc đi nhắc lại, chúng ta đừng bao giờ để trí tuệ tước mất một phương pháp, hoặc để một phương pháp tước mất trí tuệ. Chúng ta đừng bao giờ để nổi ám ảnh về tọa thiền tước đi sự thấu hiểu tánh không (shunyata) của mình – “Không có gì quan trọng hơn thực hành tọa thiền! Sao phải phí thời giờ vào thảo luận triết học?” Chúng ta cũng không để tri kiến tánh không tước đoạt thiền định của mình – “Sao lại phí thời giờ thiền định trong khi mọi hiện tượng đều trống không?” Việc tập trung hoàn toàn

hoặc vào trí tuệ hoặc phương tiện sẽ dẫn chúng ta vào ngõ cụt, vì trí tuệ và phương tiện không thể tách rời nhau.

Đại thừa được định nghĩa một cách khái quát bởi động cơ bao la của nó và Kim cương thừa thì được định nghĩa bởi vô số phương pháp xảo diệu của nó. Nhưng điều đó không có nghĩa Đại thừa thiếu những phương pháp xảo diệu – hoàn toàn không. Một minh họa tuyệt vời cho một phương pháp Đại thừa, sử dụng triệt để sự bất phân của trí tuệ và phương tiện xảo diệu, chính là việc cầu thỉnh toàn thể chư Phật mười phương và ba thời chuyển pháp luân. Tất cả những gì các bạn phải làm là phát nguyện và ngay tức khắc toàn thể chư Phật sẽ ở đó vì các bạn. Một số các bạn có thể thắc mắc, làm sao chúng ta có thể cung thỉnh toàn thể chư Phật tương lai? Sự bất phân của trí tuệ và phương tiện sẽ đảm đương việc đó, và bảo đảm các bạn không phải lo lắng về việc làm sao toàn thể chư Phật có thể ngự vừa vạn trong phòng mình. Khi các bạn dâng một cây hương độc nhất cho chư Phật mười phương và ba thời, sự bất nhị của trí tuệ và phương tiện sẽ khiến các bạn không phải lo nghĩ liệu một cây hương có đủ không, vì ‘đủ,’ ‘số lượng cây hương’ và ‘số lượng vô hạn của chư Phật’ đều là những khía cạnh thuộc nhị nguyên.

Những phương pháp trí tuệ của Kim cương thừa thậm chí còn ẩn tượng hơn. Những thực hành của Đại thừa thỉnh Phật đến để các bạn có thể dâng cúng phẩm, trong khi Kim cương thừa dạy, với sự tin tưởng hoàn toàn, rằng khi tự quán tưởng mình là bốn tôn và mùi hương thoảng qua dưới mũi của chính các bạn cũng giống hệt cúng dường cho toàn thể chư Phật mười phương và ba thời. ‘Ngã’ chỉ là một nhãn hiệu, vậy thì với tư cách là một phương pháp để tích lũy còn nhiều công đức hơn nữa mà cũng là một bài tập về tính khiêm cung, thì sao lại không tự gắn nhãn hiệu ‘Phật’ cho mình?

Theo quan điểm Kim cương thừa, không có gì không thể sử dụng như một phương pháp; và ở đâu có trí tuệ thì ở đó không có gì không thể sử dụng như một đường lối.

Thiết thực và Trực chỉ

Ở phương Tây, hầu hết đạo sư và đệ tử đều được thúc đẩy mạnh mẽ để nói lên sự khác nhau giữa một giáo lý thiết thực và một giáo lý trực chỉ. Và phần lớn không một lời giải thích về việc làm sao hay khi nào thì áp dụng giáo lý nào. Đây là một vấn đề, đặc biệt khi việc thiếu hiểu biết sẽ khiến đệ tử nảy nở thành kiến đối với giáo lý trực chỉ.

Các từ ‘thiết thực’ và ‘trực chỉ’ đều tồn tại trong tiếng Anh, nhưng tôi chưa hề thấy một phương pháp triết học phương Tây nào kết hợp cả hai từ đó. Những ẩn nghĩa Phật giáo của hai thuật ngữ này đều được ám chỉ trong triết học phương Tây, nhưng theo tôi, nó chưa bao giờ thừa nhận rằng một khi đã đi đến cuối con đường, thì cả công cụ lẫn nhãn hiệu của chúng phải được xếp vào loại ‘thiết thực.’

Người ta nói rằng đức Phật không bao giờ thuyết pháp để tỏ ra mình có kiến thức và mỗi lời dạy của ngài đều vì lòng từ bi mà nói ra. Đức Phật giảng dạy để thức tỉnh chúng sinh hữu tình về một thực tế là chúng ta bị mắc kẹt trong vòng luẩn quẩn khắc nghiệt của vô minh, mê muội, phản ứng và hậu quả của nó, tất cả những cái đó chỉ luôn đưa đến vô minh, mê muội... còn nhiều hơn nữa. Một số giáo lý của đức Phật có mục đích tạm thời đưa những chúng sinh đang đau khổ ra khỏi tình trạng mê muội trước mắt, và đây là lý do vì sao con đường Phật giáo lại chứa đựng những giáo lý thiết thực. Khi chúng ta đã sẵn sàng vượt qua giáo lý thiết thực để tiến lên, thì vô vàn giáo

lý trực chỉ của đức Phật sẽ ngay lập tức dành sẵn cho chúng ta. Đồng thời, giáo lý trực chỉ của người này cũng là giáo lý thiết thực của người kia. Không may sự linh hoạt này đã tạo ra rất nhiều sự nhầm lẫn trong thế giới Phật giáo.

Đức Phật dạy:

Các việc ác từ nay dừng lại,
Các việc lành tăng tiến không ngưng,
Giữ tâm ý luôn luôn trong sạch –
Đó là lời dạy của Thế Tôn.¹³

(Dựa trên bản dịch của Đại đức Thích Trí Không)

Giáo lý “Giữ tâm ý luôn luôn trong sạch” gần như trực chỉ nhất trong ba lời dạy được nêu ra trong bài kệ này. Tuy nhiên, ưu tiên của đức Phật là giải cứu những người làm theo lời khuyên của ngài thoát khỏi việc ác *trước khi* bị dính chặt vào chúng. Đối với những người trong chúng ta có thể hiểu được các hướng dẫn như ‘không sát sinh’ và ‘không nói dối’, thì “Các việc ác từ nay dừng lại” là một giáo lý trực chỉ. Đối với những người có thể hiểu nhiều hơn một chút so với ‘không làm ác’, thì đức Phật dạy thêm giáo lý “Các việc lành tăng tiến không ngưng” bằng cách nhấn nhục, tử tế, trắc ẩn...

Nhiều Phật tử thích những hướng dẫn đơn giản, rõ nghĩa hơn. Đó là chỉ cho họ chính xác phải làm gì và không làm gì. Nếu một người như thế định phạm tội giết người, thì hướng dẫn ‘không sát sinh’ của Phật sẽ dễ hiểu hơn là ‘điều phục tâm’. Cách diễn giải này về giáo lý xa lạ với phương Tây và có thể là lý do quá nhiều giáo lý Phật bị hiểu lầm. Nó cũng có thể là lý do vì sao các hành giả phương Tây nảy nở một định kiến như thế đối với những giáo lý thiết thực hoặc giáo lý trực chỉ – một định kiến cần phải giải quyết.

Giáo lý thiết thực và trực chỉ được dạy theo lớp lang. Khi lớp giáo lý ‘mọi thứ giả hợp đều vô thường’ được truyền dạy như một giáo lý ‘trực chỉ’, thì vị thầy sẽ tuyên bố với niềm tin tuyệt đối rằng không gì có thể thay đổi điều đó. Mọi thứ giả hợp đều vô thường trước khi đức Phật thị hiện trên trái đất này, chúng không ngừng vô thường trong lúc ngài đang ở đây, và chúng vẫn luôn vô thường kể từ khi ngài nhập niết bàn. Lớp đầu tiên này là một giáo lý ‘trực chỉ’ và như thế, hầu như luôn luôn đúng. Nhưng điều đó không phải là tất cả.

Vào lúc thích hợp, một đạo sư am hiểu sẽ giới thiệu với đệ tử về lớp tiếp theo của giáo lý này, rằng sự thật tương đối là một ảo tưởng và không có thường hằng cũng không có vô thường. Khi chúng ta xem xét ‘mọi thứ giả hợp đều vô thường’, chúng ta sẽ thấy rằng từ ‘mọi thứ’ chỉ là một nhãn hiệu nên nó là một chân lý tương đối; áp dụng tương tự cho các từ ‘giả hợp’ và ‘vô thường’. Nói cách khác, ‘mọi thứ’, ‘giả hợp’ và ‘vô thường’ đều là những ảo tưởng, nó không vĩnh viễn cũng không vô thường. Vì thế, trong bối cảnh của lớp giáo lý này, sự thật ‘mọi thứ giả hợp đều vô thường’ là một giáo lý thiết thực.

Trong vài năm qua, đã có rất nhiều buổi pháp thoại về đề tài nghiệp và tái sinh trong Phật giáo. Các tân đệ tử phương Tây thường cho rằng cả hai là giáo lý cốt lõi của Phật giáo. ‘Cốt lõi’ nghĩa là gì? Một giáo lý cốt lõi là một giáo lý căn bản. ‘Căn bản’ nghĩa là gì? Nếu các bạn nghĩ ‘căn bản’ nghĩa là ‘tối hậu’, thì các bạn hoàn toàn sai. ‘Căn bản’, trong bối cảnh này, nghĩa là một giáo lý ‘không thể thiếu’; “phần đóng vai trò chủ yếu về sự tồn tại của nó hay đặc trưng của nó”.

Như tôi đã đề cập, ông Stephen Batchelor cho rằng có thể không tin vào sự tái sinh nhưng vẫn là một Phật tử. Tôi nghĩ gốc rễ hiểu lầm của ông ấy nằm ở quá trình hình thành ứng xử văn hóa của ông ấy và cách dùng ngôn ngữ không đúng – cụ thể,

nhều bản dịch các thuật ngữ tiếng Tạng sang tiếng Anh mà chúng ta đang dùng có từ nhiều thập kỷ trước. Những người lớn lên trong những quốc gia Cơ Đốc giáo, ở đó xem con người có linh hồn là điều đương nhiên, hiểu từ ‘tái sinh’ hoàn toàn khác với cách Phật tử hiểu nó. Những gì tín đồ Cơ Đốc gọi là ‘linh hồn’ thì Phật tử mô tả là một ‘ngã có thật’. Không chỗ nào trong Phật giáo nói rằng một ngã có thật của con bướm có thể tái sinh vào thân một con ngựa. Như đức Phật đã chỉ rõ, điều đó không khác việc lấy một bài hát ra khỏi miệng cô giáo dạy hát và đặt nó vào miệng học trò. Một hình ảnh chính xác hơn nhiều, và chính đức Phật thường dùng nó để minh họa sự tái sinh diễn ra thế nào, là thắp sáng một cây nến từ ngọn lửa của cây nến khác.

Tôi tự hỏi liệu ông Stephen Batchelor có gặp khó khăn gì với nghiệp và tái sinh không, vì ông ấy chưa bao giờ tìm hiểu thấu đáo giáo lý trí tuệ của Ấn Độ, nhất là giáo lý của Phật giáo về sự thật tương đối và tuyệt đối, và giáo lý thiết thực và giáo lý trực chỉ? Qua các tác phẩm của ông ấy, có cảm giác ông ấy xấu hổ về nghiệp và tái sinh, như thể chúng là nhược điểm lớn nhất của Phật giáo, như một tinh hoàn thứ ba, cần phải che giấu.

Phải chăng những đệ tử Phật pháp nghiêm túc có khả năng không nhận thấy trong một số thời pháp đức Phật dạy về tái sinh, còn lúc khác thì ngài tập trung vào vô ngã, và phải chăng họ không tò mò về cách nó hoạt động?

Khi còn niên thiếu, tôi đã được dạy về giáo lý thiết thực nhưng chật vật để hiểu chúng. Khi tôi nghe Rinpoche Dudjom nói trong lúc thở khò khè giữa cơn suyễn. Lý trí tôi biết rằng cơn đau của ngài chỉ là một sự thể hiện và ngài đã hạ mình đến mức làm một người bệnh suyễn vì lợi ích của tôi. Nhưng khi tôi lắng nghe ngài vật vã để thở, thật khó mà tin rằng cơn suyễn của ngài là sản phẩm của nhận thức bất tịnh của chính mình; rằng, trên thực tế, Rinpoche không phải người bị bệnh suyễn và

không lên cơn suyễn. Quan điểm của tôi ở đây là, dù có một quá trình huấn luyện kỹ lưỡng về giáo lý thiết thực đi nữa và giáo lý đó có thể truyền dạy được, thì vẫn cần thời gian để hiểu.

Khi quy y, chúng ta áp dụng phương pháp xảo diệu khi quán tưởng Phật và tất cả đối tượng quy y ở bầu trời bên trên chúng ta. Nhưng, nói trắng ra, phương pháp này không hoàn hảo – đây là điều mà một vị thầy có trình độ và có năng lực hiểu rất rõ. Theo quan điểm mật điển, địa vị, tôn ty, cao hơn và thấp hơn thậm chí không cần bàn đến. Nhưng mật điển không thể không quan tâm đến việc chư Phật đang ở bầu trời bên trên chúng ta, đang ngồi cạnh chúng ta, hay đang ở dưới chúng ta. Vậy tại sao các bản văn thiêng liêng lại chỉ rõ các đối tượng quy y ở bầu trời bên trên chúng ta? Đó là vì con người thích nó theo cách đó hơn. Chúng ta thích tôn kính đấng cứu tinh của mình. Các bản văn mật điển dạy chúng ta quán tưởng chư Phật bên trên chúng ta, vì nó hợp với cách nghĩ của chúng ta. Chính trí tuệ mật điển không thể phớt lờ điều đó.

Khi kết thúc thực hành quy y, mọi đối tượng quy y và hành giả – người nương tựa – trở thành một. So với giáo lý trước, sự hòa tan này là một giáo lý hoàn hảo, trực chỉ, và gần với trí tuệ hơn là phương tiện xảo diệu. Nhưng khi so với mức giáo lý tiếp theo, thì nó lại là một giáo lý thiết thực.

Về mặt lý trí, sự khác nhau giữa hai sự thật và nghịch lý hay sự hợp nhất của hai sự thật sẽ khó hiểu. Đối với phần đông đệ tử, họ phải cần rất nhiều thời gian và sự tu tập để lĩnh hội ý nghĩa của chúng.

Tôi nhận thấy rằng những đệ tử Pháp kể cả những Pháp hữu và đệ tử của riêng tôi, nhất là tại các trung tâm Phật pháp ở phương Tây, cực kỳ lo lắng và căng thẳng về những chi tiết của nghi lễ Kim cương thừa. Họ tranh cãi kịch liệt về một kỹ thuật hay một phương pháp hay một thực hành nghi quỹ, cuối cùng,

toàn bộ vấn đề phải được làm sáng tỏ và giải thích lại từ đầu. Với những đệ tử cãi vặt ồn ào về chiều cao của bàn thờ, nên cúng hoa nào, điều gì nên làm và điều gì bị cấm,..., thì việc thực hiện nghi lễ đơn giản nhất cũng sẽ trở nên lộn xộn. Những chi tiết thực hành của Kim cương thừa thường xuyên làm lu mờ, thậm chí che lấp, sự hiểu biết của một hành giả về sự thật tuyệt đối; mọi chi tiết thực hành chỉ là ảo tưởng. Ngược lại, một số hành giả quá lười biếng, hà tiện hay trì trệ nên không bận tâm về nghi lễ. Họ vin vào câu ‘vạn pháp đều trống không về mặt bản tánh’ làm cái cớ để không phải làm gì, và sự hiểu biết lý trí của họ về tánh không đã tước đi của họ mọi cơ hội để tích lũy công đức và tịnh hóa ô nhiễm.

Thiết thực và trực chỉ, tương đối và tuyệt đối không phải là các cặp phạm trù duy nhất giáo lý Phật đề cập đến. Những cặp phạm trù khác bao gồm trí tuệ và từ bi, tánh không và từ bi, hỉ lạc và tánh không và nhiều nữa. Không cái nào trong những phạm trù này dành riêng cho Đại thừa/Bồ tát thừa và Kim cương thừa/Mật điển thừa; chúng cũng được giảng dạy trong Nguyên thủy/Thanh văn thừa. Nếu giáo lý trí tuệ của Nguyên thủy về vô ngã (*anattā*) bị loại khỏi hệ thống thì sao? Sẽ còn lại gì? Còn lại một chuỗi dài luật lệ và quy tắc có xu hướng đạo đức, kỹ luật. Những giá trị của Thanh văn thừa về khiêm cung, tri túc, khổ hạnh, giản dị và nếp sống – khắc thực và ăn ngày một lần – sẽ trở thành mục đích cuối cùng của một hành giả. Là phép tu dưỡng tinh thần, việc giữ giới và tuân theo luật lệ không phải là điều khó thực hiện – nó thậm chí tốt cho môi trường sống – nhưng nó chẳng liên quan gì đến mục đích tối hậu của Thanh văn thừa, đó là vượt qua chấp ngã. Giới luật, sự phục tùng..., chỉ là những lợi ích bên lề.

Sự thực hành chánh niệm, là một trong những thành phần chính của thiền quán (*vipashyana*), là một ví dụ tuyệt vời về

cách giáo lý có thể quá dễ bị chệch hướng. Khi áp dụng bên ngoài bối cảnh Phật giáo, thực hành chánh niệm của vipashyana sẽ bị tước mất tri kiến về tam pháp ấn: vô thường (*aniccā*), khổ (*dukkha*) và vô ngã-trí tuệ (*anattā*) – tức sự thật tương đối và sự thật tuyệt đối, phương tiện xảo diệu và trí tuệ kết hợp với nhau. Tất cả những gì còn lại chỉ là kỹ thuật cơ bản. Kỹ thuật đơn giản của chánh niệm hiện nay đang trở nên vô cùng thịnh hành như một phương pháp giảm căng thẳng và trầm cảm, trị liệu chứng mất ngủ và cải thiện sức khỏe. Và quả nhiên, không có vô ngã (*anattā*) thì chánh niệm vẫn có thể là một phương thuốc giảm căng thẳng tuyệt vời. Nhưng nếu không có vô ngã thì chánh niệm sẽ không liên quan gì đến thiền quán (vipashyana).

Phải chăng lòng sùng kính đẫm lệ là mục đích tối hậu của Kim cương thừa? Nếu đúng như vậy thì nó tương đối dễ đạt được. Phải chăng lòng sùng kính đẫm lệ không phải là điều mà tất cả những kẻ xu nịnh tin theo tôn giáo chính thống và những nhà hoạt động cuồng tín về chính trị và tôn giáo trên thế giới cảm thấy? Hãy chọn tin tức thời sự trên phương tiện truyền thông đại chúng và các bạn sẽ thấy hàng tá bài báo về những hành động cực đoan kinh hoàng của những kẻ cuồng tín nhân danh niềm tin của họ. Nhưng vì mục đích của Kim cương thừa là để chứng ngộ rằng các bạn là một vị Phật, nên nó không hề đơn giản chút nào.

Vượt qua Niềm tin

Từ xa xưa, ngài Long Thọ nói với chúng ta rằng sau khi đã vượt qua chính niềm tin của mình, đức Phật đã ban giáo lý tinh túy của ngài về cách giữ sạch hoàn toàn niềm tin. Mục đích của con đường Phật giáo là vượt qua niềm tin, không đề cao sự thật

tuyệt đối hoặc hạ thấp sự thật tương đối. Tôi tự hỏi liệu sự miễn cưỡng chấp nhận khái niệm tái sinh của ông Stephen Batchelor có phải là một dấu hiệu của việc đã đánh giá thấp sự thật tương đối không. Một sự hạ thấp như thế tương đương với nhà vật lý của trường đại học MIT vứt bỏ gấu trúc của con trai mình. Nếu những hành giả Phật giáo tiếp tục hạ thấp sự thật tương đối và đề cao sự thật tuyệt đối, thì họ sẽ không thể nào hoàn toàn vượt qua niềm tin Phật giáo.

Theo tôi dường như phần đông những tư tưởng gia vĩ đại của Ấn Độ trong quá khứ, đặc biệt là đức Phật, đã biết mọi thứ đều chứa đựng mâu thuẫn. Một số tư tưởng gia phương Tây có thể đồng ý, nhưng chỉ phần nào. Theo quan điểm của tôi, chỉ có đức Phật mới chỉ dạy toàn bộ kỹ thuật giúp chúng ta sống với nghịch lý và tận hưởng nó, và ngăn chúng ta thích mặt này hơn mặt kia của sự mâu thuẫn.

Tôi muốn nhấn mạnh và lặp lại một lần nữa rằng đức Phật đã dạy những nghịch lý vì *mọi thứ đều có tính đối lập*. Như một cầu vồng, nó ở đó và, đồng thời, nó cũng không ở đó. Khi một cầu vồng tuyệt đẹp hiện ra trên bầu trời trong xanh, nếu các bạn cố đến đủ gần để tự chụp một tấm ảnh hoàn hảo thì nó sẽ biến mất. Không cầu vồng, không ảnh tự chụp.

Mỗi buổi sáng trong năm mươi chín năm qua, tôi đã nhìn khuôn mặt mình trong gương phòng tắm. Chưa lần nào khuôn mặt đó trở thành khuôn mặt khỉ đầu chó cầm quả chuối cả. Chỉ có hai điều xảy ra khi tôi nhìn vào gương: tôi thấy hình phản chiếu của khuôn mặt mình và đồng thời, tôi biết rằng khuôn mặt mình thực sự không ở trong gương. Đây là nghịch lý mà nó là nguyên nhân chính cho cách mọi thứ xuất hiện như: nền dân chủ, giá trị phương Đông, giá trị phương Tây, giới tính, tư duy phản biện, niềm tin mù quáng, màu sắc, hình dáng, nghệ thuật, âm nhạc. Mọi thứ đều có tính đối lập. Nhưng nếu các bạn chưa

nhận ra bản chất của một nghịch lý, thì các bạn có thể sẽ cố thoa son lên đôi môi phản chiếu của mình, điều đó chỉ có thể đưa đến sự thất vọng và ‘bất đắc chí’ (khổ) mà thôi.

Mỗi buổi sáng, đức Phật đi đôi chân trần đến một ngôi làng ở xứ Ma-kiệt-đà để khất thực. Trước khi bắt đầu lên đường, ngài sẽ nhắc nhở đệ tử của mình ăn mặc đúng cách. Sau khi họ quay về, ngài dạy Kinh Kim Cương (*Vajracchedikā Sūtra*) và khai thị rằng không chỉ xứ Ma-kiệt-đà, bình bát, đồ bố thí, tăng y, lối sống khổ hạnh và luân hồi không tồn tại mà niết bàn cũng không. Một cơn ác mộng có thể khiến các bạn toát mồ hôi, đập tung gối chần và đẩy bạn đời mình rớt xuống đất, đức Phật dạy, nhưng ngay cả ác mộng cũng chỉ là một cơn mơ. Và không có gì các bạn mơ thực sự xảy ra.

Một du già sĩ chứng ngộ sẽ trải qua đời sống như thể nó là phim ảnh: nó ở đó và, đồng thời, nó cũng không ở đó. Phần đông những người còn lại trong chúng ta sẽ bị cảm xúc lôi cuốn vào một bộ phim đến mức chúng ta nhắm mắt lại khi thấy cảnh phim quá khủng khiếp và khóc thương khi nhân vật chúng ta yêu mến bị sát hại. Nó ở đó, và cũng không ở đó. Nếu dễ dàng bị lôi cuốn vào một bộ phim đến mức thấy nó quá hiển nhiên ở đó và không ở đó, thì chúng ta sẽ có cơ may nào để nhìn thấy mọi thứ khác mà chúng ta trải qua trong cuộc sống như ở đó và như không ở đó – từ một giọt sương trên lá cỏ, đến nền dân chủ nghị viện, tự do ngôn luận, hòa hợp xã hội, bầu cử, chế độ đa thê, hôn nhân một vợ một chồng, tiền bạc và không gian riêng? Một khi thật sự thấu hiểu nghịch lý, thì chúng ta có thể nhìn cuộc sống của chính mình giống như cách chúng ta thương tiếc cái chết của nhân vật yêu thích của mình trên màn hình cho đến khi bộ phim đó kết thúc, và quên sạch chúng vào lúc phần tiếp theo được trình chiếu. Điều này gọi là giải thoát. Giải thoát là

biết rằng nó ở đó, và cũng không ở đó, giải phóng chúng ta khỏi nỗi đau khổ của việc chấp nhất vào một trong hai hoặc cả hai.

Chỉ Kim cương thừa dạy cách thấu hiểu chân thật về nghịch lý một cách đầy đủ và không khó khăn. Từ việc vảy nước tẩy tịnh đến những bồn tôn nhiều đầu ngòi trên nhật luân và nguyệt luân trên tòa sen mỏng manh, thành phần chính của mọi kỹ thuật Kim cương thừa là nghịch lý của ‘sắc và không’. Nghịch lý này khiến các đệ tử có thể chứng kiến một người thầy vừa nói vừa ngáp, ngái ngủ, cứng cõi hân hoan thế nào khi ông ấy được tặng quà đắt tiền và nổi giận ùng ùng nhanh thế nào khi ông đọc bất kỳ báo chí tiêu cực nào, nhưng vẫn thấy ông ấy là hiện thân của toàn thể chư Phật.

Nghịch lý của Đạo sư, Đệ tử và Đạo sư Du già

Tinh túy của thực hành đạo sư du già, theo lời các bản văn thiêng liêng, là để “đạt đến trạng thái của đạo sư”. Một mô tả thiên về thực hành hơn là ‘hợp nhất tâm tôi với tâm đạo sư tôi’ là đạo sư và hành giả tan vào nhau lúc kết thúc đạo sư du già. Tôi tin chắc độc giả của cuốn sách này đủ hiểu biết về Kim cương thừa để biết rằng “đạt đến trạng thái của đạo sư” không có nghĩa người đệ tử sẽ kế tục công việc đạo sư, mà đây là một ví dụ của loại nghịch lý mà tôi đang nói đến.

Đạo sư du già dành để loại bỏ mọi sự tồn tại của hiện tượng, kể cả hệ thống cấp bậc. Tuy nhiên, ngay khi lòng sùng kính được nói đến, tâm nhị nguyên của chúng ta lập tức giả định một hệ thống cấp bậc. Nếu không như vậy thì làm sao chúng ta có thể khao khát đạt đến trạng thái như đạo sư? Đây là một lý do khác nữa vì sao, như tôi đã nêu ra trước đây, mục đích của một hành giả mật thừa không bao giờ là trau dồi lòng sùng kính mãi mãi.

Nếu các bạn tin rằng vì đạo sư và đệ tử tồn tại trong thế giới tương đối, nên người đệ tử phải cảm thấy sùng kính đạo sư của họ mãi mãi, thì thực hành của các bạn chắc chắn sẽ va phải bức tường gạch. Tại sao? Vì thực hành đạo sư du già của các bạn sẽ luôn bị giới hạn bởi nhu cầu cần sự hiện diện bằng xương bằng thịt của đạo sư các bạn. Các bạn sẽ tra dồi đạo sư du già thế nào nếu một mai đạo sư của mình qua đời? Phải chăng cái chết của ông ấy báo hiệu sự chấm dứt thực hành của các bạn? Phải chăng hành giả Kim cương thừa là những người duy ý chí, thậm chí hảo huyền, khi chúng ta cầu nguyện không bao giờ xa rời đạo sư của mình, từ bây giờ cho đến khi đạt giác ngộ? Không, vì các bạn và đạo sư của các bạn về bản chất vốn không rời. Vì thế, khi các bạn cầu nguyện không bao giờ lìa xa, thì sự cầu nguyện đó dựa trên cách mọi thứ đang thực sự là, không phải theo cách các bạn muốn chúng là. Nó giống như nhìn vào một khối quặng vàng và thấy vàng ròng trong đó.

Con đường tâm linh được xây dựng dựa trên việc xác định những vấn đề và cung cấp những giải pháp. Con đường xác định vấn đề và áp dụng giải pháp thích hợp. Vì thế, những vấn đề và giải pháp là con đường. Ban đầu, khi các bạn nhìn một cái tách bẩn, chất bẩn dưng như là vấn đề, và giải pháp trước mắt của các bạn là tẩy sạch chất bẩn bằng xà phòng. Nhưng vì cái tách không phải chất bẩn, giải pháp tối hậu là nhận ra cái tách vốn không bẩn. Như đức Di Lặc đã dạy, giải pháp tối hậu là Phật tánh. Nếu các bạn hiểu từ ‘đạo sư’ có nghĩa là ‘người làm sáng tỏ’, thì người hướng đạo các bạn, sự hướng đạo tối hậu của các bạn phải là bản tánh của tâm các bạn và, vì các bạn sẵn có Phật tánh rồi, đạo sư bên ngoài của các bạn phải là xà phòng. Đây là lý do việc cầu nguyện không bao giờ rời xa đạo sư của các bạn không phải sự tưởng tượng lãng mạn cũng không phải mơ mộng viễn vông.

Một người rửa chén kinh nghiệm sẽ nhìn chòng tách bẩn thỉu và nghĩ: “Dễ ợt! Đống này sẽ sạch bong rất nhanh thôi”. Sự tự tin của anh ấy bắt nguồn từ đâu? Nó không liên quan đến chất lượng hoặc số lượng xà phòng mà liên quan đến thực tế rằng người rửa chén biết đống tách vốn dĩ không bẩn. Anh ấy biết rằng chất bẩn tách biệt với tách. Nó sẽ là một vấn đề khác nếu các bạn yêu cầu anh ấy rửa một cục phân. Bất kể người rửa chén giỏi này dùng bao nhiêu xà phòng cho phân, tất cả những gì anh ấy có thể làm là khiến cả cục phân tan rã và trôi mất.

Nhân đây, trong ví dụ người rửa chén, tôi đã chỉnh từ ‘cô ấy’ trong bản gốc thành ‘anh ấy’ để tránh bị buộc tội có định kiến giới tính.

Nghịch lý ở đây là với tư cách đệ tử, chúng ta phải nỗ lực quán tưởng đạo sư là Phật *trước khi* chúng ta có thể thật sự thấy bà ấy là Phật. Và mục đích của thực hành quán tưởng là để thấy mình chính là Phật.

Tất cả điều này sẽ hiệu quả nếu các bạn hiểu được ‘nó ở đó, và nó không ở đó’, nhưng nói, đọc và suy tư dễ hơn nhiều so với sống thật. Tại sao? Lý do hiển nhiên, như tôi đã nói rồi, là người quan sát phủ nhận và từ chối xem xét quan điểm, thay vào đó dựa vào thói quen đã ăn sâu là tách rời có và không. Chúng ta tách rời ‘nó ở đó, và nó không ở đó’ vì chúng ta mong muốn tìm câu trả lời, giải pháp, lời giải thích và chúng ta mong đợi câu trả lời là giải pháp tách bạch không có dấu vết của nghịch lý. Chúng ta cũng muốn và mong đợi là câu trả lời sẽ dễ làm theo và có tính hai mặt (cái này đúng, cái kia sai), chủ yếu vì chúng ta không muốn đối mặt với nghịch lý ‘nó ở đó, và nó không ở đó’.

⑩

“Giữ Bí mật! Giữ An toàn!”

KHÔNG NHƯ NGƯỜI TÂY TẠNG, các hành giả mật thừa Ấn Độ luôn cực kỳ kín đáo. Cho nên, họ đã gìn giữ thành công thực hành mật thừa của họ trong vòng an toàn và bảo đảm. Vì thế, chúng ta sẽ không biết họ là ai và họ làm gì. Các hành giả mật thừa Ấn Độ hầu như trông giống bao người đàn ông Ấn Độ mộ đạo khác – tóc dài, râu dài, và thân thể bôi các chất lạ lùng. Bất kỳ lúc nào tôi chọn ra một trong những người đàn ông mộ đạo này, cho rằng ông ấy có thể chính là một hành giả mật thừa, thì những người bạn Ấn Độ đa nghi của tôi đều lắc đầu và mỉm cười độ lượng. Sự lựa chọn của tôi chắc chắn là một kẻ lừa bịp, họ bảo vậy, vì các hành giả mật thừa chân chính đều ẩn thân trong núi non, hoặc sống kín đáo bên bờ sông Hằng hoặc nơi sân ga của một trong những nhà ga xe lửa náo động của Ấn Độ. Một số thậm chí làm những việc – có thể là hạng quan chức kiểu cách Ấn Độ thạo nghề nói “Không!”

Sau nhiều thế kỷ giữ gìn trong vòng bí mật bất khả xâm phạm, có ngạc nhiên không khi những người bình thường ngờ vực truyền thống Kim cương thừa hay khi nó bị cho là một giáo phái cực đoan? Sau cùng, chẳng ai biết những hành giả Kim cương thừa làm gì. Và đơn giản vì họ quá kín đáo, nên chúng ta tự động cho họ là xấu xa nhất. Theo tất cả những gì chúng ta biết, bí mật lớn nằm ở trung tâm của truyền thống Kim cương thừa Ấn Độ có thể không phải một mạn-đà-la kỳ quái, tà thuật mà là một đồng nhỏ những cánh hoa.

Có bao nhiêu phần trăm sự nghi ngờ về Kim cương thừa ngày nay bắt nguồn từ thời thực dân Anh tại Ấn Độ, mà đạo

đức, luân lý và giá trị Cơ Đốc giáo của họ ngày càng khắt khe suốt triều đại của Nữ hoàng Victoria? Dù bị mê hoặc bởi người dân bản xứ Ấn Độ, phần đông tín đồ Cơ Đốc giáo Anh quốc tin rằng mọi hình thức thực hành tâm linh ngoài hệ thống Cơ Đốc giáo đều mọi rợ và lạc hậu. Đối với họ, điện thờ Kim cương thừa dường như thờ phụng ma quỷ. Tuy nhiên, những nhà nhân chủng học, nhà ngôn ngữ học và nhà khoa học tự nhiên nghiệp dư đầy say mê, mà công việc chính của họ là viên chức trong guồng máy chính quyền Anh-Ấn, đã ghi chép tỉ mỉ mọi trải nghiệm, cảm nghĩ và khám phá của họ và gửi chúng về nước Anh. Từng lời từng chữ của những tư liệu đó được những học giả thuộc các trường đại học lớn của Anh quốc đọc ngẫu nhiên và nghiền ngẫm, còn những thành viên tiếng tăm của Hội Hoàng gia Luân-đôn thì viết những bài báo đầy lôi cuốn về nền văn hóa và tôn giáo Ấn Độ, thu hút sự quan tâm của công chúng về mọi thứ tại Ấn Độ. Những người theo chủ nghĩa thực dân Anh tin tưởng họ đang phục vụ Nữ hoàng và đất nước bằng cách xây dựng một đế chế. Không kém phần quan trọng là họ tin mình đang làm công việc của đức Chúa Trời. Những người sống trong triều đại Victorian, nói riêng, đã bị thuyết phục rằng toàn bộ thế giới cần phải đổi mới, khai hóa và tổ chức, và họ là những người làm việc đó.

Tất cả những điều đó khơi lại câu hỏi của tôi, có bao nhiêu phần trăm thái độ của thực dân Anh tiếp tục làm nền tảng cho quan điểm của phương Tây ngày nay về Kim cương thừa? Nếp nghĩ thực dân vẫn còn in hằn rất sâu trong tinh thần người Anh và tiếp tục ảnh hưởng đến quan điểm hiện đại tới một mức độ nó không còn là hiện tượng dành riêng cho người Anh nữa. Chính nếp nghĩ khắt khe, cứng nhắc, tự cao về đạo đức đã trở thành một trong những ô nhiễm vi tế nhất của tâm thức hiện đại.

Hình ảnh trần trụi, nanh vuốt của những bốn tôn Ấn Độ như nữ thần Kali không khuyến khích người Anh xét lại quan điểm của họ về Ấn Độ là một quốc gia của người man rợ. Những người sống trong triều đại Victoria không chấp nhận lỗ thối, và phần đông cho rằng lòng sùng mộ đối với ngài Kali có liên quan đến sự sùng bái ma quỷ. Nếu một trong những phái viên của Nữ hoàng Victoria có mặt tại một buổi ngâm thơ ca tụng ngài Kali, ông ấy sẽ nghe những vần thơ nói về những người đàn ông và đàn bà tự nguyện thực hiện sự ‘hiến tế tối thượng’. Theo tín đồ Kali, những bài thơ nói đến sự hiến tế bản ngã về mặt tinh thần. Theo một nhà ngoại giao Anh quốc thế kỷ thứ 19, những từ ‘hiến tế tối thượng’ nghĩa là ‘chết’, nên ông ấy có thể đúng là vội vàng khi kết luận rằng người Ấn Độ đã thực hành hiến tế bằng mạng người. Và ông ấy có thể khó tránh khỏi việc nghe những câu chuyện giật gân về sự tàn bạo của giáo phái Sát nhân (Thuggee) là những kẻ giết hại du khách để cúng tế nữ thần Kali trong nhiều thế kỷ. Hiển nhiên, Sát nhân giáo không đại diện cho những tín đồ của nữ thần Kali tại Ấn Độ, cũng giống như hơn một tỷ tín đồ Công giáo trên thế giới không phải tất cả họ đều là những kẻ ám sát của tổ chức vũ trang IRA. Thế nhưng loại hiểu lầm văn hóa này là mọi lý lẽ mà người Anh cần để biện hộ cho việc nô dịch tiểu lục địa Ấn Độ và khai hóa dân bản xứ đốt nát, ngoại đạo nhân danh cứu rỗi linh hồn họ.

Nhân đây, cũng nên nhớ là trong bảy trăm năm trước khi người Anh đến, Ấn Độ đã bị thống trị bởi Hồi giáo. Giống như Cơ Đốc giáo và Do Thái giáo, những người cũng tin vào một vị Thiên Chúa, Hồi giáo kịch liệt phản đối thờ cúng thần tượng. Tôi tự hỏi họ tạo ra một vị Hanuman đầu khỉ để làm gì nhỉ?

Dưới sự cai trị và ảnh hưởng của Anh quốc, tầng lớp tinh hoa của Ấn Độ bắt đầu cảm thấy bối rối bởi nền văn hóa cổ xưa của họ và cố tình làm dịu đi điều du khách hiện đại cho là ‘Sùng

bái Kali' – nhưng tôi thì gọi đó là 'Mật điển Kali'. Kết quả là phần lớn trí tuệ đáng kinh ngạc đó giờ đây đã bị mai một. Ban đầu, nữ thần Kali gắn với dòng thời gian không thể ngăn cản. Ngày nay, triết lý thâm thúy của Mật điển Kali đã bị phai nhạt đến mức nữ thần Kali giờ đây đại diện cho tình yêu lãng mạn. Hãy thử nói với dân híp-pi ở thành phố Byron Bay rằng nữ thần Kali là dòng thời gian tàn nhẫn, không khoan dung, không thể thoát khỏi thì họ sẽ bật cười, vì đối với họ, Kali là nữ thần tình yêu. Và phiên bản nữ thần Kali nào sẽ bán chạy hơn?

Tây Tạng

Trong thời gian dài, Đạo sư Liên Hoa Sanh từ chối nêu tên thầy ngài với người khác. Tiểu sử các đạo sư quá khứ nói với chúng ta rằng các bậc thầy mật thừa luôn giữ kín con đường của họ, đạo sư của họ, mật chú họ trì tụng và các pháp khí và vật dụng mật thừa của họ trong vòng bí mật. Những bậc thầy như vậy vẫn hiện diện thậm chí trong đời của tôi. Mặc dù là một cộng đồng, người Tây Tạng nói chung không che giấu thực hành mật thừa, nhưng một ít cá nhân đã làm nó khá tốt. Một người như vậy là thầy dạy triết học của tôi, Khenpo Rinpoche Appey. Tất cả chúng tôi đều biết ông là một hành giả và học giả mật thừa lớn, nhưng thậm chí không một lần nào tôi thoáng thấy chuỗi hạt của ông. Căn phòng của ông ở Nepal trống trải và đơn sơ. Ông có ít đồ đạc đến mức ngay khi bước qua ngưỡng cửa phòng ông thì các bạn có thể thấy hết mọi thứ ông có. Tôi thường cố lia mắt tìm chuỗi hạt của ông, nhưng ông luôn giấu đi trước khi tôi đến. Bàn thờ của ông nói chung gồm có một tượng Phật, các chén nước cúng và một đĩa mạn-đà-la. Lần cuối ghé thăm ngay trước khi ông mất, tôi để ý ông có đặt thêm một

đĩa đầy bánh quy, trái cây, các loại ngọt và ngũ cốc trộn vào nhau, là một chất liệu rất hiển nhiên của nghi thức mật thừa gọi là ‘tô-ma’ và chắc chắn không phải loại bánh Khenpo dùng trong bữa lễ. Nó là lần duy nhất tôi từng được nhìn thấy mọi thứ mật thừa trong căn phòng của Khenpo Appey.

Đã qua rồi thời kỳ những bậc thầy nắm giữ Kim cương thừa theo cách như Khenpo Appey đã làm. Nếu tôi kể với các đồng sự câu chuyện này thì họ sẽ há hốc miệng nhìn tôi chăm chặp. Phần đông sẽ không tin tôi. Ngày nay, bất kỳ nhìn vào đâu, tôi đều thấy những áo phông, những hình ảnh bảo vệ màn hình máy tính, những áp phích quảng cáo lấy cảm hứng từ Kim cương thừa và những chuỗi hạt kỳ lạ bày ra nhan nhản.

Cá nhân hành giả, nếu họ chọn, thì họ có thể giữ bí mật Kim cương thừa. Nó tùy vào chúng ta – làm sao người khác có thể ngăn cản chúng ta? Bản thân tôi biết những Phật tử phương Tây, những người sâu sắc và tỏ ra mình là những người theo chủ nghĩa kinh nghiệm hay những khoa học gia thâm căn cố đế. Họ công khai chế giễu các nghi lễ, nhưng âm thầm thực hành mật điển. Việc biết những hành giả giấu giếm này có trên đời làm tôi phần chần và tràn trề hy vọng rằng mật điển sẽ tiếp tục thịnh vượng trên thế gian này, dù là bí mật. Tôi ước gì tất cả các bạn có thể trải nghiệm niềm hạnh phúc mà một hành giả làm ra vẻ không tu tập cảm thấy. Những hành giả Kim cương thừa ngày nay lại làm điều hoàn toàn ngược lại! Họ phô trương cả bản thân lẫn thực hành của họ trong một nỗ lực sai lầm nhằm trải nghiệm chính hạnh phúc đó. Nhiều sự hiểu lầm ngày nay về Kim cương thừa lẽ ra đã tránh được nếu cả đệ tử lẫn đạo sư làm điều họ nên làm và không bao giờ nói về mối quan hệ và con đường của họ.

Đạo sư Liên Hoa Sinh từ chối ngay cả nói về danh tánh bậc thầy của ngài, còn người Tây Tạng thì lại dán danh tánh đạo sư

của họ khắp mọi nơi. Một vài đạo sư đưa theo giới bác sĩ và nha sĩ phương Tây gắn biển tên đồng thau sáng loáng có chạm khắc danh hiệu Kim cương thừa của họ lên cửa ra vào. Dẫu như vậy, tôi mừng vì các bạn đã đến với một đạo sư có gắn biển tên đồng thau, người sẵn sàng nói về đạo sư của ông ấy và trung thành với dòng truyền thừa đạo sư của mình, thay vì đến với một trong những đạo sư tự-phong mọc lên như nấm trong đêm, và mỗi lời nói của họ đều là đạo văn.

Theo nhiều cách, việc giấu kín Kim cương thừa với giới tu sĩ Thanh văn thừa và Bồ tát thừa hầu như quan trọng hơn việc giấu kín nó với cư sĩ và ngoại đạo. Kim cương thừa luôn gây tranh cãi chỉ vì nó chưa bao giờ thu hút dư luận. Tại sao giờ đây lại lôi kéo sự chú ý đến nó? Nếu các bạn quyết định giới thiệu con đường tâm linh với công chúng, thì các bạn vẫn còn nhiều giáo lý Phật khác để trình bày. Lấy ví dụ, tất cả những giáo lý Thanh văn thừa và Nguyên thủy tốt đẹp, thanh thoát, giàu sức thuyết phục và đầy cảm hứng thực tiễn; hoặc những giáo lý Đại thừa dũng cảm, từ bi, khoáng đạt, sâu xa, đại lượng. Khi cần, các con đường này sẽ khéo léo nhượng bộ trước những kỳ vọng của xã hội, giống cách người cha nghiêm túc, vẻ ngoài vững về sẵn sàng cố chọc cười đàn con của mình bằng cách nhảy nhót như một chú gấu hay nhái nhân vật Miss Piggy.

Kim cương thừa nói chung – nhất là Tối thượng Du già (Anuttarayoga) không giống vậy. Kim cương thừa không dành cho việc khế hợp với đời sống thế tục. Mục đích của cả Thanh văn thừa lẫn Đại thừa là giải thoát chúng ta khỏi chiếc lồng quen thuộc, trong lúc bản thân giáo lý được truyền thọ từ bên trong chiếc lồng đó. Trong Kim cương thừa, mọi thứ xảy ra bên ngoài lồng ngay từ đầu. Các bạn muốn ở trong hay ngoài? Phải lựa chọn hoặc cái này hoặc cái kia. Không thể vừa đặt một chân trong lồng vừa thụ hưởng mọi lợi ích bên ngoài nó. Nhưng điều

này không có nghĩa Kim cương thừa bất đồng với Thanh văn thừa và Đại thừa theo bất kỳ cách nào cả - ngược lại là khác. Kim cương thừa tiếp nhận giáo lý của mọi thừa khác và bổ sung thêm. Bất kể nhiều sự hiểu lầm - điều không thể tránh khỏi - nếu Kim cương thừa thuyết phục các bạn rằng nó hợp lý, hữu ích và chính là con đường đúng đắn cho mình thì hãy tránh gây chú ý và tách rời.

Các bản văn mật điển giải thích rất kỹ càng tại sao Kim cương thừa, Mật thừa và Mật chú thừa nên giữ bí mật.

1. Mật điển ‘Tự-bảo-mật’

Mọi người đều có Phật tánh, nên mọi người đều là một vị Phật. Tuy nhiên, không mấy ai trong chúng ta biết rằng mình có Phật tánh vì nó tự-bảo-mật. Ngài Di-lặc giải thích điều này vô cùng thấu đáo trong *Đại thừa tối thượng luận* (Uttaratantra). Nếu các bạn quan tâm muốn tìm hiểu ngài Di-lặc nói về điều này nhiều hơn (giáo lý được gọi là ‘bốn nghịch lý’), hãy cố gắng đọc, hay tốt hơn nữa là hãy nghiên cứu *Uttaratantra*.

Điều chủ yếu ở đây là vì Phật tánh bẩm sinh của chúng ta tự-bảo-mật và tất cả chúng sanh đều là Phật nên những phương pháp để giữ sự bí mật cần thiết của các đạo sư Kim cương thừa thật đáng kinh ngạc. Lấy ví dụ, tôi không băn khoăn gì trong việc đọc *Ba giáo huấn của Garab Dorje* cho con lừa của tôi nghe, nhưng chỉ riêng ý nghĩ đọc nó cho một người đã tốt nghiệp đại học Harvard hoặc, tệ hơn nữa, là cho một vị khenpo đã tốt nghiệp Phật học viện nghe, ngay lập tức khiến tôi lo lắng, căng thẳng. Vì con lừa có Phật tánh (tự-bảo-mật), việc đọc lớn *Ba giáo huấn* cho nó nghe sẽ tạo nhân và duyên để nó tình cờ gặp lại giáo lý này trong kiếp sống mai sau. Tôi cảm thấy thoải mái làm việc này, vì cơ hội để con lừa phá mật giới Kim cương thừa với tôi rất ít ỏi. Và khá nhiều phương pháp khác cũng tạo ra loại kết nối

giống như vậy, ví dụ, giải thoát qua sự nghe, giải thoát qua sự thấy, giải thoát qua xúc chạm...

Trái với lừa, tâm trí của một người đã tốt nghiệp Harvard thường đầy ắp khái niệm, lý lẽ và lý luận, đó là lý do tại sao đọc cho cô lừa nghe *Ba giáo huấn của Garab Dorje* chỉ hơi mạo hiểm thôi. Nếu cô lừa có đầu óc không thành kiến như giới trí thức tuyên bố họ có (và họ nên thế), và nếu cô ấy không bị tiêm nhiễm bởi sự giáo dục tôn giáo, thì có lẽ cô ấy sẽ thích hợp làm một bình chứa tốt cho giáo lý này. Vì sao? Vì *Ba giáo huấn* là ví dụ điển hình hoàn hảo cho chủ nghĩa kinh nghiệm. Nó không dùng ví dụ và lập luận hợp lý; nó là một 'khai thị' trực tiếp. Một người đã tốt nghiệp Harvard không thành kiến thật sự có thể hiểu rõ lối tiếp cận này; nó thậm chí có thể truyền cảm hứng để cô ấy bắt đầu thực hành Ngondro, đây là điều thật tuyệt vời. Nhưng hiển nhiên, những người đã tốt nghiệp Harvard có đầu óc không thành kiến thì hiếm hoi. Phần lớn giới trí thức có học vấn cao đều kiêu hãnh và đầy thành kiến như nhiều học giả Do Thái giáo, giáo sĩ dòng Tên và người theo trào lưu chính thống, thầy tế Hồi giáo được đào tạo trường lớp, tất cả họ đều chất chứa vô vàn định kiến. Vì thế, tôi phải rất thận trọng trong việc tiết lộ *Ba giáo huấn* cho một người đã tốt nghiệp Harvard.

Ứng viên đáng ngờ nhất có thể là hàng học giả Phật giáo uyên bác mà chúng ta gọi là 'khenpo'. Vì sao? Việc dạy *Ba giáo huấn của Garab Dorje* cho một người đã tốt nghiệp Harvard sẽ như giải thích sự khác nhau giữa một quặng vàng và một cục phân: cả hai đều có màu vàng, nhưng sự giống nhau chỉ có thể thôi. Truyền dạy nó cho một khenpo, người biết về tánh không và có một khái niệm vừa phải về tánh giác, sẽ giống như giải thích sự khác nhau giữa đồng thau bóng loáng và vàng nguyên chất. Việc nhấn mạnh sự khác biệt giữa triết học Hồi giáo và Kim cương thừa sẽ dễ dàng, còn việc phân biệt đạo thờ phượng thần Shiva

vùng Kashmir với Kim cương thừa gần như không thể. Khi hai triết lý tương tự nhau, bất kỳ nỗ lực nào để phân biệt cái này với cái kia không những khó khăn mà còn nguy hiểm. Mật điển tự bảo mật vì nó rất dễ bị hiểu lầm. Những con lừa không thể hiểu bất kỳ điều gì cả, nên chúng không thể hiểu lầm *Ba giáo huấn của Garab Dorje* – đó là lý do vì sao đọc cho chúng nghe chỉ dẫn khai thị sẽ an toàn. Các Khenpo có khả năng hiểu lầm nó nhiều hơn vì họ đã biết những giáo lý tương tự như vậy rồi.

Một ví dụ mới mẻ là sự khác nhau giữa việc đạt được tâm an tĩnh, vô ưu bằng cách áp dụng kỹ thuật chánh niệm, và việc đạt được giác ngộ viên mãn. Hai trạng thái tâm này tương tự, nhưng hoàn toàn khác nhau – như đồng thau và vàng. Phần đông mọi người cho rằng một khi đã đạt giác ngộ, chúng ta sẽ không còn cảm xúc, căng thẳng, hy vọng và sợ hãi, và các bạn sẽ không còn trải qua sự bất ổn của cảm xúc trong đời sống nữa. Họ – những người thực hành kỹ thuật phổ biến của chánh niệm – cho rằng tâm vô ưu của họ phần nhiều giống như trạng thái giác ngộ. Nhưng không phải vậy. Tâm vô ưu của người chánh niệm giống như đồng thau, trong khi giác ngộ giống như vàng. Và vì sự hiểu lầm này dễ mắc phải đến độ mật điển được cho là tự-bảo-mật.

2. Mật điển Dễ bị Hiểu lầm và Lạm dụng

Khi long não được dùng đúng cách nó sẽ giảm đau; nếu sai cách, nó sẽ gây chết người. Những giáo lý Kim cương thừa, như ‘đưa phiền não vào con đường’, dễ bị lạm dụng. Một đệ tử, ví dụ, có thể cố bào chữa cơn giận đột ngột tiếp theo của anh ấy là một cách thực hành ‘đưa phiền não vào con đường’, thay vì làm điều anh ấy được tin rằng phải làm, đó là chỉ theo dõi cơn giận của mình.

3. Mật điển quá Quý báu

Mật điển như một vật gia truyền được lưu truyền qua nhiều thế hệ. Hãy tưởng tượng rằng gia đình các bạn sở hữu chiếc máy ảnh Leica đầu tiên từng được sản xuất. Cuối cùng, các bạn muốn trao nó cho con trai mình, nhưng ngay lúc này cậu ấy chỉ mới mười ba tuổi và hay bán vật sở hữu đổi lấy đồ trang bị của trò chơi game. Phải chăng các bạn sẽ chỉ cho cậu ấy chỗ kết sắt đang cất giấu chiếc máy ảnh Leica? Phải chăng các bạn sẽ trao cho cậu ấy mã khóa?

Có lẽ cách tốt hơn để nói lên sự cần thiết phải bảo mật Kim cương thừa là giải thích rằng không ai được nghe một lời nào của Kim cương thừa cho đến khi họ đã được chuẩn bị kỹ lưỡng và đúng cách. Các bạn sẽ dạy một cậu bé mười ba tuổi cách kết hợp các sản phẩm gia dụng để chế tạo ra một quả bom chẳng?

Kim cương thừa không phải con đường duy nhất đòi hỏi những người mới tham gia trải qua một số hình thức chuẩn bị trước khi họ bắt đầu. Nhiều kinh điển Đại thừa chứa đầy lời khuyên về việc không dạy tánh không cho hành giả non trẻ, những người có thể dễ dàng hiểu sai và lạc vào thuyết hư vô. Và trong truyền thống Nguyên thủy việc trình bày giáo lý về *vô thường* (aniccā) và *đau khổ* (dukkha) cho người mới sẽ thích hợp hơn giới thiệu ngay với họ về *tánh không* (anatta).

Một người từng trải, hiểu kỳ sẽ phản ứng thế nào nếu, trong một buổi pháp thoại “Giới thiệu về Phật giáo”, các khái niệm đầu tiên được giải thích là *vô thường*, *tánh không* và sự bất phân của luân hồi và niết bàn? Phải chăng những bậc cha mẹ muốn nêu gương tốt cho con trẻ và làm cố vấn trọn đời đáng tin cậy, sẽ giới thiệu Phật giáo với cậu bé tám tuổi của họ bằng một bài thuyết giảng về *tánh không*? Với một chút may mắn, cậu bé tám tuổi sẽ không hiểu một lời nào, nhưng trong lòng cậu bé có thể lưu lại ý niệm khó phai, hư vô rằng cuộc đời vô

nghĩa. Phải chăng các bạn sẽ giảng vô thường, tánh không, cũng như ‘xấu’ và ‘tốt’ không rời nhau thế nào với người phụ nữ rất chán chường và cô đơn đến trung tâm Phật pháp của các bạn để tìm kiếm sự nương tựa tinh thần trong tình bạn đạo.

Không dễ để hướng dẫn một người đến với con đường Kim cương thừa và nó thường là thử thách rất lớn. Nhưng miễn là người đó chịu sự dằn dặt và có khả năng theo đuổi con đường, thì không gì không thể. Kim cương thừa không bị giới hạn bởi không gian và thời gian, nên trong thế giới hiện đại giáo lý của nó vẫn hữu hiệu không khác trong thời cổ đại.

Như tôi đã nói rồi và sẽ tiếp tục nói, không bản văn mật thừa nào đưa ra gợi ý rằng người đệ tử phải lập tức tìm hiểu ráo riết giáo lý Kim cương thừa ngay khi họ để tâm đến Phật pháp. Theo Mật điển Hevajra giới thiệu, đối với những người mới trước hết nên dạy họ giới luật căn bản nhất, tiếp theo là mọi giai đoạn của con đường và mọi trường phái triết học. Không có đạo sư nào cũng không có đệ tử nào - người được giao nhiệm vụ chăm sóc các trung tâm Phật pháp - nghĩ đến việc giảng giải lòng sùng mộ đạo sư với một người mới cả. Khi các đệ tử mới hơn có mặt, các đệ tử kỳ cựu hơn phải thật thận trọng về cách họ giao tiếp với đạo sư của mình. Là hành giả Phật giáo, cách cư xử của chúng ta phải luôn đúng chỗ và đúng lúc.

Những đệ tử nào khoe khoang lòng sùng mộ của mình có thể đưa bản thân và đạo sư của mình vào tình huống khó xử. Một số người gọi-là-đệ-tử của tôi thường chia phần thức ăn thừa của tôi với các thực khách khác dùng bữa trưa với tôi, một số họ gần như không phải Phật tử. Tôi không thể nhớ nổi bao nhiêu lần tôi phải xử trí theo kiểu vá víu với những người mới quen đang bối rối cực độ, sau khi tôi phát hiện ra họ đang há miệng, trở mắt nhìn vào một miếng đu đủ có dấu răng của tôi trên đó vừa được đưa cho họ với vẻ rất sùng kính, như thể nó là một xá lợi thiêng

liêng. Những đệ tử mang vớ và giày cho đạo sư của mình trước mặt những người không liên quan đến Kim cương thừa chỉ gây rắc rối thôi. Vì sự tôn nghiêm của Phật pháp, xin đừng phô trương mối quan hệ đạo-sư-đệ-tử. Đừng là người nịnh hót và cũng đừng là người bợ đỡ. Những phô bày công khai kiểu này đã gây tổn hại đến danh tiếng Kim cương thừa rồi và nếu những đệ tử vẫn tiếp tục cư xử theo cách này, thì toàn bộ uy tín của Phật pháp sẽ bị hủy hoại hết.

Hiện nay Kim cương thừa đang được bàn luận công khai và tường tận đến như vậy, nên những khách thăm viếng trung tâm Phật pháp của các bạn có thể bắt đầu đặt những câu hỏi về nó. Nếu có thể, hãy cố tránh nói hoàn toàn về Kim cương thừa. Thay vào đó hãy tập trung vào giáo lý Nguyên thủy đẹp đẽ và hoàn toàn không nguy hiểm, là khởi điểm tốt hơn tánh không. Hãy nói về vô thường và về cuộc đời không bao giờ khiến chúng ta mãn nguyện như thế nào. Hãy tập trung vào những giáo lý bổ ích, có sức thuyết phục và thực tiễn. Nếu các bạn được hỏi về Đại thừa, hãy nhấn mạnh động cơ cao thượng của Bồ tát muốn đưa mọi chúng sanh hữu tình đến giác ngộ. Hãy chỉ rõ rằng vì tất cả chúng ta đều có Phật tánh, nên sự giác ngộ của mọi chúng sanh hữu tình là một khả năng thực tế, không phải điều mơ tưởng.

Các bạn có thể chia sẻ các kỹ thuật như lắng nghe hơi thở hoặc cảm giác trong cơ thể của mình, vì nó thuộc về thế giới kinh nghiệm nên có thể đánh giá được những lợi ích hiển nhiên, đáng kể mà chánh niệm có thể mang lại. Nhưng câu nói ‘hãy cầu khẩn đạo sư’ không bao giờ nên thốt ra khỏi môi của một hành giả Kim cương thừa. Vì sao vậy? Vì mọi thứ liên quan đến việc sử dụng khát vọng làm con đường phải được giữ bí mật. Nhiều người Tây Tạng không suy nghĩ chín chắn trước khi bảo ai đó cầu nguyện với bậc thầy. Trong chừng mực nào đó, nó

nghe như hoàn toàn vô hại, nhưng việc cầu khẩn đạo sư trên thực tế là một thực hành mật thừa độc quyền phải được bảo mật giống như tranh ảnh của các bốn tôn phụ mẫu hợp nhất. Nếu cầu nguyện với thầy mình thì các bạn đang cầu nguyện với một người sống, điều đó có thể rất dễ bị hiểu sai – nhất là trong thời đại này.

Nếu các bạn không thể không đề cập đến Kim cương thừa, thì hãy nhấn mạnh quan điểm Kim cương thừa rằng vạn pháp đều thanh tịnh. Bằng mọi cách, hãy tránh không nhắc đến các kỹ thuật cao cấp hơn của sự sùng mộ đạo sư, tri kiến thanh tịnh và sự phục tùng không thắc mắc đối với đạo sư. Thay vào đó, hãy giải thích, theo Kim cương thừa, tất cả chúng ta đã là Phật rồi – kể cả những láng giềng ồn ào, giận dữ – nhưng không ai trong chúng ta nhận ra điều đó. Sau đó, khi người mới đã sẵn sàng để lắng nghe nhiều hơn, hãy bảo với họ rằng, theo Đại thừa, chúng ta sẽ trở thành Phật sau một hành trình dài và gian nan.

Thông điệp của Kim cương thừa hơi khác một chút vì nó nói với chúng ta rằng hành trình là mục đích. Nó cũng bảo rằng chúng ta đã là Phật và tất cả những gì chúng ta cần làm là nhận ra chân tánh của mình và hành động sao cho phù hợp với chân tánh đó. Sẽ không khôn ngoan nếu ca ngợi sức mạnh và hiệu quả của các kỹ thuật như sùng mộ đạo sư, hãy làm việc đó sau này. Hãy bắt đầu dạy kỹ thuật định tâm (shamatha), sau đó mới giới thiệu dần về thiền quán (vipashyana). Một khi những đệ tử mới đã nắm chắc thiền quán căn bản, hãy giới thiệu sự bất phân của sắc và không, là một mức thiền quán cao hơn được gọi là utpattikrama (giai đoạn sanh khởi, Tạng ngữ là kyerim) và sampannakrama (giai đoạn hoàn thành, Tạng ngữ là dzogrim). Chỉ khi đó các bạn mới có thể bắt đầu nói về cốt tủy của thiền quán là lòng sùng mộ đạo sư.

Hãy cố gắng không để những vụ bê bối và những sự chỉ trích làm các bạn ngã lòng. Và đừng để bản thân bị người ta thuyết phục rằng Kim cương thừa đã hết thời. Bản văn mật điển nói với chúng ta rằng Kim cương thừa hoàn toàn thích hợp cho thế giới hiện đại này. Vì thế, hãy yên tâm là những ai khao khát chân lý, có kỹ năng phân tích giỏi, mong mỗi sự khách quan, cần bằng chứng thực nghiệm và có sự hoài nghi lành mạnh ngay cả những lý do tốt nhất để tin tưởng, thì họ là những bình chứa hoàn hảo cho giáo lý Kim cương thừa. Nói cách khác, nếu họ muốn thử nghiệm mật điển.

⑪

Điều kiện tiên quyết của Con đường Kim cương thừa

NHIỀU THI SĨ, nhạc sĩ, nghệ sĩ và những con nghiện cần sa, những người đào ngũ để không bị điều sang Việt Nam tham chiến và trốn chạy khỏi đất nước tư bản của họ, theo chân dân hí-pi đến Ấn Độ, được thúc đẩy bởi mong muốn khám phá một lối sống khác và niết bàn. Nhưng họ hiểu niết bàn là gì?

Động cơ

Một vị sư Miến Điện sống trong hang, người dành cả đời mình để thực hành thiền quán, sẽ tìm kiếm một loại niết bàn hoàn toàn khác với một anh chàng hí-pi tại thành phố Byron Bay. Tôi tự hỏi dân hí-pi yêu hòa bình sẽ phản ứng thế nào nếu vị sư Miến Điện bảo với họ rằng động cơ duy nhất của họ trong việc thực hành Pháp phải là triệt phá chính bản ngã này để phơi bày sự thật là không có ngã. Nếu vô ngã thì ai là người tìm kiếm niết bàn? Ai là người đạt đến niết bàn? Nếu ý niệm về ngã là ảo tưởng, thì ý muốn đạt niết bàn cũng ảo tưởng nốt. Dân hí-pi sẽ cảm thấy thế nào nếu họ được bảo rằng không có ai để thúc đẩy và không có gì để làm? Phải chăng động cơ của họ là không thúc đẩy gì hết? Họ sẽ phản ứng ra sao?

Tốt nhất, với tư cách là một hành giả Phật giáo, các bạn hẳn đã chấp nhận, ít nhất thì cũng ở một mức độ nào đó, rằng thế giới huyền ảo này bất toàn. Giờ đây, các bạn gần như cảm thấy nỗi khao khát cấp bách là muốn mình thoát khỏi mọi vọng

tưởng và đạt được trạng thái trong đó không có sự phân biệt nhị nguyên. Đây là điều thúc giục các bạn tìm kiếm con đường chân chính và sự hướng dẫn chân chính – một đạo sư, một bậc thầy. Trên thực tế, đây là những gì thúc đẩy tất cả chúng ta theo chân một đạo sư, nhưng thường thì không như vậy.

Phần lớn người dân vùng Hy-mã-lạp-son, nhất là dân Tây Tạng, họ xem đạo sư của mình là nhà lãnh đạo chính trị, tu viện trưởng, người cho mượn tiền, bác sĩ và nhà tiên tri. Đối với vài người, đạo sư hơn người thường một ít trong việc giúp họ không cảm thấy đơn độc. Thay vì nhờ đạo sư như con đường giúp họ thoát khỏi thế giới huyền ảo và thực hiện bất nhị, thì đạo sư lại trở thành sợi dây trói buộc họ với ảo tưởng của chính họ. ‘Bất nhị’ đã trở thành một từ khác.

Động cơ vô cùng quan trọng. Tốt nhất chúng ta nên theo một con đường tâm linh được thúc đẩy bởi ý nguyện thành tựu trạng thái tỉnh thức – giác ngộ. Nhưng làm sao có thể phát khởi ý nguyện đó nếu chúng ta không biết giác ngộ thực sự là gì? Làm sao người ta muốn uống trà bạc hà nếu họ không biết mùi vị của nó ra sao? Giải pháp của đức Phật là luôn khuyến khích chúng ta lắng nghe và suy tư giáo lý. Kim cương thừa cũng không ngoại lệ. Để khiến người ta tin vào lợi ích của việc uống trà bạc hà, chúng ta phải mô tả mùi và vị của nó ra sao, và kể các câu chuyện về lịch sử kỳ lạ của nó. Những lợi ích về sức khỏe của nó phải được đề cao, cũng như bất kỳ điều gì có thể làm trà bạc hà có vẻ hấp dẫn hơn. Để người đệ tử tin rằng tu tập con đường Kim cương thừa là ý tưởng tuyệt vời, thì một đạo sư Kim cương thừa sẽ sôi nổi trình bày những pháp môn của nó không khó khăn và nhanh chóng đến thế nào. Ông ấy sẽ nói rằng nhờ áp dụng chúng, chúng ta có thể đạt giác ngộ trong một đời.

Vì thế, một trong những lời khuyên đầu tiên đức Phật trao cho đệ tử của ngài là lắng nghe, suy tư và tu tập giáo lý. ‘Lắng nghe và suy tư’ nghĩa là lắng nghe và bảo đảm các bạn hiểu thấu đáo từng lời lẽ của một giáo lý. Việc lắng nghe một giáo lý qua một thiết bị nghe kỹ thuật số trong lúc các bạn chạy bộ hoặc lau tủ lạnh sẽ không đủ. ‘Lắng nghe và suy tư’ đã được giảng dạy hàng triệu lần qua nhiều thế kỷ, nhưng ít hành giả nào dành cho nó sự chú ý mà nó xứng đáng có. Các bạn đã có lần nào tự hỏi, ví dụ như, vì sao ‘lắng nghe’ diễn ra trước? Hoặc vì sao ‘suy tư’ đi sau và ‘tu tập’ hay ‘phân tích’ luôn xảy ra sau cùng? hẳn phải có một lý do cho trình tự đó.

Chúng ta hãy áp dụng lời khuyên này vào ví dụ uống trà bạc hà. Một ngày nọ, các bạn nghe nói về lợi ích và ưu điểm của việc uống trà bạc hà. Lúc đó, các bạn sẽ suy tư về mọi điều mình đã nghe được và qua tuần sau thì quyết định tập uống một cốc trà bạc hà mỗi buổi sáng. Khi các bạn đã hoàn thành việc lắng nghe và suy tư, việc tập uống của các bạn có thể được mô tả là ‘hưởng lợi từ lợi ích của việc uống trà bạc hà’. Người hàng xóm kế bên của các bạn cũng dùng một loại thức uống nóng mỗi ngày. Ông ấy pha thứ nước đó với một muống lá cây màu xanh lục, một loại ông ấy không rõ nó là gì, ngâm vào nước nóng. Ông ấy không biết mình đang uống trà bạc hà và cũng không biết tí gì về lợi ích của nó, ông ấy chỉ thích vị của nó thôi. Như vậy, không thể nói là ông hàng xóm của các bạn đang theo một thực hành uống-trà-bạc-hà đích thực.

Một vị thầy Kim cương thừa đích thực được cho là phải buộc mọi đệ tử của mình lắng nghe và suy tư. Trên thực tế, phần lớn những đệ tử Kim cương thừa, kể cả tôi, thường bị cảm xúc lấn át quá nhiều – ví dụ, sự yêu mến dành cho đạo sư của mình – nên không thể chú ý lắng nghe và suy tư nhiều hơn. Tôi e rằng điều này sẽ không thay đổi.

Các bậc thầy thu hút chúng ta theo rất nhiều cách. Các bạn có thể, ví dụ, bị lôi cuốn bởi tướng mạo trang nghiêm của thầy mình, vẻ tinh anh hay mọi đồ dùng cực kỳ hấp dẫn của ông ấy. Hoặc các bạn có thể yêu thích hình thức trang trọng và ấn tượng của nghi lễ Tây Tạng, hoặc sự náo động tạo ra bởi đoàn tùy tùng và chur tăng của ông ấy, hoặc những bài thuyết giảng hùng hồn và có sức thuyết phục của vị thầy. Đây là tất cả những lý do hoàn toàn có thể chấp nhận được trong việc bị thu hút bởi đạo sư có thể và nên được khai thác. Tuy nhiên, cả hai phía đạo sư đích thực và đệ tử đích thực phải cẩn thận rằng họ vẫn trung thành với mục đích và tầm nhìn đầu tiên của mình. Nó quan trọng đến mức cả hai phía đều không được lạc đường. Người đệ tử phải luôn nhớ rằng mục đích của anh ấy là thoát khỏi lưới nhện nguyên này, đừng mê mẩn chìm đắm trong nó. Và người thầy phải đừng bao giờ quên rằng nhiệm vụ của bà ấy không chỉ thuyết giảng ấn tượng và trình bày những lý lẽ có tính thuyết phục, mà còn phải kiểm tra để hoàn toàn chắc chắn rằng mỗi đệ tử sẽ đạt được hay khám phá được trạng thái bất nhị.

Theo Đại thừa, vị thầy của chúng ta là bác sĩ và chúng ta những đệ tử là bệnh nhân của họ. Như cách bác sĩ hỏi han và khám bệnh nhân để chẩn đoán, các lạt-ma phải tương tác với đệ tử của mình. Nhưng hiện nay ở phương Tây, phần lớn các lạt-ma Tây Tạng hầu như không biết tên họ đệ tử mình, huống hồ biết vấn đề của họ là gì, điều gì quấy rầy và làm họ rối trí, hoặc điều họ cần thực sự là gì. Ít có lạt-ma nào cố gắng tìm hiểu xuất thân của người đệ tử mới hoặc thậm chí cố giáo hóa họ đúng đắn. Nhưng, cũng như bác sĩ phải được thúc đẩy bởi mong muốn chữa trị bệnh nhân, mỗi hành động của lạt-ma cũng phải được thúc đẩy bởi mong muốn dẫn dắt đệ tử đến giác ngộ. Vì vậy, cả hai động cơ của đệ tử và lạt-ma đều quan trọng như nhau.

Điều kiện tiên quyết

Mozart là một thần đồng âm nhạc. Ông ấy đã sáng tác các tác phẩm âm nhạc đầu tiên của mình gần như trước cả khi biết đi và đã trình diễn trong Cung điện Hoàng gia Viên (nước Áo) lúc mới sáu tuổi. Trừ khi tài năng của các bạn đối với Kim cương thừa giống như tài năng của nhạc sĩ Mozart đối với âm nhạc – mà trong thuật ngữ Kim cương thừa là một ‘đệ tử thượng căn’ – các bạn sẽ cần sự hướng dẫn từng bước một và sự huấn luyện tâm linh thấu đáo. Ngay cả một thiên tài như Mozart cũng phải được dạy các kỹ thuật và kỹ năng âm nhạc – trong trường hợp của ông, bởi cha ông là một nhạc sĩ chuyên nghiệp. Hệ thống Kim cương thừa luôn nhấn mạnh rằng một đệ tử Kim cương thừa phải được dìu dắt bởi một đạo sư Kim cương thừa đích thực, và sự huấn luyện tỉ mỉ và có phương pháp phải được thực hiện trong bí mật tuyệt đối.

Nó cũng nhấn mạnh là giáo lý Kim cương thừa phải không bao giờ dành sẵn cho bất kỳ ai không được chuẩn bị đúng cách bởi một đạo sư Kim cương thừa đích thực. Tại sao? Vì một lý do không khác một khoa học gia hạt nhân sẽ không bao giờ nghĩ đến việc đưa cho con trai ông một quả bom nguyên tử để nó chơi đùa.

Trong những năm gần đây, nhu cầu chuẩn bị cho con đường Kim cương thừa đã bị lờ đi, không chỉ bởi các đạo sư, mà còn bởi những đệ tử bị cuốn hút vào vẻ quyến rũ và kỳ lạ của con đường nhanh nhất trong tất cả những con đường tâm linh. Một số đệ tử quyết tâm thọ nhận những giáo lý này thật nhanh chóng đến nỗi họ cố sức khai thác chúng từ các đạo sư mật thừa mà lòng tốt và sự chất phác của các ngài đã chinh phục họ.

Một số đạo sư vĩ đại nhất đã giải quyết vấn đề này khéo léo hơn – Tôi biết cách này vì đã thấy các vị áp dụng nó với chính

tôi. Vị đạo sư sẽ đồng ý ban cho những đệ tử kiên trì các giáo lý mà họ thỉnh cầu, dù cho họ chưa sẵn sàng để nhận chúng hoặc không đúng thời điểm. Rồi khi dạy, ngài sẽ trích dẫn từ mọi tài liệu gốc đích thực, nhưng không đưa ra một lời giải thích nào từ những luận giải. Sau khi ban một giáo lý chấp vá có sức thuyết phục từ những trích đoạn đích thực cho những đệ tử khát khao, vị thầy đã làm được hai việc là vừa thỏa mãn nhu cầu của đệ tử vừa tránh ban nhiều thông tin hơn mức họ đã sẵn sàng để nghe.

Một số bậc thầy vĩ đại không thể bị tống tiền, đe dọa hay dụ dỗ để ban các giáo lý mà những đệ tử tham vọng, huênh hoang chưa sẵn sàng nhận nó. Nhưng các lạt-ma dễ dãi, rụt rè và tốt bụng hơn sẽ dễ bị lôi kéo hơn vì họ ngại làm tổn thương người đệ tử mới. Đây là lý do các lạt-ma tốt bụng nhất, hiền lành nhất thỉnh thoảng ban cho đệ tử của mình các giáo lý mà họ chưa sẵn sàng nhận. Và, đương nhiên, với những lạt-ma cầu danh lợi và hàng ngàn đệ tử dễ bị lừa dối thì mọi diễn biến tâm lý trong trường hợp này cũng sẽ không khác mọi mối quan hệ công việc khác. Dù giáo lý nào đó được ban hay không, chung quy đều do quy luật cung cầu.

Hầu như mọi bản văn mật thừa, như Mật điển Hevajra, quả quyết rằng đầu tiên người đệ tử phải được dạy về quan điểm Vaibhashika [tức quan điểm của phái Thuyết nhất thiết hữu bộ của Thanh văn thừa]. Điều này giống như bảo một người Iran rằng trước khi có thể tham gia khóa đào tạo võ sĩ Sumo ưu tú tại Tokyo, thì anh ấy phải học tiếng Nhật trước. Môn đấu vật Sumo không liên quan đến tiếng Nhật, nhưng để học đấu vật sumo tại Nhật Bản, người đàn ông Iran phải có khả năng hiểu và nói được thứ tiếng đó. Việc dạy quan điểm Vaibhashika cho một tân đệ tử mật thừa cũng giống như dạy tiếng Nhật cho anh chàng Iran vậy.

Theo truyền thống, Kim cương thừa luôn giúp đệ tử nghiên cứu một cách có hệ thống mọi quan điểm khác nhau được mỗi trường phái triết học nêu ra. Lối tiếp cận này hầu như xa lạ với hiện nay – một tình trạng mà bản thân điều đó thật khó tin. Nếu không có sự hiểu biết thấu đáo về quan điểm Vaibhashika, thì có thể không có cơ sở để hiểu biết lẫn nhau giữa thầy và trò và không có giới hạn giao tiếp rõ ràng – nó hơi giống việc cố dạy vật lý lượng tử cho một con mèo. Và các bản văn mật thừa không dừng lại ở đó. Mật điển mạnh mẽ khuyến khích những đệ tử Kim cương thừa tương lai thiết lập nền tảng vững chãi về kiến thức và kinh nghiệm Phật giáo trước khi bắt đầu con đường Kim cương thừa: trước tiên là giáo lý của Kinh lượng bộ phái (Sautrantika), tiếp theo là Duy thức tông (Chittamatra), rồi đến Trung luận tông (Madhyamika).

Mật điển Vô thượng du già là điển hình hoàn hảo của giáo lý mật thừa về bất nhị. Tuy nhiên, trước khi học nó, đầu tiên người đệ tử phải được giới thiệu về nhị nguyên. ‘Nhị nguyên’ là gì? ‘Bất nhị’ là gì? Nó là gì mà phải bất nhị? Các bản văn mật điển nói rõ, đây là điều đầu tiên mà một người đệ tử cần phải biết. Khi một thầy giáo vật lý thiên văn dạy lớp học về vụ nổ hình thành vũ trụ (big bang), đầu tiên ông ấy sẽ mô tả vũ trụ như nó hiện đang là. Khi bối cảnh đó đã được chỉ rõ, thì ông ấy có thể tiếp tục mô tả lý thuyết về cách vạn vật bắt đầu như thế nào – big bang. Nhưng lý thuyết chỉ được lĩnh hội nếu người học trò đã có một khái niệm thích hợp về vũ trụ là gì.

Một hoặc hai vị đệ tử lớn tuổi của Rinpoche Trungpa kể với tôi rằng Rinpoche không truyền quán đảnh Hối Mẫu Kim Cương cho đến khi họ đã theo học ngài khoảng năm năm. Đến khi đó, họ đã tiếp thu giáo lý về Tam thừa và giáo lý Shambhala về việc xây đắp niềm tin và kiểm soát tâm lý bên trong của họ. Nếu đúng như vậy thì đây là cách Kim cương thừa nên được truyền dạy.

Một trong những lý do tôi viết cuốn sách này là khá nhiều Lạt-ma, không chỉ Rinpoche Sogyal, đã giảng dạy những giáo lý cao cấp như Vô tử du già mà không khai tâm cho đệ tử bài học vỡ lòng về những nguyên tắc căn bản nhất của Phật giáo. Một số Lạt-ma này sau đó đã đòi hỏi lòng sùng mộ kiên định của những đệ tử mới tinh này. Tôi phải nói thêm là bản thân tôi không tận mắt chứng kiến điều này, thông tin này đến tai tôi bởi bên thứ ba mà lời kể của họ có thể đã được chọn lọc. Tuy nhiên, tôi cũng đã gặp các đệ tử của số Lạt-ma này, và từ cuộc trò chuyện của chúng tôi thì rõ ràng mặc dù họ chắc chắn đã nhận các hướng dẫn Vô tử du già, nhưng lại không biết tí gì về các giáo lý căn bản của Phật giáo. Đây là lý do vì sao tôi đi đến kết luận là các đệ tử đã không được chuẩn bị đúng cách bởi Lạt-ma của họ trước khi tiếp thu giáo lý Kim cương thừa.

Ở điểm này, tôi phải nhắc các bạn nhớ rằng tôi là một con người hoàn toàn nhẹ dạ cả tin. Là một Phật tử, tôi tin rằng *mọi thứ* tôi nhận thức là sự phản chiếu chính mình – bài học của tôi, những nguyên tắc tâm linh và chính trị của tôi, sự phân biệt tôi tạo ra và thậm chí sự phán đoán đúng và sai của riêng tôi. Vì nhận thức của tôi chỉ là sự phản chiếu của riêng tôi, nên tôi là ai mà phán xét Rinpoche Sogyal, hay bất kỳ người nào khác, về vấn đề đó? Tôi biết rằng mình nhẹ dạ và biết rõ trong tâm mình rằng những gì tôi sắp viết ra đều hoàn toàn dựa trên sự phản chiếu nhị nguyên của riêng tôi. Tuy vậy, tôi luôn có cảm tưởng rằng khuyết điểm chính trong phương pháp của Rinpoche Sogyal là ông ấy đã không chuẩn bị thích hợp cho đệ tử của mình tiếp thu giáo lý Kim cương thừa.

Dĩ nhiên, chúng ta phải không bao giờ quên là nhiều đệ tử của trung tâm Rigpa cảm thấy họ được lợi lạc rất nhiều từ lời giảng dạy của Rinpoche Sogyal và trước sau như một vẫn sùng kính ông. Tôi không bất đồng với bất kỳ ai trong số những đệ tử

này. Nếu giáo lý của Rinpoche Sogyal thực sự giúp ích các bạn, nếu các bạn không chỉ hưng phấn hay sung sướng trong bầu không khí ông ấy tạo ra và nếu các bạn thật sự bớt chấp ngã và bớt bám víu đời sống thế gian, thì những lời dạy của ông ấy hẳn là đã phát huy tác dụng. Chúng ta phải luôn nhớ là Rinpoche Sogyal không phải một đạo sư tự-xưng, ông ấy là một phần của một dòng truyền thừa đáng tin cậy, đó là lý do giờ đây chúng ta có thể xem xét kỹ lưỡng sai lầm ở đâu một cách chi tiết như vậy. Hy vọng rằng sự khảo sát tỉ mỉ của chúng ta sẽ bổ ích cho những đệ tử Kim cương thừa tương lai. Nếu Rinpoche Sogyal là một đạo sư nắm tự-xưng, thì chúng ta sẽ không có cơ sở để xem xét hành vi của ông, không có truyền thống để kháng cáo, không có kinh văn hoặc giáo lý hoặc lời khuyên để tham khảo. Và ai là người chúng ta có thể trao đổi về sự việc đã chuyển biến xấu ra sao và tại sao như vậy?

Hãy thử tưởng tượng một thế giới toàn là những đạo sư Kim cương thừa không chuẩn bị cho đệ tử của họ tiếp thu giáo lý Kim cương thừa. Những đạo sư này đã bỏ qua bước đầu tiên theo truyền thống nhằm giới thiệu đệ tử với những giáo lý nền tảng của Phật giáo và không buồn kiểm tra liệu đệ tử có hiểu được đầy đủ và đúng đắn những gì họ được dạy dỗ hay không. Thay vào đó, những đạo sư này dẫn thẳng vào Đại Viên Mãn và Đại Thủ Ấn – những giáo lý mật điển du già cao cấp nhất.

Có hai điểm quan trọng cần suy xét ở đây.

1. Chuyện gì sẽ xảy ra nếu bản thân đạo sư Kim cương thừa hoàn toàn dốt nát? Chuyện gì sẽ xảy ra nếu ông ấy không biết gì để dạy hoặc làm sao dạy nó? Tất cả những gì ông ấy làm là lặp lại các cụm từ “hãy an trụ trong bản tánh của tâm”, “hãy sống trong khoảnh khắc hiện tại”, và “đừng tìm về quá khứ hay tương lai”, rồi gán cho chúng là ‘Đại Viên Mãn’ hay ‘Dzochén’. Chỉ có vậy.

Tuy nhiên, ông ấy nói tiếp, “Vì tôi đã ban cho các bạn giáo lý Đại Viên Mãn, giờ tôi là đạo sư của các bạn. Các bạn phải làm bất kỳ điều gì tôi bảo. Hãy dốc sạch ví các bạn ngay bây giờ!”

2. Chúng ta hãy giả sử đạo sư là người thầy chân chính và đủ tư cách để dạy Đại Viên Mãn. Chúng ta cũng giả sử đệ tử không phải hạng thượng căn – chúng ta biết điều đó vì khi đạo sư đưa ra một dấu hiệu đặc biệt, người đệ tử không ‘hốt nhiên đại ngộ’. Bởi vậy, cô ấy chỉ được dạy kỹ thuật ‘sống trong hiện tại’ và, mặc dù cô ấy đã nhận giáo lý về thiền chỉ và thiền quán, nhưng cô ấy không được chuẩn bị thích hợp để tiếp thu giáo lý Kim cương thừa.

Trong ví dụ này, điểm mắc mứu không ngờ là, dù đạo sư biết cách dạy “hãy trụ trong bản tánh của tâm”, “hãy sống trong giây phút hiện tại”, “đừng tìm về quá khứ hoặc tương lai”, nhưng tất cả các tuyên bố này cũng có thể tìm thấy trong các giáo lý thiền chỉ và thiền quán căn bản nhất. Vì vậy, người đệ tử cho rằng mình đã nghe tất cả nó trước đây và nghĩ rằng Đại Viên Mãn không có gì đặc biệt cả. Đối với người đó, sự mất mát sẽ vô cùng to lớn.

Ngondro

Các lạt-ma thường nói với đệ tử rằng thực hành đầu tiên họ phải làm trên con đường Kim cương thừa là Ngondro. Nó là một khởi đầu tốt. Nhưng chúng ta nên nhớ ngondro không chỉ thuần túy tích lũy số lượng. Chúng ta thực hành ngondro để phát triển niềm tin kiên cố vào sự chân thật của giáo lý và làm sâu sắc nỗi khao khát nhảy khỏi chiếc lồng mà chúng ta gán cho

nó là ‘luân hồi’. Nhân tiện, luân hồi không chỉ là có thêm một căn hộ tầng mái, thêm xe hơi hoặc thêm vòng cổ vàng. Luân hồi bao gồm mọi quyền con người gian nan lắm mới giành được như tự do ngôn luận và cơ hội bình đẳng, các thể chế chính trị như nền dân chủ nghị viện và mọi kinh nghiệm sống và định kiến của chúng ta – mọi thứ chúng ta biết và không biết.

Giả dụ trong sáu năm, các bạn nghiên cứu Trung luận tông với một đạo sư xuất sắc. Sau khi đã hoàn thành quá trình học tập của mình, lời dạy cuối cùng của thầy các bạn là: “Hãy đừng quên mọi thứ con đã học.” Cốt lõi của Ngondro là để phát triển một sự hoài nghi tận gốc rễ kiến thức đã học của mình. Nguyên tắc hiện đại khuyến khích mọi người nhồi nhét vào đầu óc họ càng nhiều thông tin càng tốt. Nguyên tắc Ấn Độ – đáng buồn thay, giờ đây hầu như đã biến mất – khuyến khích chúng ta học mọi thứ có thể học rồi từ bỏ nó.

Một khi chúng ta gia tăng sự ngưỡng mộ mọi điều đức Phật dạy về nhân duyên sanh khởi, tánh không và bất nhị, thì giáo lý của ngài bắt đầu có thể hiểu được. Càng hiểu giáo lý bao nhiêu, chúng ta càng nỗ lực bấy nhiêu trong việc thoát khỏi chiếc lồng luân hồi này thông qua lắng nghe và suy tư. Các thực hành này không thể thiếu đối với kế hoạch thoát hiểm của chúng ta và tôi không có lời nào để tôn vinh chúng hơn nữa – nhất là những giáo lý về tri kiến Phật giáo. Nếu nghiên cứu Trung luận tông trọn một tuần thì ở một mức độ nhất định sẽ đủ để sự hiểu biết đúng về tri kiến tăng lên, sau đó việc thực hành Ngondro sẽ bắt đầu có một ý nghĩa hoàn toàn mới. Thay vì quy y một người đàn ông gọi là ông Phật sống cách đây 2,500 năm và trông giống một tượng đồng thiếc, thực hành quy y sẽ trở thành một sự quy thuận sự thật, điều đó giống như quy thuận sự thật rằng ‘lửa’ nghĩa là ‘nóng’. Đây là ‘Quy y’.

Một khi các bạn biết rằng mọi thứ mà các bạn nghĩ rằng mình nhận thức được chỉ là sự phản chiếu tâm mình, thì một đối tượng và tên gọi của nó – lọ, hoa... – sẽ không còn tách rời nhau nữa. Các bạn sẽ nhận ra rằng nhận thức của mình là một ảo tưởng, và ảo tưởng đó đưa đến lo lắng, đau đớn và khổ sở không ngừng. Dần dà, các bạn trở nên tin chắc rằng tin vào một cái ‘ngã’ cũng giống như tưởng lầm bù nhìn là một con người sống động. Vào lúc này, các bạn sẽ không còn nổi day dứt về việc triết hạ con gián của lòng ích kỷ luôn-cảnh-giác, khó-tóm-cổ mà, mãi đến nay, đã làm các bạn sao lãng việc quan tâm chân thật đến tha nhân. Điều này khiến việc tập luyện xem tha nhân ít nhất cũng quan trọng không kém mình (nếu như không thể xem họ quan trọng hơn) trở nên dễ dàng. Đây là ‘Phát Bồ đề tâm’.

Các bạn hiện được chuẩn bị đầy đủ và sẵn sàng chống lại bất kỳ điều gì có thể làm mình phân tâm khỏi sự thật – quan điểm Kim cương thừa. Bất kỳ lúc nào các bạn nhận ra một sự sao lãng, các bạn sẽ quét sạch nó. Đây là ‘Kim Cương Tát Đồa’.

Vì khát khao nâng cao hiểu biết của các bạn về kho tàng sự thật, nên các bạn sẽ đọc nhiều sách và lắng nghe nhiều giáo lý. Các bạn sẽ sớm nhận ra rằng nếu chỉ thuần túy nghe và đọc thôi sẽ không mang lại cho các bạn khả năng hiểu biết sự thật; mà chính hành động học hỏi đó sẽ giam hãm các bạn trong luận lý học, lý trí và ngôn ngữ [sở tri chương]. Các bạn cần phải phá vỡ đôi bờ của con sông học tập để dòng nước của kiến thức chảy tràn lan. Các bạn cần phải vượt ngục tù của tư duy lô-gic do mình tạo ra. Khả năng vượt ngục này có tên là ‘công đức’, và công đức có nhiều hình thức. Khả năng thưởng ngoạn nghệ thuật có thể đào tạo và tìm hiểu được, nhưng những nghệ sĩ có óc sáng tạo thực thụ – như họa sĩ Picasso – lại cố gắng thoát khỏi hay phá vỡ càng nhiều luật lệ càng tốt. Khả năng phá vỡ luật lệ là công đức và công đức làm bạn tự do. Một khi các bạn

nhận ra điều này thì việc chất gạo thành đống trên một cái đĩa ngu ngốc nào đó sẽ bắt đầu có một ý nghĩa hoàn toàn khác cho đến khi, cuối cùng, các bạn sẽ thực sự thấy một nắm gạo là một dải ngân hà. Đây là ‘cúng dường mạn-đà-la’.

Việc lắng nghe và suy tư giáo lý sẽ làm các bạn tin chắc là ô nhiễm của các bạn chỉ tạm thời và có thể loại bỏ được. Một khi mọi ô nhiễm đã được loại bỏ, các bạn sẽ tạm thời gán những gì còn lại là ‘Phật’. Giờ đây, các bạn sẽ mong mỗi đưa ra ánh sáng và bộc lộ ông Phật này – Phật tánh của các bạn – và cách bộc lộ nó nhanh nhất là ‘Đạo sư Du già’.

Vào lúc này, sự háo hức của các bạn muốn khám phá ông Phật bên trong mình sẽ mãnh liệt như sự háo hức của tôi chờ xem trận đấu bóng đá kinh điển sắp đến. Khi xem bóng đá, điều tôi mong mỗi là trải nghiệm sống động khi xem trực tiếp bàn thắng từ một quả phạt đền tuyệt đẹp, quyết định chức vô địch giải đấu. Nếu, ngay khoảnh khắc quả phạt đền được thực hiện, một người bạn làm tôi phân tâm khi mời tôi uống một cốc trà, thì tôi gần như xem nó là một chướng ngại.

Khi các bạn thực hành Đạo sư Du già, sự hăm hở của các bạn trở nên mãnh liệt đến mức bất kỳ điều gì thầy các bạn yêu cầu các bạn làm cho ông – tráng một tấm ảnh hoặc tặng ông chiếc Mercedes mới của mình – các bạn sẽ vui sướng làm điều đó. Sau khi đã được chuẩn bị kỹ lưỡng để nghe điều có vẻ tào lao với người khác – ví dụ, ‘hãy an trụ trong bản tánh của tâm’ – khi lời nói của đạo sư vừa dứt, chúng lập tức được thấu hiểu hoàn hảo. Khi đạo sư các bạn nói: “Giờ đây các con phải làm bất kỳ điều gì ta bảo”, thì các bạn sẽ có một cảm giác sùng kính và biết ơn sâu sắc. Chắc hẳn nó là cảm giác như được phong tước hiệp sĩ bởi Nữ hoàng Elizabeth.

Kim cương thừa Không Dành cho Bạn

VĂN HÓA VÀ TRUYỀN THỐNG đóng một vai trò cực kỳ quan trọng trong việc chúng ta có thể chấp nhận trí tuệ là bất nhị hay không. Những câu chuyện chúng ta nghe kể về rất nhiều vị thần Ấn Độ thậm chí hoang đường hơn truyện cổ tích châu Âu. Trong một chuyện, nữ thần Kali là người cai quản và các nam thần và nữ thần khác chăm chú lắng nghe từng lời của ngài, ở chuyện khác, thần Shiva là người cai quản. Sự linh động của mỗi khía cạnh của chư thần Ấn Độ thể hiện rõ ràng trong nhiều tác phẩm mỹ thuật cổ Ấn Độ. Trong một bức bích họa, Chúa tể Phạm Thiên là vị thần chính trong khi nữ thần Saraswati cúi lạy dưới đài sen ngài, và trong một bức khác hai ngài hoán đổi vị trí của nhau. Thần Shiva, vị quyền lực nhất trong các thần và có vai trò là người hủy diệt các thế giới, thỉnh thoảng lại thấy nằm sấp còn nữ thần Kali thì dẫm lên ngài. Trong hàng tá câu chuyện, ngài Ganesh, thần voi, thần trí tuệ, làm nhiều điều ngu ngốc nhất.

Hình tướng của các vị thần có tính thích nghi cao của Ấn Độ không bao giờ cố định vì hình dạng của họ phụ thuộc vào phận sự họ phải thi hành. Tính linh hoạt kiểu này tràn ngập cả nền văn hóa Ấn Độ. Không giống phần lớn những nền văn hóa khác, đối với người Ấn Độ một điều xui xẻo, tai họa, điềm báo tuy rằng hôm nay xấu nhưng ngày mai lại tốt. Đời sống thường nhật luôn thay đổi. Không có gì cố định hay vĩnh cửu mãi. Điều rủi ro vào buổi sáng nay sẽ trở nên may mắn vào buổi trà chiều và ngược lại.

Tôi nhớ như in mình bay từ Delhi đến Kerala trên một chuyến bay đầy những người Hijra¹⁴ ăn mặc đẹp. Ngoại trừ phi hành đoàn, tôi là người không-Hijra duy nhất trên chuyến bay. Tôi nhìn họ ngạc nhiên đến độ không thể ngăn mình buột miệng hỏi họ đang đi đâu. Đến ban phước cho hôn nhân của cô con gái một gia đình rất giàu có, họ đáp, đôi mắt họ ánh lên vẻ phấn khích và tự hào khi được mời dự một lễ cưới hoành tráng như thế. Trong đời sống bình thường, người Hijra bị khinh miệt và xa lánh bởi phần đông người Ấn Độ vì họ bị cho là điếm xấu. Nhưng trong một lễ cưới, họ là một thực thể thiêng liêng và sự hiện diện của họ mang lại vận may. Do đó, họ được chào đón nồng nhiệt tại các đám tiệc và được đối xử như khách mời danh dự.

Người Ấn Độ khá quen với điếm xấu của ngày hôm nay trở thành điếm tốt vào ngày mai, nên mặt điển cực kỳ phù hợp với tâm thức Ấn Độ. Chúng ta phải không bao giờ quên là Kim cương thừa bắt nguồn tại Ấn Độ. Nhìn tất cả những người Hijra đó trên chuyến bay ngày ấy và quan sát sự ân cần tử tế của tiếp viên đối với họ làm tôi lạng người. Nó khiến tôi tự hỏi liệu nền văn hóa Tây Tạng của mình đã trưởng thành chút nào chưa. Người Tạng có linh hoạt như người Ấn Độ đủ để thấm nhuần tính nhị nguyên [hai mặt] khiến nay xa lánh một nhóm người xã hội và mai lại trọng vọng họ không? Nền văn hóa Tây Tạng có thật sự ủng hộ tính 'bất nhị' [không hai] đến mức như nền văn hóa Ấn Độ có thể làm và đang làm không?

Sự khác biệt về luân lý và đạo đức của một đất nước và cái nhãn cư xử đúng mực (political correctness) bắt nguồn từ nền văn hóa của nó. Nếu câu chuyện Cô bé quàng khăn đỏ chuyển sang Ấn Độ, thì trẻ em Ấn Độ có thể được kể rằng con sói, kẻ xấu, thực chất là một người cao thượng. Chuyện đó có xảy ra ở châu Âu không? Không phải ngày nay. Truyện cổ tích Tây Tạng

nói về người tốt và kẻ xấu, nên tương đối rõ ràng. Thần thoại và truyền thuyết của Ấn Độ hoàn toàn khác vì, với tư cách là một quốc gia, người Ấn không chỉ thoải mái tự nhiên với tính bất nhị, mà nó còn ăn sâu vào chính nền văn hóa của họ - có khả năng là DNA của họ. Các thần châu Âu gần với thần Ấn Độ nhất mà tôi biết là các vị thần của Hy Lạp cổ đại. Thần Zeus, thần Hera và thần Poseidon không hẳn khoan việc có cả hai tính cách thông minh và ngu ngốc, lương thiện và tội phạm, đố kỵ và tự trọng, và họ không hề bận tâm liệu mình có vẻ điên khùng hay không. Đáng buồn thay, từ khi Cơ Đốc giáo thế chỗ đền đài Hy Lạp, các thần Hy Lạp bị hạ cấp thành thần thoại và truyền thuyết, trong lúc đó các thần Ấn Độ vẫn được thờ phượng cho đến ngày nay.

Ngài Văn Thù thường được người ta nói là một vị Bồ tát và đạo sư của toàn thể chư Phật, nhưng có sự mơ hồ nào đó về việc ngài thật sự là ai và ngài là gì. Rinpoche Mipham nói một câu rằng ngài Văn Thù không có màu xanh, cam, trắng hay xanh lục, và câu tiếp theo là ngài Văn Thù có thể có màu xanh, cam, trắng hay xanh lục. Duy nhất ở Ấn Độ có hệ thống tôn ty thứ bậc bị đảo ngược khi cái tốt và cái xấu thay đổi qua lại, còn các bốn tôn thì hoán vị với tùy tùng của các ngài. Tính linh hoạt là ví dụ điển hình của văn hóa Ấn Độ.

Bất kể những điều vừa nói, Ấn Độ đã thay đổi rất nhiều trong những năm gần đây. Trải qua bảy thế kỷ dưới sự thống trị của đế quốc Mô-gôn, tiếp theo là hai thế kỷ làm thuộc địa của Anh quốc, đã dạy người Ấn xem thường khả năng hồi phục và thích ứng vui vẻ của nền văn hóa của họ, thích sự phân biệt đen trắng, đúng sai rõ ràng hơn là di sản văn hóa phong phú và lộn xộn của đất nước họ.

Nếu các bạn không thể đánh giá cao tính linh hoạt và những ranh giới mập mờ, và nếu các bạn không dám khởi đầu chuyến

phiêu lưu của cuộc sống không phán xét hay phân biệt, thì Kim cương thừa không dành cho các bạn.

Nhân loại là những người ngang bướng. Ngay khi chúng ta được bảo “điều này không dành cho các bạn”, thì bất kể ‘điều này’ là gì, ngay lập tức nó là điều duy nhất chúng ta muốn làm. Vì vậy, khi các bạn đọc đến câu “Kim cương thừa không dành cho bạn”, ý nghĩ đầu tiên của các bạn có thể là chỉ riêng câu nói này chúng tỏ những kẻ buôn chuyện không sai và tôi đúng là kẻ hợm mình theo chủ nghĩa tinh hoa – thậm chí là kẻ phân biệt chủng tộc. Dĩ nhiên, các bạn cứ tự nhiên làm điều ngược lại nếu muốn. Nhưng vì lợi ích của chính các bạn, xin hãy suy nghĩ thật cẩn thận về sự lựa chọn con đường tâm linh của mình. Kim cương thừa có thật sự là lựa chọn tốt nhất của các bạn không? Nó là một câu hỏi mà các bạn không thể thường nghĩ ngợi về nó là đủ. Mỗi một bản văn mật thừa đều khuyên bảo và khuyến khích các đệ tử suy nghĩ hết sức cẩn thận trước khi nhảy vào con đường mật thừa. Hãy tự hỏi, “Mình thật sự đã sẵn sàng để tiếp thu giáo lý mật thừa và đưa chúng vào thực hành chưa?”

Dấu hiệu của một vị đạo sư tốt, đầy đủ phẩm chất là bà ấy sẽ luôn cảnh báo đệ tử về hậu quả của việc quyết định vội vàng. Một số vị vẫn thúc giục ngay cả những hành giả dày dặn hãy suy nghĩ cẩn thận về những gì họ đã tham gia, như thế mỗi ngày đều là ngày đầu tiên.

Những đệ tử Kim cương thừa có khát vọng sẽ tự sách tấn mình bằng cách suy tư về vô số lợi lạc của Kim cương thừa. Đó là vô cùng hạnh phúc, thoải mái, dồi dào về phương pháp và hành giả không bắt buộc phải tự trừng phạt hay bị trừng phạt,... Nhưng chúng ta phải không bao giờ quên là nếu vi phạm bất kỳ lời hứa nào của mình thì sẽ có hậu quả mà một số khá đáng lo ngại. Vì vậy, hãy xem xét niềm tin và cảm nghĩ của các bạn càng kỹ lưỡng càng tốt. Nó thật sự hữu ích. Để giúp các

bạn có thể nắm được những gì cần có để trở thành một đệ tử Kim cương thừa, hãy tự hỏi các bạn những câu hỏi sau. Ít nhất, bài tập này sẽ khiến các bạn suy nghĩ nghiêm túc.

Điều Gì cần Có để Trở thành một Đệ tử Kim cương thừa?

1. Viên sỏi không thể trở thành đệ tử Kim cương thừa.
Nói cách khác, để đi theo con đường Kim cương thừa các bạn cần có một tâm thức.

Các bạn có một tâm thức không?

Có Không

Như các bạn có thể thấy, tôi đã đánh dấu ô đầu tiên cho các bạn.

2. Để đi theo con đường Kim cương thừa các bạn cũng phải có Phật tánh.

Các bạn có Phật tánh không?

Có Không

Dù các bạn có tin hay không, ô này tự động có một dấu kiểm rõ to.

3. Để đi theo con đường Kim cương thừa, cảm xúc phiền não của các bạn tất yếu phải tạm thời và có thể loại bỏ.

Có phải cảm xúc phiền não của các bạn là tạm thời và có thể loại bỏ được không?

Có Không

Ba phẩm chất quan trọng nhất của một hành giả Kim cương thừa là: tâm thức, Phật tánh và cảm xúc phiền não. Các bạn

không phải lo lắng liệu mình có chúng hay không vì, dù muốn hay không, tâm thức, Phật tánh và cảm xúc phiền não là những sự thật trong đời sống của toàn thể nhân loại. Các bạn cần phiền não cho cái gì? Nếu không có phiền não thì sẽ không có con đường. Mục đích rửa một cái cốc là gì nếu nó không bẩn?

4. Để đi theo con đường Kim cương thừa, các bạn phải nhận ra rằng thế giới và đời sống nhị nguyên này là vô nghĩa bất tận.

Các bạn có thấy sự vô nghĩa của đời sống thế gian này không?

Có Không

5. Để đi theo con đường Kim cương thừa, các bạn phải khát khao giải thoát, không chỉ vì bản thân mình mà còn vì toàn thể chúng sanh hữu tình.

Các bạn có khát khao giải thoát vì bản thân và toàn thể chúng sanh hữu tình không?

Có Không

6. Để đi theo con đường Kim cương thừa, các bạn phải hiểu và đánh giá cao, ít nhất về mặt lý trí, sự hợp nhất của sắc tướng và tánh không – nói cách khác là ‘nghịch lý’.

Các bạn có chấp nhận bản tánh nghịch lý của sự hợp nhất sắc tướng và tánh không khắp mọi mặt của thế giới hiện tượng không?

Có Không

7. Để đi theo con đường Kim cương thừa, các bạn cần chấp nhận rằng mọi thứ các bạn nhận thức là sự phản chiếu độc nhất chính các bạn. Và tôi muốn nói mọi thứ, từ

cuốn sách các bạn đang đọc ngay bây giờ đến tóc của ông Donal Trump.

Các bạn có chấp nhận rằng mọi thứ các bạn nhận thức là sự phản chiếu độc nhất chính mình không?

Có Không

8. *Nếu các bạn đánh dấu ‘có’*

Vì các bạn chấp nhận mọi thứ là sự phản chiếu chính mình, giờ hãy nhìn vào cái gọi là ‘tâm’, ‘người chiếu’ của các bạn.

Tâm của các bạn có một màu sắc hoặc hình dạng có thể nhìn thấy được không?

Có Không

9. *Nếu các bạn đánh dấu ‘không’*

Ai là người biết không có màu sắc và hình dạng? Một nhận thức, một tánh giác của chân không.

Phải chăng giờ các bạn có thể thấy rằng tâm không phải chân không?

Có Không

Một bé trai Tây Tạng bò ra khỏi lòng mẹ nó vào một căn phòng treo đầy những tấm tranh Kim cương thừa, và gia đình bé tự hào về truyền thống bảy đời là hành giả mật thừa của mình. Nếu nói về khả năng của một hành giả mật thừa thì bé trai Tây Tạng này không nhiều hơn chút nào so với con gái của một người theo Cơ đốc chính thống giáo Nga đời thứ tám, có đôi mắt xanh như ngọc lam, tóc đỏ như san hô và da trắng như ngọc trai.

Nếu các bạn trả lời ‘không’ với bất kỳ câu nào trong những câu trên (ngoại trừ số 8) hay không thể trả lời bất kỳ câu nào

hoặc tất cả chúng, nhưng vẫn tin mình có quyền trở thành một hành giả Kim cương thừa, thì tôi phải nói là các bạn đang lâm vào tình thế rất khó khăn. Hãy suy nghĩ lại. Việc trao truyền giáo lý Kim cương thừa cho các bạn cũng giống như cho phép một cô bé ba tuổi có quyền bỏ phiếu trong cuộc thương lượng ly hôn của cha mẹ cô bé. (Nhân đây, những lý do để cha mẹ cô bé không tranh cãi trước mặt con gái họ phải quan trọng hơn rất nhiều những lý do khác theo đó cô bé phải có mặt trong cuộc tranh luận gia đình kiểu này.)

Tuy vậy, tôi hy vọng các bạn đã hiểu rằng mục đích của bảng câu hỏi này không phải để mọi trung tâm Phật pháp nên đưa nó cho những đệ tử Kim cương thừa tương lai điền vào. Nó chỉ là một ví dụ về cách những hành giả Kim cương thừa nên suy tư thế nào.

Hãy phân tích! Phân tích!

Hãy phân tích mọi thứ. Và một lần nữa, tôi muốn nói mọi thứ, kể cả cách hiểu riêng của các bạn về tốt và xấu, đầu, giữa và cuối, hạnh kiểm, đạo lý thế gian và giới luật tôn giáo, đúng và sai, và dĩ nhiên, cách các bạn cảm nhận về đạo sư. Hãy phân tích cho đến khi giá trị và ngay cả khái niệm phân tích vượt ra ngoài biên giới của định kiến.

Bậc sáng lập Phật pháp, đức Phật Thích-ca Mâu-ni, luôn nhấn mạnh tầm quan trọng của việc liên tục phân tích hoàn toàn mọi thứ và ban cho chúng ta tất cả những giáo lý mà chúng ta cần để phân tích nó một cách triệt để và hiệu quả. Phật tử liên tục bỏ ra rất nhiều thời giờ và công sức trong việc nghiên cứu những giáo lý này. Pramana¹⁵ (Luận lý học Phật

giáo) và dĩ nhiên là Trung luận tông, sẽ cung cấp những công cụ chúng ta cần để phân tích mọi quan điểm có thể tồn tại.

Ở mức độ nào đó, một bộ phận lớn của triết học Phật giáo được dành cho việc làm thế nào để không chấp nhận bất cứ thứ gì theo vẻ ngoài của nó. Thay vào đó, chúng ta học cách đặt vấn đề nghi ngờ tinh tế, tiếp theo chúng ta học cách nghi ngờ bản thân sự nghi ngờ đó bằng cách phân tích những lý do cố chấp của chúng ta trong việc chứa chấp sự nghi ngờ ngay từ đầu. Một khi chúng ta đã mổ xẻ chi tiết sự nghi ngờ của mình và tin chắc rằng mọi sự nghi ngờ đều không có căn cứ, thì cuối cùng chúng ta có thể ném trái ánh bình minh của điều Phật tử gọi là ‘lòng sùng kính’.

‘Nghi ngờ’ và ‘tin tưởng’ là hai mặt của đồng xu. Cả hai đều là các thành phần chính của con đường tâm linh. Giống như không thể pha một cốc cà phê mà không có nước nóng và hạt cà phê (tốt nhất là loại mới xay), sự tác động lẫn nhau không ngừng giữa tin tưởng và nghi ngờ rất quan trọng trên con đường tâm linh. Tin tưởng xua tan nghi ngờ và nghi ngờ xua tan tin tưởng. Ban đầu, các bạn không thể loại bỏ hết mọi sự nghi ngờ của mình, sau đó tin tưởng hoàn toàn từng lời của giáo lý – do không còn nghi ngờ nữa, nên tin tưởng. Vì sự nghi ngờ của chúng ta trở nên sắc bén hơn, sâu xa hơn và vi tế hơn, nên sự tin tưởng của chúng ta cũng sẽ như vậy, điều đó khiến sự tương tác giữa nghi ngờ và tin tưởng trở nên rất hữu ích.

Một ví dụ điển hình của Kim cương thừa ví von con đường tâm linh với việc mài sắc một con dao. Việc mài dao làm hao mòn cả đá mài lẫn kim loại của lưỡi dao, và sự ‘hao mòn’ này tạo ra hiện tượng một con dao sắc. Nói chung giáo lý Phật-đà nói về những thách thức, vấn đề và giải pháp mà chúng ta đối mặt trên con đường tâm linh của mình, trong khi Kim cương thừa – Mật thừa – dạy rằng chúng ta phải hao mòn cả vấn đề

lẫn giải pháp. Và nhân tiện, nếu các bạn cố giữ dù chỉ một trong những giải pháp này như vật kỷ niệm, thì nó gần như ngay lập tức sẽ trở thành một vấn đề.

Phải chăng các bạn sẽ tự chúc mừng bản thân có kỹ năng phân tích giỏi, một tâm thức cởi mở, một quan điểm tiến bộ và sự tôn trọng đáng kể đối với phương pháp khoa học? Nếu các bạn làm như thế, thì hầu như các bạn không biết gì về thói quen suy nghĩ ăn sâu nhất, bảo thủ nhất, mà một khi lộ ra sẽ chứng tỏ rằng chẳng những không phải là người có đầu óc tiến bộ nhất trên hành tinh, mà trái lại các bạn thực chất là người bảo thủ nhất.

Dựa trên bằng chứng lịch sử và khoa học đáng tin cậy, ít có sử gia nào có thể chấp nhận câu chuyện chúng ta gọi là Mahabharata đã thực sự xảy ra. Vấn đề là, khi nói về bằng chứng, chúng ta đang đề cập đến sản phẩm của tâm thức con người. Tâm thức là những gì tạo ra quan niệm. Mọi hình thức tranh luận và phân tích đều đòi hỏi một tâm thức – hai hòn đá sẽ không có khả năng thảo luận tính tin cậy của một chứng cứ có giá trị. Tuy nhiên, tin vào những kết luận rút ra bởi một tâm thức cố chấp là nguồn gốc của niềm tin mù quáng. Nếu các bạn không sẵn sàng để phân tích và phân tích chính hệ thống phân tích của mình, thì Kim cương thừa không dành cho các bạn. Nếu các bạn có một niềm tin sâu sắc vào thời gian, không xem nó là một sự thật tương đối, mà như một thực tại tối hậu có một điểm bắt đầu và một điểm kết thúc – Sáng thế (Genesis) và Tận thế (Armageddon) – thì không chỉ Kim cương thừa không dành cho các bạn, mà ngay cả Thanh văn thừa cũng không luôn. Niềm tin vào điểm khởi đầu và kết thúc tối hậu cũng được xem là niềm tin vào một nguyên nhân tối hậu. Không có thừa Phật giáo nào tin vào nguyên nhân tối hậu cả. Truyền thống Nguyên thủy, ví dụ, tin vào một ‘hiện tại’ tối hậu.

Thời gian là thứ tưởng tượng, nhưng nó là một sản phẩm của trí tưởng tượng cực kỳ mạnh mẽ và có sức thuyết phục. Vì vậy, nếu các bạn nghĩ đức Phật là một người bình thường, sanh tại Lâm-tì-ni, từ bỏ lối sống gia đình, chuyển đến Ma-kiệt-đà rồi bắt đầu thuyết pháp, và chỉ thế thôi, thì Kim cương thừa không dành cho các bạn.

Nếu các bạn không thể chấp nhận 'bindu' (nó là một thứ như DNA) là Phật, thì Kim cương thừa không dành cho các bạn.

Nếu các bạn khó tin rằng nhận thức trần tục mà các bạn đang trải qua ngay lúc này, khi các bạn đọc đến câu này, là Phật, thì Kim cương thừa không dành cho các bạn.

Nếu các bạn không thể hiểu rằng thành quả hành trình của các bạn chính là trạng thái mà các bạn đang trải qua ngay khoảnh khắc này, thì Kim cương thừa không dành cho các bạn.

Nói cách khác, nếu nghĩ rằng Phật quả chỉ có thể đạt được sau khi các bạn đã trải qua vô số giai đoạn trong ba a-tăng-kỳ-kiếp, thì Kim cương thừa không dành cho các bạn.

Nếu các bạn coi thường thần thoại và truyền thuyết, khéo xếp chúng vào loại truyện cổ tích (như Cô bé quàng khăn đỏ) và tin rằng mọi truyện cổ tích hiện đã bị thay thế bởi thực tế lịch sử, thì Kim cương thừa không dành cho các bạn.

Người châu Á, đặc biệt người Ấn, khá thoải mái với việc bao bọc lịch sử trong thần thoại và truyền thuyết. Nhưng làm thế nào chúng ta đối thoại với những người đối với họ cả quá khứ lẫn tương lai đều cực kỳ quan trọng, nhưng xem nhẹ hiện tại? Làm thế nào chúng ta đối thoại với những người mãi mê lịch sử quá khứ và phẫn khích bởi viễn cảnh tương lai đến độ hầu như phớt lờ hiện tại? Làm thế nào những người thuộc những nền văn hóa đối với họ lịch sử không quan trọng, đối thoại với những người mà nền văn hóa của họ quá 'trọng thị lịch sử'? Những nền văn hóa định hình bởi các tôn giáo thờ Chúa Trời –

ví dụ, hai tôn giáo lớn nhất thế giới, Cơ Đốc giáo và Hồi giáo, và tôn giáo tiền thân của chúng là Do Thái giáo – luôn nhìn lại lịch sử chung của chúng. Làm thế nào những người chỉ quan tâm mọi thứ đang xảy ra ngay lúc này, ngay giây phút này, đối thoại với những người luôn hoài cổ? Vậy thì tốt nhất là hạn chế giao tiếp, bằng không sẽ như sự giao tiếp giữa một con chó và một con mèo. Làm thế nào chúng ta nói với những người thuộc một nền văn hóa có quan niệm mù mờ về tình dục, cho hành động ấy là đồi bại, cấm kỵ, tục tĩu và đáng hổ thẹn, rằng tình dục cũng có thể là một con đường?

Nếu các bạn nghĩ rằng con đường phải đưa ra những lời giải thích dễ hiểu, sắp xếp lớp lang vấn đề và giải pháp, và phân chia thế giới thành người thiện và kẻ ác – giống hai tuyến nhân vật phản diện và chính diện trong phim Hollywood – thì Kim cương thừa không dành cho các bạn. Vì sao? Vì Kim cương thừa không công nhận có một khoảng cách giữa giải pháp và vấn đề. Cũng như người chữa bệnh theo phương pháp vi lượng đồng căn tự hào sử dụng chất độc gây bệnh để chữa nó, Kim cương thừa tự hào sử dụng vấn đề làm giải pháp.

Kim cương thừa chưa bao giờ là một hệ thống chính thống và nó sẽ không bao giờ trở thành thứ đó. Vì thế, không thể có chuyện nó sẽ được chấp nhận bởi những tư tưởng gia chính thống. Sau khi đã giữ bí mật trong nhiều thế kỷ, giáo lý và thực hành của nó tất yếu phải được giới hạn trong một thiểu số chọn lọc. Và chính tính chất độc quyền của nó có thể là lý do hợp lý vì sao phương pháp của nó rất dễ bị dư luận công kích.

Từ quan điểm Kim cương thừa, điều đáng lo là rất nhiều Lạt-ma Tây Tạng những người thực hành công khai Kim cương thừa hiện nay quá nổi tiếng. Có phải một số khía cạnh của Kim cương thừa đang bị gò ép để dung hòa vào xã hội chính thống không?

Nếu các bạn không thể chấp nhận sự không hoàn hảo của các bạn chỉ là giả dối, tạm bợ và có thể loại bỏ, thì các bạn sẽ không thể chấp nhận bản tánh chân thật của các bạn là một bồn tôn, sự hiện thân của từ bi và trí tuệ. Nếu đây là trường hợp này, thì Kim cương thừa không dành cho các bạn.

Nếu các bạn sợ tranh luận và quy lụy sự kỳ vọng của xã hội, hoặc nếu các bạn cương quyết là người cấp tiến, thách thức và phá vỡ sự hòa hợp xã hội, thì Kim cương thừa không dành cho các bạn.

Các bạn có thể thấy tương đối dễ dàng buông bỏ chiếc xe hơi thứ hai của mình và sống tiết kiệm, nhưng nếu các bạn không thể hiểu rằng mọi thứ trong thế giới vật chất, luân hồi này về cơ bản đều khiếm khuyết và không thể thỏa mãn, và mọi thứ chúng ta sở hữu, quý trọng và yêu mến đều có nhược điểm chí tử, vô nghĩa và giả dối – bao gồm những hệ tư tưởng như dân chủ và tự do ngôn luận – thì không chỉ Kim cương thừa mà cả Thanh văn thừa cũng không dành cho các bạn.

Trái tim các bạn có thể tan vỡ khi nhìn thấy tấm ảnh một em bé chết đói ở Nam Sudan hoặc Yemen, nhưng nếu các bạn không có tình thương đối với ông Donald Trump, thì không những Kim cương thừa mà cả Bồ tát đạo của Đại thừa cũng không dành cho các bạn.

Nếu các bạn xem thường Thanh văn thừa và Đại thừa cũng như mọi hệ thống tín ngưỡng tôn giáo chân chính khác trên thế giới, thì Kim cương thừa không dành cho các bạn.

Kim cương thừa không phải một loại giáo điều; tôi hoài nghi việc có thể tồn tại một con đường tâm linh ít giáo điều hơn Phật giáo, nhất là Kim cương thừa. Tuy nhiên, đại đa số nhân loại trong thế giới này tôn trọng và tin cậy vào lý trí và lý luận, điều đó làm Kim cương thừa trở nên quá tiên phong với đa số đó.

Theo một dị bản của một truyện ngụ ngôn Ấn Độ giáo, vợ thần Shiva là Parvati, chính là người đầu tiên yêu cầu ngài dạy mật điển. Mặc dù ban đầu ngài từ chối, bà nài nỉ mãi cho đến khi ngài đồng ý, nhưng với một điều kiện. “Ta sẽ dạy bà mật điển,” thần Shiva bảo, “nhưng khi ta dạy, chúng ta phải hòa quyện với nhau, vì chỉ có thể thực sự lắng nghe được giáo lý mật thừa khi bà đang dạt dào yêu thương.”

Đối với một tâm hồn đức hạnh, điều này nghe có vẻ đòi hỏi, nếu không muốn nói là bệnh hoạn. Nhưng nếu không chìm trong tình yêu liệu mọi người có nhìn thế giới với một con mắt rất khác không? Việc đang yêu sẽ thay đổi nếp suy nghĩ của chúng ta. Thậm chí với khả năng lý luận và nền tảng lý luận được mài giũa tinh tường của một nhà nghiên cứu khoa học thực nghiệm nghiêm khắc nhất, hoài nghi nhất cũng tan biến vào giây phút cô ấy yêu. Là hành giả Kim cương thừa, chúng ta khát khao vượt qua cả hợp lý lẫn phi lý bằng tư duy đổi mới vượt ra ngoài mọi khuôn khổ thông thường.

Vào lúc này, những hành giả mật thừa có khát vọng trong số các bạn có lẽ cảm thấy nản lòng một ít. Thực tế hãy phấn chấn lên vì chính đấng Kim Cương Trì vô thượng đã dạy rằng nếu, dù chỉ trong một phần tỉ giây, những người sống bằng lý trí, lý luận và bằng chứng bị thu hút bởi con đường Kim cương thừa huyền diệu và sâu thẳm, họ hẳn đã có một kết nối với nó. Nếu các bạn sẵn sàng dồn mọi nỗ lực vào kết nối đó, thì các bạn sẽ có mọi điều kiện cần thiết để bắt đầu hành trình trên con đường Kim cương thừa.

Kim cương thừa Dành cho Bạn

TẤT CẢ CHÚNG TA bước vào cuộc sống với niềm tin rằng mọi thứ chúng ta quý trọng, ưa chuộng, tìm kiếm và gắn bó sẽ mang đến cho chúng ta cảm giác thỏa mãn, tuy nhiên chúng như phù vân. Và khi thời gian trôi đi, chúng ta bắt đầu nhận ra muôn vạn nẻo đường của cõi luân hồi này đều vô nghĩa và vô vọng. Vậy thì, sao phải bận tâm? Mục đích vun đắp lâu dài cát nơi cõi tạm này là gì?

Có bao giờ các bạn cảm thấy thời gian của mình trên trái đất ngắn ngủi không? Cảm giác đó đôi lúc mạnh đến nỗi như thể có người bảo các bạn chỉ còn sống sáu tháng nữa thôi. Thời gian không nhiều, còn thời gian của riêng các bạn trên hành tinh này thì đang cạn dần và dù sao đi nữa, đời sống thế gian thật vô nghĩa. Tuy nhiên, các bạn tiếp tục làm những điều mình luôn làm: vẫn đọc miệt mài cuốn tiểu thuyết dày cả ngàn trang, du lịch ngắm biển trời bao la, đi xem ca nhạc và dự mọi đám tiệc sinh nhật mà các bạn được mời. Điều khác biệt duy nhất lúc này là các bạn biết chắc mình chẳng có gì để mất và chẳng có gì để tranh đấu.

Bên ngoài, các bạn là một con người không hoàn hảo và không trong sạch, nhưng sâu bên trong, con người thật của các bạn – ‘chân tánh’ mà các bạn mong mỏi bộc lộ nó ra – thì giống như vàng ròng. Nếu các bạn có ba a-tăng-kỳ-kiếp để tách vàng ra khỏi quặng, các bạn có thể chọn một con đường có tính trình tự hệ thống, thông thả và an toàn để mà đi. Nhưng vì thời gian không còn nhiều, các bạn sẽ nôn nóng muốn tìm ra con người thật của mình càng nhanh càng tốt. Thế là các bạn cất công tìm

kiểm và khám phá ra một vài con đường có vẻ an toàn vì chúng đi kèm với dây an toàn, những cánh cổng, hàng rào và lời hứa hẹn rằng các bạn sẽ được đi trên một cỗ xe êm ái và tiện nghi. Điều hạn chế, theo quan điểm của các bạn, đó là chúng đều quá chậm. Vì thế, các bạn tự hỏi, “Vì mình chẳng có gì để bảo vệ hay giữ an toàn, mục đích chọn đi chậm như vậy để làm gì?” Nóng lòng bắt tay vào việc làm lợi ích thật sự cho vô lượng hữu tình chúng sanh, các bạn mong mỏi dập tắt những vọng tưởng của mình trong thời gian kỷ lục. Và rồi, các bạn khám phá ra Kim cương thừa. Trong khoảng một năm, các bạn lắng nghe nhiều giáo lý và nghiên ngẫm ý nghĩa của chúng. Các bạn phát hiện ra một vài khía cạnh của Kim cương thừa mà các bạn cảm thấy hơi choáng ngợp và có chút đáng ngại, nhưng cho dù là vậy, các bạn sớm bị thuyết phục rằng Kim cương thừa có đủ mọi đáp án mà các bạn đang tìm kiếm.

Nếu đây là cách các bạn cảm nhận và nếu các bạn không bận tâm việc thỉnh thoảng bị khiêu khích xúc phạm thì Kim cương thừa dành cho các bạn.

Kim cương thừa Còn Hợ Thời không?

Hãy nghĩ về cái gọi là tư tưởng bất thiện. Đừng bận tâm về bối cảnh, tôn giáo hay những thứ khác, chỉ nghĩ về những tư tưởng bất thiện, bất chính, hèn hạ, bất lương, xấu xa, gian trá, thối nát, đê bại, nham hiểm, bê tha, biến thái, dâm ô, lang chạ. Cách đây hai trăm năm, một trăm năm, thậm chí năm mươi năm, tư tưởng bất thiện được định nghĩa hoàn toàn khác với định nghĩa của ngày nay. Trải qua một thời gian dài, suy nghĩ của chúng ta đã thay đổi, nên quan niệm về tội ác, thối nát, lạm

dụng, truy lạc..., đã biến đổi và cùng với nó là quan niệm của chúng ta về 'bất thiện.'

Ngày xưa cách đây hai trăm năm, những kẻ đạo chích ăn trộm những món đồ có thể cầm và nhét được vào túi đựng của chúng - trang sức, ví tiền, giá nển bằng bạc, hộp đựng bột thuốc lá bằng vàng... Còn những kẻ đạo chích thời nay ăn trộm ý tưởng, mật mã vi tính và mọi loại sở hữu trí tuệ. Những kẻ cắp thời nay có thể đánh cắp mọi loại âm nhạc, phim ảnh, sách báo và trò chơi vi tính mà không cần bước chân ra khỏi nhà chúng.

Thế giới hiện đại sôi động hơn xưa. Mọi người đều táo bạo hơn, nhạy bén hơn và nhanh nhẹn hơn và mọi con mắt của chúng ta đều đổ dồn vào việc theo dõi không ngừng mức phát triển và mức lợi nhuận. Mặc dù những đánh giá của chúng ta về người sản xuất và người xem tranh ảnh khiêu dâm gần như chắc chắn không thay đổi qua nhiều thế kỷ, nhưng bản thân tranh ảnh khiêu dâm đã rất khác xưa. Cách đây hai trăm năm, chỉ có những hình vẽ khêu gợi thôi nhưng đắt tiền và khó kiếm, còn ngày nay, tranh ảnh khiêu dâm hạng nặng có sẵn miễn phí cho bất kỳ ai có thể truy cập vào mạng. Và nó thì quá nhiều. Tranh ảnh khiêu dâm càng nhiều, nó càng dễ khuấy động những cảm xúc kích thích chúng ta. 'Séch-xi' của năm 1950 hoàn toàn khác với 'séch-xi' của năm 2021. Trang phục khêu gợi, thiếu vải ngày nay còn thiếu vải nhiều hơn thời đó. Nó như thể thuyết nhị nguyên đã trở nên cực đoan và 'nhị nguyên' hơn bao giờ hết. Sự mau lẹ đến chóng mặt mà chúng ta sống trong đó tạo ra một sự căng thẳng khủng khiếp đè nặng lên phần lớn những cỗ xe và phương pháp tâm linh trên thế giới. Ngoại trừ Kim cương thừa không nằm trong số đó, ngược lại nó vẫn phát triển mạnh mẽ trong môi trường được tạo ra bởi sự thay đổi do sự tái cấu trúc cực đoan.

Đời sống bình thường đầy rẫy những luật lệ và phép tắc, khiến nó không dễ để các vị tỳ-kheo giữ gìn giới luật và sống đời tu sĩ. Việc xin đồ bố thí cúng dường của đàn na thí chủ trở nên ngày càng không khả thi, vì bây giờ đối với một tu sĩ hầu như không thể tránh khỏi việc đụng chạm đến vàng, bạc, thẻ tín dụng và mọi hình thức tài sản khác. Nếu muốn, các bạn có thể làm một kẻ lang thang khắp Ấn Độ, nhưng nếu các bạn cố lang thang khắp nước Mỹ mà không mang theo thẻ căn cước, thì các bạn sẽ bị bắt vì tội sống lang thang. Ngày càng khó hơn để giới tăng lữ sống đời tăng lữ, nhưng hành giả Kim cương thừa thì không phải đối mặt với những khó khăn như vậy. Các bạn hoàn toàn có khả năng đi theo con đường Kim cương thừa đồng thời vẫn tiếp tục hành nghề, chăm sóc cha già mẹ yếu của các bạn và làm mọi việc mà mọi gia chủ và cư sĩ khác vẫn làm.

Chính đức Phật đã dạy rằng, khi đời sống trên trái đất trở nên bất ổn và suy đồi hơn, loài người trở nên đa nghi hơn và những cảm xúc của chúng ta trở nên quá khích hơn. Chỉ riêng ý nghĩ về 'ba a-tăng-kỳ-kiếp' sẽ có khả năng làm tiêu tan nhiệt huyết của một hành giả Pháp tiềm năng và viễn cảnh của việc sẵn lòng thí thân mình cho một gia đình cọt đời cũng có thể khiến họ thối chí và nản lòng. Vào một thời kỳ như thế, đức Phật dạy, Kim cương thừa không những tồn tại mà còn phát triển thịnh vượng.

Trong bối cảnh của Kim cương thừa, chỉ vì vô số phương pháp của nó nhanh không có nghĩa chúng nguy hiểm. Một việc đơn giản như nhắm nháp ly cà phê cũng có thể tích lũy một lượng công đức tương đương với lượng công đức phải trải qua vô số kiếp để tích lũy nó trên phần lớn những con đường khác. Một người trì tụng thần chú đúng đắn có thể thanh lọc một lượng uế trược tương đương với lượng uế trược mà những phương pháp khác phải mất nhiều đời để tịnh trừ nó. Nhưng để

thực hành Kim cương thừa một cách đúng đắn, chúng ta phải sẵn sàng và tự nguyện lìa bỏ những tư tưởng và giá trị cũ và có can đảm để không sa đà trong thế giới lý trí. Nó giống như sự khác nhau giữa việc uống rượu vừa đủ để ngà say một cách dễ thương nhưng vẫn làm chủ mình với việc bất chấp mọi rủi ro và uống đến say khướt. Vào lúc tâm nguyện rũ bỏ luân hồi của các bạn đã đến mức bất thối chuyển, thực hành Kim cương thừa của các bạn sẽ không còn bất kỳ hình thức nào của sự tự trừng phạt hay sám hối nữa mà chỉ thuần an lạc.

Nếu các bạn quá bận rộn không thể theo đuổi Kim cương thừa hoặc không dám thử, thì hãy phát nguyện được kết duyên với con đường. Hãy phát nguyện rằng đến một ngày các bạn sẽ đủ duyên để thực hành Kim cương thừa và rồi hãy khát khao nó xảy ra.

Mật điển thừa nói với chúng ta rằng thật vô cùng khác thường để một vị Phật thị hiện trên trái đất này và thậm chí còn hy hữu hơn nữa là một vị Phật giảng dạy về Kim cương thừa. Chúng ta cực kỳ may mắn được sống vào một thời kỳ vẫn có thể được nghe những giáo lý chẳng hạn như vạn pháp giả hợp đều vô thường; dù các bạn nghe nhiều thế nào, nó không bao giờ làm các bạn thỏa mãn; và cái bản ngã mà các bạn chiều chuộng nó chỉ là một ảo tưởng, chỉ là một danh hiệu. Chúng ta may mắn gặp đôi khi được nghe giảng về trí tuệ rằng luân hồi và niết bàn là ảo ảnh, như cơn ác mộng đêm qua và niềm bình an mà các bạn cảm thấy khi thức dậy. Và may mắn gặp ba được sống vào thời khi đó vẫn còn một dòng pháp mạch nói với chúng ta rằng những cảm xúc mà chúng ta cảm nhận ngay lúc này - giận dữ, ganh ghét và tham lam - là nguyên liệu của trí tuệ. Sự may mắn tốt lành lớn như thế thật đáng ăn mừng.

Các bạn có nhận ra những giới hạn của luận lý học và lý lẽ không? Các bạn có thừa nhận chủ nghĩa kinh nghiệm mang tính

chủ quan không? Các bạn có tin rằng những gì nằm ngoài lý lẽ và chủ nghĩa kinh nghiệm còn hơn cả cảm hứng thi ca, hoặc cảm giác khi yêu không? Phải chăng các bạn bị thu hút mạnh mẽ vào trạng thái không thể lý giải được? Các bạn có thừa nhận rằng trạng thái không thể lý giải được thật ra không thể đạt được bằng cách dùng ma túy hay rượu không? Các bạn đã từng trải qua trạng thái ảo giác tạm thời do ma túy gây ra và thấy nó chưa đủ không? Có phải các bạn mong muốn vượt qua, một lần và mãi mãi, không bao giờ mắc kẹt vào giới hạn nữa? Nếu như vậy thì Kim cương thừa dành cho các bạn.

Nếu các bạn có thể nhận ra từng mâu thuẫn nghịch lý màu nhiệm, vô tận, vô số khi nó xảy ra, trong từng khoảnh khắc khắp mười phương và nếu các bạn cảm thấy mình cần chút phép màu đó – nói cách khác, nếu các bạn đã bắt đầu coi trọng ân phước – thì Kim cương thừa dành cho các bạn. Nếu ý nghĩa của các từ như 'toàn thể', 'vô số', 'vô thủy', 'vô chung' và 'vô tận' dẫn dụ và mê hoặc các bạn, thì Kim cương thừa dành cho các bạn.

Khi các bạn khám phá ra rằng mình có thể gạt hái nhiều trí tuệ bằng cách nằm không trên một chiếc võng vào một buổi chiều đầy nắng như khi ngồi thẳng lưng trong một phòng thờ và hứng thú về trải nghiệm đó, thì Kim cương thừa dành cho các bạn.

Nếu các bạn nghĩ cách duy nhất để thiền định là ngồi thẳng lưng trên một nệm thiền còn các tư thế đi, đứng và nằm sẽ cản trở thiền định của các bạn, hãy tự hỏi mình: các bạn nên dành bao nhiêu thời gian để ngồi thiền? Không ai có thể ngồi suốt 24 giờ một ngày được – nếu có khả năng như vậy, hãy nghĩ đến ảnh hưởng xấu có thể xảy ra cho sức khỏe các bạn. Nếu các bạn hào hứng và thích thú về khả năng gạt hái trí tuệ khi các bạn

tắm vòi sen, phơi nắng hay cắt cử hành,... thì Kim cương thừa dành cho các bạn. Nó sẽ hợp với con người các bạn.

Cuối cùng, nếu các bạn mong muốn cải thiện tâm mình bằng sự phong phú vô tận của những phương pháp xảo diệu của Kim cương thừa, thì chắc chắn Kim cương thừa dành cho các bạn.

Đạo Sư

‘ĐẠO SƯ’ (Guru) là một từ tiếng Phạn rất đẹp, và nó có một số mức nghĩa thâm sâu. Vì vậy, hầu như không thể dịch được nó. Đa phần các ngôn ngữ đều có những từ rất đặc biệt, không thể dịch được. Ví dụ, tiếng Na-uy gọi trạng thái hưng phấn chúng ta cảm thấy khi bắt đầu yêu là *forelsket*, như tôi đã nói, không có từ tương đương trong tiếng Anh. *Komorebi* là một từ tiếng Nhật nói về đặc tính của ánh nắng mặt trời khi nó chiếu xuyên qua kẽ lá. *Goya* là một từ tiếng Urdu nói về khoảnh khắc một người kể chuyện xuất sắc kể một câu chuyện tưởng tượng nhưng thuyết phục đến độ nó dường như chân thật hơn cả ngoài đời. Và tiếng Serbia mô tả niềm sung sướng và cảm giác hòa hợp mà những thú vui đơn giản nhất có thể khiến chúng ta cảm thấy là *merak*.

Từ ‘Đạo sư’ hơi khác so với những ví dụ này vì không những nó không thể dịch được, mà hiện nay nó đã bị pha tạp bởi nhiều sự liên tưởng đời thường đến độ ý nghĩa chân chính của nó hầu như không còn. Các quảng cáo thường khai thác và lạm dụng từ ‘Đạo sư’ như thế nào? Trường hợp tốt nhất, từ đó gọi lên hình ảnh một khất sĩ Ấn Độ tóc cuốn lọn dài, thân bôi đầy tro, hoặc một vị Lạt-ma Tây Tạng cao cấp, mặc gấm thêu kim tuyến (một người, thậm chí là một em bé, ngồi trên một cái gai cao, trang trí rất ấn tượng). Trường hợp tệ nhất, nó gọi chúng ta nhớ về tất cả những chuyên gia nấu ăn, chuyên gia thể hình và chuyên gia xâm nhập điện thoại gây tắc nghẽn không gian mạng. Phải chăng tất cả sự khai thác và lạm dụng này, một hiện tượng của thế kỷ thứ 21, có thể do các vạ bệ của các đạo sư Kim cương

thừa kỳ quặc đã cư xử sai trái gây ra chẳng? Ngược lại là khác! Việc làm ô danh, hư hỏng và vấy bẩn từ ‘đạo sư’ (guru) đã diễn ra trong nhiều thế kỷ.

Như tôi đã nêu trong chương mười, một đạo sư tâm linh ở Tây Tạng cũng có thể xem tương đương với chức trụ trì hay tu viện trưởng của một tu viện. Tại Tây Tạng, danh hiệu Guru không chỉ dành riêng cho những vị thầy. Những người đàn ông có địa vị chính trị hay xã hội quan trọng thường được trao danh hiệu guru. Những người khác được nâng lên địa vị guru vì họ là những người chuộng vật chất, giỏi thao túng người khác, được nhiều người mến mộ, khôn ngoan, có sức ảnh hưởng và tài năng. Họ cũng có thể đã hợp tác thành công với những thí chủ giàu có và hào phóng, và như chúng ta đã biết, quyền lực và tiền bạc là sự trợ giúp quan trọng khi đề cập đến việc truyền bá và bảo tồn Phật pháp.

Về cơ bản, người Tây Tạng có đủ loại lý do để gọi một vị thầy là ‘đạo sư’, nhưng hầu hết đều không liên quan gì đến Phật Pháp mà chủ yếu liên quan đến những đạo sư có vai trò nổi bật trong văn hóa Tây Tạng. Kết quả là, quy trình mà đa số người Tạng tuân theo để bắt đầu mối quan hệ mật thừa với một đạo sư không lý tưởng chút nào. Không nghi ngờ gì nữa, lời khuyên của Đại thừa và Mật điển thừa về việc xem xét các phẩm chất và lai lịch của một đạo sư trước khi gắn bó với bà ấy, nhìn chung, đã bị phớt lờ.

Dù vậy, ngay cả khởi đầu tệ nhất đối với một mối quan hệ đạo-sư-đệ-tử cuối cùng đều ổn, và nhiều mối quan hệ như vậy đã phát triển tốt đẹp. Tuy nhiên, các bản văn mật thừa gốc không bao giờ khuyến khích lối tiếp cận này.

Lịch sử cho chúng ta biết có một số ít đạo sư mật thừa dù khó khăn đã kết hợp thành công vai trò người thầy tâm linh lẫn nhân vật công chúng nổi bật của họ với nhau. Nó đã thành công

rực rỡ với Vua Indrabhuti. Mọi thần dân của ông đều đồng thời đạt thân cầu vòng. Trong khi đó kinh nghiệm của Vua Trisong Deutsen ít rõ ràng hơn. Không ai biết ngài đã dạy bao nhiêu đệ tử – ngay cả với cận thần thân tín của vua cũng không được biết loại thông tin mật đó – nhưng chúng ta biết là ngài không có được sự yêu mến rộng rãi của thần dân Tây Tạng. Vì thế, ngài có thể có một đệ tử mật thừa duy nhất – một kỹ nữ hạng sang hoặc một thị nữ hoặc một người quét đường, có lẽ như vậy? Dù đó là ai, đối với nhà vua, người đệ tử đó là người quan trọng nhất trong toàn cõi của ngài, và chỉ hai người họ biết về mối quan hệ mật thừa của mình. Tại sao? Vì đây là cách Kim cương thừa đã được truyền dạy tại Ấn Độ cổ đại. Đạo sư và đệ tử Kim cương thừa không bao giờ công khai xác nhận mối quan hệ của họ và điều gì xảy ra giữa họ với nhau được giữ kín.

Ngày nay thì ngược lại. Đạo sư Kim cương thừa và đệ tử của họ cố sức để quảng bá cả bản thân lẫn thực hành của mình. Họ công khai khoe khoang về đạo sư, dòng truyền thừa và phương pháp thực hành của họ, và vì thế, chúng ta biết đích xác họ là ai và họ làm gì. Những lạt-ma hiện đại thậm chí còn chế ra phù hiệu đặc trưng của mình được thiết kế riêng cho đệ tử đeo, và gắn lên cờ để đệ tử treo bên ngoài nhà họ.

Thời xưa, đạo sư và đệ tử thực hiện bốn phạm Kim cương thừa của họ giống như cách những đặc vụ chìm ngày nay thực hiện cuộc điều tra bí mật. Lối sống của cả đạo sư và đệ tử phải hòa hợp với lối sống của láng giềng, tạo cảm giác rằng họ sống một đời sống bình thường, không có gì khác lạ. Ở Tây Tạng, một xứ sở nổi tiếng có một số trong những Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni chân thành nhất, nhiều người trong họ bề ngoài có vẻ xem thường thực hành mật thừa, lại thường là những người chân thành nhất trong tất cả những hành giả mật thừa. Ở phía đối diện, nhiều người tuyên bố mình là hành giả mật thừa, cần

thận chăm chút cho ‘phong cách’ mặt thừa của mình, nói như ma ám về mặt điển và không dạy gì khác, lại thường không có khả năng áp dụng ngay cả những thực hành Phật giáo cơ bản nhất, như không sát sanh hại vật. Về mặt lý thuyết, có thể xảy ra trường hợp vị lạt-ma của các bạn vừa là vua, vừa là nhà lãnh đạo chính trị, là ông chủ, bạn đời, người yêu và cả đạo sư gốc của các bạn, tất cả kết hợp đồng thời trong một người. Nhưng về mặt thực hành, nó là màn xiếc thăng bằng nguy hiểm mà ít người có thể làm được. Thông thường, việc cố làm tròn quá nhiều vai trò sẽ gây trở ngại hơn là giúp ích – nhất là những người như chúng ta thiếu trí tuệ và hơi ngây thơ, cả tin.

Những con đường Phật giáo khác hiếm khi dùng từ ‘đạo sư’. Thay vào đó, họ gọi thầy mình là ‘sư phụ’, ‘giáo thọ sư’, ‘hướng dẫn viên’ hay ‘huấn luyện viên’. Vậy thì một ‘đạo sư’ Kim cương thừa là gì? Về cơ bản, đạo sư là người dẫn dắt người khác. Theo Kim cương thừa, một người dẫn dắt như vậy ít nhất phải thể hiện phẩm chất đáng tin cậy và đáng phó thác. Nói cách khác, một đạo sư phải không bao giờ lừa dối. Cuối cùng, chỉ có hai phẩm chất không bao giờ lừa dối chúng ta: sự thật của tánh không và sự thật của sáng tỏ (clarity). Vì vậy, tánh không và sáng tỏ là đạo sư chân chính. Nhưng nhờ là con người, đạo sư bên ngoài sẽ dẫn các bạn đến đạo sư chân chính (đạo sư bên trong), nên đạo sư con người quan trọng không kém. Đạo sư bên ngoài có khuôn mặt người và có thể nói với các bạn, hướng dẫn các bạn, dạy dỗ các bạn và huấn luyện các bạn. Nếu không có đạo sư bên ngoài, thì sẽ không có cây cầu dẫn đến đạo sư bên trong, đó là lý do đạo sư bên ngoài không thể thiếu trên con đường Kim cương thừa. Nó cũng là lý do vì sao những bậc đạo sư Kim cương thừa vô song của chúng ta vô cùng đáng kính và vô cùng cao quý.

Tu sĩ hay hành giả Du già?

Vì sao đức Phật Thích-ca Mâu-ni lại chọn xuất hiện trên trái đất này với tư cách một tỳ-kheo? Vì chúng ta là những con người thích bậc thánh nhân của mình trông giống tu sĩ. Về ngoài giản dị và lối sống của một tỳ-kheo ngự trị trong tâm thức của con người chúng ta thoải mái hơn lối sống trác táng của một người chủ gia đình phóng túng, thích tiệc tùng. Chúng ta mong chờ hàng xuất gia tâm linh chân chính sống đời ẩn dật nơi chốn hẻo lánh. Chúng ta thích hình dung họ nướng nấu trong túp lều tre nhỏ xíu, chỉ ăn ngày một bữa và gần như không có tài sản gì – có lẽ là một đôi dép và một cái dù vải sòn. Ý niệm về một người tu sĩ sống trong một lâu đài bằng đá cẩm thạch đầy đầy anh chị em ruột hay sinh sự và những người bạn đời loạn thần kinh, thích làm nổi sẽ không phù hợp với kiểu ‘thiên liêng’ hay ‘tâm linh’ mà chúng ta hình dung. Vì thế, kiểu đạo sư tốt nhất chính là một tu sĩ giản dị và khiêm tốn. Nhưng nếu mục đích của việc giải thoát riêng mình không đủ với các bạn, và nếu mục đích của các bạn không chỉ là được phép vào một câu lạc bộ Phật tử hoặc được công nhận bởi một cộng đồng Phật tử mà còn giữ gìn nghiêm giới luật của Phật tử, thì các bạn có thể cố tìm hiểu nhanh những con đường sẵn có khác. Nó có lẽ rất xứng đáng để nỗ lực.

Hãy nhớ rằng ít có tu sĩ nào có thể sống theo lý tưởng phổ biến về lối sống của một tu sĩ thanh tịnh, độc thân. Và dù sao, hình mẫu tu sĩ đó hầu như hoàn toàn bị chiếm dụng bởi những tu sĩ có nhiều động cơ chính trị. Những tu sĩ này khéo tỏ ra thánh thiện, giản dị và thậm chí tự ty, nhưng trên thực tế, vì đã nảy nở tham vọng về quyền lực, tiền bạc và của cải vật chất, nên họ sẽ bị chúng khống chế đến mức mất tự chủ hoàn toàn.

Ở Tây Tạng, Trung Hoa và Nhật Bản, lối sống và hành vi được chấp nhận của một tu sĩ xuất gia độc thân đã bị hạ thấp đến độ hiện nay nó có nghĩa là ‘tuyệt dục’. Mặc dù những đạo sư mật thừa phức tạp hơn mang lại sự phong phú và sâu xa cho con đường và thực hành tâm linh mà những tu sĩ xuất gia giản dị còn thiếu, nhưng những đạo sư mật thừa gần như luôn bị đánh giá khắc khe hơn những đồng đạo xuất gia của họ. Ngoại trừ khi nó liên quan đến tình dục. Tình dục hiếm khi được tha thứ. Người Trung Hoa có thể dễ tha thứ cho một thiền sư Trung Hoa đi chiếc xe Rolls Royce dù đã bị truy tố vì tội lừa đảo tài chính, hơn một thiền sư thông thái và từ bi nhưng bị người ta đồn rằng có lần ông ấy bị bắt gặp có hành vi không đứng đắn với một phụ nữ.

Khi còn là một đứa trẻ, các vị đạo sư mật thừa của tôi cứ dạy đi dạy lại mãi một bài học cho tôi. Họ nói với tôi rằng kho báu thường được tìm thấy ở một nơi trông như một đồng rác vì nó là nơi an toàn nhất để giấu bảo vật của con. Vì thế, chúng ta đừng nên bao giờ đánh giá thấp hay xem thường các đạo sư mật thừa, bất kể họ có nhiều tình nhân, một đàn con mất dạy, vài thế hệ họ hàng khó chịu và việc không có khả năng kiếm sống bầm sinh của họ. Họ có thể vô tổ chức và lộn xộn, nhưng các đạo sư mật thừa chân chính không bao giờ là kẻ đạo đức giả, gian dối, tự phụ. Sao lại xa lánh một đạo sư không giấu giếm điều gì hết? Về ngoài bản thủ nhất, nặng mùi nhất, nhớp nháp nhất thường che giấu con người chân thật, thẳng thắn và lương thiện nhất mà các bạn sẽ chẳng bao giờ gặp được. Những người bạn am hiểu của tôi nói với tôi rằng sự thật này đã được biết đến trong giới võ sư Kung Fu chính hiệu, có một số vị thường thích hòa mình với đám đông những người lao động bình dị, thẳng thắn trong những quán rượu rẻ tiền hơn là thành lập và quản lý những trường đào tạo võ thuật tinh hoa.

Đạo sư của Các bạn, Lựa chọn của Các bạn

Hãy luôn nhớ rằng đạo sư mật thừa là lựa chọn của các bạn. Việc chọn người đứng đầu tu viện nổi tiếng hoặc đạo sư thôn làng hoặc đạo sư gia đình của các bạn làm đạo sư mật thừa sẽ rất thuận tiện. Tuy nhiên, các bạn không cần làm vậy nếu các bạn không muốn. Đạo sư mật thừa của các bạn là lựa chọn của các bạn. Như người Tạng thường nói: “có thể có hàng trăm vị lạt-ma trên trái đất này, nhưng chỉ có một đạo sư duy nhất trong tâm trí tôi.” Tôi biết rất nhiều đệ tử mật thừa không thể nhớ xuể, họ là những người, bất kể việc dễ dàng tiếp cận mọi vị lạt-ma cao cấp nhất và nổi tiếng nhất, thay vào đó đã chọn những hành giả bình thường làm đạo sư mật thừa của họ. Tôi đã gặp một tu sĩ như thế vào một lần trong những lần tôi viếng thăm ngài Karmapa đời thứ 16 tại tu viện Rumtek ở miền Bắc Ấn Độ. Ngài Karmapa đời thứ 16 là một bậc đạo sư phi thường. Độc nhất vô nhị một cách tuyệt đối. Nhưng một trong những tu sĩ của ngài đã chọn thọ nhận toàn bộ giáo lý Đại Thủ Ấn của Karmapa (những hướng dẫn cốt tủy được xem như viên ngọc trên vương miện của giáo lý Kagyupa) từ một tu sĩ thâm niên hết sức bình thường tại tu viện Rumtek một người mà, theo thuật ngữ đạo sư, là một kẻ vô danh tiểu tốt.

Người phương Tây dường như nghĩ rằng Đức Đạt-lai Lạt-ma là đạo sư mật thừa gốc của mọi người dân Tạng. Điều này không đúng - thậm chí sẽ không sắp xảy ra như vậy! Người Tạng kính trọng, yêu quý và tôn thờ Đức Đạt-lai Lạt-ma như vị lãnh đạo thế gian của họ. Một số cảm thấy lòng sùng kính rất lớn đối với ngài như một đạo sư và nhận những quán đánh mật thừa chính từ ngài. Nhưng nhiều người Tạng chọn một lạt-ma khác làm đạo sư gốc của họ - ‘Đạo sư gốc’ của các bạn là vị đạo sư mà các bạn nhớ đến đầu tiên vào buổi sáng lúc thức dậy,

ngay trước khi các bạn ăn, và cuối cùng trước khi rơi vào giấc ngủ tối.

Tôi cũng đã gặp nhiều tu sĩ của Tu viện Dzongsar, những người sống ở đó khi ngài Jamyang Khyentse Chökyi Lodrö là tu viện trưởng. Họ bảo với tôi rằng, dù họ rất thích và rất tôn trọng ngài trong vai trò là người đứng đầu tu viện, nhưng họ không cảm thấy sùng mộ ngài như một vị đạo sư mật thừa, vì thế mà họ đã nhận những hướng dẫn riêng từ những đạo sư khác. Tôi có thể hiểu khi một số các bạn nghĩ rằng: “Ngu ngốc kiểu gì đến nỗi không biết nắm lấy cơ hội chọn ngài Khyentse Chökyi Lodrö – một trong những bậc đạo sư vĩ đại nhất của thế kỷ 20 – là đạo sư của mình, khi ngài đang đứng ngay trước mặt?” Thực tế rất nhiều đệ tử không chọn ngài Khyentse Chökyi Lodrö làm đạo sư mật thừa của họ là bằng chứng sống động rằng tinh thần chân chính của Kim cương thừa vẫn tồn tại và phát triển, và nó vẫn tiếp tục phát triển mạnh mẽ trong xã hội Tây Tạng. Khía cạnh này của mối quan hệ đạo-sư-đệ-tử mật thừa vẫn không thay đổi kể từ lúc mật điển thừa khai sinh tại Ấn Độ Cổ Đại.

Ngài Saraha là một trong những vị đạo sư trứ danh nhất của Kim cương thừa. Ngài là một học giả vĩ đại và vươn mình trở thành Trưởng khoa của Đại học Nalanda, mà trong thời hoàng kim nó có uy tín và tiếng tăm như đại học Sorbonne ngày nay. Đầu tiên, ngài Saraha theo học giáo lý từ một trong những đạo sư Đại thừa của chính đại học Nalanda, nhưng họ không làm ngài thỏa mãn. Vì vậy, ngài bắt đầu lén đến gặp một vị thầy vô danh ở trong một khu rất nguy hiểm của thị trấn. Các bạn có biết thầy của ngài Sahara đã làm gì để kiếm sống không? Bà là một kỹ nữ và người rèn mũi tên. Ngay sau khi gặp bà, ngài Saraha đã từ bỏ học vị danh giá của mình để theo chân bà toàn thời gian. Và ngài đã giữ mối quan hệ đó trong vòng bí mật tuyệt đối – nó đúng là phải như vậy.

Một số bài đăng mà tôi đọc trên mạng xã hội trong khoảng từ năm 2017 đến 2018 gợi ý rằng một hệ thống đào tạo những đạo sư Kim cương thừa hiện đại nên được phát triển và đưa vào giảng dạy tại các trung tâm chuyên đào tạo, điều đó có lẽ sẽ tốt hơn để truyền bá Kim cương thừa, để bảo tồn tính chân thực của nó cũng như để bảo đảm an toàn cho những đệ tử Kim cương thừa sau này. Lý lẽ của họ là với một hệ thống như vậy, những đệ tử Kim cương thừa ngày nay có thể nương theo một quy chế rõ ràng trên nguyên tắc kiểm tra và kiểm chế lẫn nhau để giữ gìn chúng an toàn. Không may, một mô hình như vậy đơn giản sẽ không thể thành công trong Kim cương thừa. Tại sao không? Bởi vì mọi mối quan hệ đạo-sư-đệ-tử Kim cương thừa đều dựa trên sự kết nối của nhân duyên, đó là lý do tại sao ngài Saraha cuối cùng đã chọn một kỹ nữ rèn mũi tên là đạo sư mật thừa của ngài – và dù bà ấy là ai đi nữa nhưng là một sự đặt cược an toàn.

Kim cương thừa là một phần của thế gian, nên rất có thể những vụ tai tiếng gần đây sẽ dẫn đến một trung tâm đào tạo đạo sư Kim cương thừa như vậy được thành lập. Suy cho cùng, Phật giáo Tây Tạng không thiếu kinh nghiệm khi nói đến việc thành lập những học viện. Cho đến nay, các học viện (shedra) đã trang bị cho chư tăng một kiến thức hoàn chỉnh về Phật pháp và các trung tâm thiền định (drupdra) đã tạo cơ hội để các hành giả nhập thất. Những người tốt nghiệp shedra thường không được mong đợi chỉ chuyên tâm vào học thuật và thường tham gia các trung tâm nhập thất trước khi trở thành khenpo và đạo sư. Nhưng mục đích quan trọng nhất của giáo dục học viện không phải để đào tạo những đạo sư. Tại sao? Vì nó sẽ không hiệu quả. Một luận văn tiến sĩ (Ph.D.) xuất sắc không bảo đảm rằng học giả viết ra nó sẽ trở thành một thầy giáo giỏi. Tương tự, việc tốt nghiệp từ một shedra sẽ không bảo đảm rằng vị tu sĩ đó sẽ trở thành một học giả giỏi hoặc một hành giả giỏi.

Tôi tự hỏi những người ủng hộ một trung tâm đào tạo đạo sư Kim cương thừa sẽ đưa những gì vào chương trình đào tạo? Một điều mà sự đào tạo chính quy một đạo sư Kim cương thừa cần phải có là một học phần về cách khai thị bản tánh của tâm – ‘Giới thiệu về Bản tánh của Tâm: bài học vỡ lòng’. Tuy nhiên, dù các thực tập sinh đạo sư có thể được chỉ dạy thủ thuật nghề nghiệp và được cho thời gian cần thiết để học thuộc lòng hết mọi bản văn mật điển,... dù được đào tạo chính quy trong một môi trường học viện cũng sẽ không bảo đảm có khả năng truyền cảm hứng cho đệ tử. Một phương pháp đào tạo đạo sư đáp ứng cho mọi căn cơ sẽ không thành công trong Kim cương thừa.

Những người tốt nghiệp shedra thường được kỳ vọng sẽ giảng dạy ở phương Tây và đa phần biết đủ về Phật giáo và Kim cương thừa sẽ có ích cho người phương Tây. Nhưng ai có thể đánh giá người tốt nghiệp nào thực sự đủ điều kiện để trở thành một đạo sư Kim cương thừa, đạo sư gốc (tsawé lama), và ai không đủ điều kiện? Nếu một đạo sư không truyền cảm hứng cho đệ tử của họ, những đệ tử đó sẽ tìm ở nơi khác – giống như ngài Saraha vậy.

Sau khi đã nói những điều như vậy, một lần nữa tôi phải nêu lên rằng những biện pháp an toàn xuất sắc đã được xây dựng sẵn trong Kim cương thừa. Nhận ra những biện pháp an toàn này quan trọng thế nào, các đạo sư quá khứ kiên định đề nghị, thậm chí nhấn mạnh rằng chúng phải được thực hiện. Từ những gì tôi thấy trong những tăng đoàn Kim cương thừa ngày nay, phần lớn những biện pháp an toàn này bị bỏ qua. Chúng là gì? Đó là ‘lắng nghe và suy tư’ tuy cũ nhưng giá trị. Điều đó bao gồm những gì? Lắng nghe, đọc, xem xét, thảo luận chính thức, tranh luận và suy tư giáo lý của Đức Phật. Làm thế nào chúng ta ‘lắng nghe và suy tư’ một cách hiệu quả? Bằng cách suy nghĩ

sâu sa về từng lời dạy một mà chúng ta đã tiếp nhận và dành thời gian để xem xét nó từ mọi góc độ có thể.

Các Lạt-ma Cao cấp có phải là một sự Đặt cược An toàn?

Tôi đã gặp những người tin rằng nếu một vị lạt-ma có địa vị cao, ví dụ là người đứng đầu một dòng truyền thừa, thì tự thân điều đó sẽ bảo đảm phẩm hạnh tốt của lạt-ma. Từ quan điểm của họ, việc chọn một lạt-ma cao cấp là đạo sư Kim cương thừa gần như là sự đặt cược an toàn. Những đệ tử giao phó bản thân, cả thân, khẩu và ý của mình, cho một vị đạo sư vô danh, một người rèn mũi tên và bán thân kiếm sống, hoặc cho một vị đạo sư khác ‘hạng người không thể chấp nhận’, sẽ bị pháp lữ của họ bỏ rơi một khi đạo sư của họ cư xử đáng trách. “Thật đáng đời các bạn! Các bạn phải nhớ đừng bao giờ chọn một lạt-ma mà các bạn không biết gì về họ” và “Những vị thầy không có dòng truyền thừa rõ ràng chắc chắn là những người không thể kiểm soát và là mối nguy hiểm khôn lường và đáng sợ.”

Cảm giác được kết nối với một đạo sư của chúng ta không hẳn dựa trên những gì hoặc cách vị đó giảng dạy. Giả dụ các bạn nhảy tồm vào một đạo sư hoàn toàn ngẫu nhiên và, trước mặt bà ấy, ngay lập tức nhận ra, với niềm tin kiên cố sâu sắc nhất, rằng cõi đời này hoàn toàn vô nghĩa. Nếu các bạn có một kết nối duyên nghiệp với một đạo sư, bất kể các bạn gặp ở đâu, thì vị đó sẽ kích thích lòng mộ đạo của các bạn, phát khởi lòng từ bi của các bạn đối với chúng sanh hữu tình, phá hủy sự chấp ngã của các bạn, và truyền cảm hứng cho tri kiến thanh tịnh của các bạn. Suy cho cùng, ngài Milarepa không đi tìm ngài Marpa sau khi đọc một cuốn sách mỏng bóng loáng mà ngài nhật được trong một quán cà phê thời thượng. Lần đầu tiên

ngài chạm trán sư phụ của mình là khi ngài Marpa đang cày một đám ruộng, không phải một ngài Marpa đang ngồi trên pháp tòa vây quanh là đoàn tùy tùng sùng mộ. Trong phút giây đó, ngài Milarepa cảm thấy một điều ngài chưa từng cảm thấy trước đây. Nếu điều tương tự xảy ra với các bạn và các bạn tuyệt đối tin chắc vị thầy này là đạo sư của mình, thì các bạn hẳn chọn. Nhưng nên nhớ là không có chính sách bảo hiểm nào trên thế giới bảo đảm cho bước đầu tiên táo bạo, dũng cảm, nhưng có tiếng bập bênh như vậy.

Ít có hành giả nào của thời nay cương quyết như ngài Milarepa và thậm chí càng ít người có chung cảm giác mạo hiểm của ngài. Đã qua cái thời lao vào chỗ hiểm nguy. Điều đó có thể hiểu được. Chúng ta sống trong một thời kỳ của những biện pháp an toàn, kiểm tra và kiểm chế lẫn nhau, bốn phận chăm sóc và quyền lợi cá nhân, tất cả những cái đó nhằm bảo vệ chúng ta. Đôi khi, chúng ta có thể bị xúi giục chơi trò bạo lực, nhưng không bao giờ gây bất lợi cho sự an toàn của cá nhân chúng ta.

Như những cầu thủ bóng đá Mỹ, chúng ta luôn đề phòng nên đeo nhiều miếng đệm để bảo vệ mình không bị chấn thương nặng. Chúng ta hoàn toàn không giống người phụ nữ nằm mơ thấy mình mua một căn hộ áp mái ở New York và, biết rằng mình đang mơ, cô ấy không do dự đổi căn hộ lấy quả chuối. Chúng ta, mặt khác, ấn định giá trị mọi thứ chúng ta nhìn thấy rồi bám chấp vào nó, ngay cả trong giấc mơ của mình. Đây là cách thế giới với luật lệ chặt chẽ của chúng ta hoạt động. Nhưng suy cho cùng, mọi luật lệ và quy định sẽ bóp nghẹt và làm tiêu tan sự huyền diệu của Kim cương thừa.

Con người thời nay muốn biết cảm giác đứng trên đỉnh Núi Everest ra sao nhưng họ không muốn rời bỏ sự tiện nghi của chiếc ghế trường kỷ trong nhà mình. Ít người trải nghiệm cảm

giác thành công và sự tự tin đến từ sự phấn đấu để thực hiện một mục đích đòi hỏi nhiều nỗ lực. Không dễ để truyền đạt với những người nằm chờ sung rụng cái cảm giác tuyệt vời thế nào khi đạt được thành quả như vậy. Đây là một trong những thử thách của con đường.

Vì vậy, nếu sau khi tất cả những điều như thế đã được nói ra mà các bạn vẫn hăm hở muốn thực hành Kim cương thừa nhưng cảm thấy lo lắng khi bước vào một con đường có vẻ mạo hiểm đáng ngại, thì chớ lo. Kim cương thừa và Đại thừa đã có sẵn vô số biện pháp an toàn để giữ an toàn cho các bạn.

Đạo sư Mật thừa

Mật điển, ngay ở cấp độ cơ bản nhất, nói về tính liên tục. Chúng ta hãy lấy ví dụ của những gì trông như một cái tách bẩn. Cái tách có thể bẩn, nhưng vì nó được chùi rửa và khi nó đã sạch, thì cái tách luôn là cái tách; quá trình chùi rửa không làm nó suy suyển chút nào. Tương tự như vậy, trước khi các bạn giác ngộ, trong khi các bạn thực hành Pháp và sau khi các bạn đạt giác ngộ, một giọt bản tánh của các bạn cũng không thay đổi. Bản tánh hoàn hảo tinh khôi của các bạn vẫn là bản tánh đó từ đầu đến cuối. Tính liên tục này là điều xác định mật điển và nâng nó lên trên tất cả những con đường tâm linh khác.

Một cách khác để diễn tả nó, đó là Phật tánh của các bạn là bất hoại – ‘Nhu Lai tạng’¹⁶ là thuật ngữ Đại thừa dành cho phần tinh túy của tâm các bạn. Nhưng Phật tánh không phải cái gì đó, cũng không phải không có gì; nó là một nghịch lý – Nghịch lý của tánh không và tánh giác. Mật điển gọi nghịch lý này là ‘bản tánh kim cương’. Và bản tánh kim cương tồn tại trong mọi

chúng sanh hữu tình, từ con kiến nhỏ nhất đến một vị Bồ tát thập địa.

Một trong những lý do để một thân người được cho là cung cấp một cơ hội hiếm hoi và quý báu đến thế, chính là chúng ta có một cơ may để hiểu biết mật điển trong thân này tốt hơn nhiều so với trong thân con kiến. Loài kiến sẽ suy nghĩ về điều gì? Bữa ăn tiếp theo của chúng chẳng? Giữ hàng lối khi chúng đi thành đoàn chẳng? Ai biết? Nhưng ý nghĩ về bữa ăn tiếp theo hoặc nỗi ám ảnh giữ hàng lối của chúng là một ảo tưởng có thể loại bỏ sẽ không bao giờ nảy sinh trong đầu một con kiến. Vì vậy, loài kiến không có công cụ tinh thần cần thiết để khám phá bản tánh kim cương.

Người giúp các bạn khám phá bản tánh kim cương của mình là người chúng ta gọi là ‘đạo sư mật thừa’ hoặc ‘kim cương thượng sư’. Con đường giúp các bạn nhận ra tính liên tục của mật điển và dẫn dắt các bạn hướng về sự khám phá bản tánh kim cương của mình được gọi là bốn tôn Mật thừa hoặc bốn tôn Kim cương thừa, nghi thức mật thừa hoặc nghi thức Kim cương thừa, minh chú mật thừa hoặc minh chú Kim cương thừa...

Trong bối cảnh mật điển, ‘đệ tử Kim cương thừa’ hoặc ‘đệ tử mật thừa’ có nghĩa là gì? Một đệ tử mật thừa sẽ có sự tin tưởng hoàn toàn vào tính liên tục và bất hoại của bản tánh kim cương của họ. Nó giống như sự tin tưởng của một người rửa chén chuyên nghiệp có được khi anh ấy nhìn vào một đồng chén đĩa đồ sộ nhớp nháp nhất, hôi hám nhất, mốc meo nhất có thể tưởng tượng được và biết rằng, với sự tin chắc hoàn toàn, toàn bộ đồng này sẽ được rửa sạch. Ý nghĩ rằng sự dơ bẩn có khả năng không thể xóa bỏ được chưa bao giờ lướt qua đầu anh ấy. Bất kể đồng chén đĩa bẩn trông ghê tởm thế nào, người rửa chén biết rõ bản chất thật của chúng không mốc meo. Anh ấy thậm chí có thể hào hứng về viễn cảnh rửa sạch chúng và cảm

thấy hài lòng một khi làm xong nhiệm vụ của mình. Nhưng, dĩ nhiên, rửa chén chỉ là một câu chuyện nữa, và như mọi câu chuyện, nó được hư cấu. Người rửa chén không làm thay đổi bản chất vốn có của chén đĩa, nhưng anh ấy có thể tẩy sạch bẩn. Anh ấy không thể thêm thứ gì vào chén đĩa và cũng không thể lấy đi thứ gì ngoại trừ chất bẩn. Vì vậy, *driwa mepa gangwa mepao*: “không giảm cũng không tăng.”¹⁷

Nói khác đi, chức năng của một đạo sư mật thừa là giúp người đệ tử nhận ra rằng, dù ô nhiễm của họ có vẻ khó loại bỏ và nhiều đến đâu đi nữa, chúng chỉ tạm thời và có thể loại bỏ. Có niềm tin phổ biến rằng một đạo sư vẫn tiếp tục dìu dắt, hướng dẫn toàn bộ cho đệ tử của mình mãi mãi về sau. Trái với điều đó, mục đích duy nhất của cả đạo sư mật thừa lẫn con đường mật thừa là đạt đến mức ở đó cả đạo sư và đệ tử đều cởi bỏ sự phụ thuộc lẫn nhau (đồng phụ thuộc), cũng như sự phụ thuộc của họ vào ‘nghĩ quý’ và ‘hành giả’. Đạo sư sẽ không giống những kẻ cai trị độc tài liên tục tìm kiếm những cách thức mới để mở rộng phạm vi ảnh hưởng và kéo dài chế độ chuyên chế tập quyền của họ.

Hành giả mật thừa không bao giờ nguyện làm đệ tử của đạo sư mãi mãi. Mục đích của thực hành mật điển không liên quan gì đến việc trở thành người đệ tử vĩnh viễn. Nếu đúng như vậy, tôi có thể hiểu vì sao Stephen Batchelor lại từ bỏ Guru Yoga. Tôi chắc cũng không làm khác đi. Quả thật, lời cầu nguyện hành giả mật thừa khẩn là:

Đạo sư hoàn hảo nguyện con mãi mãi không rời xa ngài trong
mọi kiếp sống,

Bao nhiêu lợi ích từ ánh hào quang huy hoàng Giáo pháp
nguyện con hưởng trọn,

ĐỘC LÀ THUỐC

Bao nhiêu phẩm chất của năm con đường, mười địa Bồ tát
nguyện con thành tựu,

Kim cương Thượng sư nguyện con mau chóng thành tựu cấp
độ cao thượng của ngài.

Một sự hiểu lầm nữa là đạo sư mật thừa không phải thực hành Thanh văn thừa và Đại thừa. Nhưng, như chúng ta đã biết, ngược lại là đằng khác. Đạo sư mật thừa được đòi hỏi phải áp dụng mọi thực hành của Thanh văn thừa và Đại thừa *cùng với* thực hành Kim cương thừa. Cốt lõi của con đường Thanh văn thừa là bất hại, còn cốt lõi của Đại thừa là lợi tha vì từ bi. Nếu một đạo sư mật thừa lạm dụng một chúng sanh hữu tình về mặt tinh thần, cảm xúc, thể chất, hoặc tình dục, hoặc hãm hại bất kỳ ai dưới bất kỳ hình thức nào, thì ông ấy không chỉ phá giới Thanh văn thừa và Đại thừa, mà còn phá cả giới Kim cương thừa. Một đạo sư mật thừa hoặc Kim cương thừa chân chính được cho là phải thương yêu và chăm sóc mỗi đệ tử như thể họ là đứa con duy nhất của bà ấy.

Đàm tiếu về những Đạo sư Cư xử Sai trái

Ngày nay, cho dù một vị thầy tâm linh thiếu hiểu biết về sự hợp nhất của tánh không và sắc tướng (trí tuệ), chí ít ông ấy cũng phải đủ chín chắn để lường trước hành vi sai trái của bản thân sẽ gây tai họa thế nào nếu nó dẫn đến việc thiêu hủy hạt giống quan tâm về Giáo pháp của đệ tử mình – những hạt giống non yếu đến mức chỉ vừa mới nhú mầm. Khá nhiều bằng hữu của tôi trong nhiều năm qua đã thử thuyết phục bạn trai, bạn gái, anh trai và em gái của họ hướng tâm về Pháp. Nhưng vì những vụ tai tiếng gây xôn xao dư luận gần đây, không chỉ

những bạn trai, bạn gái này..., hoàn toàn mất hứng thú với mọi ý niệm về Pháp, mà họ còn lo rằng người yêu mình đã bị lôi kéo vào một giáo phái cực đoan nguy hiểm.

Ở Tây Tạng, nếu một đạo sư cư xử bất chính, lời đàm tiếu có thể lan xa nhất là 10 ngày đường cưỡi ngựa và chỉ một vài trăm người sẽ nghe nó. Ngày nay, chỉ một vài dòng trên tờ Thời Báo New York tiết lộ chút xíu lỗi lầm nhỏ cũng có thể ngay lập tức thiêu trụi hạt giống của hàng mười ngàn người quan tâm đến Phật pháp. Trong bối cảnh đó, lỗi nhẹ của vị Lạt-ma dù nhỏ đến đâu, nó có thể không được coi là một hoạt động trí tuệ cũng không phải một phương tiện xảo diệu. Nếu như các báo cáo về hành vi của một đạo sư Phật giáo vẽ nên một bức tranh Phật pháp quá đen tối đến mức không ai muốn đi theo con đường Phật giáo, hoặc đưa mọi người đến chỗ tin rằng tu tập Phật giáo là mạo hiểm và có thể đẩy họ vào chỗ nguy hiểm, thì hoạt động của vị đạo sư đó không phải một phương pháp trí tuệ cũng không phải một phương tiện xảo diệu.

Trí tuệ Điên

Thuật ngữ ‘trí tuệ điên’ là cách dịch của Rinpoche Chogyam Trungpa đối với thuật ngữ Tây Tạng *yeshe cholwa*¹⁸. Mặc dù cách hiểu của riêng tôi về ‘trí tuệ điên’ còn hạn hẹp, tôi cho rằng hợp lý khi nói rằng mục đích của trí tuệ điên là suy nghĩ phóng khoáng. Tuy nhiên, có ý kiến cho rằng nếu có một loại trí tuệ điên tức ám chỉ sẽ có một loại khác không điên chút nào. Đây không phải trường hợp như vậy. Không có gì là một dạng trí tuệ điên hoặc một dạng trí tuệ lành mạnh như thế cả. Điên chỉ là ‘điên’ từ quan điểm bình thường, thế gian. Không một từ nào của trí tuệ Phật giáo – từ ‘vô ngã’ và ‘vạn pháp đều vô

thường’, cho đến tri kiến thanh tịnh của Kim cương thừa – có thể xem là hơi bình thường, cũng không có từ nào xếp vào loại ‘tư tưởng thế gian’.

Một đạo sư có ‘trí tuệ điên’ chân chính sẽ có sự tự tin để bảo một đệ tử nhảy từ một tòa nhà mười tầng. Nhưng những đạo sư có trí tuệ điên giác ngộ rất hiếm trong thế giới này. Đa số chúng ta không có nghiệp xấu để gặp một đạo sư mất trí nặng – một đạo sư ‘điên rồ’ theo nghĩa cổ – cũng không có nghiệp tốt để gặp một Đại thành tựu giả. Nói cách khác, chúng ta có thể không có loại nghiệp xấu xui khiến chúng ta chọn một người điên làm thầy mình, nhưng chúng ta cũng không có nghiệp tốt để hạnh ngộ một Đại thành tựu giả, người có thể yêu cầu chúng ta nhảy từ một tòa nhà mười tầng.

Trí tuệ điên thỉnh thoảng được hiểu là không bao giờ quy lụy những kỳ vọng của xã hội, nhưng điều này không có nghĩa là có thể lợi dụng trí tuệ điên để phá vỡ trật tự xã hội, kích động lật đổ hay gây hỗn loạn. Trí tuệ điên phải *không bao giờ* bị lạm dụng như vậy. Cả đạo sư lẫn đệ tử phải luôn nhớ rằng đối với một hành giả Kim cương thừa, Đại thừa là phần lõi hoặc phần thân thực hành của họ và Thanh văn thừa là phần gốc. Nếu hành giả Kim cương thừa không thể giúp đỡ chúng sanh hữu tình, thì ít nhất phải không làm hại họ. Mọi hình thức phá vỡ quy tắc xã hội luôn có hại cho một bộ phận đáng kể của xã hội. Vì vậy, sẽ hoàn toàn mù quáng khi tưởng rằng hành giả Kim cương thừa, nhất là đạo sư mật thừa, được miễn tuân theo giáo lý Bát chánh đạo cao quý.

Những hành giả trí tuệ điên có quyền phớt lờ luật lệ chăng? Dĩ nhiên là không! Luật lệ do con người đặt ra tuy có sai lầm, ảo tưởng và vô nghĩa như mọi nỗ lực và nguyên tắc của con người, nhưng đồng thời, hoạt động vô nghĩa của con người cung cấp nền tảng cho mọi thực hành Pháp. Đời sống là nguyên

liệu mà chúng ta, những hành giả Pháp, được cho là phải xử lý chúng. Chúng ta chỉ gặp ác mộng vì chúng ta nằm mộng, và việc thường nghĩ rằng có thể thức tỉnh từ một cơn mộng chỉ xảy ra với chúng ta vì chỉ chúng ta gặp ác mộng. Coi thường pháp luật và quy ước xã hội là coi thường một sự thật tương đối – sự thật ‘thông thường’. Nếu không có sự thật thông thường, chúng ta làm sao có thể ngay cả bắt đầu nói đến sự thật tuyệt đối? Như tôi đã nêu trước đây, nghịch lý của sự thật tương đối và tuyệt đối không thể giải quyết được. Một đạo sư mật thừa, người đi từ Trái đất lên sao Hỏa để truyền pháp cho người sao Hỏa, vẫn phải chấp nhận và tuân thủ luật lệ của sao Hỏa. Thật điên rồ khi các đạo sư mật thừa cho rằng họ đứng trên luật lệ và có thể làm bất kỳ điều gì họ muốn – nhất là năng lực của phần lớn các đạo sư mật thừa ngày nay thua xa năng lực của các Đại thành tựu giả như ngài Virupa.

Một hôm, ngài Virupa đi vào một quán rượu nhà quê để uống. Ngay khi cạn chén, ngài liền gọi thêm rượu, rồi chén nữa, và chén nữa, trong suốt quãng thời gian đó ngài hứa hẹn với chủ quán sẽ trả tiền vào lúc mặt trời lặn. Ngài cứ uống hoài, uống mãi cho đến khi sạch sành sanh rượu của quán và cả làng. Vậy mà mặt trời vẫn không lặn, và thế là ngài Virupa không phải trả một xu nào cho đồ uống của mình. Tại sao mặt trời hôm đó không lặn? Vì ngài Virupa là một Đại thành tựu giả đầy quyền năng đến độ có thể giữ mặt trời ở lại trên bầu trời lâu bao nhiêu tùy ý.

Nếu, giống như ngài Virupa, một Đại thành tựu giả đã thật sự thoát khỏi sự câu thúc của những kỳ vọng thông thường và có khả năng giữ mặt trời đứng im trên bầu trời, thì sẽ không cần suy xét việc họ có đứng trên luật lệ hay không vì, hiển nhiên, họ đã ở trên và vượt qua tất cả những mối bận tâm nhị nguyên. Cho đến khi đạt được mức chứng ngộ đó, các hành giả

và đạo sư mật thừa phải tuân thủ sự thật thông thường – nhất là các đạo sư Kim cương thừa, những người chịu trách nhiệm trong việc truyền cảm hứng cho những người khác.

Trừ khi chúng ta có thể thi triển thần thông, như ngài Virupa, Đạo sư Liên Hoa Sanh hoặc Khandro Yeshe Tsogyal, bằng không tất cả chúng ta vẫn bị trói buộc bởi nhân và duyên, và vì thế, chúng ta không thể tránh khỏi việc tuân thủ luật lệ trên trái đất này. Trí tuệ điên không cho phép các đạo sư tự do làm bất cứ điều gì họ thích, cũng không hứa hẹn rằng nếu cả đạo sư và đệ tử là những người đồng thuận quan hệ tình dục, chuyện gì xảy ra giữa họ là việc của họ. Đạo sư và đệ tử được tự do lựa chọn cách ứng xử với nhau trong mối quan hệ của họ theo khuôn khổ của hệ thống luật pháp của quốc gia họ. Tuy nhiên, các thực hành tri kiến thanh tịnh và tùy thuận hay phục tùng đạo sư vượt rất xa tất cả điều đó.

Vào lúc một đệ tử mật thừa đã sẵn sàng để áp dụng các phương pháp của trí tuệ điên, thì ý nghĩ rằng anh ấy bị ép buộc hoặc bị lạm dụng theo cách nào đó thậm chí không xuất hiện trong đầu anh ấy. Nếu áp dụng mà người đệ tử đó không được chuẩn bị phù hợp, thì họ sẽ không sẵn sàng để lắng nghe và thực hành giáo lý Kim cương thừa. Đối với một đệ tử chưa sẵn sàng, lời yêu cầu lấy một tách trà của đạo sư để có khả năng nghe như sự thúc bách, bắt buộc, thậm chí đe dọa. “Tại sao ông ấy sai mình? Tại sao ông ấy là một người hay ăn hiếp và hách dịch như vậy?” Một đệ tử được chuẩn bị đúng cách sẽ phấn khởi và vui vẻ làm mọi việc đạo sư anh ấy sai bảo. Nếu đạo sư yêu cầu một đệ tử tặng ông ấy ngôi nhà của người đó, thì anh ấy sẽ giao cho ông chìa khóa nhà và tự cho mình là người may mắn nhất còn sống.

Nếu chỉ vì một người đệ tử chấp nhận, về mặt nguyên tắc, rằng đạo sư của anh ấy sẽ thực hành trí tuệ điên, thì đạo sư cũng

không tự động có được sự cho phép của người đệ tử đó để làm bất cứ điều gì ông ấy muốn. Trên thực tế, chỉ là gợi ý chẳng hạn một đạo sư có mong cầu và ham muốn, hoặc ông ấy có dụng tâm riêng thì đó là dấu hiệu cho thấy dù điều gì đang diễn ra đi nữa đều không liên quan gì với trí tuệ điên. Một đạo sư có trí tuệ điên chân chính phải vượt qua mọi hình thức nhị nguyên.

Ngày nay, thuật ngữ ‘trí tuệ điên’ thường được dùng trong bối cảnh các lạt-ma có quan hệ tình dục với đệ tử, hoặc mặc áo quần và đội tóc giả kỳ quặc, hoặc cư xử sai trái. Nhưng như tôi vừa nói, trí tuệ điên không phải là vi phạm quy tắc xã hội cũng không cố ý xúc phạm người khác vì bản thân nó. Ăn thịt giữa một nhóm người ăn chay với ý định khiêu khích hoặc xúc phạm cộng đồng không phải phương pháp trí tuệ điên; cũng không phải uống rượu ụyt-xki trong một thành phố bài rượu. ‘Xúc phạm’ là một cách hiểu khá mù mờ về phương pháp trí tuệ điên, trong khi thật ra nó chỉ dành để chống lại sở thích của các bạn. Nếu các bạn là một người tham ăn thịt, đạo sư trí tuệ điên có thể hướng dẫn các bạn trở thành một người ăn chay. Nếu các bạn chửi rủa quá nhiều, ông ấy có thể bắt các bạn thề không bao giờ chửi nữa. Trong một thế giới ám ảnh bởi tình dục, một ví dụ tuyệt vời của ‘trí tuệ điên’ là đạo sư của các bạn yêu cầu tất cả đệ tử của ông giữ giới độc thân tuyệt dục, và chính ông cũng giữ giới đó. Một ví dụ tốt nữa là đạo sư mật thừa hướng dẫn các bạn giữ giới của một tu sĩ Miến Điện và đi theo truyền thống đó (con đường Thanh văn thừa) trong mười hai năm. Là một tu sĩ Miến Điện, các bạn phải sống đời sống của một người tu khổ hạnh, thực hiện mọi pháp tu của Thanh văn thừa và không nghĩ đến việc hút thuốc xì-gà và uống rượu vang. Nhưng, mỗi giây phút của mười hai năm đó sẽ được tính là thực hành mật thừa chỉ vì các bạn tuân theo hướng dẫn trí tuệ điên của đạo sư các bạn.

Trí tuệ điên đập tan mọi khái niệm của chúng ta, nhưng hiện nay không thể thực hành được. Vì sao? Vì quá nhiều phương pháp trí tuệ điên sẽ làm hành giả có vẻ điên khùng. Ví dụ, có những thực hành dakini hướng dẫn các bạn lay sinh vật giống cái đầu tiên mà các bạn gặp sau khi rời khỏi phòng mình. Điều gì xảy ra nếu đó là một con chó cái? Hoặc một con bò cái? Hoặc một con công mái? Trong hoàn cảnh này, nếu người hàng xóm sống bên cạnh thấy các bạn lay một con chó, hoặc một con bò, hoặc một con chim thì các bạn có thể dễ dàng thấy mình bị nhốt trong một cơ sở tâm thần có bảo vệ canh gác.

Nhiều Phật tử cho rằng thiền định, tụng niệm và cầu nguyện sẽ luôn là một phần trong cuộc sống của họ. Điều này không bao giờ như vậy. Ví dụ, ngài Shakya Shri đã ném chuỗi hạt của ông vào bức tượng Guru Rinpoche nổi tiếng linh thiêng ở Yarlung Shedra, thề không bao giờ tụng thần chú hay cầu nguyện nữa trong đoạn đời còn lại của mình. “Tất cả những gì tôi đã làm trong đời này là trì tụng những thần chú. Từ hôm nay trở đi, tôi sẽ thôi khấn vái, thiền định và tụng niệm thần chú.” Chúng đệ tử của ông, những người chứng kiến toàn bộ sự việc, ngầm hiểu lời thề của ông là giáo lý vĩ đại nhất trong toàn bộ những giáo lý đập-tan-khái-niệm của ông. Và đây là một ví dụ hoàn hảo về trí tuệ điên.

⑮

Đệ Tử

KHI CÁC BẠN ĐANG đọc cuốn sách này, tôi phải thừa nhận các bạn là con người, và những điều kiện (duyên) nào ảnh hưởng nhân loại cũng ảnh hưởng các bạn. Không ai trong chúng ta thích bị phốt lò hoặc hiểu lầm và đa số chúng ta không thích người nào phốt lò hoặc hiểu lầm chúng ta. Tuy nhiên, những người như vậy vẫn ảnh hưởng chúng ta. Chúng ta thích được chú ý và chúng ta thích những người đi cùng với những người đó chú ý đến điều chúng ta nói. Khi, với sự ngạc nhiên của chúng ta, một người chúng ta mới gặp liền thích chúng ta và chúng ta cũng thường sẵn lòng thích lại họ, nhưng thỉnh thoảng chúng ta nghi ngờ người khác ngay từ khi mới gặp mà không hiểu vì sao. Nó thường xuyên xảy ra như vậy.

Một số bạn đang đọc cuốn sách này vì các bạn đang cố gắng quyết định có nên thỉnh cầu một vị thầy trở thành đạo sư Kim cương thừa của mình hay không. Tôi cho rằng điều này có nghĩa là, trước khi thực hiện một bước tiến lớn như thế, các bạn đang cố gắng chuẩn bị cho mình bằng cách đọc một hoặc hai cuốn sách Giáo pháp. Và tôi hy vọng nó có nghĩa rằng, ít nhất về mặt lý trí, các bạn đang cố tìm hiểu khái niệm bất nhị; rằng các bạn đang bắt đầu nhận ra mọi thứ mình nhìn thấy, lắng nghe..., đang bị gạt lọc qua cách cảm nhận độc nhất của riêng mình; và rằng các bạn thừa nhận không gì quan trọng hơn tâm các bạn. Tôi cũng sẽ giả sử rằng các bạn đã tiếp thu một nền giáo dục hiện đại nên sẽ có thiên hướng lý trí và hãnh diện về nó.

Thông thường, những đệ tử Pháp tương lai lần đầu nhìn thấy đạo sư của họ tại một sự kiện công cộng – có lẽ trong một hội

trường lớn được trang trí công phu với những tấm tranh treo tường Tây Tạng và khói hương nghi ngút như mây. Đạo sư thường ngồi trên một pháp tòa cao phủ gấm thêu kim tuyến sắc sỡ, nặng nề, vây quanh bởi chư tăng và cư sĩ, tất cả nhìn chăm chú vào ông hay bà ấy một cách thành kính. Nhưng đây không phải cách duy nhất mọi người gặp gỡ đạo sư. Các bạn có thể gặp đạo sư của mình hầu như bất kỳ nơi nào. Các bạn có thể tình cờ gặp đúng vị đó ở một cửa hàng tiện lợi 7-Eleven nổi tiếng hoặc ở một buổi tiệc hoặc một cuộc triển lãm. Dù cách nào đi nữa, nếu có một kết nối duyên nghiệp với một đạo sư, thì ngay khoảnh khắc nhìn thấy bà ấy, các bạn sẽ có một cảm xúc mạnh mẽ không thể tả. Các bạn có thể biến cảm xúc đó thành mong muốn nói chuyện với bà ấy để tìm hiểu bà ấy thực sự như thế nào, hoặc các bạn có thể quyết định ngay tức khắc, với sự tin tưởng tuyệt đối, rằng bà ấy là đạo sư mật thừa của mình. Dù chuyện gì xảy ra, hãy nhớ là không có bất kỳ mật điển nào dạy các bạn phải cố níu chặt vị đạo sư mật thừa đầu tiên các bạn tình cờ gặp và thỉnh cầu để được ban các giáo lý cao cấp nhất, bao gồm những giáo lý đòi hỏi các bạn buông bỏ mọi thói quen và chỗ dựa tinh thần thường lệ của mình.

Nếu các bạn là người hoàn toàn mới đến với Pháp, thì hãy lắng nghe những giáo lý phổ thông ít nhất trong một năm trước khi nghĩ đến việc nghiên cứu Kim cương thừa. Việc này không có nghĩa chỉ thực hiện kiểu tọa thiền nhằm thư giãn các bạn, để có thể vui bớt căng thẳng và vượt qua chán nản. Thiền định là một kỹ thuật thư giãn cực kỳ hiệu quả và có giá trị của nó. Nhưng nếu mục đích các bạn là trở thành một hành giả Kim cương thừa, các bạn cần chuẩn bị cho mình bằng cách lắng nghe giáo lý Phật pháp – nó vượt qua thiền định thư giãn.

Bao nhiêu lần chúng ta được khuyên rằng đối với một đệ tử thì phân tích một đạo sư là việc cực kỳ quan trọng và ngược

lại? Và bao nhiêu người chúng ta thật sự làm điều đó? Hoặc thậm chí biết cách làm nó? Một trong những lý do chúng ta được khuyên dành rất nhiều nỗ lực vào việc chuẩn bị bản thân cho hành trình đi trên con đường Kim cương thừa là để chúng ta có đủ thời gian học cách phân tích một đạo sư.

Mục đích Tâm linh của Các bạn là gì?

Để bắt đầu, hãy làm mục đích của các bạn trở nên thực tế. Phải chăng các bạn thật sự cần một đạo sư? Nếu lý do chính của các bạn trong việc học cách thiền định là để giúp mình vui bớt căng thẳng, sao không tái xuống một ứng dụng chánh niệm? Hãy tự hỏi mình: “Tôi muốn đạt được điều gì thông qua thực hành tâm linh?” Để sống mạnh khỏe, lành mạnh chẳng? Để yêu thương hàng xóm các bạn, giúp đỡ nhân loại và cứu vớt môi trường sống chẳng? Với tư cách một người được gọi là cư sĩ Phật giáo, ông Stephen Batchelor viết rằng: “Thay vì đạt đến niết bàn cứu cánh, tôi hiểu mục đích của thực hành Phật giáo là phát triển đời sống con người trong từng khoảnh khắc nối tiếp nhau theo khuôn khổ giáo lý Bát chánh đạo ngay trên mặt đất này.”¹⁹ Điều đó có lỗi cuốn các bạn không? Nếu mục đích các bạn là sống một cuộc đời lành mạnh, thì xin hãy cân nhắc về sự lựa chọn một ứng dụng thiền định; nó có thể đúng là những gì các bạn đang cần. Các bạn cũng có thể bổ sung thêm là tập thể dục thường xuyên, một chế độ ăn kiêng có lợi cho sức khỏe, và làm vườn nhẹ nhàng phù hợp với chế độ rèn luyện của mình.

Các bạn Mong Vượt qua chướng?

Các bạn đã từng thử chất gây ảo giác LSD chưa? Nếu rồi, điều gì khiến các bạn làm vậy? Có phải vì các bạn muốn quên lãng thời gian, không gian, nguyên tắc xã hội, quá khứ và tương lai chẳng? Hay nó chỉ là một thú vui dịp cuối tuần? Nếu các bạn không phải kẻ nghiện cảm giác mạnh, thì các bạn cũng có thể bị lôi cuốn bởi chất LSD vì các bạn thích ý tưởng vượt qua thời gian, không gian, sự kỳ vọng của xã hội, sự phê phán về đạo đức và sự tù túng của đạo lý. Phương pháp hóa học để ‘vượt qua’ chỉ kéo dài vài giờ, và nó không những đắt đỏ mà còn nguy hiểm và bất hợp pháp. Có phải các bạn thích ‘vượt qua’ mãi mãi, không bao giờ quay lại với cái gọi là trạng thái bình thường hoặc những ràng buộc của nhận thức, khái niệm và phân biệt bình thường chẳng? Có phải các bạn thích truyền cảm hứng cho người khác mà không gây sự chú ý chẳng? Có phải các bạn muốn giúp đỡ mọi người thoát khỏi xiềng xích khái niệm của họ, đồng thời vẫn hòa nhập với cộng đồng của mình và giao tiếp tốt với con cái, những người hàng xóm câu nệ bảo thủ đạo đức, những đồng nghiệp tư tưởng phóng khoáng, tự do, lái xe limousine, và những người ủng hộ chủ nghĩa xã hội già cả giàu có nhưng chi phối hội đồng địa phương của các bạn chẳng? Nếu đúng như vậy thì Phật pháp nói chung và Kim cương thừa nói riêng, có thể chính là điều các bạn đang tìm kiếm.

Đạo sư Riêng, Huấn luyện viên Riêng của Các bạn

Hãy suy nghĩ kỹ về điều các bạn muốn làm. Các bạn muốn kiên trì thể nào? Các bạn muốn đi trên con đường tâm linh

đến đâu? Các bạn muốn chinh phục một ngọn núi tâm linh cao bao nhiêu?

Nếu các bạn quyết định sẽ kiên trì đi bộ qua những quả đồi và leo lên những ngọn núi dễ leo, thì người hướng đạo mà các bạn thuê có thể nhỏ nhắn, dễ thương và đáng tin cậy. Nhưng nếu tham vọng mãnh liệt của các bạn là chinh phục Đỉnh Everest, thì người hướng đạo của các bạn phải có những kỹ năng và tố chất khá đặc biệt. Vì thế, hãy suy nghĩ cẩn thận trước khi các bạn chọn người hướng đạo cho mình. Có phải các bạn chỉ là người hiếu kỳ về tâm linh? Phải chăng các bạn đang tìm kiếm một người đồng hành khác lạ và vui tính? Điều gì các bạn thật sự cần? Có phải các bạn muốn khiêu vũ trong bữa tiệc sinh nhật của bạn trẻ hoặc muốn trở thành một nữ diễn viên múa ba-lê chính? Các bạn phải chăng muốn cưới một con lừa hoặc lái một chiếc Ferrari? Phải chăng các bạn muốn tìm hiểu mật điển, nhưng chưa sẵn sàng thay đổi lối sống của mình? Nếu một trong những sự lựa chọn này đúng với các bạn, sao lại không chọn một trong những con đường ít đòi hỏi khắt khe hơn, như Ngondro, chuyên phục vụ các thực hành Kim cương thừa và tăng thêm mùi vị bởi rất nhiều nước sốt Đại thừa và gia vị Thanh văn thừa?

Nếu các bạn đã gặp và cảm thấy bị thu hút không cưỡng được bởi một đạo sư mô phạm không thể ngờ, bất kể các bạn bị chọc cười bao nhiêu bởi sự hóm hỉnh thông minh và cá tính mạnh mẽ của ông ấy, thì các bạn vẫn phải thực hiện việc kiểm tra lai lịch đạo sư thật cẩn thận. Các bạn có cảm thấy rằng ông ấy thật lòng quan tâm đến mình không? Ông ấy có thấu hiểu các bạn không?

Tất cả lời khuyên trong sách này dựa trên giả định là đạo sư Kim cương thừa mà các bạn đang kiểm tra không phải một Đại thành tựu giả mà là một con người còn luân hồi. Nhưng

đừng quên rằng, dù đạo sư của các bạn là một con người chưa giải thoát, một khi trở thành đệ tử của bà ấy, thì nhiệm vụ của các bạn là xem bà ấy như một vị Phật. Một đạo sư tốt sẽ biết rằng bà ấy không vượt qua nghiệp và quả của nó. Bà ấy cũng biết rằng mọi thứ mà đệ tử hy sinh vì bà ấy được tính là món nợ nghiệp, cả sự cố gắng họ bỏ ra để đứng lên khi bà ấy bước vào căn phòng. Và bà ấy sẽ biết rõ rằng trách nhiệm chính của bà ấy với tư cách một đạo sư mật thừa là dẫn dắt đệ tử hướng đến Phật tánh bẩm sinh của họ và sau đó trực tiếp chỉ cho họ thấy nó.

Đạo sư Phải Được Trang sức bằng Phương tiện Xảo diệu và Trí tuệ

Sau khi nghe những chuyện tai tiếng về đạo sư mật thừa, những đệ tử Kim cương thừa mới thường lo lắng họ phải làm sao để tìm được một vị đạo sư đáng tin cậy. Dựa vào những phẩm chất nào để phân biệt một đạo sư chân chính với một kẻ giả danh? Như thế những lời dạy như vậy chưa từng tồn tại! Đại thừa và nhất là các mật điển Kim cương thừa chứa đầy thông tin về những phẩm chất mà một vị đạo sư mật thừa chân chính cần phải có và đây là những lời dạy mà những đệ tử mới phải hết sức chú ý.

Những phẩm chất dễ dàng nhận thấy nhất mà một đạo sư chân chính phải có là kiến thức, giới luật và lòng từ bi. Bà ấy phải hiểu biết toàn bộ giáo lý nhà Phật, nhất là tánh không, và thông thạo tri kiến và thực hành của Phật giáo nói chung và Kim cương thừa nói riêng. Khá dễ để đánh giá kiến thức của một vị đạo sư bằng cách đơn giản là lắng nghe bà ấy thuyết pháp. Một phẩm chất hơi quan trọng hơn là vị đạo sư phải có

giới luật, nhưng nó khó đánh giá hơn. Hãy cố gắng quan sát đạo sư một thời gian và tự hỏi, bà ấy có hành động như đã nói không? Bà ấy có đưa mọi điều bà ấy dạy vào thực hành không? Phẩm chất thứ ba và quan trọng nhất là lòng từ bi, nhưng nó cũng khó đánh giá nhất. Vị đạo sư này có tốt bụng không?

Tránh những Kỳ vọng Hảo huyền

Các bản văn mật điển cảnh báo chúng ta rằng, theo thời gian trôi đi, sẽ ngày càng khó để các đệ tử tìm được một vị đạo sư mật thừa hoàn hảo. Ngày nay, một số người Mỹ bị ám ảnh bởi đạo đức, luân lý dường như mong mỏi mọi nhân vật công chúng của họ phải thật trong sạch. Áp đặt những kỳ vọng tương tự như vậy vào một vị đạo sư mật thừa là hảo huyền phi thực tế. Nếu các bạn đặt ra chuẩn mực hành vi đạo đức hoặc luân lý quá cao, thì phần lớn các vị lạt-ma mà các bạn gặp nhất định đã làm một việc khiến bạn co rúm người. Có lẽ một đạo sư đã lấy trộm kẹo khi ông mới sáu tuổi, điều đó đối với một đệ tử coi trọng sự trung thực trên hết, có thể bị sốc khá nặng. Nếu các bạn nghiêm túc về việc đi theo con đường mật thừa và tình cờ gặp một đạo sư là hiện thân của ít nhất một hoặc hai trong nhiều phẩm chất đã được đề cập trong các bản văn mật điển, thì tôi đề nghị các bạn hãy chấp nhận thực tế dù không hoàn hảo và hãy chọn vị đó làm đạo sư mật thừa của mình. Và ngày nay, việc một vị đạo sư gặp được dù chỉ một đệ tử có những phẩm chất xuất chúng là cực kỳ hiếm có, nên các đạo sư cũng phải chấp nhận thực trạng đệ tử của mình. Vì thế, lời khuyên của tôi đối với cả đạo sư lẫn đệ tử là, hãy biết chấp nhận những điểm còn hạn chế của nhau.

Thực hành của một đệ tử mật thừa phải luôn bao gồm việc thấy đạo sư của mình là hiện thân của sự toàn tri, toàn năng của toàn thể chư Phật. Như tôi đã nói trước đây, các bạn chỉ thật sự thấy thầy mình là một vị Phật một khi đã chứng đắc Bồ tát địa thứ nhất. Vì thế, hãy đừng quá khắt khe với bản thân nếu các bạn đã nỗ lực hết sức nhưng vẫn không thể nào nhận thức ông ấy là một vị Phật lúc nhận lãnh giáo lý Kim cương thừa đầu tiên của các bạn. Việc đạt được tri kiến thanh tịnh sẽ mất nhiều năm, thậm chí hàng chục năm, đó là lý do tại sao một đạo sư phải không bao giờ kỳ vọng đệ tử thấy ông ấy là một vị Phật ngay từ đầu. Một đạo sư mong đợi sự hoàn hảo ngay lập tức có thể không phải là một vị đủ tiêu chuẩn làm thầy. Tôi phải bổ sung thêm, trong thời đại này, sẽ cực kỳ thiếu khôn ngoan nếu một đạo sư đánh đệ tử bằng cây gậy lưng, và ngốc nghếch hết sức khi bắt chước ngài Tilopa bằng cách bảo một người đệ tử nhảy từ nóc của một cao ốc hay từ vách đá cao. Nếu các bạn hỏi đạo sư của mình về những con số trúng giải xổ số tuần đó và chúng không xuất hiện, thì các bạn không nên vì thế mà ít coi trọng ông ấy hơn trước.

Trí tuệ và Phương tiện Xảo diệu

Trí tuệ và phương tiện xảo diệu chỉ có thể vận dụng đến mức hoàn hảo nếu sắc-không hợp nhất và sự thật tương đối-sự thật tuyệt đối hợp nhất. Thật ra, điều này có nghĩa là một đạo sư chân chính sẽ tiếp tục nói dối về tầm quan trọng của việc đệ tử ngồi với một lưng thẳng khi họ thiền định, dù bà ấy biết chắc chắn rằng không có cái gì là ‘ngã’ như vậy cả. Tại sao? Vì kể chuyện sẽ giúp ích. Một chuyên gia tâm thần giỏi có thể nói với một người phụ nữ đang hoang tưởng bà ấy có cặp

sừng mọc trên đầu, “Không việc gì phải lo! Chỉ cần khoét hai lỗ trên mũ bà là có chỗ cho cặp sừng.” Chuyên gia biết rằng cặp sừng không tồn tại (trí tuệ), và sự hiểu biết này cho ông sự tự tin để đưa ra giải pháp khoét lỗ (phương tiện xảo diệu). Áp dụng tương tự cho câu chuyện của đạo sư về việc thiền định với lưng thẳng. Vị đạo sư biết rằng ý thức về ‘ngã’ của đệ tử là một ảo tưởng và không tồn tại (trí tuệ), và trí tuệ này cho ông ấy sự tự tin để dặn đệ tử giữ lưng thẳng khi cô ấy thiền định (phương tiện xảo diệu).

Toàn bộ mục đích của chuyên gia tâm thần khi giả vờ đồng ý với ảo tưởng của bệnh nhân là để ông tìm ra cách thức tỉnh bà ấy khỏi ảo tưởng mãi mãi. Điều tương tự cũng áp dụng với câu chuyện đạo sư ở trên. Chúng ta chỉ có thể xử trí ảo tưởng – vốn rối rắm đến mức không thể làm sáng tỏ được – bằng cách dùng cả trí tuệ lẫn phương tiện xảo diệu. Càng xảo diệu bao nhiêu, các bạn càng sáng suốt bấy nhiêu; càng sáng suốt bao nhiêu, các bạn càng xảo diệu bấy nhiêu; trí tuệ của các bạn càng lớn bao nhiêu, phương tiện của các bạn càng xảo diệu bấy nhiêu. Ảo tưởng là một nghịch lý. Ảo tưởng không tồn tại nhưng chúng làm chúng ta đau khổ, mà có một cách nói khác là ‘nó tồn tại (đau khổ), và cũng không tồn tại (ảo tưởng)’. Vì vậy, cách duy nhất để xử trí ảo tưởng là dùng cả trí tuệ lẫn phương tiện xảo diệu; trí tuệ cho chúng ta sự tự tin để áp dụng phương pháp xảo diệu.

Càng hiểu rõ cách sống trong thế giới của nghịch lý nhiều bao nhiêu, thì khả năng xảo diệu và sáng suốt của chúng ta càng nhiều bấy nhiêu. Nếu biết cách sống với nghịch lý, thì các bạn sẽ có khả năng sử dụng những phương pháp xảo diệu và trí tuệ. Phương pháp xảo diệu đánh một đệ tử bằng cây gậy lưng có thể chính là thứ người đó cần để chứng ngộ trạng thái tỉnh thức – giác ngộ; trong khi phương pháp xảo diệu ca ngợi

những thành tựu của một đệ tử có thể trì hoãn sự tiến bộ tâm linh của họ nhiều đại kiếp. Ngay cả về ngoài và lối sống của một đạo sư cũng phải thể hiện trí tuệ và phương tiện xảo diệu. Một cư sĩ làm việc cả ngày để kiếm tiền thanh toán mọi chi phí sinh hoạt trong lúc vẫn hộ trì Pháp vì tự lợi và lợi tha, có thể thấy lối sống của anh ấy sẽ truyền cảm hứng đáng kinh ngạc. Nhưng ngược lại một người xuất gia ích kỷ, tự phụ và đầu óc hẹp hòi sống một mình trong ẩn thất và trải qua một cuộc sống quá khổ hạnh, có thể thấy lối sống của cô ấy sẽ làm thối chí cực độ.

Điều gì mới xứng gọi là Phương pháp Xảo diệu?

Những con đường và kỹ thuật giúp phát triển trí tuệ được gọi là ‘phương tiện xảo diệu’ hoặc ‘phương pháp xảo diệu’. Những con đường này đã được tinh luyện bởi trí tuệ là Bát-nhã-ba-la-mật – nói cách khác là bố thí, trì giới, nhẫn nhục... Một phương pháp xảo diệu không bao giờ phản tác dụng, đó là cúng dường hoa cho một chánh điện linh thiêng. Đúng ra việc cúng dường được thúc đẩy bởi mong muốn có một kết quả tốt, hoặc để kiếm một việc làm tốt, hoặc vì bất kỳ mục đích vị kỷ hoặc vật chất nào khác không phải một ‘phương pháp thiện xảo’. Tuy nhiên, nhiều đạo sư đã dạy chúng ta rằng khi cúng dường Đức Phật, ân phước của ngài cuối cùng sẽ dẫn dắt người cúng dường đến với một con đường Pháp – đến với sự thật. Một sự cúng dường cũng được tính là một phương pháp xảo diệu nếu một tân hành giả Phật giáo không biết gì về tánh không, hồi hướng công đức cúng dường của họ để tăng trưởng sự hiểu biết tánh không của bản thân họ. Một hành giả giàu kinh nghiệm nghĩ: “Bông hoa cúng dường chỉ là sự phóng chiếu của mình. Hành động cúng dường

cũng là sự phóng chiếu của mình, đối tượng mình cúng dường cũng vậy – chánh điện”. Ý nghĩ này đưa vào sự cúng dường một lượng lớn trí tuệ, làm nó trở thành một phương pháp xảo diệu rất cao. Đây là cách hoạt động của những phương pháp xảo diệu. Và chúng ta sử dụng những phương pháp xảo diệu này để nâng cao sự hiểu biết và chứng ngộ trí tuệ của chúng ta – Trí tuệ của Bát-nhã-ba-la-mật.

Sự vận dụng những phương pháp xảo diệu đòi hỏi một lối tiếp cận tinh tế, đó là lý do vì sao kinh điển Đại thừa cung cấp cho chư vị Bồ tát (những vị đạo sư chính) những nguyên tắc rõ ràng về cách chúng nên được vận dụng thế nào. Những nguyên tắc này bao gồm thông tin về những phương pháp bố thí khác nhau, lời khuyên khi nào nên nói lời an ủi thay vì la rầy, và những đề xuất về cách hành động phù hợp với giáo lý Phật,... – với điều kiện duy nhất là mọi phương pháp được sử dụng phải được truyền dạy từ đầu bởi Đức Phật. Vì vậy, như phạm tội sát sanh là đi ngược lại lời dạy của Phật, các bạn tưởng lầm rằng phạm tội tự tử có thể là một cách khéo léo để thuyết phục một kẻ sát nhân ngừng giết người.

Không may, một số phương pháp thiện xảo mà đạo sư sử dụng – từ lối nhẹ nhàng, hiền hòa, khen thưởng đến lối nặng nề, phẫn nộ và quở trách (gọi là phương pháp trí tuệ điên) – đôi lúc là sản phẩm của sự vị kỷ của một đạo sư. Làm sao các bạn có thể khẳng định một đạo sư đang hành động ích kỷ hay không? Hãy quan sát đạo sư khi một đệ tử cãi lại, là thô lỗ hay giả vờ điên. Đạo sư sẽ phản ứng thế nào? Ông ấy có thể làm nó không? Ông ấy có thể đối phó với tình huống đó không? Một đạo sư chân chính sẽ không bao giờ mất niềm tin vào bất kỳ đệ tử nào của ông hoặc bà ấy, bất kể chuyện gì xảy ra.

Hãy luôn nhớ là hai phương pháp xảo diệu quan trọng nhất trong kho kỹ xảo của một Kim cương thượng sư là: chỉ dạy Kim

cương thừa cho những người đã sẵn sàng cho việc đó; và bảo mật hoàn toàn mọi khía cạnh của Kim cương thừa.

Khám phá dòng Truyền thừa của Đạo sư

Như tôi đã nói, đừng bao giờ loại trừ khả năng xuất hiện thành linh của một vị đạo sư hoàn hảo, ngay lập tức đập vỡ lớp vỏ ảo tưởng của các bạn và phơi bày Phật tánh của các bạn mà không hề báo trước. Nhưng đây là ngoại lệ không phải luật lệ. Tôi không thể nào nhấn mạnh đủ tầm quan trọng của việc đánh giá và xác thực một đạo sư trước khi nhận ông hay bà ấy làm đạo sư của các bạn.

Đối với những chúng sanh vọng tưởng như các bạn và tôi, một trong những công cụ hữu ích nhất của Kim cương thừa là ‘dòng truyền thừa’. Xin hãy chọn dòng truyền thừa một cách nghiêm túc. Gần đây, tôi để ý thấy rằng một số thế hệ lạt-ma trẻ hơn ban những giáo lý mà bản thân họ cũng chưa được thọ nhận. Những lạt-ma trẻ này không hề chăm chỉ, chưa bao giờ học tập, và cũng không nhận lãnh mọi trách nhiệm bảo tồn Phật pháp. Tuy nhiên, họ quả quyết rằng họ không cần nhận giáo lý trong đời này vì họ đã nhận chúng trong một đời trước. Thật nhảm nhí vô cùng! Đừng bao giờ tin một lạt-ma nói như thế.

Hãy luôn khám phá dòng truyền thừa của một đạo sư trước khi các bạn nhận giáo lý của ông ấy, hãy cho mình thời gian để quyết định các bạn muốn kết nối với những đạo sư trong dòng truyền thừa của ông ấy hay không. Các bạn sẽ phản ứng thế nào nếu, trong thời gian mười năm, các bạn khám phá ra một trong những đạo sư của dòng truyền thừa các bạn là một kẻ ấu dâm hoặc một kẻ sát nhân hoặc một kẻ lừa gạt? Phải chăng các bạn có thể tiếp tục quán tưởng một đạo sư như vậy là một vị

Phật? Không mấy ai trong chúng ta có thể nhìn thấy tất cả mọi người là một bổn tôn. Các bạn có thể thấy Donald Trump là một bổn tôn không?

Nếu một đạo sư có một vị thầy của riêng mình, nếu ông ấy rõ ràng sùng kính thầy mình và nếu ông ấy rất quý trọng giáo lý của thầy mình, thì dòng truyền thừa của họ hầu như hoàn toàn an toàn – nhất là nếu vị thầy của đạo sư đó vẫn còn sống. Vì thế, hãy cố chọn một đạo sư coi trọng và có lòng sùng kính tốt đỉnh với thầy của ông ấy. Đây là một trong những cách mà dòng truyền thừa của đạo sư có thể giúp đệ tử - nó là cách dòng truyền thừa phát huy tác dụng.

Như các bạn đã biết, đạo sư chân thật²⁰ là bản tánh của tâm bạn. Dù một cô gái nhìn vào hình phản chiếu của mình trong gương khi thoa son để làm mình đẹp hơn, nhưng vẻ đẹp thật sự của cô ấy nằm trên chính khuôn mặt mình. Tắm gương chỉ giúp cô ấy nhìn thấy khuôn mặt xinh đẹp của mình bằng cách phản chiếu nó. Nghịch lý ở đây là hình phản chiếu là cô gái, nhưng đồng thời, nó cũng không phải cô gái. Việc nhìn vào hình phản chiếu sẽ giúp cô ấy tô son môi. Nếu không sẽ không có công nghiệp mỹ phẩm. Đạo sư bên ngoài là hình phản chiếu của chính tâm bạn. Một số tắm gương gây méo mó hình phản chiếu, nên sẽ thật sự có ích nếu tắm gương mà các bạn thấy tâm mình phản chiếu trong đó là loại tốt. Trong trường hợp này, dòng truyền thừa của đạo sư là tắm gương. Một đạo sư không kể với đệ tử về vị thầy của bà ấy sẽ không thể tin rằng bản thân bà ấy xinh đẹp. Tôi biết mình là ai khi nhìn vào gương và, vì tôi có thể thấy hình phản chiếu khuôn mặt mình, tôi cũng có thể thấy nét đẹp của riêng mình và tô son để khiến mình thậm chí đẹp hơn. Một vị đạo sư mãi im lặng về đạo sư của mình sẽ không gieo tin tưởng cho người khác. Sự im lặng của ông ấy sẽ để lại trong lòng người đệ tử

một ấn tượng rằng ông ấy không tin vào nét đẹp của riêng mình và ông ấy thiếu sự tự tin.

Tôi không gợi ý các đệ tử nên khoe khoang về đạo sư của họ hoặc công khai nói về họ. Nhưng họ phải biết lai lịch đạo sư của mình, tức biết về sư phụ của thầy họ. Tốt nhất, các đệ tử phải nghe mọi thông tin này từ chính miệng đạo sư của mình. Các đệ tử thích nghe những câu chuyện về các đạo sư trong dòng truyền thừa, nhiều chuyện không chỉ truyền cảm hứng mà còn là nguồn an ủi và động viên.

Dòng truyền thừa sẽ giúp ích bằng rất nhiều cách. Các đệ tử sẽ được truyền cảm hứng khi họ biết rằng những giáo lý mà họ nhận từ đức Karmapa đã được trao cho ngài ấy bởi đức Tai Situ, một người mà đến lượt ngài ấy đã nhận những giáo lý đó từ ngài Jamgön Kongtrül Lodrö Taye, và mỗi thành viên của toàn bộ dòng truyền thừa đạo sư đã nhận giáo lý theo cách tương tự, tất cả đều bắt nguồn từ ngài Naropa, ngài Tilopa và ngài Vajradhara. Các đệ tử Đại Thủ Ấn đều thấp lên ngọn lửa đam mê đối với con đường họ đã chọn bằng cách đọc những câu chuyện về những người được dạy dỗ bởi những đạo sư Đại Thủ Ấn vĩ đại. Họ đọc ngấu ngiến hết mọi truyền thuyết và tiểu sử của các đạo sư trong dòng truyền thừa của mình mà họ có thể tìm được. Việc hiểu biết về dòng truyền thừa của mình khiến nhiều đệ tử tràn đầy kinh ngạc và tôn kính. Họ được khích lệ khi biết rằng, rất lâu trước khi họ gặp đạo sư của mình, các bậc đại đạo sư như ngài Milarepa, Tilopa và Naropa đã dành rất nhiều nỗ lực để bảo đảm rằng mọi dòng truyền thừa Phật giáo hiện nay sẽ liên tục phát triển và thịnh vượng vì những thế hệ tương lai.

Dòng truyền thừa chỉ ra rằng những thực hành mà chúng ta tu tập ngày nay không phải những nghi thức Shaman giáo [Đạo Mẫu của Việt Nam là một hình thức của nó] mà ngày xưa

một hoặc hai người hành nghề trong một ngôi làng nhỏ sâu trong rừng. Và khi một trong những đạo sư trong dòng truyền thừa của chúng ta bị buộc tội cư xử sai trái hoặc vì một lý do nào đó không làm chúng ta bằng lòng, thì chúng ta có thể dựa vào những vị đạo sư còn lại của dòng truyền thừa để giúp đỡ và tìm nguồn cảm hứng.

Một hoặc Hai Lời Khuyên

Tôi luôn dành rất nhiều sự ngưỡng mộ và kính trọng đối với các mật điển của Ấn Độ giáo, nhất là các mật điển Shiva. Tại Varanasi một năm nọ, một người bạn đã cho biết có một tu sĩ Ấn Độ giáo góa vợ, người được tin là một bậc thầy mật thừa vĩ đại. Nó là một cơ hội mà tôi không thể bỏ lỡ. Tôi lập tức thu hết can đảm và hỏi vị tu sĩ liệu ông có thể dạy tôi mật điển Shiva không. Giờ đây, tôi mới nhận ra lời thỉnh cầu của mình bất kính thế nào; sự ham hiểu biết không phải là một lý do đủ tốt để cầu thỉnh một bài học tâm linh, nhất là khi tôi không có ý định theo đuổi giáo lý Ấn Độ giáo này đến cùng. Song, bất chấp động cơ kém hoàn hảo của tôi, vị tu sĩ đã làm tôi ngạc nhiên bằng cách nói đồng ý. Rồi tôi đã làm như tôi luôn làm và hỏi khi nào tôi nên quay lại để thọ giáo bài học đầu tiên.

“Trong ba năm đầu tiên, ông phải hầu hạ tôi,” đó là tất cả những gì ông ấy nói. Và không đợi tôi trả lời, ông quay lưng bỏ đi.

Ban đầu, tôi buồn cười. Rồi tôi cảm thấy chán nản. Và nỗi chán đó kéo dài vài ngày. Tại sao mật điển của tôn giáo mình, mật điển Phật giáo, không còn được trân trọng như cách mật điển Ấn Độ giáo vẫn được gìn giữ?

Dầu không thể truyền đạt trọn vẹn con đường mật thừa thành lời, nhưng một ít khía cạnh chính của nó vẫn có thể giải thích được. Bằng cách phát triển sự tin tưởng về mặt lý trí vào con đường lạ thường này, người đệ tử mật thừa sẽ tập hợp khá nhiều thành tố cần thiết cho Phật quả. Nhưng chỉ hiểu biết lý trí thôi sẽ không đủ. Con đường mật thừa phải được trải nghiệm. Và để trải nghiệm con đường, bạn phải rèn luyện.

Đây là phần khó khăn. Một người leo núi có thể kể với bạn cảm giác đứng trên đỉnh Núi Everest như thế nào. Những người chinh phục trước đây đã phát hành một số lượng lớn bưu thiếp, phim ảnh và sách báo về cảm giác của họ thế nào khi đứng trên đỉnh núi đó. Nhưng bạn sẽ không bao giờ biết cảm giác thật sự của nó là gì cho đến khi đích thân bạn đứng trên đỉnh Núi Everest. Và để làm điều đó, bạn không những phải học cách leo núi mà còn phải đích thân leo lên đỉnh núi.

Thêm một lần nữa, tôi phải tự nhắc nhở mình. Lời khuyên tốt nhất mà tôi có thể trao cho các bạn, những người đang cân nhắc bước vào con đường Kim cương thừa là hãy dành cho bản thân nhiều thời gian để phân tích đạo sư tương lai *trước khi* chọn ông ấy, hay bà ấy, là đạo sư của mình. Hãy phân tích đạo sư, hãy thực hiện việc kiểm tra lai lịch thật chu đáo và xem thử phản ứng của ông ấy trong những tình huống khó xử, cho dù điều đó có nghĩa là chủ tâm chọc giận hoặc cãi lại ông ấy lúc riêng tư hoặc công khai. Các bạn cũng phải tự hỏi mình nghiêm túc thế nào về việc học cách tư duy đổi mới. Các bạn nghiêm túc ra sao về việc học cách nghĩ khác biệt? Chỉ những người trong các bạn đã thật sự quyết tâm học cách thay đổi nếp suy nghĩ của mình mới nên cân nhắc việc đặt chân vào con đường mật thừa.

Hiển nhiên, một khi bạn bè và người quen biết các bạn thực hành mật điển, có khả năng các bạn không những bị bêu xấu mà

còn trở thành trò cười bất tận. Một số người bạn sẽ đánh giá các bạn khá khắt khe, kết tội các bạn đã mù quáng đi theo một đạo sư dỏm. Số khác sẽ đổ lỗi cá nhân các bạn, vì đã gây ra mọi trò lừa đảo và dối trá tâm linh trên hành tinh này. Một sự hiểu biết rõ ràng về tri kiến Phật giáo sẽ trao cho các bạn không chỉ sự can đảm để chung sống với mọi lời nhận xét độc địa này, mà cả những phương pháp xảo diệu để vượt lên trên chúng mà không cần phải thủ thế khi bị phê phán hoặc làm ảm ỉ về quyền tự quyết của các bạn,...

Nếu có thể, hãy giữ thực hành tâm linh của các bạn trong vòng bí mật được bảo vệ cẩn thận. Dĩ nhiên, việc giữ bí mật tuyệt đối chỉ có trong tưởng tượng, nhưng đối với phần đông chúng ta thì việc giữ bí mật đã muộn rồi. Một sự hiểu biết thấu suốt về tri kiến sẽ cung cấp cho các bạn một nơi trú ẩn an toàn dễ tiếp cận. Giống như những mũi tên không thể xuyên qua tường thành dày bằng đá của một pháo đài bất khả xâm phạm, bất kể chúng được bắn từ hướng nào, cũng thế tri kiến sẽ giữ các bạn an toàn.

Một khi các bạn đã thiết lập một niềm tin không lay chuyển vào tri kiến, thì các bạn sẽ bắt đầu trải nghiệm những lợi ích của sự chứng ngộ đó. Nói cách khác, một khi các bạn được thuyết phục rằng mọi ô nhiễm ngoan cố, dường như không bao giờ chấm dứt có thể bị loại bỏ, và tin rằng *chân* tánh của các bạn là Phật và mọi giá trị nhị nguyên của cõi luân hồi chẳng khác gì một ảo ảnh hoặc một cuốn phim, thì các bạn sẽ không còn kén chọn pháp môn thực hành. Miễn pháp môn đó giúp sự chứng ngộ của các bạn trở nên hoàn thiện và đưa các bạn đến gần tri kiến đó hơn, thì các bạn sẽ thực hành bất cứ điều gì cần thiết. Nếu biết có một khối vàng rất lớn nằm giữa một đầm lầy đen sì, dơ bẩn, các bạn sẽ không ngần ngại lội trong bùn lú nhúc nhúa để tìm nó. Các bạn sẽ không bận tâm về

việc mình mảy lấm bẩn và đổ mồ hôi ra sao hoặc ngủ nghỉ ít thế nào; từ lúc hoàng hôn cho đến tận bình minh các bạn sẽ hân hoan làm việc để đạt được ước mơ. Tương tự như vậy, sau khi đã tìm ra vị đạo sư hoàn hảo của mình, người mà giờ đây các bạn xem là Phật, bất kể ông ấy yêu cầu các bạn làm gì, các bạn sẽ làm với niềm hân hoan. Những từ như ‘phục tùng’ (các bạn phải tuân theo dù thích hay không), ‘tri kiến thanh tịnh’ (tự lừa dối) và ‘sùng kính’ (tin mù quáng) sẽ mang một ý nghĩa hoàn toàn mới.

Phần lớn những người mới vào Kim cương thừa cảm thấy bối rối về những gì mà Kim cương thượng sư của họ có thể yêu cầu họ làm. “Điều gì sẽ xảy ra nếu tôi không thể làm được?” Hoàn toàn bình thường khi cảm thấy như thế. Nhưng không cần phải lo lắng. Không một bản văn mật thừa nào nói rằng các bạn không thể trình bày với đạo sư của mình về lý do vì sao các bạn cảm thấy không thể làm được như ông ấy đòi hỏi. Nếu đạo sư của các bạn cố ép các bạn làm một việc trái với ý muốn của các bạn và, bởi làm như vậy, có nguy cơ sẽ thiêu hủy hạt giống sùng kính của các bạn, thì ông ấy không đủ tiêu chuẩn làm một Kim cương thượng sư. Một đạo sư Kim cương thừa tốt sẽ thử thách mọi quan niệm sai lầm và thói quen của các bạn nhưng không bao giờ thúc ép các bạn quá đáng đến mức ông ấy biến lòng sùng kính của các bạn thành tro bụi. Nếu điều đó xảy ra, có nghĩa rằng không có kết nối duyên nghiệp giữa hai bên.

Một đạo sư Kim cương thừa đủ phẩm chất sẽ không bao giờ trông đợi một đệ tử nào nhận thức mọi thứ thanh tịnh 100% từ đầu – nếu điều đó có thể, thì các đệ tử đã không cần một đạo sư tâm linh. Vì vậy, nếu các bạn thấy thầy mình làm điều phi pháp, không thích hợp hoặc chướng tai gai mắt, hoặc nếu các bạn chứng kiến ông ấy cư xử sai trái dưới bất kỳ hình thức nào, các

bạn phải hỏi ông ấy điều đó. Nếu nói các bạn không nên hỏi thì không phải Kim cương thừa. Thực tế, tôi mạnh mẽ khuyến khích các bạn giải bày với thầy mình bất cứ điều gì làm bạn lo lắng. Nếu các bạn có thể, hãy cố gắng đến gặp ông ấy với mong muốn giải quyết vấn đề của mình – “Con muốn giải tỏa hiểu lầm này vì con mong nhìn thầy là một vị Phật. Con nên làm gì, thưa thầy?” Bằng cách hỏi thẳng đạo sư của các bạn về bất cứ vấn đề gì làm bạn buồn bực, được thúc đẩy bởi mong muốn nhìn nhận ông ấy một cách thanh tịnh và đạt được sự tiến bộ trên con đường đạo, thì các bạn sẽ có khả năng duy trì lòng tôn kính và sùng mộ đối với ông ấy. Hoặc bà ấy.

Điều gì xảy ra nếu đạo sư của các bạn từ chối gặp mặt riêng, hoặc nếu các bạn không tìm được cách có thể qua mặt đoàn tùy tùng,... Làm sao một đệ tử có thể làm sáng tỏ những hiểu lầm nếu họ không thể nói chuyện riêng với đạo sư của mình? Câu hỏi rất quan trọng này chỉ ra một thiếu sót lớn trong cách giảng dạy Kim cương thừa ngày nay. Trên thực tế, điều này được chất vấn quá thường xuyên là bằng chứng cho thấy mối quan hệ đạo-sư-đệ-tử Kim cương thừa chân chính hiếm khi bị giả mạo.

Trong lịch sử, những vị đạo sư mật thừa chỉ thu nhận một ít đệ tử. Những vị đạo sư này không phải người giàu có. Họ không trông nom các tu viện hoặc quản lý các quỹ tài trợ. Thực tế, họ chỉ nghỉ giải lao giữa các thời tu để đại tiện và tiểu tiện. Vào thời đó không bao giờ có chuyện các đệ tử không thể nói chuyện được với thầy họ vì ông ấy đang bận điện thoại với hai giáo sư đại học và năm dịch giả hoặc đang xem phim. Thời nay thì hoàn toàn ngược lại, một số đạo sư mật thừa có đến hàng chục ngàn đệ tử. Có thật những đạo sư này sẽ duy trì được mối quan hệ đạo-sư-đệ-tử mật thừa với từng đệ tử của họ không? Hơn nữa, nó phụ thuộc vào động cơ và trọng tâm

của họ. Một số đạo sư chỉ muốn ban phước càng nhiều càng tốt, và tạo cơ hội để mọi chúng sanh hữu tình kết duyên với con đường mật thừa. Nhưng chúng ta không phân tích loại đạo sư mật thừa đó trong cuốn sách này. Chúng ta đang xem xét loại đạo sư mà chúng ta phải trông cậy để phá vỡ chiếc vỏ bọc luân hồi của chúng ta và làm việc trực tiếp với bản tánh của tâm chúng ta. Nói cách khác, chúng ta đang xem xét loại đạo sư dẫn dắt và huấn luyện chúng ta từng bước một trên đạo lộ của mình.

Thời kỳ vàng son của ngài Tilopa và Naropa đã hoàn toàn qua rồi, điều này có nghĩa gần như chắc chắn không thể có khả năng các bạn là người đệ tử mật thừa duy nhất của Kim cương thượng sư của các bạn. Đạo sư mật thừa của các bạn có thể có hàng trăm, nếu không muốn nói hàng ngàn, đệ tử khác nữa, mỗi người đều có kiểu cách, tính tình, chứng rối loạn thần kinh chức năng và sự lập dị của riêng mình. Là con người, tất cả chúng ta đều có khả năng cao sống trong sự bất ổn, bấp bênh – chúng ta không có lựa chọn. Đa số đệ tử mong mỏi có vị đạo sư hoàn toàn phù hợp, riêng của mình, nhưng phải ganh đua với những đệ tử khác để được đạo sư chú ý. Đã như vậy, các bạn lại không ngừng khuyến khích bạn bè mình theo chân đạo sư của các bạn – đó là lý do không ai trong các bạn sẽ có vị đạo sư bí mật của riêng mình. Việc các bạn giao tiếp với đạo sư mật thừa của mình bên cạnh một tăng đoàn hàng ngàn người nghe có vẻ quá sức, nhưng nó cũng cho các bạn những cơ hội rất tuyệt vời để thực hành mật điển.

Những đệ tử của đức Phật Thích-ca Mâu-ni thuộc về một đại gia đình những hành giả tâm linh vô cùng rộng lớn; mối liên hệ giữa những hành giả mật thừa thậm chí còn mật thiết hơn. Từ quan điểm mật thừa, vì bản tánh kim cương – Phật tánh – kết nối với toàn thể chúng sanh hữu tình, nên chúng ta

được cho là hãy xem mỗi chúng sanh hữu tình trên hành tinh này là người thân của chúng ta, dù không gần gũi. Tất cả những ồn ào gần đây về các đạo sư kim cương có vẻ đã làm lu mờ hoàn toàn ý nghĩa của mỗi thân thích kim cương. Tất cả những ai nhận cùng một quán đánh trong cùng một mạn-đà-la từ cùng một vị đạo sư đều là anh chị em ruột kim cương và nên được xem như người cùng huyết thống. Mỗi quan hệ gần gũi nhất và thân thiết nhất của chúng ta là với những người mà chúng ta cùng họ nhận những quán đánh mật thừa cao cấp nhất, chẳng hạn những hướng dẫn trực chỉ.

Mặc dù những hành giả mật thừa được cho là phải có tri kiến thanh tịnh về mọi chúng sanh hữu tình, nhưng phần đông chúng ta đều rất khó khăn để có tri kiến thanh tịnh về đạo sư của mình, nói chi đến huynh đệ kim cương. Dù những bất đồng ý kiến giữa những thành viên của tăng đoàn và tất cả những cãi cọ vật mang tính bất hợp tác diễn ra được xem là vi phạm mật giới, nhưng đừng bao giờ quên rằng việc phục hồi mật giới cũng dễ như việc vi phạm nó. Khi học vẽ, các bạn không chỉ được hướng dẫn cách dùng bút chì mà còn cả tẩy nữa, và việc phục hồi mật giới bị vi phạm có thể thú vị không kém việc học cách dùng tẩy, cách pha màu và cách trau chuốt hình dáng.

Động lực Đạo-sư-Đệ-tử

NHIỆM VỤ của một thầy giáo vật lý ở trường Trung học là dạy học sinh của mình môn vật lý học và giúp họ giải quyết những hiểu lầm về khoa học vật thể và chuyển động. Học sinh được yêu cầu phải dự một số tiết học vật lý nhất định hàng tuần và làm sáng tỏ bất cứ điều gì họ không hiểu trực tiếp với giáo viên vật lý của họ. Bằng cấp chuyên môn tối thiểu của một thầy giáo vật lý muốn thành công trong nghề nghiệp cần phải có trước khi xin việc là tấm bằng cử nhân, chuyên ngành về vật lý là tốt nhất, và kỹ năng sư phạm. Một khi vị thầy vật lý đã nhận việc, nhiệm vụ của ông là giảng giải về lý thuyết và nguyên lý của môn vật lý học, ra bài tập về nhà, trả lời các câu hỏi và tổ chức các kỳ thi. Thầy giáo vật lý và các học trò của ông chỉ chuyên tâm vào vật lý học. Sau khi các học sinh đã tốt nghiệp, nếu họ gặp lại người thầy dạy vật lý của mình, thì việc đó chỉ có thể xảy ra trong những dịp họp mặt cựu học sinh nhà trường.

Phần lớn ví dụ trên cũng có thể áp dụng cho những vị thầy tâm linh, nhất là đạo sư Kim cương thừa. Nhưng mối quan hệ đạo-sư-đệ-tử Kim cương thừa còn phức tạp hơn nhiều. Không giống người thầy dạy môn vật lý, việc nạp đủ lượng thông tin vào đầu một đệ tử là một khía cạnh nhỏ trong nhiệm vụ của đạo sư Kim cương thừa. Và sự khác biệt không chỉ dừng lại ở đó.

Một thầy giáo trung học sẽ trao cho học sinh những kiến thức họ thiếu, trong khi một đạo sư sẽ loại bỏ những khái niệm và lý thuyết không cần thiết.

Một thầy giáo trung học sẽ trả lời các câu hỏi của học sinh, trong khi một đạo sư sẽ chất vấn các câu trả lời của đệ tử.

Một thầy giáo trung học sẽ chỉ cho các học sinh cách thoát khỏi một vấn đề hóc búa, trong khi một đạo sư nhiều khả năng sẽ đưa đệ tử vào giữa một mê cung và sau đó phá hủy nó.

Một thầy giáo trung học sẽ đòi hỏi sự phục tùng và kỷ luật trong lớp học, trong khi một đạo sư sẽ đòi hỏi sự khiêm tốn.

Nhiệm vụ của một thầy giáo trung học là dạy dỗ học sinh, trong khi nhiệm vụ của đạo sư là khai phóng tâm thức đệ tử.

Một thầy giáo trung học sẽ giúp học sinh trưởng thành và phát triển, trong khi một đạo sư mật thừa sẽ tiết lộ sự tinh khôi vô thủy vô chung của đệ tử.

Động cơ

Trước khi đệ tử và đạo sư bước vào một mối quan hệ đạo-sư-đệ-tử Kim cương thừa, cả hai phía phải hiểu rõ trong tâm trí mình điều họ sẽ làm và lý do tại sao. Ban đầu, động cơ của đệ tử có thể là muốn đạt giác ngộ, nhưng động cơ đó yếu ớt, dễ bị phai nhạt, và có thể dễ dàng biến chất theo những cách không ngờ.

Vì lòng sùng kính, một người đệ tử có thể tự nguyện dọn dẹp phòng ốc của một lạt-ma và được khen ngợi vì làm việc chu đáo. Lúc đó, anh ấy phải cẩn thận không để sự thành công của mình tước mất động cơ tự nguyện trước đó. Động cơ theo đuổi giáo pháp và đạo sư của mình vì sự giác ngộ của toàn thể chúng sanh hữu tình và động cơ dọn dẹp căn phòng của đạo sư anh ấy phải hoàn toàn giống nhau. Việc dọn dẹp phòng ốc và cách anh ấy hoàn thành tốt bốn phận của mình có tầm quan trọng thứ yếu so với bốn phận giác ngộ toàn thể chúng sanh hữu tình. Nếu các bạn luôn làm hết sức mình, được thúc đẩy bởi mong muốn giác ngộ toàn thể chúng sanh hữu tình, thì dù

chỉ rửa một ít chén đĩa cũng sẽ tích lũy được rất nhiều công đức. Vì thế, các bạn nên liên tục nhắc nhở mình trở về với động cơ gốc hay động cơ đầu tiên của các bạn – giác ngộ.

Giả sử động cơ của các bạn thanh tịnh, các bạn đã làm hết sức mình và thực hiện hoàn hảo một nhiệm vụ nhưng, vì vài lý do, lạt-ma quá cầu toàn của các bạn (ông ấy có thể có rất nhiều chòm sao Trinh nữ trong lá số tử vi của mình) nổi điên và quát mắng kịch liệt các bạn khoảng hai mươi phút? Nếu các bạn đã tận lực rồi, thì các bạn sẽ chấp nhận sự quở trách với sự bình thản và, đồng thời, phát tâm hồi hướng nó vì hạnh phúc của toàn thể chúng sanh hữu tình. Bằng cách làm như vậy, các bạn sẽ tích lũy được công đức thậm chí còn nhiều hơn.

Nhân đây, tôi thấy rằng khi một đệ tử được cho đã dành rất nhiều thời giờ với một lạt-ma hoặc trở thành thị giả của vị lạt-ma đó, thì được mọi người thừa nhận rộng rãi rằng người đó đã được chuẩn bị đúng đắn và dạy dỗ đầy đủ. Nhưng nó không phải trường hợp như vậy. Thật ra, nó hoàn toàn không đúng.

Sự bảo mật

Như tôi đã đề cập nhiều lần trong cuốn sách này, mối quan hệ giữa một đạo sư mật thừa và đệ tử mật thừa phải luôn được giữ gìn trong vòng bí mật tuyệt đối; bất luận điều gì xảy ra giữa họ đều riêng tư và phải giữ kín. Nói đúng ra, một mối quan hệ như thế sẽ xoay quanh việc trao và nhận các giáo lý, kỹ thuật và hướng dẫn cốt tủy của mật thừa, cũng như các phương pháp phù hợp căn cơ riêng mà vị đạo sư đưa ra dành riêng cho cá nhân người đệ tử. Những giáo lý và phương pháp này phải không được công bố, bàn luận hay chia sẻ dưới bất kỳ hình thức nào.

Ở Ấn Độ cổ đại, các hành giả mật thừa và đạo sư mật thừa che giấu căn mật mối quan hệ của họ. Một đạo sư và đệ tử mật thừa có thể làm việc cạnh nhau trong cùng một xưởng sản xuất bánh quy, nhưng mọi đồng nghiệp của họ không một ai có thể ngờ giữa họ lại có mối quan hệ mật thừa với nhau. Nếu họ là gián điệp mật ở một sứ quán, thì đạo sư có thể là người gác cổng còn đệ tử là đại sứ. Để giữ bí mật, vị đại sứ chỉ lạy người gác cổng và ngồi dưới chân ông ấy để nhận giáo lý trong phòng nôi hơi giữa đêm khuya. Đây là cách một mối quan hệ đạo-sư-đệ-tử mật thừa thường diễn ra. Buồn thay, thời đó đã qua lâu rồi.

Ngày nay, việc giữ bí mật mối quan hệ đạo-sư-đệ-tử mật thừa trở nên phức tạp bởi các vai trò khác mà một đạo sư được trông đợi thực hiện - lấy ví dụ, là tu viện trưởng của một tu viện, hoặc giám đốc của một tổ chức phi lợi nhuận. Theo cách lý tưởng, đầu tiên đệ tử phải phân tích đạo sư, rồi với sự chủ động và rất mực khiêm cung, hãy quyết định thỉnh cầu một giáo lý hoặc quán đánh cụ thể. Nhưng điều thường hay xảy ra, đó là thói quen, văn hóa địa phương và tham vọng con người sẽ lấn át những mục đích tốt đẹp nhất của chúng ta, tạo ra mọi loại rắc rối và bất an. Việc bảo mật không đơn giản chút nào.

Hãy tưởng tượng các bạn được mời tham dự một lễ khánh thành một bưu cục tại địa phương các bạn. Khi mới đến, các bạn được thông báo sẽ được một vị lạt-ma nổi tiếng ban một quán đánh như một phần chương trình buổi lễ. Tin này tạo ra sự khó xử về mặt tâm linh trong lòng các bạn. Về mặt nguyên tắc, các bạn có quyền lựa chọn quán đánh nào mình muốn nhận và đạo sư nào ban nó - Kim cương thừa đã tuyên bố điều này hết sức rõ ràng. Trong trường hợp này, vị lạt-ma cũng là tu viện trưởng một tu viện, sở hữu ngôi nhà các bạn đang ở và

đầu tư rất nhiều vào công việc các bạn. Cách đây nhiều năm, để tránh bất kỳ sự xung đột nào về lợi ích thế gian, các bạn quyết định không bao giờ nhận quán đảnh từ ông ấy. Vì thế, các bạn hiện đang rơi vào một tình thế khó xử. Nếu các bạn đứng dậy và rời khỏi đó, mọi người sẽ thấy các bạn bỏ đi và các bạn sẽ có nguy cơ xúc phạm vị lạt-ma mà các bạn đang phụ thuộc về sinh kế ; nếu ở lại, các bạn sẽ được cho là phải cam kết một điều có thể khó mà giữ. Các bạn phải làm sao đây?

Những người bạn đã từng ở trong tình thế này nói với tôi rằng điều tốt nhất nên làm là hãy trao khăn quàng trắng truyền thống và tỏ vẻ sùng kính như thường lệ. Nói cách khác, là giả vờ. Làm như thế các bạn đang tham gia nhưng không lắng nghe và cố gắng tập trung vào một việc khác. Nó là một tình thế khó khăn và tôi cảm thông với các bạn tôi. Nhưng ít nhất họ nhận thức đầy đủ rằng việc thọ nhận một quán đảnh sẽ tạo ra những hệ quả về mặt tâm linh.

Trong trường hợp của lễ khai trương bưu cục cụ thể này, lý do ban quán đảnh không phải mong muốn đạt giác ngộ mà để quảng bá một cơ sở mới. Mọi người trong khu vực đó của thành phố đều được mời, bao gồm cư dân địa phương và nam nữ thương gia. Một số người tham dự không phải Phật tử và có thể thậm chí Phật giáo là một thứ đạo mê tín, sùng bái ma quỷ. Trong lễ quán đảnh, mọi người sẽ nhận ân phước và để đầu họ cúng vào một cái bình lớn. Nhưng hầu như không ai biết điều gì đang diễn ra, nên họ sẽ không nhận quán đảnh và không có mặt nguyện nào phải giữ. Nếu các bạn đã từng thấy mình ở trong loại tình thế này, đừng lo lắng. Các bạn không thể phạm mặt giới nếu các bạn không bao giờ hứa giữ nó từ đầu.

Đệ-tử-Đạo-sư

Mối quan hệ giữa một đạo sư và một đệ tử mật thừa bắt đầu từ giây phút người đệ tử thọ nhận một quán đảnh. Điều này có nghĩa là gì?

Như chúng ta vừa biết, không có gì bất thường trong các đại lễ có rất đông người tham dự nhưng họ mù tịt về những gì đang diễn ra – nhưng đây là một hiện tượng văn hóa khác bắt nguồn từ phong tục và tập quán Tây Tạng. Những người dự khán có thể biết buổi lễ là một ‘lễ quán đảnh’ và thậm chí có thể háo hức thọ nhận nó, nhưng thường thì họ hầu như không biết gì về vị đạo sư ban nó. Lịch sử và dòng truyền thừa của ông ấy là một bí ẩn. Vì sao người ta tham dự các đại lễ? Thông thường, nó không liên quan gì đến nỗi khát khao thoát khỏi ‘nhị nguyên’, hoặc khát khao nhận ra Phật tánh bẩm sinh của họ, hoặc khát khao thức tỉnh khỏi một trạng thái tâm bình thường. Tôi cũng thường nhìn thấy nhiều du khách lang thang vào các lễ quán đảnh để thỏa mãn sự hiếu kỳ của họ hoặc để chụp một tấm ảnh tự sướng khác lạ.

Nếu quan tâm đến lễ quán đảnh nhiều hơn so với kiểu hời hợt trên đây, thì các bạn có thể nhận nó như một sự ban phước. Phải chăng các bạn đã chính thức bước vào mối quan hệ đạo-sư-đệ-tử Kim cương thừa với vị đạo sư đã ban quán đảnh? Nói đúng ra là không. Các bạn sẽ có mối liên hệ tâm linh giả tạo với đạo sư đó chăng? Đúng vậy, điều đó đương nhiên. Nhưng vì các bạn không có ý định đầu tư lớn vào cả con đường lẫn đạo sư, các bạn sẽ không lập tức trở thành một cố đông lớn trong Kim cương thừa, mà chỉ là một người ủng hộ bình thường – cùng lắm chỉ là một thành viên.

Giả dụ các bạn đã lắng nghe và suy tư rất nhiều giáo lý, kể cả Trung quán, và các bạn cũng đã nghiên cứu triết lý mật

thừa. Các bạn gặp một vị đạo sư và quyết định thực hiện một cuộc kiểm tra kỹ lưỡng lai lịch của đạo sư và dòng truyền thừa của ông. Mọi khám phá của các bạn đều tốt đẹp, thậm chí truyền cảm hứng. Vì thế, các bạn quyết định nâng sự quan tâm bình thường của các bạn lên một mức và thỉnh cầu đạo sư ban quán đánh thuộc mật điển du già tối thượng. Các bạn không quyết định một cách hời hợt hay ngẫu hứng, cũng không phải đang đi dạo siêu thị tâm linh. Các bạn đưa ra quyết định với một tâm trí sáng suốt và nghiêm túc, dựa trên sự tìm hiểu chu đáo và thông tin tốt lành. Sau đó, các bạn thỉnh cầu quán đánh và đạo sư đồng ý ban nó.

Trong lúc quán đánh, cả các bạn lẫn đạo sư của mình phải biết điều gì đang diễn ra như chú rể và cô dâu trong đám cưới khi họ được hỏi, “Con đồng ý lấy người đàn ông (hay người phụ nữ) này làm chồng (hoặc vợ) mình không”, và họ trả lời, “Con đồng ý”. Khi cặp đôi cưới nhau, trong lòng họ hiểu rõ rằng họ không đóng kịch. Họ biết họ thật sự đang cưới nhau. Tương tự như vậy, khi quán đánh được trao truyền và thọ nhận, cả đạo sư lẫn đệ tử phải biết rằng họ đang hợp nhất với nhau ở cấp độ cao nhất. Nó không phải một trò chơi và sẽ có hậu quả. Các bản văn quán đánh cảnh báo chúng ta, ví dụ, rằng nước pháp dược chúng ta uống lúc bắt đầu quán đánh hoặc sẽ trở thành cam lồ bất tử hoặc dung nham nóng chảy có sức mạnh hủy diệt chúng ta.

Một số quán đánh thuần túy là những hướng dẫn khai thị trực chỉ - quán đánh tối thượng nhất. Một khi nghi lễ kết thúc, các bạn và đạo sư của mình đã ‘cưới nhau’ về mặt tâm linh. Theo truyền thống, điều này được cho là hình thức cao nhất của *vajra chela* [kim cương đệ tử] và *vajra acharya* [kim cương thượng sư] gọi là ‘*guru shishya parampara*’ [dòng truyền thừa hoặc sự kế tục của đạo sư và đệ tử]. Các bạn giờ

đây đã trở thành một cổ đông lớn trên con đường mật thừa. Từ giờ trở đi, đạo sư các bạn là người quan trọng nhất trong cuộc đời các bạn. Đạo sư các bạn là tất cả mọi thứ - cha, mẹ, thầy giáo, bác sĩ, bạn bè, *mọi thứ* - và đối với các bạn thì ông quan trọng hơn hẳn toàn thể bốn tôn và chư Phật khác gộp lại. Hàng ngàn vị Phật đã từng xuất hiện trong thế giới này và thêm hàng ngàn vị nữa sẽ xuất hiện trong tương lai, nhưng kết nối mà các bạn vừa tạo ra với đạo sư của mình là duy nhất. Những phương thuốc cần thiết để chữa trị mọi căn bệnh của các bạn sẽ được đạo sư của mình cung cấp. Những vị Phật khác có thể đến rồi đi, nhưng người có sức ảnh hưởng nhất và người dẫn đường quan trọng nhất trong phần đời còn lại này và mọi đời tương lai của các bạn vẫn mãi là đạo sư của các bạn.

Cách nhìn nhận đạo sư của chúng ta phụ thuộc vào nhận thức của cả đạo sư lẫn của riêng chúng ta. Giáo lý dạy chúng ta phải thấy đạo sư của mình là một vị Phật. Nhưng, như tôi đã nói rất nhiều lần, không ai có thể đạt được 100% tri kiến thanh tịnh từ đầu. Tất cả chúng ta đều phải bắt đầu từ đâu đó. Những người sơ cơ thường nghĩ về đạo sư của họ là một con người nói chung để thương trả lời các câu hỏi và đưa ra lời khuyên. Các đạo sư đi đạo, ngáp và biến mất vào nhà xí. Họ trả lời điện thoại và có thể thấy họ tham gia những hoạt động đời thường. Họ là những con người làm mọi thứ mà người khác thường làm. Vì thế, đệ tử có thể gặp gỡ và giao tiếp với đạo sư của mình. Họ có thể quan sát mọi động thái của đạo sư. Họ có thể thấy ông ấy rất phấn khích với những tặng phẩm đắt tiền và phản ứng thất vọng khi một đệ tử dám phản đối hoặc chê bai. (Trong những ví dụ này, đạo sư không phải bậc chứng ngộ). Nhưng bất luận các bạn thấy hay nghe đạo sư làm gì hay nói gì, thì ‘nghĩ quĩ’ của các bạn, thực hành của các bạn, là

nghĩ rằng đạo sư là một vị Phật. Làm thế nào? Bằng cách nhận ra rằng không chỉ đạo sư mà mọi người và mọi thứ, kể cả những đánh giá của các bạn, đều là sản phẩm của sự tương tượng, sự phóng chiếu của riêng mình. Bằng cách làm vậy, các bạn sẽ tăng cường đáng kể khả năng của mình để hiểu rằng đạo sư là Phật và nhờ đó tiến bộ nhanh chóng trên đạo lộ.

Đôi khi, chứng ngộ của một đệ tử sẽ trội hơn chứng ngộ của đạo sư. Tuy nhiên, người đệ tử vẫn khiêm cung; mức chứng ngộ của họ tự nó sẽ bảo đảm sự khiêm cung của họ. Vì sự hiểu biết của người đệ tử không còn nhị nguyên nữa, nên sẽ không xảy ra ngay cả việc họ so sánh bản thân với đạo sư của mình. Trên thực tế, sau khi đã vượt qua nhận thức nhị nguyên, sự trân trọng của người đệ tử dành cho đạo sư của mình sẽ tăng nhanh.

Đạo-sư-Đệ-tử

Đạo sư đóng vai trò to lớn trong động lực đạo-sư-đệ-tử. Khi một đệ tử bày tỏ mong muốn bước trên con đường Kim cương thừa, đạo sư phải xem xét người đệ tử đó thậm chí còn nghiêm ngặt hơn đệ tử xem xét đạo sư. Nên nhớ, đạo sư mà chúng ta đang thảo luận ở đây không phải bậc toàn tri. Vì thế, khi một đệ tử thỉnh các pháp cao cấp, đạo sư bắt buộc phải hỏi các câu đại loại như: “Con đã nghiên cứu Trung quán luận chưa? Con đã học thiền quán Goenka* chưa? Nếu muốn đi theo Phật giáo Tây Tạng, điều quan trọng là phải có kiến thức về lịch sử chính trị của nó: các con đã đọc lịch sử chính trị của

* Satya Narayana Goenka: vị thiền sư Minh-sát người Ấn Độ. Giáo lý của ông nhấn mạnh rằng con đường giải thoát của đức Phật có tính bất bộ phái, phổ quát và khoa học. Nguồn: www.rigpawiki.org

Tây Tạng chưa? Có phải các con đã được dạy dỗ trong một ngôi trường Do Thái hoặc Cơ Đốc không? Các con có bị buộc phải tôn trọng những giá trị Nho giáo không? Con đã hoàn thành Ngondro chưa? Nếu con đã xong, việc ‘đã hoàn thành Ngondro’ có ý nghĩa gì với con?”

Đạo sư cũng phải cố gắng khám phá động cơ và ý định thật sự của đệ tử. Phải chăng người đệ tử này muốn thọ nhận một giáo lý như một phần của công trình nghiên cứu để lấy học vị tiến sĩ? Hoặc anh ấy đang tự trang bị cho mình để trở thành một vị thầy tâm linh tự-phong? Có lẽ đạo sư nhận ra rằng sự miễn cưỡng của đệ tử trong việc viết sách, hoặc điều hành một trung tâm Phật pháp, hoặc giảng dạy, chứng tỏ rằng anh ấy có sự nhẫn nại cần thiết, khả năng phán đoán tốt, biết cách thực hành,... để bảo tồn giáo lý. Nhưng anh ấy xoay xở thế nào khi trở thành trung tâm của sự chú ý? Phải chăng anh ấy có thể giải quyết mọi sự ganh tị và chỉ trích mà chúng đệ tử của những Lạt-ma Tây Tạng nhắm vào những ai xuất hiện gần đạo sư của họ? Hoặc anh ấy chỉ theo đuổi một giáo lý cụ thể? Phải chăng anh ấy sẽ thọ giáo, rồi nhanh chóng biến mất để bắt tay thực hành và không muốn giao tiếp thêm với đạo sư?

“Phải chăng người đàn ông đầu tiên mà tôi gặp hôm nay rất hiếm khi đến thăm tôi? Gần như thế. Chúng tôi không gặp nhau nhiều, nên sẽ không có nhiều cơ hội để chúng tôi hoặc làm phiền nhau hoặc xúc phạm nhau. Có lẽ tôi sẽ ban cho ông ấy quán đảnh mà ông ấy đã thỉnh cầu.”

“Người đàn ông thứ hai thật lòng muốn tu pháp này. Trong thời đại suy đồi này, việc gặp thậm chí một người mong mỏi thực hành Pháp là việc đáng ăn mừng. Tôi nghĩ mình nên ban quán đảnh cho ông ấy.”

“Người phụ nữ này rất nghiêm túc trong việc thực hành Pháp và chân thành với việc học cách tư duy mới mẻ. Cô ấy rất thiết

tha xóa bỏ ngôi nhà bấp bênh là luân hồi – không phải loại dự án được thực hiện hơi hợt. Tôi có nên chia sẻ với cô ấy không?”

Vị đạo sư phải xem xét mọi đệ tử tiềm năng theo cách này. Và dĩ nhiên, chúng ta vẫn đang nói về một đạo sư chưa chứng ngộ.

Những đệ tử mới, được vị đạo sư với đầu óc tỉnh táo và có chủ ý ban quán đánh, sẽ trở thành một phần của gia đình Kim cương thừa và nhờ vậy họ có cổ phần đáng kể trong con đường mật thừa. Đạo sư phải nhận thức trọn vẹn sự thay đổi trong mối quan hệ của họ và những trách nhiệm mà ông chủ động gánh vác. Mỗi một đệ tử của ông ấy phải được đối xử không những như đứa con duy nhất, mà còn như đứa con duy nhất bệnh tật triền miên và ốm nằm liệt giường. ‘Bệnh tật’ trong bối cảnh này muốn nói họ đang chịu sự khống chế của nghiệp, phiền não và ngũ uẩn, không phải theo nghĩa thân bệnh.

Nếu người nào bị say rượu, sẽ phi lý nếu bảo họ lái xe đưa các bạn về nhà. Cũng như vậy, đạo sư phải luôn biết rằng đệ tử của ông thường xuyên bị phiền não của họ chi phối.

Nếu một người bạn mắc nợ hàng triệu đô, sẽ bất công nếu đòi họ cho các bạn vay tiền. Cũng như thế, đạo sư phải luôn nhớ rằng mọi đệ tử của ông đang bị đè nặng bởi khoản nợ nghiệp.

Người thường không thể thi triển thần thông, nên sẽ phi lý nếu yêu cầu họ làm phép màu bỏ Núi Phú Sĩ vào chiếc valy. Tương tự, đạo sư phải nhận ra rằng đệ tử của ông bị hạn chế bởi ngũ uẩn, nên sẽ phi lý nếu kỳ vọng họ thấy đạo sư của mình là ông Phật 100%. Tất cả những gì chúng ta có thể làm là sử dụng những gì chúng ta có: mắt, mũi, học vấn, tập quán và tài liệu tham khảo.

Hãy hình dung một em bé sơ sinh bị nhiễm vi-rút corona và còn quá nhỏ để dạy cách tránh chạm vào mặt và miệng bé, hoặc rửa tay bé. Cũng vô ích nếu thử giải thích con vi-rút corona là gì vì bé chưa biết nói. Nếu cô bé là em bé của các

bạn thì các bạn sẽ cảm thấy thế nào? Đây chính là cách mà đạo sư nên cảm thấy về tất cả đệ tử của mình.

Xin chào những vị đạo sư đọc cuốn sách này. Vui lòng xem lại câu ở trang 224 về cách một số đệ tử có thể gây dựng quan hệ với các vị – vâng chính các vị! – là ‘một con người nói chung dễ thương’. Quan điểm của tôi là loại đệ tử này hoàn toàn không có vẻ gì sẵn sàng để được trao các chỉ dẫn như, “hãy nhảy khỏi vách đá” hoặc “hãy cởi quần lót ra!” Tôi chắc chắn các vị có thiện chí và thậm chí có thể đã được trang bị tốt về kiến thức Phật pháp. Đạo sư của các vị có thể không phải lang băm và tôi tin chắc các vị là người tốt và tận tụy với Kim cương thừa – mặc dù vậy các vị gần như chưa phát triển Bồ đề tâm tuyệt hảo. Nhưng các vị quan niệm việc này thế nào? Nếu các vị bảo một đệ tử Kim cương thừa rất mới với khả năng tối thiểu để hiểu con đường mật thừa véo mông hoặc cởi truồng một người lạ và người đệ tử đó từ chối, thì các vị phải chịu trách nhiệm. Sự từ chối của đệ tử hoàn toàn chính đáng. Cuối cùng thì một người làm cha làm mẹ tốt bụng và nhân hậu sẽ không để đưa con yêu quý sử dụng máy xay thịt bén ngót, không bao giờ.

Mặc dù một vị đạo sư có thể không phải bậc toàn tri, nếu bà ấy là một người hướng đạo sâu sắc, thận trọng, tử tế và lạnh lợi, thì có thể nói với một đệ tử mới nhận quán đảnh rằng anh ấy phải làm bất kỳ điều gì mà bà ấy, với tư cách là thầy anh ấy, sai bảo. Kỹ thuật này được dành để giúp người đệ tử tập trung can đảm và củng cố quyết tâm đi theo con đường mật thừa của mình. Một đạo sư phải không bao giờ gài bẫy đệ tử để họ thất bại hoặc đưa ra những đòi hỏi bất khả thi mà điều đó sẽ dẫn đệ tử đến chỗ phá vỡ mối quan hệ với đạo sư. Nói khác đi, một đạo sư tử tế, khéo léo sẽ không bao giờ đặt một đệ tử còn non nớt, chưa đủ phẩm chất cần thiết vào thế phải từ chối. Những đạo sư không nhận ra giới hạn của đệ tử

thì họ đều thiếu một phẩm chất ‘đạo sư’ tuyệt đối quan trọng. Phẩm chất đó là gì? Nó là khả năng phán đoán hợp lý.

Những phương pháp vô hạn

Như tôi đã nói suốt cuốn sách này, nhiều phương pháp tâm linh giá trị đã bị pha tạp bởi tập quán văn hóa. Thông thường, phương pháp bị pha tạp trông tương tự với một thứ tồn tại trong nền văn hóa đã du nhập nó. Những cúng phẩm truyền thống, như hoa sen, hoa, hương đốt và nến, phổ biến với hầu hết mọi truyền thống tâm linh và văn hóa. Lễ lạy hay quỳ lạy Phật là một ví dụ thích hợp nữa. Ngày nay, người phương Tây được dạy lễ lạy dựa trên một phương pháp Ấn Độ mà người Tây Tạng tiếp nhận. Bản chất của hành động đó là nhằm tôn kính đức Phật. Lễ lạy là một bài tập về sự khiêm cung vì chúng chống lại sự kiêu căng của chúng ta, và chúng trở nên hoàn hảo khi song hành với trí tuệ. Về mặt lý thuyết, thay vì lễ lạy kiểu Ấn Độ, các bạn có thể chấp nhận một trong những tư thế của nền văn hóa của riêng các bạn để thay thế - như chào kiểu quân đội.

Kinh sách bao gồm những chuyện kể về chư Bồ tát đã nhiều lần cầu xin đạo sư của các ngài ban những giáo lý cụ thể mà chúng thường ngắn như một đoạn kệ, đi kèm với sự thỉnh cầu là rất nhiều cúng phẩm. Các vị vua được cho là đã dâng cúng mọi thứ họ sở hữu - vương quốc, thân quyến, con cái và phối ngẫu của họ. Có những câu chuyện về con người được dâng cúng cho đạo sư giống như truyền thuyết không? Không hề. Qua nhiều năm, tôi thậm chí được cúng nhiều con người bởi những đệ tử tâm huyết. Tôi không đếm chính xác, nhưng tôi đoán mình được tặng một nơi trong đó có một trăm người.

Những người này không phải nô lệ hoặc nạn nhân của lễ cúng tế mạng người và thường cuối cùng thì họ sẽ làm những việc của thị giả, thư ký và người quản lý hoặc trở thành các vị tăng và ni... Những hành giả Pháp tận tâm và hoàn toàn chân chính vẫn cúng dường cho tôi con cái họ - không chỉ biểu tượng, mà họ đã thật sự cho tôi con cái của họ. Qua nhiều năm, một số trẻ em như vậy đã trở thành thị giả của tôi.

Khi nói đến ‘cúng dường Dakini’, vì từ ‘cúng dường’ hiện nay đã bị hiểu sai trầm trọng, lời khuyên của tôi đối với các lạt-ma và hành giả hiện tại và tương lai là đừng dùng nó. Thậm chí đừng nghĩ đến việc dùng nó. Thực tế, chư Dakini được cho là người sở hữu duy nhất về mật điển và người nắm giữ sự trường cửu của giáo lý và đạo sư mật thừa. Các lạt-ma biết về giáo lý này, cũng như phần lớn Phật tử Kim cương thừa - Tất cả chúng ta thường cầu khẩn chư Dakini để kéo dài thọ mạng của đạo sư chúng ta. Nhưng thỉnh thoảng, các lạt-ma lại chọn tập trung vào các bậc trí tuệ cụ thể này chỉ vì việc đó phù hợp với mong muốn và sở thích của riêng họ.

Đây là một trường hợp tiêu biểu của sự lựa chọn mong muốn nhất! Thực hành ‘cúng dường Dakini’ không hề là lựa chọn duy nhất của một lạt-ma. Phật pháp cung cấp một kho tàng rất lớn về những phương pháp tăng trưởng thọ mạng cho toàn thể nhân loại, không chỉ riêng lạt-ma. Phóng sanh, ví dụ, là một thực hành giải cứu động vật sắp bị giết. Một phương pháp khác là nguyện ăn chay trong một tháng, một năm hoặc phần đời còn lại. Từ quan điểm y học, người ăn chay trường sẽ khỏe mạnh hơn người ăn thịt, cộng với công đức mà các bạn đạt được vì động vật không bị giết để ăn nên các bạn sẽ kéo dài mạng sống của mình. Rồi các bạn hồi hướng công đức đó để cầu trường thọ cho đạo sư của mình.

Mới đây, một người bạn cũ đã hỏi tôi liệu phối ngẫu của một lạt-ma có cần phải theo một kiểu dáng đặc trưng không.

“Tại sao bà hỏi vậy?” Tôi đáp.

“Ồ, vì phần lớn bạn gái của các lạt-ma tôi gặp đều trẻ trung, mảnh dẻ và thường có mái tóc vàng hoe,” bà trả lời. “Tôi cũng nghe nói các lạt-ma cần sự thắp tùng của các cô gái trẻ để truyền cho họ cảm hứng giảng dạy. Có điều đó không?”

Ngài Jigme Lingpa đã dạy nguyên nhân thực tế của những chướng ngại trong việc kéo dài thọ mạng của một lạt-ma là sự lãng phí hay lạm dụng tiền bạc được hiến tặng với tư cách cúng phẩm. Nếu các lạt-ma và tổ chức của họ ngừng lãng phí tận tài hoàn toàn, thì mọi lạt-ma sẽ sống lâu hơn nhiều. Nó chỉ không đúng khi nói các lạt-ma ‘cần’ các cô gái trẻ chung quanh để truyền cho họ cảm hứng giảng dạy. Kiểu người mà quá nhiều vị lạt-ma chọn chỉ thể hiện một trong năm phẩm chất của dakini – phẩm chất thứ ba ‘như con nai’. Từ quan niệm về đẹp thông thường, bốn phẩm chất khác, kể cả răng nanh và một bộ ria mép, hiện không được chấp nhận. Đúng là bài Cầu Nguyện Bảy Dòng đã mô tả Đạo sư Liên Hoa Sanh được vây quanh bởi hàng trăm ngàn dakini, nhưng chư dakini đặc biệt đó là loại không hành và không nhất thiết là nữ. ‘Dakini’ là một từ Phạn ngữ có nghĩa là ‘thần linh quái dị’, hoặc ‘ma quái’, và một số ít biểu hiện tính chất ‘như con nai’ mà các lạt-ma bị thu hút bởi điều đó. Ngài Họi Mẫu Kim Cương có một đầu heo. Phải chăng các bạn sẽ ngủ với một người có hai đầu, một trong đó là đầu heo? Quan niệm chư vị không hành là những cô gái trẻ đẹp là một hiểu lầm phổ biến, điều đó gần như bắt nguồn từ việc chuyển ngữ sai. Trên thực tế, rất ít không hành nữ thật sự là những cô gái trẻ trung xinh đẹp.

Một con đường hoặc một thực hành có thể biểu hiện trong vô số cách. Như một phần quá trình huấn luyện đệ tử, vị đạo

sư có thể yêu cầu điều bất khả thi mà vẫn hợp pháp. Nếu người đệ tử thực sự không thể làm được khi họ được yêu cầu, thì việc bày tỏ sự bất lực của họ một cách thành thật và thẳng thắn có thể rất bổ ích về mặt tâm linh và có thể nâng cao động lực đạo-sư-đệ-tử. Người đệ tử, vì sự kiêu hãnh hoặc tự phụ mình biết rõ đúng sai, thậm chí từ chối cố gắng làm theo yêu cầu của đạo sư và tránh nói về cảm giác của mình, là người không thành thật cũng không thẳng thắn. Khi các bạn cảm thấy mình không còn lựa chọn nào khác ngoài việc nói với đạo sư rằng các bạn không thể làm như ông ấy đòi hỏi, thì sự hối tiếc mà các bạn cảm thấy có thể trở thành một đại lộ đưa đến công đức phi thường – đó là lý do một đạo sư hiểu biết thường sẽ tạo ra loại tình huống đó.

Mục đích chính của đạo sư du già là làm người đệ tử thấm nhuần sứ mệnh quan trọng nhất của họ, đó là nhớ nghĩ về đạo sư. Chúng ta nhớ về đạo sư như thế nào thực sự không quan trọng. Tôi đã thấy khá nhiều người hấp hối tiếc nuối rằng họ đã không làm những gì đạo sư của họ yêu cầu. Tuy nhiên, như Rinpoche Patrul đã dạy, một đạo sư hoàn hảo...

“... là người mà lòng từ bi và ân phước của ông ngang với toàn thể chư Phật. Những người có kết nối tốt với ông sẽ đạt Phật quả chỉ trong một đời. Thậm chí những người có kết nối xấu với ông cuối cùng cũng sẽ được đưa ra khỏi luân hồi.”²¹

Những đầu tư tài chính nhỏ thường ít rủi ro nhưng lợi tức cũng ít. Nếu động cơ của các bạn trong việc nghe thuyết pháp hoặc tham dự một lễ quán đảnh Kim cương thừa, ngay cả quán đảnh cao cấp nhất, chỉ để tạo một kết nối với đạo sư hoặc với Pháp, thì công đức các bạn tích lũy được sẽ kém xa so với mục đích của các bạn là đạt giác ngộ trong đời này.

Chödrel là một truyền thống lâu đời của Tây Tạng trong việc thọ nhận quán đảnh nhưng không quá gần gũi với *lạt-ma*. *Chö* nghĩa là ‘pháp’ và *drel* nghĩa là ‘kết nối’. Khi người Tạng đến gặp những *lạt-ma* chúng tôi cho một *chödrel* nhỏ, thì chúng tôi thường đáp ứng bằng cách tụng một thần chú. Tại sao có người không muốn tạo một kết nối Pháp kiên cố với một đạo sư? Có lẽ họ có rất ít thời gian rảnh rỗi. Có lẽ họ không bị thu hút với vị đạo sư đó. Dù lý do gì, thì mối quan hệ, hoặc cam kết mà chúng ta tạo ra với một đạo sư sẽ tương ứng với cách chúng ta cảm thấy về bà ấy. Miễn đạo sư không phải kẻ ngốc, bà ấy sẽ có khả năng đo lường mức độ cam kết của một đệ tử và sẽ không đòi hỏi ai đó chỉ muốn nhận một sự ban phước phải nháy khỏi vách đá. Nó giống như đến dự tiệc của một nữ ngôi sao điện ảnh chỉ để có một bức hình tự chụp và chữ ký cô ấy. Nếu nữ ngôi sao tinh ý, cô ấy sẽ biết rằng anh chàng sưu tập chữ ký chỉ là một người hâm mộ bình thường và sẽ không yêu cầu anh ta lên giường với mình – Hậu quả tiêu cực của việc đó chúng ta không cần xem xét ở đây.

Nếu động cơ của các bạn đến gặp ngôi sao điện ảnh vì muốn cô ấy giúp các bạn khám phá bản chất thật của mình, thì khoản đầu tư của các bạn vào mối quan hệ sẽ lớn hơn nhiều so với người sưu tập chữ ký.

Là người sơ cơ trên con đường Kim cương thừa, hầu như chắc chắn không có chuyện các bạn sẽ bị thuyết phục 100% rằng đạo sư là một bậc giác ngộ, nhưng các bạn hầu như sẽ hăng hái làm hết sức mình để nhận thức bà ấy một cách thanh tịnh. Các bạn cũng sẽ hiểu rất rõ những giới hạn của mình và cũng nghi ngại liệu thực hành của mình có thành công hay không. Tuy nhiên, nếu các bạn chủ động đưa ra quyết định thỉnh cầu đạo sư ban cho mình các quán đảnh và giáo lý Kim cương thừa, vào lúc đó, mọi sự thương lượng sẽ kết thúc. Các

bạn đã chọn và không thể thối lui. Nhưng điều đó không có nghĩa các bạn không còn quyền lựa chọn ngừng leo núi.

Đệ tử: Thay đổi Đạo sư

Điều gì sẽ xảy ra nếu như, ở nửa chặng đường lên núi, các bạn nhận ra đạo sư không giúp các bạn nâng cao tri kiến thanh tịnh của mình? Càng mất nhiều thời gian với ông ấy, các bạn càng nghi ngờ cả đạo sư lẫn con đường, điều đó đặt toàn bộ con đường tâm linh của các bạn vào chỗ nguy hiểm. Hãy tự hỏi, các bạn đã làm tốt việc xem xét đạo sư trước khi bước chân vào con đường chưa? Nếu đã làm vậy, phải chăng vì các bạn đã bị sốc bởi một phát hiện động trời và giờ đây cảm thấy không thể theo chân vị đạo sư này?

Ở đây, một lần nữa, kiến thức về Giáo pháp là mỏ neo của các bạn - nó thực sự có thể cứu vớt các bạn. Nếu các bạn đã nghiên cứu và suy tư thấu đáo những giáo lý Đại thừa và Kim cương thừa, bất luận gặp chướng ngại gì với đạo sư, thì các bạn sẽ không bao giờ đánh mất sự tự tin vào bản thân con đường. Các bạn có lẽ không thể tiếp tục với vị đạo sư hiện tại của mình, nhưng niềm tin và sự tự tin của các bạn vào Đại thừa và Kim cương thừa sẽ làm các bạn phải cẩn thận gấp đôi để không thiêu hủy hạt giống Bồ đề tâm của người khác, không lan truyền tin tức giạt gân, không gây ác cảm, bất hòa hoặc chia rẽ tăng đoàn. Được thúc đẩy bởi mong muốn thanh tịnh nhất là không phạm thêm bất kỳ mật nguyện nào hoặc thiêu đốt lòng sùng mộ của anh chị em kim cương, các bạn lặng lẽ xa lánh đạo sư của mình. Và nhờ làm như vậy, các bạn sẽ tích lũy công đức.

Một lựa chọn khác, các bạn có thể chọn vì muốn ngăn người khác không mắc bẫy tương tự, nên các bạn đã kể cho cả thế giới biết đạo sư của mình là một kẻ đạo đức giả. Bằng cách cảnh báo người khác, các bạn cảm thấy mình đang giúp Phật pháp một việc. Các bạn có thể đúng. Nhưng quá trình rèn luyện Kim cương thừa của các bạn với vị đạo sư đó bấy giờ đã hết. Nó đã kết thúc. Từ quan điểm Kim cương thừa, các bạn đã phá vỡ mối quan hệ giữa bản thân với đạo sư Kim cương thừa của mình. Và vì đạo sư là cốt lõi của con đường Kim cương thừa, nên các bạn đã phá hủy toàn bộ con đường Kim cương thừa của mình.

Nếu, bất chấp mọi điều đó, kiến thức các bạn thu lượm được qua quá trình nghiên cứu Phật Pháp đã thuyết phục các bạn rằng Kim cương thừa là con đường đúng đắn, nên các bạn có thể quyết định tìm kiếm một đạo sư khác – đây là một ý tưởng tốt.

Nếu một đệ tử thay đổi đạo sư, phải chăng họ phải bắt đầu lại từ con số không? Không hẳn như vậy. Việc các bạn có quay lại từ đầu con đường hay không sẽ phụ thuộc vào đạo sư tiếp theo của các bạn. Nếu vị đạo sư đó có phẩm chất phù hợp, bà ấy sẽ biết bước tiếp theo của các bạn phải như thế nào.

Tôi phải nhắc lại thêm một lần nữa. Nếu, giữa quá trình rèn luyện Kim cương thừa của mình, các bạn thấy mình không còn khả năng để tiếp tục được nữa và đã đạt đến mức tới hạn mà bản thân không thể kham nổi, thì điều tốt nhất các bạn nên làm là xa lánh đạo sư của mình. Chỉ xa lánh. Hãy xa lánh để mọi việc không trở nên tệ hơn. Và hãy tiếp tục tu dưỡng bản thân. Hãy lắng nghe và đọc kinh sách Pháp càng nhiều càng tốt. Hãy suy tư mọi thứ các bạn lắng nghe và cố gắng phát triển tri kiến thanh tịnh. Sau đó – có lẽ vài tháng hoặc vài năm – hãy thử đánh giá mình đã tiến bộ đến đâu bằng cách tham

dự một buổi thuyết giảng của đạo sư các bạn. Nếu các bạn vẫn không thể đổi mặt, thì hãy xa lánh lâu hơn chút nữa và hãy tiếp tục lắng nghe và suy tư nhiều hơn nữa.

Hợp đồng bảo hiểm của các bạn trong suốt cả quá trình là để nghiên cứu Pháp, ý tôi muốn nói rằng việc nghe hoặc đọc giáo lý và suy tư chúng là để thiết lập niềm tin bất biến vào tri kiến Phật giáo và nhất là Kim cương thừa.

Nếu, bất luận các bạn cố gắng chăm chỉ thế nào nó vẫn không thành công, thì các bạn có thể chọn, nếu muốn, từ bỏ toàn bộ con đường Kim cương thừa của mình. Nó tùy thuộc các bạn. Nếu các bạn chủ động từ bỏ con đường Kim cương thừa, thì mối kết nối của các bạn với Kim cương thừa sẽ kết thúc. Nhưng nếu các bạn vẫn tiếp tục đi con đường Bồ tát, thì các bạn vẫn có thể là một hành giả Đại thừa. Nếu các bạn chủ động từ bỏ Bồ tát đạo, thì mối kết nối của các bạn với Đại thừa sẽ kết thúc. Nhưng nếu các bạn vẫn tiếp tục nương tựa vào Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo, thì các bạn vẫn có thể là một hành giả Thanh văn thừa. Nếu các bạn chủ động từ bỏ nương tựa vào Tam bảo vì các bạn nghĩ rằng nó dối trá và không còn muốn đi theo Phật đạo, thì mối kết nối của các bạn với Phật pháp sẽ hoàn toàn chấm dứt.

Từ quan điểm Kim cương thừa, việc từ bỏ hoàn toàn con đường là một bước đi rất nghiêm trọng. Kim cương thừa như một viên kim cương vô giá. Nếu các bạn giao viên kim cương cho một em bé tám tuổi thì sau đó bé sẽ chơi bẩn với nó, không sớm thì muộn viên kim cương sẽ biến mất mãi mãi. Là người trưởng thành, các bạn có thể hiểu được giá trị rất lớn của kim cương. Vì thế, các bạn sẽ thuê thợ cắt kim cương để tạo ra viên đá quý theo nhu cầu của mình. Không may, người thợ cắt kim cương của các bạn hóa ra là một người khá bướng bỉnh và, sau một lúc, các bạn chẳng buồn tranh cãi với anh ta

về chi tiết nhỏ nhặt nữa. Trong thời điểm khủng hoảng, các bạn sẽ dễ nổi xung, nhưng tự kiềm chế vì các bạn không muốn xảy ra điều gì với viên kim cương – thật ngu ngốc khi mạo hiểm sự an toàn hoặc sự toàn bích của nó chỉ vì các bạn không hợp tác với người thợ cắt. May thay, sau khi đã phát triển sự hiểu biết đáng kể về Bồ đề tâm trước khi bắt đầu làm việc với người thợ cắt kim cương này, các bạn quyết sẽ không để gia đình yêu quý của mình và bất kỳ chúng sanh hữu tình khác tưởng lầm kim cương là một miếng thủy tinh vô giá trị. Vì vậy, bất chấp mối quan hệ rắc rối của các bạn với người thợ cắt kim cương, các bạn vẫn coi trọng viên kim cương và luôn say sưa nói về nó.

Các Lạt-ma có hai giả định sai lầm về phương Tây và đệ tử phương Tây, những người chọn đi theo con đường Kim cương thừa. Thứ nhất là tất cả đệ tử đến với họ đã phát triển tâm niệm chán ghét luân hồi từ lâu rồi trước cả khi họ bắt đầu thực hành Kim cương thừa. Thứ hai là họ đã phát triển Bồ đề tâm và tâm nguyện dũng mãnh không bao giờ bỏ rơi chúng sanh hữu tình. Kết quả là, các Lạt-ma liên tục không kiểm tra mức độ từ bỏ [do chán ghét luân hồi] và mức nhận thức Bồ đề tâm của mỗi cá nhân *trước khi* dạy giáo lý và ban quán đảnh Kim cương thừa cho họ.

Bất kể sự rạn nứt trong quan hệ với đạo sư của họ thế nào, các đệ tử đã trải qua quá trình học hỏi về Giáo pháp và thực sự hiểu rõ giá trị của nó thì hầu như không bao giờ đeo mang dai dẳng mối bất hòa với đạo sư của mình. Cuối cùng thì mục đích chính của một đệ tử Pháp là thực hành Pháp. Khi đệ tử tìm đến những cơ chế thế tục, như thưa kiện đạo sư ra tòa vì tội quá rối hoặc lạm dụng khi hành vi của ông ấy làm họ đau khổ, nó là một dấu hiệu cho thấy họ chưa bao giờ nghiêm túc trong việc theo đuổi con đường giải thoát.

Đệ tử của các Lạt-ma bị Ruồng bỏ

Tôi biết một số đệ tử thâm niên của các đạo sư hiện đang bị ruồng bỏ lo ngại rằng, sau khi đã phá vỡ mật giới với đạo sư của mình, giờ đây họ sẽ đi xuống địa ngục kim cương. Tôi có thể hiểu mối bận tâm của họ vì đó là điều chúng tôi đã được dạy trong các bản văn mật điển. Nhưng việc đọa lạc vào địa ngục kim cương không phải dễ, và những nguyên nhân đưa chúng ta vào đó không phải không thể thay đổi.

Câu hỏi đầu tiên các bạn nên tự hỏi mình là, phải chăng các bạn đã vi phạm mật giới ngay từ đầu? Chỉ các bạn mới biết liệu mình đã đưa ra quyết định một cách chủ động và với tâm trí tỉnh táo để bước vào con đường Kim cương thừa hay không, sau khi đã xem xét kỹ lưỡng đạo sư của mình,...

Không chỉ những bê bối tình dục hoặc cáo buộc lạm dụng thân thể mới khiến đệ tử quay lưng lại với đạo sư của họ. Một điều nhỏ nhặt như cách ông ấy hỉ mũi vào tay áo cũng có thể là giọt nước tràn ly đối với một số đệ tử. Nhưng đừng lo lắng, một khoảnh khắc bực mình với đạo sư sẽ không phá vỡ mật giới gốc của các bạn. Điều đó chỉ xảy ra nếu các bạn thay đổi hoàn toàn thái độ và quan niệm và vì thế, thay vì thấy đạo sư là Phật, các bạn sẽ xem ông ấy không những là người bình thường, mà còn là kẻ ngu ngốc thực sự.

Như các bạn đã biết, chúng ta thực hành theo con đường Kim cương thừa để học cách nhìn hoàn toàn thanh tịnh mọi thứ chúng ta nhận thức và hãy bắt đầu bằng cách tự rèn luyện để thấy đạo sư của mình là một vị Phật. Giây phút các bạn ngừng nhìn thanh tịnh đạo sư, các bạn sẽ phạm mật giới, nhưng mật giới sẽ dễ phục hồi thông qua thực hành Kim Cương Tát Đỏa. Một mật giới chỉ bị hủy hoại vĩnh viễn nếu các

bạn trải qua sự thay đổi quan niệm hoàn toàn. Nếu những ý nghĩ thoáng qua chỉ nổi lên trong tâm trí các bạn những lúc vô ý, chẳng hạn “tại sao đạo sư của mình nóng vội quá vậy” và “đạo sư của mình lười biếng quá”, thì đó không phải là những nhận thức bất tịnh dẫn đến vi phạm mật giới gốc. Dù Kim cương thừa không bao giờ bỏ qua những suy nghĩ như vậy, nhưng chúng chỉ làm sứt mẻ mật giới của các bạn và dễ dàng sửa chữa nhờ thực hành Kim Cương Tát Đỏa. Tuy nhiên, các bạn cần tịnh hóa những suy nghĩ như vậy để ngăn ngừa sự khó chịu với đạo sư của mình tiếp tục leo thang thành tật soi mói lỗi đối với mọi việc ông ấy làm. Nếu điều đó xảy ra, thì nó có thể dễ dàng dẫn đến loại thay đổi về quan điểm và nhận thức, và nó sẽ tạo thành một vi phạm mật giới nghiêm trọng.

Vì thế, câu hỏi tiếp theo là: phải chăng các bạn đang để cho sự khó chịu của mình vượt qua mức một thói quen hoặc một cá tính tương đối nhỏ trở thành chướng ngại cho mối quan hệ với đạo sư của mình? Nếu đúng như vậy, hãy cố gắng để nhận biết nhiều hơn điều gì đang diễn ra trong tâm mình.

Câu hỏi quan trọng nhất để tự vấn mình là, các bạn muốn gì từ đạo sư của mình? Nếu các bạn đang đau răng nhưng bà nha sĩ giỏi của các bạn đã ăn hành sống vào bữa trưa và thở ra mùi khó chịu, phải chăng các bạn sẽ bỏ về trước khi bà ấy có cơ hội chữa cho các bạn?

Các đạo sư cũng phải nỗ lực để học về phép xã giao của những nền văn hóa khác nhau... Lối xã giao trong bàn ăn có thể truyền cảm hứng cho một số đệ tử, nhưng khi làm việc với một cá nhân đệ tử, đạo sư có thể có lý do hợp lý để ợ sau mỗi lần uống nước. Tuy nhiên, đạo sư phải không bao giờ khiêu khích đến độ cách cư xử của ông khiến đệ tử từ bỏ Pháp.

Một số đệ tử những người chủ động chọn đạo sư Kim cương thừa của mình và vẫn kiên định trung thành với ông,

bất chấp những phanh phui về vụ bê bối, tuy nhiên họ đã bị sốc bởi những luận điệu chĩa vào ông ấy. Càng tồi tệ hơn nữa, trong những tháng ngày vụ bê bối vỡ lở, vị đạo sư thân yêu của họ đã qua đời. Nếu các bạn là một người trong số những đệ tử này, các bạn có thể cảm thấy bế tắc trong tình trạng khó xử. Các bạn phải làm gì bây giờ? Có nên tiếp tục ở lại tăng đoàn cũ không? Hay bắt đầu lại với một lạt-ma khác? Nó tùy thuộc vào các bạn. Trên thực tế, các bạn muốn tiếp tục đi theo Kim cương thừa vì các bạn tin cậy quan điểm của Kim cương thừa chứng tỏ rằng sự xem xét ban đầu của các bạn về lạt-ma và con đường đã được làm rất tốt. Nếu các bạn muốn ở lại với tăng đoàn của mình và giúp nó cải tổ bản thân, thì các bạn nên làm điều đó. Nếu các bạn thích tìm kiếm một lạt-ma khác, được thôi, không việc gì do dự, hãy tiến hành. Một trong những khía cạnh hữu ích khác của việc thuộc về một dòng truyền thừa đó là nó sẽ cung cấp một danh sách những lạt-ma đương thời để lựa chọn. Nhưng các bạn vẫn phải thực hiện một cuộc kiểm tra lai lịch chu đáo trước khi bản thân gắn bó với một đạo sư khác.

Đệ tử Phải Vâng lời Thế nào?

Dù các bạn được thuyết phục rằng đạo sư sẽ luôn làm hết sức mình để hướng dẫn các bạn đến giác ngộ, các bạn có thể bắt đầu để ý rằng không phải mọi điều ông ấy nói đều dẫn thẳng đến mục đích đó. Điều này phải chăng có nghĩa rằng các bạn nên cân nhắc lại việc vâng lời ông ấy. Không, hoàn toàn không. Nếu các bạn thực sự kính trọng, cảm kích và tin cậy đạo sư, thì các bạn sẽ nghe theo hướng dẫn của ông ấy.

Giả sử các bạn dự tính đi du lịch đến Thác Victoria ở quốc gia Zambia. Mặc dù các bạn có một bản đồ rất tuyệt vời, đã tìm hiểu cẩn thận và biết rõ hướng đi, nhưng bản đồ không phải thực địa. Vì thế, các bạn quyết định thuê một hướng dẫn viên giàu kinh nghiệm thành thạo đường đi nước bước. Rủi thay, tất cả những hướng dẫn viên giỏi nhất đều bận hoặc đã chết và các bạn đành chấp nhận người duy nhất mình tìm được, dù không thích gì bản mặt của anh ta, và anh ta lại có một tật xấu khó ưa là vừa gãi đầu vừa ngoáy mũi. Các bạn cho người dẫn đường xem bản đồ của mình và anh ta nhìn chăm chăm vào nó như thể trước đây chưa từng thấy tấm bản đồ nào. Mặc dù các bạn cuối cùng cũng đến đích mỗi ngày, nhưng luôn trễ vì người dẫn đường rẽ nhầm nhiều chỗ và dường như chỉ chọn đường dài nhất có thể. Sau một lúc, các bạn bắt đầu tự hỏi liệu mình có nên rút lui và tìm người dẫn đường khác không. Nhưng việc đó sẽ mất thời gian quý báu và, vì người dẫn đường có vẻ đang đi đại khái đúng hướng, nên các bạn quyết định tiếp tục với anh ta, bất chấp sự vụng về, thiếu kiên định và các tật xấu của anh ta.

Rất khó vâng lời. Khó hơn vẫn là một đệ tử phải vâng lời thế nào? Tôi quen một vài đệ tử tự hào về việc vâng lời đạo sư của mình đến độ họ khoe khoang rất nhiều về nó. Tôi cũng quen các đạo sư ưa phô trương việc đệ tử phục tùng họ thế nào với các đạo sư đồng môn. Nhưng những phô trương như vậy chẳng liên quan gì đến Kim cương thừa.

Khi nói đến thực tiễn của sự vâng lời, đạo sư thậm chí phải thận trọng hơn đệ tử về điều có thể kỳ vọng trên thực tế. Khả năng của mỗi đệ tử đến mức nào? Họ có thể thực thi được bao nhiêu? Trên thực tế, khả năng vâng lời của mỗi đệ tử thế nào?

Nếu đạo sư không biết giới hạn của các bạn và các bạn quá thực không thể thực hiện hướng dẫn của ông ấy, hãy nói với

ông ấy một cách thành thật và kính cẩn rằng các bạn không thể làm nó. Ví dụ, nếu đạo sư yêu cầu các bạn nói chuyện với một con chim sẻ và các bạn không biết tiếng chim, thì các bạn phải nói với ông ấy: “Nhưng con không biết cách nào nói chuyện với chim sẻ ạ.” Các bạn không bắt tuân, chỉ thành thật mà thôi. Nếu đạo sư vẫn khẳng khẳng, hãy nhớ lại cách một người mẹ có thể dỗ dành một em bé đang quấy khóc bằng cách giả vờ làm một con gấu, sau đó hãy khơi dậy động cơ chân thành mong muốn mình có thể làm theo hướng dẫn của đạo sư. Nó không bao giờ sai, trên lĩnh vực đạo đức hay trên một lĩnh vực khác, khi khơi dậy một động cơ thanh tịnh hoặc phát khởi một nguyện vọng.

Vâng lời luôn là một thử thách với đệ tử. Đạo sư có thể, ví dụ, yêu cầu các bạn tu lại toàn bộ Ngondro ba lần – và dĩ nhiên các bạn phải thực hiện. Hoặc ông ấy có thể bảo các bạn cởi quần lót. Thú vị thay, một số lượng người đáng ngạc nhiên không ngần ngại cởi quần lót của họ, nhưng thực sự rất vất vả để hoàn thành Ngondro.

Hãy nhớ rằng dù việc nhìn nhận đạo sư là một vị Phật hoàn hảo và làm theo mọi huấn lệnh của ông hay bà ấy nghe như trao cho đạo sư mọi quyền lực (điều đó còn bối rối hơn nhiều nếu đạo sư các bạn tình cờ là một đại thành tựu giả), nó cũng đặt đạo sư vào một vị thế dễ bị tổn thương vô cùng. Đệ tử, những người hy sinh quyền tự quyết và chân thành làm theo mọi huấn lệnh của đạo sư, sẽ giải phóng bản thân khỏi việc chịu trách nhiệm cho hành động của mình lẫn trách nhiệm giải trình hậu quả của nó. Khá nhiều đệ tử đã sử dụng thành tích phục tùng hoàn hảo của mình để chống lại đạo sư, hoặc để xúc tiến dự định riêng của họ hoặc để biện minh cho hành động của họ. Rõ ràng có sự mất cân bằng quyền lực giữa đạo sư và

đệ tử, và trong thế giới hiện đại, vị trí của đạo sư bấp bênh hơn đáng kể.

Điều gì xảy ra nếu Đạo sư Đòi hỏi Tôi về Tình dục?

Vì mục đích của cuốn sách này là đặt vấn đề và xem xét cách chúng có thể được giải quyết từ càng nhiều góc độ khác nhau càng tốt, nên hãy tự hỏi, các bạn sẽ làm gì nếu đạo sư các bạn đòi hỏi các bạn về tình dục?

Qua nhiều năm, tôi đã thấy cách chúng ta phán xét một cách bất công cả nam lẫn nữ đệ tử, những người thể hiện ham muốn tình dục với Lạt-ma. Các đạo sư thường tiếp cận về tình dục theo cách thẳng thắn, gợi ý, khiêu gợi hoặc ve vãn, bằng thư từ, mạng xã hội, hoặc thậm chí là vi-đê-ô. Bất luận thế nào, đệ tử thường bị chỉ trích là điên khùng, không chỉ bởi Lạt-ma mà còn bởi thị giả Lạt-ma và toàn thể tăng đoàn – điên rồ, mất trí, tâm thần và có thể dâm dăng. Nhưng, khi đạo sư thể hiện ham muốn tình dục với một đệ tử, phản ứng của tăng đoàn hoàn toàn khác. Đạo sư không bị chỉ trích là điên khùng hay dâm dăng, hoàn toàn không. Trên thực tế, ham muốn tình dục của ông ấy lại được coi là cơn mưa ân phước. Thật vinh dự cho đối tượng may mắn được ông ấy chiếu cố! Điều này thật bất công. Đệ tử phải có khả năng thổ lộ với đạo sư, và đạo sư phải đủ lòng can đảm và trắc ẩn để giải quyết mọi điều đệ tử nói với ông. Đối với Kim cương thừa, hoàn toàn không chấp nhận việc phụ nữ bị bêu xấu, xa lánh, nhạo báng và bị coi là điên khùng chỉ vì họ quyến rũ một vị đạo sư.

Điều gì sẽ xảy ra nếu một đạo sư đồng tính bị một phụ nữ tiếp cận vì cô ấy muốn quan hệ tình dục? Nếu đạo sư là một tăng nhân, ông có thể nói với cô ấy rằng mình là người xuất gia giữ giới diệt dục. Nếu ông ấy không phải một tăng nhân,

ông ấy phải giải thích với người nữ đó rằng ông không phải người thích giao hợp với người khác phái. Những cuộc trò chuyện như thế đòi hỏi đôi bên phải thành thật và thẳng thắn - và có tình người. Nếu đạo sư mật thừa đồng tính là một người thầy giỏi, ông ấy sẽ biết rằng từ chối lời tán tỉnh của phụ nữ sẽ có hậu quả. Nếu cô ấy từ bỏ Pháp là hậu quả của việc ông ấy khước từ, Kim cương thừa sẽ quy trách nhiệm cho ông ấy. Vậy đạo sư phải làm gì? Mọi đạo sư Kim cương thừa phải có khả năng giải quyết loại tình huống này.

Ít đạo sư ngày nay thậm chí nghĩ đến việc tranh đua với tỳ-kheo-ni Subha²² - Người Tạng gọi cô là Utpala - một ni cô trẻ đẹp đến độ khơi dậy ngọn lửa dục vọng của một gã thanh niên, nên hẳn đã quấy rối nàng. Tức điên vì hẳn cứ ám mình mãi, nàng Subha hỏi điều gì ở nàng quyến rũ hẳn. Đó là đôi mắt xinh đẹp của cô, hẳn trả lời. Nghe xong, nàng liền móc một con mắt ra và đưa cho hẳn. Lập tức lửa dục của hẳn tắt ngấm, và hẳn không còn quấy rối nàng nữa. Lần sau, khi nàng Subha đến đánh lễ Phật, con mắt nàng đã được hoàn nguyên một cách thần kỳ.

Một ni cô người Bhutan mẫu mực mà tôi quen đã có trải nghiệm tương tự. Một người đàn ông say mê điên cuồng cô ấy đến độ ghen lồng lộn bất kỳ lúc nào cô ấy nói chuyện với người khác phái và đã suy sụp khi bị cô từ chối quan hệ tình dục ngay trụ xứ cô ấy. Anh ta đã trả giá cho sự đam mê mù quáng đó bằng cả sự nghiệp lẫn gia đình mình. Nhưng họ vẫn là bạn trong đời và cô ấy đã giới thiệu anh ta với một số vị lạt-ma rất tốt. Thật nhân ái làm sao! Tôi luôn ngưỡng mộ cách cô ấy đối xử với người đàn ông đó. Khi mọi việc sáng tỏ, anh ta trở thành công trình cả đời của cô ấy.

Một số giáo lý Kim cương thừa thậm chí giảng giải cách dùng nhục dục và hành vi tình dục làm con đường. Khá nhiều

người nghĩ thực hành này chỉ có thể thực hiện được với đạo sư. Điều đó không đúng. Nó có thể được thực hiện với bất kỳ ai có cùng sự hiểu biết và đánh giá cao con đường mà các bạn đang dẫn thân vào, và có cùng mục đích cuối cùng.

Tại sao vẫn tiếp tục có quá nhiều quan niệm, diễn giải và suy đoán sai lầm về Kim cương thừa, mật điển và tình dục? Phật giáo không cho rằng tình dục là một hành vi ‘tội lỗi’. Tà dâm là điều Phật giáo gọi là một hành vi ‘bất thiện’. ‘Bất thiện’ chưa được liệt kê trong từ điển Oxford English, nhưng tôi nghĩ các dịch giả tạo ra nó vì từ ‘tội lỗi’ không thích hợp trong bối cảnh Phật giáo. Hành vi tình dục tự nó không thiện cũng không bất thiện, nhưng vì nó xuất phát từ sự ham muốn và thèm khát, nó có thể dễ dàng làm rối trí, chế ngự và khiến chúng ta mắc kẹt. Ham muốn tình dục có thể chính là thứ gây tê liệt mạnh mẽ nhất trong mọi loại dục vọng của chúng ta. Nó cũng trói buộc chúng ta bằng những nút thắt phức tạp khó gỡ. Rất lâu trước khi ông Freud đưa ra giả thiết rằng chúng ta bị thúc đẩy bởi ham muốn vô thức của mình – về tình dục hoặc thức ăn hoặc mọi thứ – Đức Phật đã dạy rằng cõi mà chúng ta những con người đang sống được gọi là ‘cõi dục’. Nhưng điều chủ yếu ở đây là không phải chỉ vì một hoạt động có khả năng gây ra tình trạng bị ám ảnh mà nó sẽ tự động ‘bất thiện’. Nếu đúng như vậy thì việc ăn kem lạnh cũng phải là một hoạt động bất thiện.

Trong Phật giáo Đại thừa, chư Bồ tát (những vị cố gắng giúp đỡ tha nhân) bị cấm làm những việc bị thúc đẩy bởi một ác ý, một dã tâm hoặc một quan niệm sai lầm. Ngoài ra, nếu một việc làm sẽ cứu vớt hoặc có lợi cho chúng sanh hữu tình khác, thì các bạn được khuyến khích làm nó. Vì ham muốn là cảm xúc nổi bật của con người, trí tuệ của Phật giáo Kim cương thừa bao gồm những giáo lý về cách vận dụng cảm xúc

làm con đường. Giáo lý về cách vận dụng tình dục làm con đường thuộc về cấp độ cao nhất, kỳ diệu nhất và đáng kính nhất trong những con đường của Kim cương thừa. Nhưng nên nhớ, bất luận phương pháp nào mà các bạn sử dụng – dâng hoa, tuyệt thực hoặc con đường tình dục – thì *phương pháp đó phải diệt ảo tưởng*. Nếu, thay vì diệt ảo tưởng, một hoạt động tạo ra ảo tưởng nhiều hơn, tự cho mình chánh người khác tà nhiều hơn, phê phán đạo đức nhiều hơn, và kiêu ngạo nhiều hơn..., thì nó là một chướng ngại cho sự giác ngộ. Đây là điểm quan trọng nhất và phải không được bỏ sót hoặc quên lãng.

Đặt Câu hỏi

Việc đệ tử có thể hết mực vâng lời đạo sư thường phụ thuộc vào cách họ được chuẩn bị chu đáo thế nào.

Các bạn có bao giờ tự hỏi: “Đạo sư mình thực sự có lòng trắc ẩn không? Ông ấy có thực lòng quan tâm đến đệ tử mình không? Mình có cảm thấy được ông ấy quan tâm không? Sự giác ngộ của mình có thực sự quan trọng với ông ấy không? Nếu có thì nó quan trọng đến mức nào?”

Các bạn có bao giờ tự hỏi: “Bản thân mình có gặp phải bất kỳ vấn đề luân lý hay đạo đức nào không?” Nếu, trong quá khứ của mình, các bạn bị tổn thương về tình cảm hoặc thể xác – ví dụ, lạm dụng tình dục hoặc tình cảm – các bạn có bao giờ tự hỏi: “Có phải quá khứ bị ngược đãi của mình đã gây ra tính khí bốc đồng tự hủy hoại bản thân không? Có phải ký ức về quá khứ vô hình trung đã khiến mình cố tình phá hoại mối quan hệ giữa mình với đạo sư không?”

Các bạn đã lập gia đình chưa? Các bạn có cảm thấy bị ràng buộc bởi cảm giác mạnh mẽ về lòng chung thủy với bạn đời

của mình không? Đạo sư các bạn đã kết hôn chưa? Đạo sư các bạn có phải là một vị tăng hay một vị ni không? Các bạn có phải là một vị tăng hay một vị ni không?

Có phải bầu không khí tạo ra bởi đạo sư, mọi vật dụng Tây Tạng và đoàn tùy tùng quá sốt sắng,... đã buộc các bạn phải tuân theo mọi yêu cầu của ông ấy không? Các bạn có cảm thấy bị dồn vào chân tường không? Hay phải chăng các bạn biết rõ mọi thứ đang diễn ra, nhưng nổi khát khao mãnh liệt muốn đập tan mọi khái niệm khiến các bạn không màng đến mọi suy tính thiệt hơn khác?

Đây là loại câu hỏi mà tất cả đệ tử Kim cương thừa nên tự hỏi mình. Nếu các bạn có bất kỳ nghi ngờ nào, nếu các bạn cảm thấy mất tinh thần, nếu các bạn không thể đương đầu, hãy thảo luận nó với đạo sư của mình. Nếu các bạn cảm thấy không thể nói với ông ấy, hãy tự hỏi, ông ấy hiện diện ở đó vì điều gì? Mục đích của việc theo chân một đạo sư là gì nếu ông ấy không giúp đỡ và bảo vệ các bạn?

Sau khi đã phát triển sự tin cậy và tin tưởng vào đạo sư của mình, các bạn hầu như nỗ lực hơn mong đợi và cố hoàn thành bất kỳ điều gì ông ấy yêu cầu, như một cách tích lũy công đức cũng như loại bỏ bản ngã và chấp ngã. Nếu các bạn đã phát triển tâm linh đến một mức trưởng thành nhất định, khi đạo sư yêu cầu các bạn làm vườn cho ông, các bạn sẽ cảm thấy vui sướng hơn khi được giúp ông ấy. Hoặc có lẽ đạo sư sẽ chỉ dẫn các bạn đi hành hương.

“Hãy hành hương đến Phố Bond ở Luân-đôn mỗi ngày, sau đó hãy giữ kín trọn vẹn toàn bộ khái niệm “Phố Bond.” Đừng kể với bất kỳ ai rằng Phố Bond thậm chí còn tồn tại.”

Nó nghe có vẻ lố bịch, phải không? Cả thế giới ai chẳng biết về Phố Bond, nhưng trong bối cảnh của thực hành được thiết kế riêng này, chi tiết đó không liên quan. Từ giờ trở đi, các bạn phải

giữ Phố Bond trong vòng bảo mật chặt chẽ. Nghe có vẻ điên rồ, sau khi đã chọn đi theo giáo lý Kim cương thừa một cách có ý thức và tỉnh táo, thì giờ đây việc đi đến Phố Bond mỗi ngày trở thành con đường Kim cương thừa của các bạn.

Nếu đạo sư giao cho các bạn loại thực hành này, không nên khoe khoang nó. Trừ khi đạo sư bảo các bạn làm ngược lại, ngoài điều đó ra không cần ai quan sát các bạn thực hành hoặc biết các bạn có đang thực hành hay không – kể cả anh chị em kim cương của các bạn. Bạn bè thế gian của các bạn chắc chắn sẽ hỏi các bạn tại sao, dù mưa hay nắng, mỗi ngày các bạn phải lội bộ khắp cả Phố Bond, nhưng các bạn không được nói gì. Bất kể các bạn cảm thấy bối rối thế nào, hoặc bạn bè giễu cợt tình trạng ám ảnh của các bạn hoặc buộc tội các bạn có vẻ ngớ ngẩn, hãy cười và không nói gì. Bằng cách làm như vậy, thực hành của các bạn sẽ tích lũy công đức nhiều hơn hẳn so với công đức khi các bạn nói ra.

Nói Dối

Hãy luôn nhớ rằng là hành giả Kim cương thừa, mục đích và mong muốn chính của chúng ta là sự giác ngộ của toàn thể chúng sanh hữu tình. Vì thế, chúng ta phải cẩn thận đừng bao giờ làm một người quan tâm đến Kim cương thừa nản lòng hoặc cung cấp cho họ thông tin để họ nghi ngờ hoặc phản đối bất kỳ khía cạnh nào của giáo lý hoặc con đường. Lựa chọn tốt nhất của các bạn là tránh nói bất kỳ điều gì về Kim cương thừa với những người chưa theo con đường Kim cương thừa. Nếu các bạn phải nói về nó, hãy nói dối hơn là mạo hiểm làm người nào đó thất chí với con đường thiêng liêng và sâu thẳm này.

Tôi có thể biết các bạn đang nghĩ: “Có phải không sai khi nói dối chẳng?” Hãy tự hỏi, phải chăng tất cả chúng ta đều không nói dối? Khi em bé không thể ngủ, phải chăng cha mẹ sẽ không nói dối chúng? Như mọi truyện cổ tích, phải chăng truyện công chúa Lộ Lem không phải những lời nói dối quyến rũ, kỳ diệu? Thiện chí khi nói dối như vậy là một ví dụ nhỏ của phương pháp xảo diệu.

Một số đệ tử cảm thấy bị đạo sư của họ đối xử tàn nhẫn, số khác cảm thấy bị phớt lờ, thỉnh thoảng trong nhiều tháng hoặc liên tục nhiều năm liền. Nó có thể làm các bạn nản lòng. Nhưng nếu ban đầu các bạn đã làm một cuộc kiểm tra lai lịch kỹ lưỡng, thì các bạn nên tự tin và can đảm để nói với đạo sư về cảm giác của mình. Việc đó không có gì sai. Nếu ông ấy tiếp tục phớt lờ các bạn, thì tất cả những lý do rất chính đáng mà các bạn đã dựa vào đó để tin cậy ông ấy từ đầu sẽ giúp các bạn hiểu sự lạnh nhạt của ông ấy là một bài tập tâm linh và một lời dạy. Tất cả điều này chỉ có thể thực hiện được nếu các bạn đã chuẩn bị đầy đủ trước khi bước chân vào con đường Kim cương thừa.

Giới luật và Lời hứa

TỪ TIẾNG PHẠN ‘samaya’ của Kim cương thừa, hiểu đại để, nghĩa là ‘thệ nguyện thiêng liêng’. Tại Ấn Độ, từ ‘samaya’ [tiếng Việt là ‘mật giới’ hay ‘mật nguyện’] được áp dụng cho mọi loại tổ chức, đối tượng và thậm chí cả con người. Một nhật báo nổi tiếng có tên là *Samaya* và các bậc cha mẹ đặt tên cho bé gái của họ là *Samaya* nhưng, hiển nhiên, không cái nào liên quan đến lời thề hoặc ‘samaya’ được thực hiện bởi hành giả Kim cương thừa.

Nói chung, chúng ta giữ những mật nguyện Kim cương thừa bằng cách trung thành với sự thật. Tôi nói ‘trung thành’ có nghĩa là gì? Tất cả chúng ta đều biết rằng nếu thọc ngón tay vào một ổ cắm điện thì chúng ta sẽ bị chết vì điện năng và ít nhất thì ngón tay chúng ta sẽ bị cháy bỏng. Bằng cách không thọc ngón tay vào ổ điện, chúng ta vẫn trung thành với sự thật rằng điện năng sẽ đốt cháy. Điện năng có thể nguy hiểm, nhưng nó là một nguồn năng lượng trong thế giới hiện đại, tuyệt đối cần thiết. Thử xem có nơi nào chúng ta không thấy đèn điện, máy sưởi điện, bình nước nóng điện, lò nướng bánh điện, bếp điện, thiết bị y tế, máy tính, điện thoại di động, màn hình và hệ thống ra-đa? Tôi còn nghe nói thậm chí có cả loại máy châm cứu bằng điện để chữa bệnh mãn tính nữa.

Bất chấp nó có nhiều công dụng, sự thật là điện năng sẽ đốt cháy, và khi nó đốt cháy, chỉ đơn giản là đúng với bản chất của nó. Bằng cách không đưa ngón tay chúng ta vào ổ điện, chúng ta đang thuận theo sự thật rằng điện năng, với bản chất của nó, đốt cháy. Sự thật này sẽ không bao giờ thay đổi và không có ngoại lệ; điện năng đốt cháy hai bốn giờ một ngày, không

chỉ hai mươi ba giờ và một giờ nghỉ buổi trưa. Điều này có nghĩa nếu các bạn nghỉ ngơi một bé gái mới chập chững biết đi đang tiến thẳng đến một ổ điện để thọc ngón tay vào đó, thì các bạn sẽ nhanh chóng xoa cô bé đi nơi khác.

Cùng với việc trung thành sự thật, samaya cũng nói về việc biết phải làm gì và cách làm nó thế nào. Nếu các bạn không biết bơi, không gì có thể xui khiến các bạn lội xuống nước mà không mặc áo phao. Nhưng nếu các bạn bơi lội như cá, thì sẽ lao ngay xuống không hề đắn đo.

Việc giữ samaya là quá trình học cách trung thành với sự thật, từng bước một. Có phải chúng ta học cách giữ tất cả samaya và chỉ khi bắt đầu thực hành Kim cương thừa không? Không, nó không hoạt động như thế. Thời điểm các bạn có thể giữ mọi samaya một cách hoàn hảo báo hiệu đã đến lúc kết thúc con đường Kim cương thừa.

Mục đích của việc giữ mật giới hay giữ samaya là để bảo đảm rằng chúng ta sống thuận hòa và vẫn kết nối với sự thật. Việc trở nên mất kết nối với sự thật là điều mà Kim cương thừa gọi là ‘phạm samaya’. Làm thế nào chúng ta duy trì kết nối của mình với sự thật? Đó là thông qua thực hành Kim cương thừa. Một khi những hành giả siêng năng của dòng Sakya đã nhận quán đảnh, họ sẽ lập lại thực hành nghi quỹ của họ (ghi nhớ các bạn là một bốn tôn), một ngày bốn thời.

Đấng Kim Cương Trì không ngu ngốc, những đạo sư vĩ đại của mật thừa và dòng truyền thừa trong quá khứ cũng không như thế. Không ai trong những đạo sư vĩ đại này kỳ vọng những tân hành giả mật thừa giữ gìn nguyên vẹn mọi samaya ngay từ đầu. Họ đều biết rằng, từ lúc phần lớn chúng ta lâu đầu tiên thệ nguyện giữ gìn samaya của mình, hầu như không những lập tức vi phạm chúng, mà từ đó trở đi, chúng ta sẽ liên tục vi phạm chúng một lần mỗi ngày hoặc nhiều hơn. Tại sao?

Vì nó không dễ để trở nên quen với việc giữ samaya. Nếu các bạn nhìn vào vết bản và nghĩ: “Nó bản”, thì các bạn đã phạm một samaya Kim cương thừa. Nếu các bạn nhìn vào nước và nghĩ: “Đây là tôi”, thì các bạn đã phạm một samaya Kim cương thừa. Nếu các bạn không hiểu biết bản chất của tánh không, Phật tánh hoặc nghịch lý tánh không và sáng tỏ nhưng cố gắng để tự thấy mình là một bổn tôn, thì các bạn đã phạm một mật giới Kim cương thừa. Bất kỳ lúc nào nhị nguyên khiến các bạn lầm lạc, lúc đó các bạn đã phạm một mật giới Kim cương thừa. Và ngay khi các bạn chuyển từ bất nhị thành nhị nguyên, thì các bạn đã phạm một mật giới Kim cương thừa. Không có giây phút nào trôi qua mà không có ai đó trong chúng ta phạm tối thiểu một hoặc hai mật giới. Điều này có nghĩa toàn bộ quá trình của cái gọi là thực hành Kim cương thừa không khác việc giữ mật giới là bao.

Những người mới bước chân vào con đường hiếm khi biết số lượng mật giới rất lớn mà họ được cho là phải giữ gìn và chưa biết rằng, dù cố gắng hết sức, họ sẽ không bao giờ ngừng phạm chúng.

Nếu vừa nghĩ: “Mình là Tom và cô ấy là Jerry” sẽ phạm một samaya, thì làm sao bất kỳ ai trong chúng ta có thể giữ được samaya? Đây là một ví dụ khác về thực hành lắng nghe và suy tư cực kỳ quan trọng thế nào trên con đường Kim cương thừa. Sau khi đã nghe nhiều giáo lý về tri kiến bất nhị và dành đủ thời gian suy tư về chúng, các bạn sẽ bắt đầu đánh giá cao những lợi ích của sự hiểu biết tri kiến và trung thành với nó, cũng như sự nghiêm trọng của việc từ bỏ nó. Các bạn sẽ hăng hái giữ gìn tất cả samaya của mình từ giới ít ý nghĩa nhất đến giới quan trọng nhất. Và sự tự tin mà sự hiểu biết lý trí về bất nhị đem lại cho các bạn sẽ giúp ngăn chặn bất kỳ sự hoang tưởng nào các bạn có về việc vi phạm samaya và bảo vệ các bạn

không bị ám ảnh bởi cảm giác tuyệt vọng và tự buộc tội. Hậu quả vi phạm samaya có thể nghiêm trọng nhưng việc biết về vô số phương pháp mà các bạn có thể dùng để sửa chữa hoặc tịnh hóa những samaya bị phạm sẽ đem lại cho các bạn niềm vui rất lớn. Các bạn sẽ tự tin tịnh hóa không chỉ những ác hạnh quá khứ của mình, mà cả những ác hạnh các bạn sẽ phạm phải trong tương lai, vì quá khứ và tương lai là sự phân biệt mang tính nhị nguyên. Bằng cách liên tục nhớ về tri kiến vĩ đại và mệnh môn của Kim cương thừa, những nỗi sợ hãi của các bạn về việc vi phạm mật giới sẽ không đe dọa hoặc làm nản lòng các bạn. Thay vào đó, các bạn sẽ thích thú với vô số phương pháp tịnh hóa của Kim cương thừa, chẳng hạn như trì tụng thần chú Kim Cương Tát Đỏa hoặc nhìn chăm chú hình tượng ngài Kim Cương Tát Đỏa hoặc mời huynh đệ kim cương của các bạn tề tựu trong các lễ cúng tsok. Khi các bạn dùng bất kỳ phương pháp nào của Kim cương thừa để tịnh hóa những mật giới bị phạm, thì thành tựu tâm linh sẽ sớm xuất hiện.

Trong thập kỷ qua, tôi bắt đầu chú ý đến một số hiểu sai trầm trọng về mật giới cần phải làm rõ. Chúng ta được dạy rằng nếu vi phạm mật giới, chúng ta sẽ rút ngắn tuổi thọ của đạo sư, điều này giống như nói rằng nếu các bạn không xem phim thì phim không tồn tại. Đạo sư là một hiện thân hay thị hiện của Phật tánh bẩm sinh của chúng ta. Nói cách khác, đạo sư là bộ phim được chiếu bởi Phật tánh của chúng ta. Là những hành giả, mục đích của chúng ta là tái khám phá Phật tánh của mình bằng cách kết nối với hiện thân bên ngoài của nó, tức đạo sư bên ngoài – phim ảnh. Và một trong những yếu tố chính khiến việc chiếu phim đạo sư của chúng ta có thể thực hiện được là lòng sùng kính. Do đó, chúng ta chỉ có đạo sư nếu chúng ta có lòng sùng kính, giống như một người chỉ trở thành người dễ thương vì chúng ta yêu mến họ. Nếu chúng ta phạm samaya với đạo sư của mình, thì lòng

sùng kính nhất định phải giảm xuống hoặc biến mất hoàn toàn. Không có lòng sùng kính sẽ không có bóng của nó. Và vì bóng của lòng sùng kính của chúng ta là đạo sư, nên không có sùng kính sẽ không có đạo sư.

Phải chăng điều này có nghĩa nếu các bạn cảm thấy không sùng kính với đạo sư của mình, thì ông hoặc bà ấy cuối cùng sẽ nằm trong Khu Chăm sóc Tích cực [ICU]? Không, đương nhiên là không. Nếu điều đó đúng, thì đệ tử sẽ chiếm thế thượng phong và có thể điều khiển đạo sư của họ khá dễ dàng. Họ chỉ việc nói: “Này, nếu ông không biết điều, tôi sẽ hủy bỏ lòng sùng kính của mình và rồi ông sẽ thấy mình ở trong bệnh viện!” Điều này dường như bị hiểu lầm bởi một số hành giả mật thừa. Có lẽ các hành giả từ các nền văn hóa Cơ Đốc đã nhầm lòng sùng kính Phật giáo với giáo lý nhị nguyên của Cơ Đốc rằng chúa Giê-xu chết trên thập tự giá để chuộc tội cho chúng ta chăng?

Hãy nói theo cách này, nếu không có cầu, sẽ không có cung. Chỉ đơn giản như thế. Nếu các bạn phạm samaya, các bạn sẽ không còn khả năng gần gũi đạo sư của mình với lòng sùng kính hoặc có tri kiến thanh tịnh ông ấy là bản tôn; do đó, sẽ không còn một bộ phim đạo sư để các bạn xem nữa.

Kim cương thừa rất tự hào trong cách xử lý samaya độc nhất của nó. Việc vi phạm lời hứa khi chúng ta là hành giả Thanh văn thừa giống như làm bể một lọ gốm: các mảnh vỡ có thể gắn lại với nhau nhưng sẽ luôn nhìn thấy các vết nứt. Việc vi phạm giới Bồ tát Đại thừa, hoặc bất kỳ mật giới Kim cương thừa nào giống với việc làm móp một chiếc cốc vàng hơn: các chỗ lõm để sửa chữa và quá trình phục hồi có thể làm chiếc cốc thậm chí đẹp hơn.

Sự phục hồi các mật giới bị phạm là thực hành chính của Kim cương thừa. Các hành giả mật thừa yêu thích các thực hành phục hồi, cụ thể là *kang shak*: *kangwa* (mãn nguyện) và

shakpa (sám hối). *Kang* giống như làm đầy bình chứa và *shak* bộc lộ hoặc phơi bày bản tánh thật của chúng ta, nhất là khi phục hồi các mật giới bị phạm. Nó giống như người Anh nói: “cô ấy phơi bày điều xấu nhất trong tôi”. Trong trường hợp này, bản tánh thật của các bạn được bộc lộ nhờ tẩy sạch mọi chất bẩn nhất thời đã che đậy nó – giống như ví dụ rửa chén mà chúng ta đã xem xét trước đây. Khi các bạn đang rửa chén bẩn, cái cốc bắt đầu lấp lánh và sáng bóng; khi cái cốc trở nên sạch hơn, sáng bóng hơn và lấp lánh hơn, thì chất bẩn cũng dần dần giảm bớt.

Như nhiều người trong các bạn đã biết, *kang shak* là tụng nhiều lần trong buổi lễ Kim cương thừa (puja). Ở các tu viện, chư tăng mặc y và đội mũ đặc biệt trong thực hành này, là một cách quảng bá nó càng nhiều càng tốt. Trong tất cả những thực hành Kim cương thừa để phục hồi mật giới, phương pháp quan trọng nhất là cúng dường *tsok*. Để sửa chữa các mật giới bị phạm với các đạo sư gốc hoặc đạo sư nhánh, chúng ta thực hiện *kangwa*, *shakpa* và *tsok*. Sau đó, chúng ta thỉnh cầu chư đạo sư dòng truyền thừa, chư không hành mẫu và hộ pháp che chở chúng ta với lòng từ bi của họ. Và cuối cùng, để ngăn không phạm sai lầm trở lại, chúng ta sẽ thọ Bồ đề tâm nguyện.

Tránh sự Chi phối của Công luận đối với Đạo sư Kim cương thừa của Các bạn

Về mặt thực tế hơn, một khi các bạn đã quyết định ai là đạo sư của mình, hãy cố gắng không lắng nghe hoặc đọc bất kỳ bình phẩm nào về bất kỳ đạo sư nào mà các bạn đã có mật giới. Tốt hơn hết, hãy tránh xa mạng xã hội.

Sự phê bình công khai đối với hành vi của các đạo sư Kim cương thừa sẽ không bao giờ biến mất. Về mặt nào đó, những bản tin công khai về cách thức hoạt động của một đạo sư có thể hữu ích với những đệ tử đang kiểm tra lai lịch của những đạo sư Kim cương thừa tiềm năng. Phải chăng một đệ tử mới không nên biết những quan điểm tiêu cực phổ biến về một đạo sư như việc biết những quan điểm tích cực về họ? Tuy nhiên, nó khiến tôi bối rối vì những câu chuyện được xuất bản về đạo sư với cái nhìn quá phiến diện bất công lại chiếm phần lớn. Rốt cuộc, nếu chúng ta thực sự đang sống trong một xã hội công bằng thúc đẩy quyền tự do ngôn luận, chẳng lẽ để bảo đảm tính toàn diện của mọi câu chuyện được trình bày thì phải kiểm duyệt hoặc kiểm chế hay sao? Phải chăng điều đó cũng không phải một trong những nguyên tắc của nghề báo chính trực? Tôi luôn cho rằng việc báo cáo phiến diện là lãnh vực của những bộ máy tuyên truyền độc tài, không phải của những nhà cung cấp tin khách quan, quốc tế.

Chúng ta phải luôn nhớ rằng dù các đạo sư Kim cương thừa bị ghét bỏ thường mất khá nhiều đệ tử của họ, nhưng vẫn còn lại nhiều đệ tử trung thành và tận tụy. Phần lớn những đệ tử trung thành này không phải những kẻ nghiện hút cũng không phải những cố động viên nhiệt tình, mà họ là những người có học vấn cao, thông minh, tử tế. Họ cảm thấy mình được lợi lạc rất nhiều từ những lời dạy của đạo sư họ. Các tạp chí Phật giáo nên nhớ điều này khi họ phát hành các bài báo phê bình về các đạo sư đang sống. Tôi không nói là các bài báo phê bình không nên xuất bản, mà chỉ nói là các tạp chí Phật giáo, nói riêng, nên đưa các tin tiêu cực một cách có trách nhiệm và hết sức tránh kích động sự bất bình hoặc gây mầm mống chia rẽ trong nội bộ tăng đoàn. Cả hai mặt của mỗi câu chuyện đáng được trình bày càng khách quan càng tốt. Nếu một người

được phỏng vấn đưa ra một lời phàn nàn chống lại một đạo sư, phải chăng vị đó sẽ không có cơ hội để giải thích? Những tạp chí khẳng định mình là Phật giáo nên cực kỳ cẩn thận về việc cung cấp tin tức chân thật, công bằng. Họ nên đưa càng nhiều thông tin về mọi quan điểm khác nhau càng tốt, để độc giả có thể đưa ra quyết định của riêng họ.

Hành giả Kim cương thừa có nên Kết giao với Người Phạm Samaya không?

Đã có rất nhiều cuộc nói chuyện về việc hành giả Kim cương thừa được cho là không kết giao với người phạm mật giới như thế nào. Khi một đệ tử công khai từ bỏ đạo sư của họ, mức độ ảnh hưởng của cuộc phân ly Kim cương thừa của họ có thể đưa người khác đến chỗ tiêu tan nhiệt huyết và thậm chí vi phạm mật giới nhiều hơn. Đây là lý do tôi sẽ nói lại lần nữa, việc lắng nghe và suy tư quan trọng thế nào đối với đệ tử Kim cương thừa. Tôi không thể nào nhấn mạnh điều này đủ mạnh mẽ. Việc có một kiến thức tốt, thấu đáo, căn bản về Phật pháp sẽ giúp cho đệ tử ở mỗi giai đoạn của con đường.

Quả thực là phần lớn hành giả Kim cương thừa không thích nhận quán đảnh cùng với một người phạm mật giới mà ai cũng biết. Nó cũng đúng là họ sẽ khó kết hôn với một người phạm mật giới. Nhưng có gì sai khi uống một cốc trà với một người bạn cũ có vẻ đã phạm mật giới công khai? Tại sao phải làm lớn chuyện về nó như vậy? Làm vậy là gây bất hòa và bất mãn thậm chí nhiều hơn trong nội bộ cộng đồng Phật giáo.

Tại Tây Tạng, người nào được biết đã phá mật giới nghiêm trọng nhất đều bị xa lánh. Sự phá vỡ mật giới nghiêm trọng nhất là gì? Từ bỏ quy y Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo được

xem nghiêm trọng nhất – Tại sao như vậy, đến lúc này, nên tự mình lý giải. Hiển nhiên không thể có chuyện đã từ bỏ quy y mà vẫn là một hành giả Kim cương thừa. Từ bỏ Bồ đề tâm và Bồ tát giới là một sự phá vỡ mật giới cực kỳ nghiêm trọng khác. Nếu không có nền tảng quy y vào Tam bảo, bất luận thực hành của các bạn là gì, dù các bạn trải qua nhiều giờ thiền định, thì các bạn vẫn không thực hành theo con đường Phật pháp. Và nếu không có Bồ đề tâm, mọi thực hành Kim cương thừa sẽ bị hạ xuống mức không khác gì bùa mê của pháp sư giáo (shaman).

Có phải Kim cương thừa tán thành sự trừng phạt đối với những người phá mật giới không? Dĩ nhiên là không! Nếu bất kỳ ai trong các bạn thấy một kinh sách hiển giáo hoặc bản văn mật thừa nào cho phép một thể chế Phật giáo trừng phạt một người phá mật giới Kim cương thừa hoặc Đại thừa hoặc Thanh văn thừa bằng cách chặt bàn tay người phạm lỗi hoặc thiêu chết họ, và có bằng chứng lịch sử cho thấy sự trừng phạt như vậy từng được thực thi bởi thể chế đó, thì tôi sẽ từ bỏ phận sự Rinpoche Tây Tạng của mình.

Đáng buồn thay, dù không có bản văn Kim cương thừa nào quy định trừng phạt khắc nghiệt, nhưng không có nghĩa nó chưa bao giờ xảy ra. Đất nước Tây Tạng đã bị cai trị bởi các lạt-ma, một số họ đã phạm phải những hành động tàn bạo không thể tha thứ vì kế hoạch hoặc lợi thế chính trị ích kỷ của họ. Thậm chí có nhiều trường hợp nổi tiếng trong đó một số lạt-ma Tây Tạng tra tấn và giết người. Nhưng những hoạt động của họ không liên quan gì đến Phật giáo Kim cương thừa. Một số lạt-ma phạm tội sát nhân hoặc gây đau khổ và ngược đãi những chúng sanh hữu tình khác là sai trái. Họ sai trái trong quá khứ, sai trái trong hiện tại, và nếu tiếp tục điều đó trong tương lai, họ vẫn sẽ sai trái.

Dù lịch sử chính trị Tây Tạng mô tả những cuộc mưu sát, chém đầu và nhiều hình thức tàn bạo khác, tôi chưa bao giờ nghe nói bất kỳ ai bị đối xử hung bạo vì phá mật giới. Nhưng các bản văn Kim cương thừa nói rõ rằng hành giả Kim cương thừa không được phép kết giao với người phá samaya. Thông lệ này bắt nguồn từ đâu? Chúng ta hãy xem xét một câu chuyện về đức Phật và em ngài, Nanda.

Đức Phật quyết định đã đến lúc Nanda trở thành nhà sư, cho nên ngài đã đến thăm cung điện của ông. Nanda, một người có thói sùng bái khoái lạc, đã ra lệnh người hầu nói với đoàn khách rằng ông vắng nhà. Thực tế, ông quá bận rộn với người vợ yêu xinh đẹp của mình, nên không muốn bị quấy rầy bởi những cuộc trò chuyện xã giao. Khi người quản gia thông báo rằng anh ông đang đứng đợi để nói chuyện với ông, Nanda cảm thấy hết sức khó chịu. Nhưng Nanda không còn cách nào khác đành ra chào hỏi đức Phật.

Ngay khi họ gặp nhau, đức Phật dùng thần thông đưa Nanda đến Núi Kailash.

“Ai xinh đẹp hơn,” ngài hỏi, “vợ người hay con khỉ này?”

“Đương nhiên là vợ em!” Nanda trả lời.

Thế là đức Phật đưa Nanda đến cõi trời Đâu Suất, ở đó có hàng tá thiên nữ đẹp mê hồn đang sửa soạn một cung điện.

“Ai xinh đẹp hơn,” đức Phật hỏi, “vợ người hay những thiên nữ này?”

“Những thiên nữ này,” Nanda thừa nhận. “Họ đang làm gì vậy?”

“Chúng tôi đang chuẩn bị để đón Nanda,” một trong các thiên nữ đó trả lời. “Ông ấy sắp trở thành một tu sĩ! Khi ông ấy chết, công đức của việc làm một tu sĩ sẽ giúp ông ấy được tái sinh lên cõi trời Đâu Suất này, sống với chúng tôi.”

Ngay lập tức, đức Phật đưa cả hai quay lại Ấn Độ. Nanda bị mê mẩn bởi tương lai tái sinh giữa đoàn thiên nữ đến độ ông lập tức xin xuất gia. Đức Phật, dù biết hết động cơ của Nanda, vẫn làm lễ xuất gia cho em ngài, nhưng dặn các vị tăng khác tránh kết giao với ông ấy.

Vì không có vị tăng nào để nói chuyện, ăn uống cùng hoặc ở cùng phòng với Nanda, nên ông ấy rất cô độc.

“Sao ai cũng tránh mặt em vậy? Ông thắc mắc với đức Phật.

“Chư tăng của ta theo đuổi một mục đích khác với em,” đức Phật trả lời. “Em đang đi trên một lộ trình khác.”

Ý nghĩa của câu chuyện là chúng ta không thể đi bên phải lẫn bên trái cùng lúc. Chúng ta phải chọn bên này hoặc bên kia. Và vì phần đông chúng ta dễ bị chi phối bởi nhân và duyên, nếu một người bạn chọn đi theo một con đường ngược với quan điểm của các bạn, thì nó hầu như là cách tốt nhất để tránh nguy cơ bị họ ảnh hưởng. Tuy nhiên, một đạo sư có thể hướng dẫn một hành giả thành thực hơn sát cánh với những người phá mật giới như một phương pháp nâng cao thực hành của họ và thậm chí có thể cố gắng hướng người phá giới quay về nẻo chánh.

Kim cương thừa có một lý do khác để khuyên hành giả tránh những người giữ một quan điểm hoàn toàn khác. Những con đường Phật giáo khác làm việc trực tiếp với tâm và xem cơ thể không khác bình chứa tâm thức là bao. Đối với Kim cương thừa, thân, khẩu và ý quan trọng ngang nhau; trên thực tế, chúng là một. Các thực hành Kim cương thừa về kinh mạch (nadi), khí năng (prana) và nguyên tinh (bindu) gắn liền với thân, khẩu và ý và dễ bị ảnh hưởng. Do đó, những hành giả Kim cương thừa ít thành thực hơn được khuyên bảo vệ kinh mạch, khí năng và nguyên tinh của họ bằng cách tránh những người có quan điểm khác hẳn.

Không may, nhiều hành giả chọn tập trung vào đoạn ‘các bạn phải không kết giao với người phá samaya’ và quên rằng, như các hành giả Đại thừa, thực hành Bồ đề tâm của họ là yêu thương và quan tâm đến mọi chúng sanh hữu tình, kể cả những người phá mật giới, và làm việc không mệt mỏi vì sự giác ngộ của họ. Như vậy mới là tâm con người. Tất cả chúng ta đều có khuynh hướng lựa chọn mang tính thực dụng những khía cạnh của một con đường mà chúng ta cho rằng phù hợp với mình, và quên đi phần còn lại.

Nếu tránh gặp mọi người đã từng phá mật giới, thì chúng ta sẽ uống trà một mình suốt phần đời còn lại. Nhưng làm sao các bạn nhận ra một người phá mật giới? Làm sao các bạn biết một người đã phá mật giới hay chưa? Theo kinh nghiệm của tôi, những hành giả trông ngoan ngoãn và nghiêm chỉnh nhất thường là những người phá mật giới nhiều nhất, và những kim cương hữu bực trực, thô lỗ lại là những người giữ mật giới tốt nhất.

Gốc rễ của Kim cương thừa nằm ở Đại thừa, mà thực hành đặc trưng của nó là không bao giờ bỏ rơi chúng sanh hữu tình. Theo Kim cương thừa, một người phá mật giới là vì chịu sự khống chế của những cảm xúc tiêu cực của chính họ. Nhận ra điều này, là những hành giả Kim cương thừa đồng môn, chúng ta thậm chí phải có lý do nhiều hơn để động lòng trắc ẩn và quan tâm họ. Nếu một người thân trong gia đình các bạn bị bệnh, chẳng lẽ các bạn không sẵn lòng chộp lấy cơ hội để giúp đỡ họ sao?

Những người nói nhiều về vấn đề phá mật giới sẽ thích ở địa ngục kim cương. Những nhà phê bình Kim cương thừa mạnh miệng hơn thường buộc tội các lạt-ma Tây Tạng dùng mối đe dọa của địa ngục kim cương để hù dọa đệ tử phải ngoan ngoãn vâng lời. Có lẽ họ chưa nghe nói về Kim Cương

Tát Đỏa chẳng? Hãy tụng một biến thần chú Kim Cương Tát Đỏa một cách chân thành và *mọi* ô nhiễm của các bạn – trong quá khứ, hiện tại và vị lai – sẽ hoàn toàn được tịnh hóa. Nó hơi bất công khi phóng đại địa ngục kim cương mà không thêm đề cập gì đến thực hành Kim Cương Tát Đỏa.

LỄ Quán Đảnh

Tôi giờ đây sẽ không xấu hổ khi ăn cắp ý tưởng của một truyện ngụ ngôn mà những đạo sư vĩ đại trong quá khứ đã trích dẫn rất nhiều.

Giả sử, các bạn là đứa con trai duy nhất của một tỷ phú. Các bạn còn trẻ nhưng tò mò và thèm khát những trải nghiệm mới lạ. Một ngày cuối tuần, các bạn bay đến Marrakesh, một thành phố miền tây Ma-rốc, và mất tâm trong những phố chợ Trung Đông đẹp lạ lùng và những khu chợ A-rập rực rỡ sắc màu. Mọi người các bạn gặp đều mời những món ăn uống kỳ lạ, các bạn đều nhắm nháp và nuốt chửng tất cả, không từ chối bất cứ thứ gì. Trong một tiệm cà phê tối tăm và bẩn thỉu lạ thường, các bạn nếm thử món uống Marrakeshi thơm ngon ngang với nước trái cây lên men của Ấn Độ (soma). Gần như ngay lập tức các bạn cảm thấy choáng váng và ngất đi. Khi tỉnh dậy các bạn thấy tro troi một mình, cơ thể thâm tím, túi trống rỗng và không nhớ gì cả, ngay cả tên mình cũng không. Lựa chọn duy nhất của các bạn là ăn xin, lục lọi đồ thừa và trộm cắp để sống qua ngày.

Một hôm, có một cậu bé đâm sầm chiếc xe đạp vào tường và bánh trước văng ra ngoài. Trước sự ngạc nhiên của cậu bé, các bạn biết cách sửa nó. Cậu bé nhớ ơn và hôm sau quay lại với chú mình, người này hỏi các bạn có thể giúp việc trong tiệm xe đạp của ông ấy không. Sang năm sau, các bạn đòi về

ngôi nhà nhỏ xíu của gia đình và họ đặt cho các bạn một cái tên mới: Fiqdan Aldhaakirat Al'iinjilzii, nó có nghĩa là 'Người Anh mất trí nhớ' – gọi tắt là Dan. Năm tháng trôi qua, các bạn cưới một trong những cô con gái của ông chú và bắt đầu ra ở riêng. Cuộc sống khó khăn và các bạn thường thiếu ăn.

Hai chục năm sau, một người Mỹ xuất hiện đầy bất ngờ.

"Cha anh đã mất cách đây hai năm và để lại toàn bộ gia sản cho anh," người đó nói, "Khoảng vài tỷ đô la. Anh là người con duy nhất của ông ấy và gia đình anh muốn anh quay về Mỹ để điều hành đế chế của gia đình."

Đây đúng là những gì xảy ra trong một lễ quán đảnh. Đại thừa và nhất là Kim cương thừa, nói với chúng ta rằng mặc dù chúng ta những con người là chư Phật và vì thế, được quyền thừa hưởng toàn bộ sự giàu sang của đức Phật, nhưng vì chúng ta đã quên mất danh tánh thật của mình, nên cứ mãi lang thang vất vớ trong luân hồi từ đời này sang đời khác. Chỉ đến khi chúng ta nhận một lễ quán đảnh và đạo sư Kim cương thừa ân cần chỉ cho chúng ta bản tánh thật của mình, thì chúng ta mới khám phá ra con người thật của mình – ít nhất, đó là những gì được tin sẽ xảy ra. Đây chính là lý do duy nhất để ban một quán đảnh.

Chúng ta hãy quay lại câu chuyện. Dù các bạn không nhớ mình là con trai của một tỷ phú, nhưng dáng vẻ của một thành viên có tên tuổi, học thức thuộc tầng lớp tinh hoa vẫn không mai một. Một cảm giác ray rứt không ngừng ám ảnh tâm trí các bạn, điều đó, cộng với sự nhọc nhằn và buồn tẻ của công việc phụ giúp không đòi hỏi chuyên môn với thu nhập vừa đủ trả chi phí sinh hoạt, để lại trong các bạn cảm giác cô đơn và chán chường. Chắc chắn, các bạn sẽ nghĩ, lẽ ra phải tốt hơn thế này để sống chứ?

Chúng ta vô cùng may mắn nếu nỗi buồn của mình đi cùng với cảm giác rằng cuộc đời này không thể chỉ bấy nhiêu, mà phải nhiều hơn nữa. Nếu không có loại may mắn này, sẽ rất dễ tuyệt vọng – “Mình chẳng là gì cả; không có tương lai cho một kẻ như mình.”

Đời sống của các bạn ở Ma-rốc trái ngược với đời sống của một tỷ phú. Ý nghĩ các bạn có thể là con trai của tỷ phú chưa bao giờ xuất hiện trong đầu các bạn, vì điều đó không thể tưởng tượng nổi. Nhưng trong thâm tâm, các bạn biết rằng mình xứng đáng có cuộc sống tốt hơn một người thợ sửa xe đạp. Vấn đề là, các bạn đã sẵn sàng để lắng nghe điều người Mỹ xa lạ, đại diện của cha các bạn, phải nói với các bạn chưa? Các bạn đã sẵn sàng để nghe rằng mình là con trai của một người giàu có chưa? Các bạn có thể chấp nhận mình đang sống một cuộc sống lầm lạc trong hàng thập kỷ chưa? Các bạn có tự tin rằng các bạn giờ đây có thể chấp nhận con người thật của mình chưa? Các bạn đã sẵn sàng hay chưa phụ thuộc hoàn toàn vào nhân và duyên.

Sau khi gần như sống thiếu thốn cả đời họ, nhiều người không dám tin và không thể chấp nhận vận may. Khi đối diện với sự thật, họ nắm lấy nó theo cách sai lầm. Mật điển dạy rằng những người không dám nghĩ quá hoàn cảnh hiện tại vì không có ‘khả năng cao’. Những người có khả năng cao [thượng căn] hoặc thậm chí trung bình [trung căn] sẽ dũng cảm và mạo hiểm hơn những người có khả năng thấp [hạ căn]. Về cơ bản, đệ tử càng dũng cảm bao nhiêu, khả năng của họ càng lớn bấy nhiêu.

Các bạn có thể tin và chấp nhận mình thực sự là người thừa kế một đế chế kinh doanh hùng mạnh hay không cũng phụ thuộc vào cách người đại diện báo tin như thế nào. Nếu các bạn quá nhút nhát để có thể hình dung một cuộc sống khác

cho bản thân, thì cơ hội người đại diện có thể thuyết phục các bạn qua việc thông báo sự thật sẽ mong manh. Hy vọng duy nhất của ông ấy là báo tin thật nhẹ nhàng.

Đối với người đại diện, nhiệm vụ tìm kiếm người thừa kế khối gia tài đồ sộ và CEO tương lai của Tập đoàn Hunt là một trách nhiệm lớn. Chỉ khi người xứng đáng nhậm chức Giám đốc Điều hành mới có thể hồi sinh và phát triển công việc kinh doanh, cứu vãn hàng chục ngàn việc làm. Điều cuối cùng người đại diện muốn làm là chuyển giao cho người thừa kế của chủ nhân quá cố của ông, nhưng anh ấy không phải một người tài ba. Ông ấy đắm chìm vào tiệm sửa xe đạp, và báo một tin động trời mà các bạn không hề biết trước hoặc chuẩn bị tinh thần trước.

“Chào anh Hunt, cha anh đã mất và anh là người thừa kế toàn bộ gia tài ông ấy, hiện nó đáng giá khoảng 600 tỷ đô la. Gia đình muốn anh quay về Mỹ để điều hành công việc kinh doanh. Máy bay riêng của anh đang chờ ở sân bay, tối nay chúng ta sẽ bay.”

Các bạn choáng váng lẫn kinh hãi. “Tôi sao? Chắc ông nhầm rồi. Tôi chỉ là một người thợ sửa xe đạp! Tôi biết mình là ai. Và gia đình tôi ở đây, ở Marrakesh này. Họ cần tôi.”

Người đại diện tự tin và quả quyết một cách thô lỗ còn các bạn đơn giản là không tin ông ấy. Các bạn cảm thấy bị uy hiếp và sai khiến. Ý nghĩ các bạn có thể là con trai của một tỷ phú như cái tát vào mặt, và để tự vệ các bạn sẽ phản kháng và trở nên ngoan cố.

Nếu người đại diện khôn ngoan hơn, ông ấy sẽ thực hiện một cuộc kiểm tra lai lịch trước khi tự giới thiệu. Ông ấy nên hỏi thăm hàng xóm để biết các bạn là người thế nào, rồi cố gắng làm quen với các bạn. Và ông ấy phải bỏ thời gian của mình cho các việc đó. Chỉ khi biết rõ cách tiếp cận các bạn tốt nhất, thì ông ấy

mới bắt đầu giới thiệu về con người thật của các bạn – có lẽ bằng cách cho các bạn xem những tấm ảnh gia đình và ngôi nhà cũ của các bạn. Về cơ bản, nếu người đại diện đã nghĩ ngợi kỹ lưỡng về cách nói với các bạn, nếu ông ấy cố gắng đặt mình vào địa vị các bạn và thông cảm với hoàn cảnh các bạn hơn, thì các bạn đã có một cơ hội lắng nghe sự thật tốt hơn nhiều.

Đây là những gì xảy ra trong một lễ quán đảnh. Nó là lý do tại sao lễ quán đảnh lại rất quý giá và nó là một sự kiện đặc biệt trong đời thực sự đáng ăn mừng. Một tỷ lễ Sinh nhật, Rửa tội, Kết hôn, Kỷ niệm, Tạ ơn và Giáng sinh tất cả hợp thành một cũng không tung bừng và vui mừng bằng lúc các bạn trải qua một ngày được thọ nhận lễ quán đảnh đầu tiên và rồi cuộc các bạn đã trở thành người thừa kế hợp pháp gia tài – sự giàu có vô tận của đức Phật.

Cảnh báo Hợp lệ

Khi một lễ quán đảnh được ban đúng đắn, vị đạo sư sẽ nhắc nhở thận trọng và cảnh báo người tham dự về những gì bản thân họ đang quan tâm. Vào một thời điểm, lời cảnh báo được lặp lại ba lần, một thời điểm khác là sáu lần và thỉnh thoảng nhiều hơn. Hai cảnh báo cụ thể luôn được đưa ra. Một nghe như lời đe dọa: nếu các bạn không làm điều mình hứa thì sẽ gặp rắc rối. Hai là thúc giục các bạn hãy tận dụng cơ hội quý báu mà các bạn được trao: đừng bỏ lỡ cơ may của một đời người.

Tri ân

Có lẽ hiện các bạn đang bắt đầu hiểu chúng ta phải biết ơn thế nào đối với các đạo sư đã thật khéo léo giới thiệu với

chúng ta về sự thật theo cách chúng ta có thể nghe và hiểu được. Ngày nay, các đạo sư Kim cương thừa kết nạp hàng trăm và hàng ngàn người vào Kim cương thừa thậm chí không biết tên tuổi của họ. Điều này nghe có vẻ dị thường, những người đã thọ giáo thường cũng không biết tên của vị Lạt-ma đang ban quán đảnh. Đạo sư và đệ tử xem xét nhau chỉ vồn vện trong mười hai phút, nói chi đến mười hai năm. Đây là lý do vì sao các buổi lễ được ưu tiên hàng đầu khi những đệ tử khao khát của Kim cương thừa quyết tâm thọ nhận một lễ quán đảnh cụ thể, ngưỡng mộ con đường Kim cương thừa và thật lòng kính trọng vị đạo sư Kim cương thừa đang ban quán đảnh cho họ.

Giả dụ, người mẹ hấp hối đưa các bạn một hộp nhỏ đựng một vật gia bảo.

“Con gái yêu, đừng làm mất vật này nhé. Một ngày nào đó, nó sẽ cứu con.”

Các bạn yêu thương và tin cậy mẹ mình, vì thế, các bạn cất kỹ cái hộp ở một nơi an toàn và quên bẵng nó. Nhiều năm sau, việc làm ăn kinh doanh của các bạn bị thất bại và các bạn phải bán căn nhà của mình. Khi nhặt nhanh đồ dùng cá nhân, tình cờ các bạn tìm thấy chiếc hộp, mở nó ra và phát hiện một chiếc nhẫn kim cương vô giá trong đó. Nó đáng giá đến độ các bạn không cần nộp đơn phá sản nữa. Hãy tưởng tượng các bạn sẽ cảm thấy biết ơn đến mức nào.

Vào một thời kỳ đặc biệt căng thẳng trong đời mình, các bạn gặp một vị thầy thiền chỉ (shamatha). Các bạn học được cách an dịu tâm mình, kết quả là nhiều thân bệnh liên quan đến căng thẳng biến mất. Phải chăng các bạn sẽ không cảm thấy biết ơn người đã dạy thiền và dẫn dắt mình làm quen bước đầu với con đường? Phải chăng các bạn sẽ không muốn

chia sẻ điều mình đã học với tất cả bạn bè cũng bị căng thẳng như mình?

Hãy hình dung việc gặp một người nào đó giúp các bạn nhận ra ‘mình’ không liên quan với bất kỳ chiêu bài nào mà các bạn thường dùng để mô tả bản thân mình, nên không việc gì các bạn phải coi trọng chúng cả. Người này cũng chỉ các bạn cái cách không rơi vào bẫy của ‘chiêu bài’, ‘giá trị’ và ‘nét riêng’. Đột nhiên, các bạn được tự do. Những phán xét của người khác, mọi tham vọng, mục tiêu, thất bại và thành công không còn khống chế các bạn được nữa. Các bạn sẽ biết ơn người khiến cho sự giải thoát và tự do của các bạn trở thành hiện thực như thế nào?

Lễ quán đánh thường được cho là cánh cửa đi vào Kim cương thừa vì trong buổi lễ, chúng ta kết nối lại với chân tánh của mình và nhận ra rằng ngũ uẩn của mình – sắc, thọ, tưởng, hành, thức – đều là những vị Phật. Vì lý do này, vào ngày các bạn thọ nhận quán đánh đầu tiên, thì vị đạo sư mà các bạn thọ giáo sẽ trở nên quan trọng với các bạn hơn Chúa Giê-xu, nhà tiên tri Mô-ha-met, và thậm chí cả đức Phật Thích-ca Mâu-ni.

Bầu không khí

Về phần mình, tôi luôn cố gắng hết sức để nghĩ về mọi đạo sư của tôi là các đại thành tựu giả. Mọi người thọ nhận một lễ quán đánh từ bất kỳ ai trong số họ, dù chính thức hay tình cờ, đều tạo kết nối với họ. Thậm chí phi công của những chuyến bay mà các đạo sư của tôi bay trên đó cũng đều có mối liên hệ với họ. Một trong những phương pháp khéo léo nhất của các đạo sư của tôi là chuyển trọng tâm của bài giảng để phù hợp với cử tọa. Khi ban một quán đánh cho hàng chục ngàn người,

họ sẽ tập trung vào lòng yêu thương và Bồ đề tâm. Khi ban quán đảnh trong một pháp hội nhỏ hơn nhiều, chỉ dành cho những người được chọn lọc, họ sẽ bắt đầu từ sáng sớm hoặc nửa đêm để tránh quá đông người tụ tập và nhấn mạnh tính độc nhất vô nhị của cơ hội mà những người thọ giáo đang có. Trong cả hai trường hợp, đều ban cùng một quán đảnh.

Lễ quán đảnh là phương pháp phức tạp nhất trong mọi phương pháp Kim cương thừa trong việc hội đủ nhân và duyên; sức mạnh thúc đẩy nó là động cơ. Và Kim cương Thượng sư tạo ra bầu không khí của lễ quán đảnh bằng cách giảng giải về lịch sử, dòng truyền thừa và nguồn gốc của nó.

Theo tôi cách tổ chức lễ quán đảnh, hình thức thể hiện của nó và bầu không khí nó tạo ra luôn ảnh hưởng đến những người tham dự. Nếu tôi phải ban một lễ quán đảnh Quan Âm Tứ Thủ (Avalokiteshvara) cho hàng ngàn người Tây Tạng, thì tôi sẽ tổ chức nó trong một đại sảnh thật rộng lớn, vang dội âm thanh chói tai của những loa phóng thanh, trẻ em chạy nhảy tung tăng đó đây, gia đình và bạn bè ngồi túm năm tụm ba với nhau, tán gẫu và cười đùa, hàng đoàn tu sĩ phát gạo tẩm hồng hoa và trà sữa, người già quay kinh luân còn thanh thiếu niên thì nhắn tin. Nhưng nếu hai tân đệ tử người Nga đến từ Vladivostok xin tôi ban một quán đảnh giống như vậy, thì việc tổ chức sẽ hoàn toàn khác. Tôi có thể, ví dụ, yêu cầu họ gặp tôi ở một nơi bí mật bên bờ Đại Tây Dương. Tuy căng thẳng và tốn kém khi đến đó, nhưng bọn họ sẵn sàng đổi chuyến bay năm lần và thuê một chiếc xe hơi vì họ quyết tâm nhận quán đảnh riêng tư này và hăng hái làm bất kỳ điều gì để đến đó. Rốt cuộc, chúng tôi gặp nhau ở một bãi biển tuyệt đẹp, vắng vẻ. Để tăng thêm tính độc đáo của lễ quán đảnh, tôi sẽ cầm một cái lọng trắng tinh khiết và ngồi trên một bồ đoàn cùng với pháp khí quán đảnh đặt cạnh tôi trên một miếng vải

cô-tông giản dị. Hai người Nga, mặc đồ trắng, ngồi trên cát vàng trước mặt tôi, và tôi rưới nước từ một chiếc vỏ sò mà tôi nhặt được trên bãi biển.

Bầu không khí được tạo ra cho mỗi nhóm có thể khác nhau nhiều. Người Tây Tạng thoải mái nhận quán đánh trong một đại sảnh nhộn nhịp, đông đúc hơn và người Nga có cảm hứng hơn với lễ quán đánh bên bờ biển. Nhưng tất cả bọn họ đều thọ nhận cùng một quán đánh như nhau.

Một cách tiếp cận khác mà tôi có thể áp dụng là mời một đệ tử rất sùng kính đến một nghĩa địa Cơ Đốc giáo vào lúc một giờ sáng để ban cho cô ấy quán đánh dakini mà cô ấy đã thỉnh cầu. Địa điểm của một lễ quán đánh phụ thuộc hoàn toàn vào nhu cầu của đệ tử. Nhưng trong thế giới hiện đại, nếu một đạo sư Kim cương thừa bị phát hiện làm bất kỳ hình thức nghi lễ bí truyền nào, bất chấp nó vô hại thế nào, vị đạo sư và bản thân Kim cương thừa hầu như sẽ bị nhạo báng và bị gán cho là một tà giáo nguy hiểm.

Nghi quỹ

Một khi các bạn đã đưa ra quyết định một cách tỉnh táo và chủ động để bước vào con đường Kim cương thừa, đã chuẩn bị phù hợp cho mình và đã nhận một quán đánh, nếu, thay vì ‘hãy yêu mến hàng xóm’, vị đạo sư lại bảo các bạn lấy trộm bánh xăng-uyt của cô ấy, thì các bạn phải nghiêm túc làm theo chỉ dẫn của ông ấy. Nếu đạo sư bảo các bạn thế giới này phẳng, thì từ đó trở đi, một thế giới phẳng là nghi quỹ thực hành của các bạn – cho dù các bạn là một giáo sư thiên văn học. Nếu đạo sư bảo các bạn ghé thăm Phố Bond ít nhất một lần trong đời này, thì chuyến hành hương thiêng liêng của các

bạn sẽ là đi đến Phố Bond ở Luân-đôn. Và nếu đạo sư bảo các bạn phải đắc cử tổng thống Nga, thì các bạn phải làm đủ mọi cách để hoàn thành mục đích đó. Việc chuẩn bị cho cuộc bầu cử là thực hành hy sinh của các bạn, nên các bạn học tiếng Nga, trau dồi kiến thức về chính trường Nga và tìm cách di cư đến nước Nga... Mọi sự chuẩn bị của các bạn là những hoạt động phát sanh công đức và phải được thực hiện một cách toàn tâm, bất kể điều gì xảy ra. Nếu trong quá trình này, các bạn bỏ bê việc làm của mình, bị cách chức và cuối cùng sống nhờ vào phúc lợi xã hội của nước Úc như một kẻ vô gia cư, thì đành chịu vậy thôi.

Các bạn không ngu ngốc. Các bạn hoàn toàn biết rất rõ rằng, dù cố gắng hết sức, nhưng vô cùng khó khăn để có thể di cư đến nước Nga, hưởng hồ đắc cử tổng thống. Tuy nhiên, các bạn nghiêm túc thực hiện mọi sự chuẩn bị của mình vì thực hành hy sinh quên mình của các bạn, ‘ngghi quỹ’ của các bạn, là làm việc để hoàn thành mục đích đó. Bằng cách làm như vậy, các bạn nhận ra rằng mọi việc, kể cả bản thân đời sống, là một trò đùa. Mục đích của kẻ vô gia cư trở thành tổng thống nước Nga cũng hài hước như kẻ vô gia cư đến một phòng an sinh xã hội nửa tháng một lần để nhận tiền trợ cấp.

Ngày nay, những cơ hội gặp gỡ một đạo sư sẵn sàng ban những giáo lý và hướng dẫn như vậy rất mong manh. Hướng dẫn tiêu chuẩn, an toàn nhất mà một đạo sư Kim cương thừa có thể ban là “hãy hoàn thành Ngondro của các bạn”; còn hướng dẫn quan trọng nhất mà ông ấy có thể ban trong thế kỷ 21 là “hãy hành hương đến Ấn Độ” hoặc “hãy cưới người yêu các bạn” (người yêu mà các bạn đã đồng ý kết hôn, dù miễn cưỡng). Phần đông các đạo sư ngày nay đều là nạn nhân của sự kỳ vọng xã hội. Tôi nghi ngờ bất kỳ ai trong số họ có đủ can đảm để ban cho đệ tử những hướng dẫn táo bạo hơn, có vẻ lố

bịch hơn. Thời đại của những đạo sư thực sự dừng cảm dường như qua rồi. Nhưng tôi ước, từ đáy lòng mình, tất cả các bạn đều có thể gặp được một vị đạo sư như vậy.

Tri kiến thanh tịnh

Tôi có cảm giác là khi thực hành tri kiến thanh tịnh của mật thừa lần đầu tiên được trình bày ở phương Tây, cách giới thiệu và quảng bá nó không hiểu sao lại phản tác dụng. Câu thành ngữ Anh: ‘đẹp trong mắt người xem’ hoàn toàn đúng. Mọi thứ chúng ta thấy, nghe và tưởng tượng là sự phóng chiếu của riêng chúng ta. Một lần nữa, khi tôi nói ‘mọi thứ’ tôi thực sự muốn nói *mọi thứ!* Từ lòng nhân ái và can trường mà chúng ta nhìn thấy trong mắt của ông Nelson Mandela, cho đến sự rùng mình khiếp sợ gây ra bởi việc nhìn thấy bộ râu mép bàn chải đánh răng của Adolf Hitler.

Các bạn tin rằng tự do ngôn luận là một quyền căn bản của con người, trong khi người anh em của các bạn tin rằng việc phát ngôn quá nhiều ý kiến chủ quan trong lĩnh vực công chỉ tạo ra tình trạng bất đồng, mâu thuẫn, và bất ổn xã hội. Quan điểm và niềm tin của mỗi người đều dựa trên nhận thức độc nhất của riêng họ. Mọi thứ chúng ta nhận thức – đẹp, xấu, có vị, vô vị, ngọt, chua, tốt, xấu, đen, trắng – là cảm nhận qua mắt, tai, mũi, thân, lưỡi của người tiếp xúc với chúng. Nói cách khác, dù mọi thứ có thể được thấy, nghe, sờ, nếm... thế nào đi nữa nhưng chúng thực sự không phải vậy. ‘Sắc tướng có thể lừa dối’ là một cách nói phổ biến khác; nếu nhận ra được sự thật này, thì thực hành tri kiến thanh tịnh của các bạn đã thực hiện được 80%.

Các bạn cũng phải hiểu nghịch lý của sự hợp nhất Sắc-Không, Thanh-Không, Vị-Không, Xúc-Không, và Hương-Không.

Trong trường hợp này, nghịch lý đó là mỗi cặp đều không thể tách rời. Sắc không xuất hiện trước Không một giây nào, và ngược lại; sức nóng không xuất hiện trước ngọn lửa một giây nào, và ngược lại.

Nhận thức thanh tịnh 100% là điều mà mật điển gọi là ‘lòng sùng kính’, là tin rằng đạo sư các bạn có Phật tánh. Giống như cách một nhà địa chất không sai lầm khi cô ấy nhìn một đồng quặng và nghĩ nó là vàng ròng, một đệ tử mật thừa không sai lầm khi anh ấy nhìn đạo sư hay buồn ngủ, đôi lúc gắt gỏng của mình – một người thích vang đỏ hơn trắng – và tin rằng những gì anh ấy cảm thấy là lòng sùng kính. Anh ấy đang cảm thấy lòng sùng kính. Và lòng sùng kính không mang tính phiến diện. Đạo sư kim cương cũng phải xem mỗi đệ tử của ông với sự thanh tịnh của nhận thức giống hệt như vậy – giống như một bếp trưởng chảy nước miếng khi bà ấy quan sát đồng nguyên liệu mà bà ấy sẽ chế biến thành một món ăn ngon mới. Nhưng trong trường hợp của đạo sư kim cương, tri kiến thanh tịnh được gọi là ‘từ’ và ‘bi’.

Nếu các đệ tử thiếu sự hiểu biết căn bản mang tính lý trí về tri kiến thanh tịnh và lòng sùng kính và không áp dụng chúng đúng cách, thì đạo sư có thể dễ dàng lợi dụng cả hai [tức tri kiến thanh tịnh và lòng sùng kính] bằng cách biến chúng thành một hệ thống tẩy não tinh vi. Đây là cách một số Lạt-ma lạm dụng đệ tử của họ, và điều này đã xảy ra rất thường xuyên qua nhiều thế kỷ.

Một đạo sư Sakya vĩ đại có lần đã dạy rằng các bạn phải cố gắng thiền định đạo sư là một vị Phật, sau đó cố gắng xem ông ấy là một vị Phật, nhưng khi kết thúc quá trình phải luôn nhận thấy *mình* là một vị Phật. Đây là tất cả những gì nói về đạo sư du già. Hãy luôn nhớ là một đạo sư sẽ biết rõ rằng không có đệ tử nào của ông ấy có khả năng nhìn thấy ông ấy là Phật từ đầu

- như tôi đã từng nói, nó sẽ mất một thời gian dài. Một đạo sư mong mỏi có tri kiến thanh tịnh ngay lập tức và tỏ vẻ không bằng lòng hoặc thậm chí trừng phạt đệ tử những người không thể lập tức thấy ông ấy là Phật, thì ông ấy không những *không xứng* là một Kim cương Thượng sư, mà ông ấy còn thiếu mọi khả năng thông thường.

Nhân tiện, ‘xem đạo sư là Phật’ có nghĩa thực sự là gì? Có bao nhiêu đạo sư hứng tình, thèm khát sẽ sung sướng khi đệ tử coi họ là đức Phật Thích-ca Mâu-ni? Đức Phật đi khát thực, sống đời tu sĩ thanh tịnh tuyệt dục và không bao giờ cầm tiền trong tay. Nếu đệ tử của một đạo sư thực sự thấy ông ấy là đức Phật Thích-ca Mâu-ni, có phải vì thế mà họ cúng dường vật thực cho ông mỗi buổi sáng chẳng? Có bao nhiêu đạo sư muốn đệ tử thấy họ là các bốn tôn có đầu heo hoặc đầu ngựa? Phải chăng một đạo sư có thể bị xúc phạm nếu đệ tử quán tưởng ông ấy là một bốn tôn có nhiều đầu? “Ta chưa đủ tốt hay sao? Tại sao các con lại muốn quán tưởng thêm đầu như thế?” Phải chăng một đạo sư sẽ giận dữ nếu đệ tử cứ liên tục phục vụ ông ấy các bữa ăn sáng, trưa và tối, vì như vậy chứng tỏ rằng họ không xem ông ấy là đức Kim Cương Trì? Ông ấy sẽ thích đệ tử dâng lên ông ấy một cốc sọ máu hơn chẳng? Và có phải những đệ tử cúng dường đạo sư của họ một cốc sọ máu tươi sẽ không được khen thưởng cho việc họ có thể xem ông ấy là đức Kim Cương Trì chẳng? Một đạo sư thông minh, tử tế, chính trực sẽ không bao giờ nuôi dưỡng những kỳ vọng kỳ dị, lối bịch như vậy. Chư Phật không có sở thích; nếu đạo sư thực sự là một vị Phật, nếu ông ấy được mời một đĩa đầy phân cho bữa trưa của mình, thì ông ấy sẽ điềm nhiên ăn nó.

Đệ tử, những người thấy đạo sư của họ có làn da vàng, sẽ không dành thêm điểm nào, cũng không phải những người xem ông ấy là đấng Hộی Mẫu Kim Cương vĩ đại và nghe tiếng

kêu ừn ừn của bà ấy. Nhưng khi một đệ tử có thể xem đạo sư là Phật, cô ấy sẽ vượt qua biên giới của luân hồi và trở thành một bậc siêu phàm. Không đạo sư Kim cương thừa đáng kính nào mong đợi một đệ tử đạt được điều này từ đầu, trong mười hai tháng hoặc thậm chí hai mươi lăm năm.

Lúc đầu, những đệ tử mới phải tập trung vào việc học cách chấp nhận rằng mọi thứ họ nhận thức, tốt và xấu, là sự phóng chiếu của chính họ và, trên cơ sở đó, họ phải tự rèn luyện để xem đạo sư là một vị Phật. Nhưng một lần nữa, câu hỏi xuất hiện: ‘xem đạo sư là một vị Phật’ có nghĩa thực sự là gì? Nó có nghĩa là các bạn học cách nhận ra rằng hình thức, hình dáng, kích cỡ, màu sắc và giới tính mà các bạn thấy đạo sư của mình theo cách như vậy là một nhận thức bất tịnh. Trong bối cảnh này, ‘bất tịnh’ không có nghĩa do bản hoặc xấu xa theo nghĩa thông thường, mà có nghĩa là ‘nhị nguyên’. Vì thế, số lượng (như một và hai) là bất tịnh; khái niệm về kích cỡ (lớn và nhỏ) là bất tịnh; và giới tính (nam và nữ) là bất tịnh. Về cơ bản, mọi thứ nhị nguyên mà chúng ta chấp trước đều bất tịnh. Là những đệ tử, chúng ta rèn luyện tâm mình bằng cách trước hết chấp nhận rằng mọi thứ chúng ta nhìn thấy và tương tác đều thuộc về phạm vi ‘nhận thức nhị nguyên’. Nhưng, thật tánh của vô số sự phân biệt có vẻ bất tịnh nhị nguyên mà chúng ta tạo ra chính là tánh không. Cho nên, thật tánh của mọi hiện tượng là phi nhị nguyên hay bất nhị. Không có gì thực sự bị ràng buộc bởi thời gian, giới tính, màu sắc, hình dáng, quốc tịch... Bởi vậy, như các bản văn mật thừa nhiều lần nhắc lại, để nâng cao sự nhận biết bất nhị của mình, chúng ta cần cố gắng nhớ rằng mọi thứ xuất hiện đều là hình tướng bên ngoài của đạo sư, mọi âm thanh đều là âm thanh được tạo ra bởi đạo sư, và mọi tư tưởng của chúng ta, kể cả điều gì chúng ta đang nghĩ ngay lúc này, đều là trí tuệ của đạo sư.

Làm gì Bây giờ?

TƯƠNG LAI của Phật pháp và hạnh phúc của từng chúng sanh hữu tình trên hành tinh này phụ thuộc vào, như họ luôn có, công đức của nhân loại. Khi tôi đang viết cuốn sách này, đại dịch COVID-19 vẫn đang lan rộng và biến đổi. Ngay lúc này, đại dịch vẫn chưa có dấu hiệu kết thúc trong tương lai gần. Tôi hy vọng là, nếu đúng như vậy, con vi-rút này đã dạy chúng ta rằng với cái nhìn toàn cảnh, thế giới của nhân loại chúng ta cực kỳ vô nghĩa. Chúng ta hầu như không được xem là một quyền lực trong vũ trụ này. Hãy ngẫm xem, nhân loại thực sự đã đạt được những thành tựu gì? Không trường đại học nào, quốc hội nào, thượng viện nào hoặc ủy ban trung ương nào của chúng ta làm tròn lời hứa của họ hoặc hoàn thành mục đích của họ. Tất cả những gì người ta làm là liệt kê các khả năng rồi mô tả các trường hợp dự kiến xảy ra. Các chính phủ có vẻ giống chuyên gia dự báo thời tiết hơn cả. Không ai có đủ khả năng đưa ra những dự đoán chính xác hoặc đem lại sự thay đổi dù nhỏ nhất. Thậm chí chúng ta cũng không thể chuẩn bị cho điều chắc chắn sẽ xảy ra.

Tất cả những gì nhân loại có là một tâm thức, một nhận thức. Tâm thức không tốt (thương yêu, trắc ẩn, tử tế) cũng không xấu (giận dữ, ghen ghét), nó chỉ là tâm. Ngay bây giờ, khi các bạn đang đọc câu này là đang vận dụng tâm mình. Với những âm thanh các bạn nghe, chúng sẽ được hiểu bởi tâm các bạn, và với mọi thứ các bạn cảm giác, chúng sẽ được xử lý bởi tâm các bạn. Tâm không phải sự tưởng tượng mà nó là một thực tại tự nhiên vốn thế. Tâm đang hiện hữu ở đây, ngay

bây giờ, trong tất cả chúng ta. Và vì tâm là vốn quý quyền năng nhất của mình, liệu chúng ta có nên bắt đầu học cách hiểu và tận dụng nó không?

Bước đầu tiên là khởi lên một ý niệm sâu xa muốn đầu tư mọi thứ chúng ta có vào việc học cách vận dụng tâm mình. Để làm điều đó, chúng ta cần có công đức. Không thể nào thiếu công đức. Nó cũng là một thứ chúng ta có thể tạo ra cho bản thân. Thiếu công đức, chúng ta chẳng thể làm gì - Thực tế là tất cả chúng ta phải tìm cách để hiểu.

Vai trò của các đạo sư Phật giáo trong tương lai của Phật giáo sẽ tương đối nhỏ, vì sự sẵn có của những bản dịch, bản văn gốc, thư viện... Không phải tài hùng biện của các đạo sư Phật giáo sẽ quyết định mỗi lời dạy của đức Phật Thích-ca Mâu-ni được truyền tải, tiếp nhận, lĩnh hội và đưa vào thực hành như thế nào, mà chính là công đức của nhân loại.

Với ưu thế của khoa học và quá trình thoát ly ảnh hưởng tôn giáo ở phương Tây, liệu có chỗ cho một truyền thống tâm linh như Phật giáo, tràn trề niềm tin, nghi lễ và kể chuyện chẳng? Đương nhiên là có! Thế giới này luôn được giục giã bởi những câu chuyện tuyệt vời. Về mặt lịch sử, những câu chuyện về thiên thần và ác quỷ, thiên đường và địa ngục, anh hùng và ác nhân đã được kể lặp đi lặp lại, phần lớn chúng hiện đã bị hạ bậc thành thể loại thần thoại và cổ tích. Những câu chuyện trong thế kỷ 21 của chúng ta nói về dân chủ, chủ nghĩa xã hội và kinh tế, và sự tin tưởng của chúng ta vào những câu chuyện này là những điều thúc đẩy chúng ta.

Một ngoại lệ hiển nhiên là tâm - sự nhận thức hay tánh giác của chúng ta; tâm không phải một câu chuyện. Tánh giác của người đọc cuốn sách này không phải một câu chuyện. Các bạn, những độc giả, có khả năng hiểu biết; cuốn sách này thì không. Mặc dù tánh giác của toàn thể chúng sanh hữu tình là không

thể phủ nhận, nhưng bản chất của tánh giác đó vẫn là một bí ẩn. Chúng ta không biết tánh giác là gì. Chúng ta không có manh mối về cách sử dụng nó hoặc cách xử lý những cảm xúc, sự phán đoán và sự đánh giá phát sinh từ nó. Kết quả là, chúng ta bị đau khổ, lo âu, hoang mang, chán nản và mọi cảm xúc còn lại – đó chính là lý do vì sao đức Phật Cồ-đàm và các đệ tử của ngài dành rất nhiều thời gian và công sức vào việc dạy chúng ta cách thức lắng dịu mọi đau khổ bằng cách điều phục tâm mình.

Con người ngày nay có đủ thông minh hay không hoặc, như những Phật tử nói, liệu họ có đủ công đức để muốn hưởng nội hay không? Có chứ, tôi tin là họ có. Và đối với những người khao khát nhìn vào tâm mình, thì Phật pháp không chỉ phù hợp mà còn hơn thế nữa.

Chắc chắn, những nghi lễ, phương pháp và biểu tượng được sử dụng bởi Phật pháp sẽ phát triển và thay đổi. Điều đó tốt, miễn quan điểm vẫn nguyên vẹn. Nhưng bản thân Phật pháp sẽ chỉ tồn tại nếu mọi người vẫn còn muốn học tập và thực hành giáo lý của nó. Cho nên, vì thế hệ tương lai, từ bây giờ chúng ta phải tạo ra một nhu cầu to lớn đối với Pháp bằng việc tìm cách giới thiệu giáo lý sao cho nó thu hút được sự quan tâm và sự hiếu kỳ nhiều hơn của mọi người. Ngoài ra, nó cũng là một trường hợp của quy luật cung cầu. Nếu đủ người muốn biết về Phật pháp, thì nguồn cung đáng kể về vật liệu và tài liệu thích hợp sẽ tiếp tục được sản xuất trong hàng chục năm sắp đến. Tất cả điều đó có nghĩa là nguyện vọng nhiệt thành trong việc truyền bá và chuyển bánh xe Pháp cuối cùng có thể thực hiện được thông qua việc học tập, suy tư, lắng nghe, và xây dựng các cơ sở và trường đại học nhiều hơn bao giờ hết.

Khi nói đến việc gánh vác trách nhiệm để duy trì sự nhiệt tình đối với việc học tập và thực hành liên tục Phật pháp, các đạo sư Phật giáo, kể cả đạo sư Kim cương thừa, phải đứng mũi chịu sào. Hiện nay, hơn bao giờ hết, chúng ta cần những đạo sư xuất chúng. Không nhiều đạo sư Tây Tạng có thể thấu hiểu tâm trí của những người sanh trưởng ngoài Tây Tạng, chủ yếu là vì họ bị giới hạn bởi bản sắc Tây Tạng của mình. Khác với các linh mục Giáo sĩ dòng Tên Ca-na-đa, mà nguyện vọng thiết tha của họ là muốn truyền bá lời Chúa đã đưa họ đến Pê-ru và miền Trung Phi châu, thì đam mê duy nhất mà các Lạt-ma Tây Tạng từng cho thấy là xây dựng những đền thờ và tu viện truyền thống. Một điều rất hay xảy ra, đó là chức trách hoằng dương Phật pháp nặng về học thuật (institutional responsibilities) đã làm lu mờ mọi mối quan tâm khác. Những đệ tử không cùng chủng tộc của những Lạt-ma Tây Tạng gần như cảm thấy hãnh diện vì nói được tiếng Tạng trôi chảy hơn hẳn việc có được niềm tin bất thối chuyển rằng cuộc đời thật vô thường. Phải chăng những Lạt-ma sẽ để ý đến những đệ tử không cùng chủng tộc cảm thấy háo hức, thậm chí không thể trì hoãn, như thế nào để thực hành Pháp?

Khi một Lạt-ma khá cao cấp cùng tăng đoàn tùy tùng thăm viếng Lerab Ling tại miền Nam nước Pháp, tất cả những gì thuyết phục ông rằng Phật pháp đã được thiết lập tại Lerab Ling là cảnh tượng của quần thể kiến trúc tu viện, học viện kiểu Tây Tạng nguy nga của nó và ngay lập tức ông tuyên bố rằng Rinpoche Sogyal là vị Lạt-ma duy nhất đã thiết lập Phật pháp đúng nghĩa tại trời Tây. Lời nhận xét này nói lên tất cả. Và với vài giờ đồng hồ ông cùng đoàn tùy tùng lưu lại trung tâm, nó chỉ đủ để họ lướt qua những gì mà Lerab Ling giới thiệu.

Phật pháp và Kim cương thừa đã tạo nên chính cơ cấu của đời sống Tây Tạng. Đây là lý do vì sao người Tây Tạng không

ngừng sản sinh ra phần lớn những hành giả đáng kinh ngạc. Chúng ta không biết họ sống ở đâu hoặc họ làm gì, nhưng những hành giả này đã chân chính bảo tồn truyền thống Kim cương thừa và, cứ như thế, đại diện cho tương lai của con đường Kim cương thừa. Tôi chỉ mong một vài người có thể hiểu được tâm lý ẩn chứa trong những cuốn sách như *Bắt trẻ đồng xanh (Catcher in the Rye)* và đánh giá cao lý do vì sao ông Nietzsche lại thích Phật giáo, dấu những lý do ông thích đều không đúng.

Dù vô tình hay hữu ý, các Lạt-ma Tây Tạng đã dẫn đầu trong việc du nhập Phật pháp vào phương Tây ở thế kỷ 20, và họ đạt được nhiều thành công nhờ những người phương Tây đầy nhiệt huyết trong nỗ lực vượt qua nhị nguyên. Nhưng thời của những Lạt-ma Tây Tạng là những người độc quyền nắm giữ các dòng phái Kim cương thừa sắp hết. Tôi sẽ ngạc nhiên nếu, trong khoảng hai mươi năm nữa, người Tạng vẫn giữ được bất kỳ quyền hành nào trong Mật điển thừa, nhất là khi tôi nhìn vào thế hệ những đạo sư mới – đặc biệt những người có chức danh.

Tuy nhiên, không dễ dàng gì để những người không phải người Tạng đảm nhiệm công việc của đạo sư Phật giáo nói chung, huống hồ là đạo sư Kim cương thừa. Khi những người không phải người Tạng bắt đầu giảng dạy Kim cương thừa, họ thường vấp phải sự không tán thành và sự chống đối, nhưng không phải từ người Tạng. Hầu hết sự chống đối đến từ những đạo sư không phải người Tạng khác. Và vì những người không phải Tạng thường hiểu biết mọi khía cạnh Phật pháp nhiều hơn đa số người Tạng, nên vấn đề trên hiếm khi có bất kỳ liên quan nào đến các đạo sư tự-phong thiếu kiến thức. Tôi thấy điều này rất thú vị. Những người Tạng lại rơi vào một thái cực khác và tốn kém cho những lá thư xác thực một cách nhanh chóng và bất cần.

Giá như những đạo sư Phật giáo không phải người Tạng có khát vọng, phát triển được niềm đam mê truyền Pháp giống như những linh mục Giáo sĩ dòng Tên truyền Phúc âm. Sự nhiệt huyết sẽ làm được rất nhiều điều! Có lẽ những đạo sư có khát vọng, những vị đọc cuốn sách này, có thể cố gắng dành nhiệt huyết của họ không chỉ trong việc viết báo và tạo ra hàng loạt bài giảng trên kênh Youtube. Còn Phật tử, những người không ích kỷ và thật lòng quan tâm việc dìu dắt người khác đến với Pháp, luôn thu hút sự chú ý tích cực và chiếm được lòng tin. Sự quan tâm chân thành với Pháp của một đạo sư thường là phẩm chất thu hút nhất của họ. Khi đề cập đến việc trình bày những sự kiện, lý thuyết và triết lý rối rắm, các chuyên gia là những người có thể gây ấn tượng. Nhưng người gây ấn tượng nhất là tình nguyện viên không biết mệt mỏi, người phục vụ cà phê sau một buổi Pháp thoại, và dù không phải bốn phần của mình nhưng vẫn nhiệt tình giới thiệu người mới với chuyên gia. Sự nhiệt tình với Pháp và niềm tin kiên định vào Pháp có thể cảm nhận rất rõ ràng của cô ấy có sức lan tỏa mạnh và đa phần chúng ta sẽ đáp ứng lại lòng nhiệt tình không màu mè, vô tư, chân thật tốt hơn với những danh sách và định nghĩa dài bất tận.

Khi chúng ta cố gắng lôi kéo sự chú ý nhiều hơn của mọi người đối với Pháp, xin hãy cố gắng thể hiện loại nhiệt tình và quan tâm không thể cưỡng nổi mà người khác thấy nó thật lôi cuốn. Tôi tin chắc rằng, trong tương lai, một phẩm chất quan trọng nhất của một đạo sư không phải người Tạng sẽ là nỗi khát khao giới thiệu Phật pháp đến từng chúng sanh hữu tình trên hành tinh này. Nhiều năm qua, tôi đã gặp nhiều hành giả, những người thể hiện phẩm chất này, nhưng họ hiếm khi là đạo sư, tác giả, học giả, giáo sư, thuộc Phật giáo hoặc các thầy dạy yoga truyền bá Phật pháp. Nó thường là người mẹ làm

việc đơn thân có ba con mà niềm khát khao kết nối mọi người cô ấy quen với Phật pháp mãnh liệt đến nỗi sẵn lòng nỗ lực hơn người để khuyên bảo người khác. Loại nhiệt tình này có ích cho Phật pháp nhiều hơn mọi chuyên gia Phật giáo trên hành tinh này. (Lợi thế của việc nặc danh và không có một chức danh Pháp buộc phải sống theo kỳ vọng mọi người hoặc không có trách nhiệm bảo tồn cũng có thể hữu ích). Những tình nguyện viên nhiệt tình có khả năng nói chuyện riêng với bạn bè và người thân từng người một mà không có vẻ hống hách hoặc giáo điều. Tôi luôn nghĩ đến họ trong lời cầu nguyện của mình vì sự trường thọ của các bậc nắm giữ Giáo Pháp.

Tương lai của Kim cương thừa

Những lạt-ma trong quá khứ thường nói về hàng loạt chướng ngại rất ghê gớm chĩa vào thái tử Tất-đạt-đa khi ngài ngồi dưới cội Bồ đề. Đây là cuộc tấn công ác liệt nhất mà ngài từng trải qua và liên tục leo thang mãi cho đến một sát-na trước khi ngài đạt giác ngộ.

Qua nhiều thế kỷ, Phật pháp nói chung đã đối mặt vô vàn chướng ngại bên ngoài, bên trong và bí mật. Bất kể bao nhiêu chướng ngại mà những môn đồ ngày nay của Phật pháp và nhất là hành giả Kim cương thừa phải đương đầu, các bạn đừng bao giờ cảm thấy thối chí. Hãy tự nhắc mình rằng các bạn càng tu tập tốt bao nhiêu thì các chướng ngại sẽ càng tác động lớn hơn, mạnh hơn và nhiều hơn bấy nhiêu. Những đệ tử mật thừa thông minh sẽ chọn cách giải thích mọi chướng ngại là dấu hiệu tiến bộ; thay vì bị đè bẹp bởi nghịch cảnh, thì họ lại xem chướng ngại là cơ hội tuyệt vời để gia tăng nỗ lực của mình.

Lo lắng cho tương lai của Phật giáo trong thế giới hiện đại và lo rằng Pháp và Kim cương thừa có thể sớm lỗi thời là dấu hiệu kiến thức Phật pháp của các bạn còn ít ỏi. Không việc gì phải lo lắng cả.

Từ Thanh văn thừa cho đến Kim cương thừa, mọi lời dạy trong Giáo Pháp của đức Phật đều tạo động lực và tiến bộ. Bất kỳ điều gì, thoát nhìn có vẻ thật lười, thì chúng đều được tiếp nhận từ những nền văn hóa mà Phật giáo du nhập vào - Tây Tạng, Nhật Bản, Trung Hoa... Và ai thực sự quan tâm văn hóa? Văn hóa, luôn thay đổi, có thể giúp đỡ và ủng hộ, nhưng nó thường gây cản trở nhiều hơn.

Đức Phật dạy ‘mọi hiện tượng giả hợp đều vô thường’; trí tuệ này không thể hiện đại hóa. ‘Mọi hiện tượng đều vô ngã’ không cần sửa đổi. Giáo lý về tánh không không cố hủ cũng không lỗi thời và không thể cải biên. Ngược lại, mọi giáo lý của đức Phật luôn có hai đặc điểm bất di bất dịch là nhìn xa trông rộng và hợp thời đại.

Quan điểm và thực hành tri kiến thanh tịnh của Kim cương thừa - ví dụ, nhận thức đạo sư một cách thanh tịnh - không lỗi thời và không cần sửa đổi. Như chúng ta đã biết, đẹp xấu tùy theo mắt người nhìn và sự thật của Kim cương thừa không bao giờ có thể thay đổi. Đức Phật đã biết rằng cái tôi là một ảo tưởng. Dù có thể điều chỉnh một số kỹ thuật chúng ta sử dụng để chứng ngộ sự thật đó - chẳng hạn đứng thay vì ngồi thẳng khi các bạn thiền định hoặc thậm chí đứng khom lưng - bất kỳ sự điều chỉnh nào phải luôn góp phần vào sự chứng ngộ rằng cái tôi là một ảo tưởng.

Kim cương thừa nói với chúng ta rằng chúng ta là bốn tôn, nơi chúng ta ở là mạn-đà-la và mọi chúng sanh khác cũng là những bốn tôn. Để nâng cao thực hành tri kiến thanh tịnh của mình, chúng ta sử dụng kỹ thuật được quy định bởi đức Kim

Cương Trì - Phật Bốn Sơ - cố gắng thấy đạo sư là hiện thân của toàn thể chư Phật. Sau khi đã xem xét kỹ lưỡng một đạo sư Kim cương thừa, chọn ông ấy hay bà ấy là đạo sư Kim cương thừa và thọ nhận quán đảnh, từ đó trở đi, chúng ta phải giữ một tri kiến thanh tịnh về đạo sư của mình. Đó là thực hành, là kỹ thuật và là con đường của chúng ta.

Mọi người trải qua thăng trầm với đạo sư của họ. Một lúc nào đó, mọi người sẽ nghi ngờ hướng dẫn của đạo sư và thậm chí từ chối làm theo yêu cầu của ông ấy. Nhưng điểm cốt lõi của tri kiến thanh tịnh vẫn không đổi. Nhiệm vụ của một hành giả Kim cương thừa là phải thấy đạo sư là sự hiện thân của toàn thể chư Phật, và bản thân họ cũng như môi trường chung quanh họ là mạn-đà-la. Chúng ta không thể thấy đạo sư bất tịnh và chúng ta phải làm theo mọi hướng dẫn của đạo sư. Kỹ thuật và sự rèn luyện Kim cương thừa này không thể bị thay thế hoặc sửa đổi. Bất kỳ ai điều chỉnh thực hành tri kiến thanh tịnh dưới bất kỳ hình thức nào thì nó sẽ không còn là thực hành Kim cương thừa.

Tôi nhắc lại, đức Kim Cương Trì *không bao giờ* nói rằng nếu con đường này nghe có vẻ lý thú và vui vẻ, các bạn phải nhảy ngay vào không đắn đo. Ngài *không bao giờ* nói hãy cố lên! Hết lần này đến lần khác, ngài đều khuyên phải cẩn thận. Quy định của đức Kim Cương Trì trong việc đi theo một đạo sư Kim cương thừa *không thể* sửa đổi, cải cách hoặc tùy ý điều chỉnh. Nếu các bạn sửa đổi hoặc cải cách quy định, kết quả sẽ không còn là một thực hành Kim cương thừa. Đây không phải cách hiểu hay cách giải thích của riêng tôi, nó đã được nói rõ trong nhiều mật điển và được nhắc lại nhiều lần trong những bản văn được tôn trọng bởi bốn trường phái Phật giáo Tây Tạng. Đây là quan điểm mà tôi đang cố gắng bảo vệ trong các tuyên bố và thuyết giảng công khai của mình sau vụ bê bối bị

vở lở năm 2017. Nếu con đường Kim cương thừa có vẻ đảo ngược về thời phong kiến, nếu các bạn không tin nó hoặc cảm thấy nghi ngờ về bất kỳ phương diện nào của con đường hoặc thực hành, vì lợi ích của riêng mình, các bạn phải tránh xa mật điển như tránh bệnh dịch vậy.

Phật tử cũng là những con người. Từ thuở xa xưa, đã có những hành giả và đạo sư Phật giáo tốt cũng như xấu. Chắc chắn không đúng khi nói rằng hiện nay có nhiều đạo sư xấu hơn bao giờ hết – chúng ta phải cẩn thận không đưa ra loại giả định đó.

Những đạo sư Kim cương thừa tương lai phải không bao giờ quên giáo lý Thanh văn thừa và Đại thừa. Tôi sẽ tin cậy một đạo sư Kim cương thừa, người dạy 90% Thanh văn thừa và Đại thừa, và 10% Kim cương thừa, vì đó là người nói và làm được. Vì đạo sư phải thực hiện được mọi điều họ dạy dỗ, họ phải không bao giờ được hãm hại một chúng sanh hữu tình – không ngay cả loài côn trùng nhỏ bé nhất, huống chi là đệ tử của họ. Đạo sư phải dứt khoát không bao giờ thiếu hủy hạt giống khát vọng theo đuổi Phật pháp của một cá nhân nào. Và dĩ nhiên, một đạo sư phải không bao giờ quy lụy sự kỳ vọng xã hội và cái gọi là cư xử đúng mực (political correctness). Nếu đúng như vậy, nó là một dấu hiệu ông ấy dễ bị mua chuộc và thuyết phục, và ông ấy không có tư tưởng phóng khoáng. Quá dễ để một đạo sư quy lụy bị gò bó vào lẽ thói, và đệ tử cũng bị gò bó vào đó cùng với ông ấy.

Từ năm 2017, tôi đã bắn khoăn rất nhiều đến những tuyên bố công khai khác nhau về Kim cương thừa. Không chỉ một số quan sát viên và đệ tử của giáo lý Kim cương thừa dường như gợi ý rằng có thể thực hiện được việc chấn chỉnh và thay đổi Kim cương thừa, mà còn có một hoặc hai đạo sư Tây Tạng nữa. Không may là cách diễn đạt của những tuyên bố này mơ hồ –

chính vì vậy mà nó nguy hiểm. Như tất cả chúng ta đều biết, mọi câu từ chúng ta đăng tải lên mạng sẽ được lưu giữ mãi trong không gian mạng. Thậm chí tệ hơn, các vị đạo sư này khiến người ta tưởng rằng, đó là thậm chí sau khi đã hoàn thành mọi điều kiện tiên quyết, rèn luyện và phân tích, và sau khi nhận một quán đánh với đầu óc sáng suốt, có ý thức và tỉnh táo, nếu một đạo sư cư xử sai trái theo một cách cụ thể, thì đệ tử ‘được phép’ ngừng thực hành tri kiến thanh tịnh về đạo sư của mình và họ ‘được phép’ chỉ trích ông ấy. Nhưng điều quan trọng ở đây không phải về việc đệ tử được phép làm bất kỳ điều gì; việc được phép hoặc không được phép chỉ là khái niệm thế gian. Nếu các bạn chỉ trích đạo sư sau khi đã nhận quán đánh từ ông ấy, thì xem như cuộc hôn nhân đã chấm dứt. Trong thế giới bình thường, các bạn có thể đưa đơn kiện đạo sư Kim cương thừa ra tòa và làm ông ấy thân danh bại liệt nếu muốn. Việc các bạn nên hoặc không nên hoàn toàn không phải vì tôi bảo; các bạn tự do làm bất kỳ điều gì mình muốn. Nhưng việc nhờ cơ quan luật pháp xét xử một lạt-ma để đòi công bằng thế gian không liên quan đến Kim cương thừa.

Ở đây một lần nữa, xin hãy nhớ rằng nếu các bạn đã nhận một quán đánh từ một đạo sư trong tình thế bị động, và vì vậy mà không có thời gian để xem xét kỹ lưỡng ông ấy hoặc không chủ động đưa ra quyết định về việc bước chân vào con đường Kim cương thừa, thì không chỗ nào trong những bản văn Kim cương thừa nói rằng hiện tại các bạn phải tuân theo mọi sự hướng dẫn của ông ấy và xem ông ấy là người hoàn hảo. Không một chỗ nào!

Mục đích tối hậu của việc quét sạch mọi nhận thức bất tịnh là nhằm quét sạch tâm nhị nguyên của các bạn. Và như tất cả chúng ta đều biết, nếu nương bộ nhị nguyên một ly thì nó sẽ lấn đi cả dặm – trong trường hợp này không chỉ một dặm mà

càng lúc càng nhiều hơn. Hãy luôn nhớ rằng, mọi thứ các bạn nhận thức chính là sự phóng chiếu của riêng các bạn. Vấn đề bị lãng tránh là: khi nói đến việc xem xét hành vi của đạo sư để bênh vực hay phản đối ý kiến cho rằng ông ấy sai trái, thì các bạn nên tin vào quan điểm của ai?

Bất kỳ ai trong chúng ta tuyệt đối đừng bao giờ cố gắng thay đổi giáo lý cốt lõi của Kim cương thừa. Bằng cách thay đổi chỉ một từ, các bạn thực sự phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về con đường tâm linh và sự giác ngộ của *toàn thể hành giả tương lai*. Tôi là một trong những người không đủ can đảm để làm một việc như thế.

Trong hơn bốn mươi năm qua, tôi đã hòa mình và quan sát hàng ngàn đệ tử và hành giả Phật giáo Tây Tạng ở châu Âu, châu Úc, Nam Mỹ, Ca-na-đa, Bắc Mỹ, Xla-vo, và thậm chí Trung Đông. Chúng tôi đã uống trà và cà phê với nhau, tận hưởng những cuộc thảo luận sôi nổi và tham gia vào những cuộc tranh cãi kéo dài. Chúng tôi thậm chí còn hẹn hò. Tôi vẫn bị mê hoặc bởi nghệ thuật nhiếp ảnh và điện ảnh. Tôi cố gắng hết mình để đọc càng nhiều sách càng tốt – thế giới văn chương, lịch sử, khoa học, triết học thật tuyệt vời... Tôi thậm chí tìm hiểu vì sao Picasso lại được xem là người khổng lồ của mỹ thuật. Và càng khám phá về những con người sinh trưởng bên ngoài thế giới Phật giáo Tây Tạng-Bhutan của mình, tôi càng trở nên tò mò hơn.

Ngay bây giờ, mọi thứ có vẻ hơi nghiêm trọng đối với những hành giả mật thừa. Nhưng có lẽ chúng ta hơi quá khắt khe với chính mình. Những tai tiếng về những con người chúng ta quan tâm thật đau đớn và thất vọng, nhưng những cuộc thảo luận và phân giải mà những vụ tai tiếng như thế gây ra thì cực kỳ bổ ích, thậm chí rất cần thiết. Việc mở rộng tâm trí đón nhận nhiều quan điểm khác biệt và việc làm sáng tỏ

những hiểu lầm là cách chúng ta trưởng thành và phát triển, đây chính là những gì mà những hành giả mật thừa thời nay cần làm. Phật pháp, nhất là Kim cương thừa, vẫn còn mới mẻ với phương Tây. Việc kỳ vọng một truyền thống sâu xa như thể hòa nhập hoàn toàn vào rất nhiều nền văn hóa mới lạ chỉ trong vài thập kỷ thật không công bằng.

Nơi nào có con người, nơi đó luôn có mọi rắc rối, hiểu lầm, rủi ro, trục trặc, và tai tiếng. Không thể nào tránh khỏi chướng ngại. Và vì chướng ngại là đồ ăn và thức uống cho những hành giả mật thừa hiểu biết, nên giáo lý mật thừa chẳng những sẽ tồn tại trong thế giới suy đồi này, mà nó sẽ còn tiếp tục thịnh vượng nữa.

Bất chấp mọi tai tiếng, hiểu lầm, truyền thông sai lệch, thiếu thốn cơ sở vật chất và những sai lầm hiển nhiên đã xảy ra nhiều năm qua, tôi có thể nói rằng lợi ích tổng thể về mặt Phật pháp trong bảng quyết toán là khoảng 80%. Mức thành công cao này là kết quả của những ân phước vô cùng to lớn của truyền thống Kim cương thừa vô song, cũng như của những bậc thủ hộ dòng truyền thừa vĩ đại và chư vị hộ pháp. Và tôi không chút nghi ngờ là ân phước đó vẫn không ngừng rơi như mưa xuống toàn thể chúng sanh hữu tình khắp muôn nơi.

Chú thích

- 1 <https://tricycle.org/magazine/quit-guru-yoga/>
- 2 Tác phẩm *Đức Phật và quý ngài* của Charles Allen kể câu chuyện tái khám phá cuộc đời của đức Phật tại Ấn Độ trong thế kỷ 18 và 19.
- 3 Tuyển tập Thư từ của Carl Jung Tập 1, trang 538.
- 4 Kinh Lăng Nghiêm,
http://www.buddhasutra.com/files/Buddhist_Sutra_S.Pdf
- 5 <https://www.youtube.com/watch?v=3QFFfomC28s>
- 6 *Quyền lực thống trị: Sự hình thành tâm thức Tây phương*, trang 517
- 7a *Xã hội Ấn Độ, Thể chế và Thay đổi* của RK Sharma (1999), trang 28, 38-39
- 7b Bản dịch của Ban Dịch thuật Padmakara
- 8 *Niels Bohr: Con người, Khoa học, và Sự Thay đổi Thế giới* (1966) của Ruth Moore, trang 196.
- 9 Chuyển tự Wyl. *gnyis med*; tiếng Phạn *advaya*
- 10 Chuyển tự Wyl. *mi chad pa*
- 11 Tiếng Phạn *neyārtha*; tiếng Pali *neyyattha*; Wyl. *drang don* nghĩa đen là yêu cầu bộc lộ; giáo lý ẩn ý và gián tiếp. Theo cuốn Định nghĩa Từ điển Oxford định nghĩa ‘thiết thực’ là “một cách để đạt mục đích, nhất là nó tiện lợi nhưng có thể không phù hợp hoặc vô đạo đức.”
- 12 Tiếng Phạn *nītārtha*; tiếng Pali *nītattha*; Wyl. *nges don*
- 13 Bài kệ này xuất hiện trong một số kinh văn bao gồm *Kinh Pratimoksa*, *Kinh Biệt Giải Thoát*, và *phẩm XIV Phật-đà* của *Kinh Pháp Cú*, bài kệ 183.
- 14 Ở Ấn Độ, người bị hoạn, người liên giới tính và người chuyển giới thường được gọi là ‘hijra’, dù các thành viên của cộng đồng hijra thường thích gọi họ là Kinnar hoặc Kinner hơn, theo tên các sinh vật thần thoại có tài năng thiên bẩm phi thường về ca và múa.
- 15 *Pramāna* là một thuật ngữ tiếng Phạn, nghĩa chính và cách dịch phổ biến nhất của nó là ‘nhận thức hợp lý’, muốn nói đến sự hiểu biết đúng về một đối tượng cụ thể. Thuật ngữ cũng được sử dụng để nói đến phần cốt lõi của giáo lý Phật giáo về nhận thức luận (khoa học về nhận thức, tức cách thức chúng ta nhận biết sự vật) và bản thể học (nghiên cứu bản chất của sự tồn tại), vì trong Phật giáo hai môn này liên hệ chặt chẽ với nhau. Các bậc tiên phong về các giáo lý này là các đạo sư Ấn Độ Dignana và

Dharmakirti. Pramana được dạy trong tất cả các học viện vì nó là cơ sở cho sự tranh luận, một công cụ học tập quan trọng trong các trường đại học Phật giáo truyền thống. Trong bối cảnh này, thuật ngữ thỉnh thoảng được dịch là ‘luận lý học Phật giáo’.

Nguồn: www.rigpawiki.org

16 Tiếng Phạn là *tathāgatagarbha*

17 Từ *Tâm Kinh*

18 Chuyển tự Wyl. *ye shes 'chol ba*

19 <https://secularbuddhistnetwork.org/coming-out-as-a-secular-buddhist/>

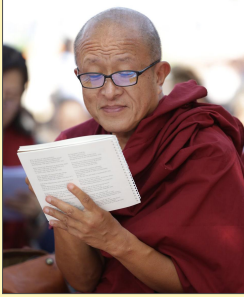
20 Bốn loại đạo sư hoặc Lạt-ma là: 1. Đạo sư con người là người nắm giữ dòng truyền thừa; 2. Đạo sư là lời dạy của chư Phật; 3. Đạo sư biểu tượng là toàn thể hiện tượng; 4. Đạo sư tuyệt đối là giác tánh nguyên sơ (rigpa), chân tánh của tâm. Nguồn: *rigpawiki*

21 *Lời Vàng Thầy Tôi* của Rinpoche Patrul, bản dịch của Ban Dịch thuật Padmakara, trang 143.

22 Chuyện này có trong *Trưởng lão Ni kệ (Therigatha)* thuộc *Tạng Kinh*.



Rinpoche Dzongsar Jamyang Khyentse



Rinpoche Khyentse sinh năm 1961 trong một gia đình được ông mô tả là ‘gia đình Phật tử thuần thành’ tại Bhutan, một ‘quốc gia trung thành với Phật giáo.’ Năm lên bảy tuổi, ông được công nhận bởi Trưởng dòng Sakya Trizin là tái sinh chính của ngài Dzongsar Jamyang Khyentse Chökyi Lodrö vô song, người thừa kế tâm linh của một trong các hóa thân của đức Văn Thù được ngưỡng mộ và có ảnh hưởng nhất của thế kỷ 19, ngài Jamyang Khyentse Wangpo.

Sau khi tiếp thu nền giáo dục Phật giáo truyền thống sâu rộng, Rinpoche cho rằng bất kỳ sự hiểu biết nào ông có về triết lý và lý luận Phật giáo là nhờ những năm tháng ông học tập tại Phật học viện Sakya ở Ấn Độ. Ông cũng nhận được sự hướng dẫn thực hành toàn diện từ nhiều đạo sư của mọi trường phái – là những vị thuộc thế hệ cuối cùng được đào tạo tại Tây Tạng; người thầy chính của ông, đạo sư ‘ngự trên đầu tôi,’ là Rinpoche Trưởng dòng Dilgo Khyentse huyền thoại thời nay.

Rinpoche cũng là tác giả của một số cuốn sách đã được dịch ra nhiều thứ tiếng; chẳng hạn ‘Thế nào là Phật tử’ (2006), ‘Không vì Hạnh Phúc’ (2012) và ‘Đạo sư uống rượu’ (2016). Ông cũng được biết đến bên ngoài thế giới Phật giáo qua những phim truyện ông viết kịch bản và đạo diễn, ‘Chiếc Cúp’ (1999), ‘Lữ khách và Pháp sư’ (2004), ‘Vara: một ân huệ’ (2012) và ‘Tìm kiếm Quý bà có răng nanh và ria mép’ (2019).

(Trích từ <https://siddharthasintent.org/about-us-2/spiritual-director/>)

